

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

GIẢNG GIẢI LIỄU PHÀM TỨ HUẤN

(Giảng tại Thẩm Quyển - Trung Quốc ngày 16/04/2001)

Chủ giảng: Hòa thượng Tịnh Không

Biên tập và hiệu đính: Vô Danh cư sĩ

Tập I

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Phật Lịch 2561 - Dương Lịch 2017

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	21
KHÁI QUÁT VỀ	27
LÃO PHÁP SƯ THƯỢNG TỊNH HẠ KHÔNG	27
PHẦN THỨ NHẤT	33
CHÁNH VĂN LIỄU PHẠM TỨ HUẤN.....	33
CHƯƠNG I.....	35
ĐẠO LÝ VẬN MỆNH.....	35
Mục A: LUÂN VỀ LẬP VẬN MỆNH.....	35
Tiết 1: Năm 15 tuổi gặp Không Tiên Sinh đoán định mệnh.....	35
Tiết 2: Trãi 20 năm tất cả đoán mệnh đều đúng	37
Mục B: VÂN CỐC THIỀN SƯ KHAI THỊ VỀ CẢI VẬN MỆNH.....	38
Tiết 1: Năm 35 tuổi - Gặp thiền sư Vân Cốc khai thị.....	38
Tiết 2: Tại sao phạm phu bị vận mạng câu thúc?	38
Tiết 3: Nguyên lý cải tạo vận mạng.....	39
1. Liễu Phạm tiên sinh phản tỉnh lỗi lầm	40
2. Vân cốc khai thị: Làm lành được phước, làm ác gặp họa.....	41
Mục C: TU PHÚC TÍCH ĐỨC THẮNG SỐ.....	43
Tiết 1: Phát lồ sám hối những tội lỗi cũ	43
Tiết 2: Phương pháp tu tập	43
1. Đoạn ác tu thiện	43
2. Thanh tịnh tâm ý	43
3. Vì sao phải thanh tịnh tâm ý	44
Tiết 3: Quá trình tu tập của Ngài Viên Liễu Phàm.....	45
Mục D: DẠY CON BIẾT SỬA LỖI, TU PHÚC, TÍCH ĐỨC.....	48
Tiết 1: Số mệnh con người có thể thay đổi.....	48
Tiết 2: Dạy con tự cải mệnh	48
Tiết 3: Khẳng định thuyết lập mệnh này là nhất.....	49
CHƯƠNG II.....	49
PHƯƠNG PHÁP SỬA LỖI.....	49
Mục A: CÁI NHÂN CỦA VIỆC SỬA LỖI	49

Tiết 1: Cát hung, họa phước đều có điềm báo trước	49
Tiết 2. Cách quán sát phước họa	50
Mục B: NỀN TẢNG CỦA VIỆC SỬA LỖI.....	50
Tiết 1: Muốn tránh họa trước phải sửa lỗi	50
Tiết 2: Nền tảng sửa lỗi phải phát ba loại tâm.....	50
Mục C: PHƯƠNG PHÁP SỬA LỖI.....	52
Tiết 1: Từ trên sự mà sửa.....	52
Tiết 2: Từ trên “lý” mà sửa.....	52
Tiết 3: Từ tâm mà sửa.....	54
Tiết 4: Sửa lỗi thế nào hiệu quả nhất	54
Mục D: HIỆU NGHIỆM CỦA VIỆC SỬA LỖI	54
* Hiện tượng khi tội nghiệp bắt đầu tiêu trừ	55
CHƯƠNG III	57
PHƯƠNG PHÁP TÍCH THIỆN	57
Mục A: MỘT NHÀ TÍCH THIỆN HẸN NHIỀU NIỀM VUI	57
* Mười ví dụ về người xưa làm thiện được phước	57
Mục B: THẾ NÀO LÀ THIỆN?	64
Tiết 1: Bàn luận rõ ràng về thiện	64
Tiết 2. Tùy duyên tu 10 điều thiện.....	73
CHƯƠNG IV	81
GIỮ HẠNH KHIÊM CUNG	81
Mục A: MẶN CÓ HẠI, KHIÊM LỢI ÍCH.....	81
Tiết 1: Quy luật của tự nhiên.....	81
Tiết 2: 5 ví dụ về khiêm hạ đều đỗ đạt	81
Mục B: KHIÊM TỐN, NHÚN NHƯỜNG LÀ GỐC PHÚC.....	85
Tiết 1: Khiêm là gốc phúc	85
Tiết 2: Hành thiện phải phổ biến rộng rãi cho người cùng theo....	86
PHẦN THỨ HAI	87
GIẢNG GIẢI LIỄU PHẠM TỨ HUẤN	87
CHƯƠNG I.....	89
ĐẠO LÝ VẬN MỆNH	89
(VCD 01)	89
Mục A: LUẬN VỀ LẬP VẬN MỆNH	91

Tiết 1: Năm 15 tuổi gặp Không Tiên Sinh đoán định mệnh.....	91
Tiết 2: Trải 20 năm tất cả đoán mệnh đều đúng	103
Mục B: VÂN CỐC THIỀN SƯ KHAI THỊ VỀ CẢI VẬN MỆNH	109
Tiết 1: Năm 35 tuổi - Gặp thiền sư Vân Cốc khai thị.....	109
1. “Phàm phu tiêu chuẩn” là gì? Chẳng ác, chẳng thiện	113
2. Người bị số mạng chi phối là người còn vọng niệm.....	113
3. Người thoát khỏi vận mạng là không còn vọng niệm.....	114
4. Liễu Phàm cải mạng, nhưng không thoát vận mạng.....	114
Vì sao Liễu Phàm cải được mạng? Vì biết trước	115
5. Vì sao phàm phu không cải được mạng? Vì không biết.....	115
Thứ nhất: Phàm phu bất tri, bất giác tạo nghiệp	115
Thứ hai: Phàm phu chịu ảnh hưởng lớn từ hoàn cảnh	116
Một là: Hoàn cảnh xưa dễ thành tựu	116
Hai là: Hoàn cảnh nay khó thành tựu	117
□ Vậy ngày nay muốn thành tựu nhờ gì?	118
- Bạn có thiện căn:.....	119
- Bạn có phước đức:	119
6. Thế nào là người hào kiệt? Làm được điều người khác không làm được	121
7. Thế nào là thiện căn, phước đức, nhân duyên?.....	121
(VCD 02)	122
Tiết 2: Tại sao phàm phu bị vận mạng câu thúc?	123
1. Bị vận mạng câu thúc là do còn vọng niệm	123
2. Vọng niệm tạo nên vũ trụ nhân sanh	125
Thứ nhất: Lục đạo chúng sanh không thoát khỏi số mạng...125	
Thứ hai: Chân tướng vũ trụ thế nào?.....	125
Một là: Vô lượng vô biên không gian duy thứ	125
Hai là: Đột phá không gian duy thứ thấy quá khứ vị lai...125	
Ba là: Làm sao đột phá không gian duy thứ? Thiền định.126	
Bốn là: Không gian duy thứ từ đâu mà có? Vọng niệm ...127	
Năm là: Tự ta có vọng niệm nên mệnh do ta tự tạo	128
Thứ ba: Chân tướng nhân sanh thế nào?	129
Một là: Thân này không phải là ta.....	129

Hai là: Triết học phương tây: “Tôi tư duy tôi tồn tại”	129
Ba là: Phật giáo: Nhất chân pháp giới là ta (thật ngã)	130
3. Ai có thể thoát ra khỏi số mệnh?	130
Thứ nhất: Là người chứng ngộ - Người không còn vọng niệm	130
Một là: Giải ngộ là gì? Tin sâu không nghi	131
Hai là: Chứng ngộ là gì? Nâng cao cảnh giới – Thoát khỏi vận mệnh	131
“Sát na” tính thể nào?	132
Thứ hai: Bồ tát Bát địa trở lên thấu suốt vụ trụ nhân sanh	132
Tiết 3: Nguyên lý cải tạo vận mạng	133
1. “Mệnh do ta tạo”	133
2. Phước tự mình cầu?	133
□ Hòa thượng tự cầu phước ra sao?	134
3. Muốn cải mệnh ngay trong đời này phải làm sao?	137
Thứ nhất: Đoạn tất cả ác	137
Thứ hai: Tu tất cả thiện - Khởi tâm động niệm đều nghĩ cho người	138
Thứ ba: Chuyển mệnh còn phải thực hiện được như sau	138
Một là: Phải có tâm nhẫn nại	138
Hai là: Chuyển mệnh muốn thuận lợi phải có thầy ở bên	139
Ba là: Phải nỗ lực thực hành	139
Bốn là: Chân thành ngay trong nghịch cảnh, ác duyên	140
□ Với ác duyên phải chân thành	140
□ Với thuận cảnh, nghịch cảnh phải thanh tịnh	141
□ Dần dần tâm từ bi sanh khởi	141
- Từ bi với cả muỗi gián côn trùng	141
- Từ bi với cả thực vật, cỏ cây	143
4. Phạm phu chúng ta không thể vô cầu	144
Thứ nhất: Cầu không được là do đâu? Do nghiệp chướng	144
Thứ hai: Làm thế nào để tiêu trừ nghiệp chướng? Sám hối	145
Một là: Lần sau không phạm nữa	145
Hai là: Phải thực làm	146
Ba là: Phải có tâm nhẫn nại đoạn trừ tập khí của mình	147
Bốn là: Nếu ít thời gian phải quyết tâm, cố nghị lực	148

(VCD 03)	148
Thứ ba: Cách cầu phước điền.....	150
Một là: Tất cả phước điền đều xuất phát từ tâm.....	150
Hai là: Muốn cầu được, phải “thông”.....	151
Ba là: Muốn “thông” phải “Chân thành”.....	151
☐ “Chân thành” là gì? Chân tâm	152
☐ Cầu từ chân tâm “trong, ngoài” đều được	154
☐ Cầu từ bên ngoài “trong, ngoài” đều mất	155
Tiết 4: Phương pháp cải tạo vận mệnh	156
1. Biết lỗi thực sự phản tỉnh.....	156
Thứ nhất: Viên Liễu Phàm phản tỉnh	156
Một là: Vì sao không thể có khoa bảng?	159
☐ “Không nhẫn chịu được những sự phiền toái khổ nhọc”	160
☐ “Không biết bao dung người khác”	160
☐ “Thường cậy tài năng chèn ép người khác”.....	160
☐ “Nghĩ gì liền làm nấy”	160
☐ “Không thận trọng lời nói, hay luận bàn những chuyện vô bổ”	160
Hai là: Vì sao không thể có con trai?.....	161
☐ Quá cẩn thận sạch sẽ.....	161
☐ Hay nóng nảy, sân hận.....	162
☐ Không có tâm yêu thương.....	163
☐ Nhiều lời, thích moi móc người.....	163
☐ Uống rượu nhiều	164
☐ Ngồi suốt đêm không ngủ.....	164
- Có nên “bắt đạo đơn”?	165
- Ngủ nghỉ có thể đoạn không?	166
☐ Còn nhiều thói xấu khác	167
Thứ hai: Vân Cốc khai thị thêm	167
Một là: Vì sao có giàu nghèo?	167
☐ Giàu nghèo là do tu tích phước từ trước	168
☐ Trời không ban phước, chẳng giáng họa ai	168
Hai là: Vì sao không con nối dõi?	169
☐ Tích đức nhiều, hưởng nhiều; tích ít hưởng ít	170

- “Tích công đức trăm đời”	170
- “Tích công đức mười đời”	171
- Tích đức ít đời hưởng ít đời	171
□ Không tích không hưởng	171
2. Nguyên tắc tu học	172
Thứ nhất: Triệt để sửa lỗi (Không tạo ác mới).....	173
Thứ hai: Tu thiện tích lũy công đức (Siêng làm thiện mới).173	
□ “Nhất định phải tích đức”	173
□ “Nhất định phải bao dung rộng lượng với người”.....	173
□ “Nhất định phải hòa nhã thương yêu kẻ khác”	174
□ “Nhất định phải biết tôn dưỡng nguyên khí tinh thần” 174	
Thứ ba: Lỗi lầm trước xóa, làm lại từ đầu	175
Bước 1: Phát nguyện vì chúng sanh	175
Bước 2: Thành tựu đức hạnh, học vấn.....	176
(VCD 04)	177
Bước 3: Nguyện lực lớn hơn nghiệp lực là thành tựu	178
Thứ tư: Làm sao tìm phước, tránh họa?	179
Một là: Muốn tránh họa, không tạo ác nghiệp nữa?	179
Hai là: Muốn cầu phước, việc làm phải hợp với ý trời.....	181
□ “Đại công vô tư” là hợp ý trời	182
□ Nỗ lực tích âm đức.....	183
□ Cái gì gọi là “Âm đức” ?	184
□ Phước, họa đều do tự mình làm	185
Mục C: QUÁ TRÌNH TU TẬP CỦA VIÊN LIỄU PHẠM	189
Tiết 1: Mục tiêu học Phật là gì? Nâng cao cảnh giới, đức hạnh..	190
1. Tích công lũy đức là nhân, quả báo sẽ thù thắng.....	190
2. Quan sát quả báo sẽ sinh tâm hoan hỷ,	190
3. Tâm không phiền não - Đời sống được đại tự tại	190
Tiết 2: Viên Liễu Phàm phát lồ sám hối những tội lỗi cũ	192
Tiết 3: Quá trình tu tập của Ngài Viên Liễu Phàm	192
1. Giai đoạn 1: Thời gian hơn 10 năm – Cầu thi cử đỗ đạt.....	192
Thứ nhất: Phát nguyện làm 3000 điều thiện	192
Thứ hai: Về sự - Kiểm điểm hàng ngày bằng “Công quá cách”	
.....	193

Thứ ba: Về lý - Điều phục tâm bằng chú Chuẩn Đề	195
Một là: Vọng niệm làm tiêu hao năng lượng cơ thể	195
□ Thân thể khỏe mạnh nhất là không cần ăn	196
Hai là: Điều phục tâm có nhiều cách	197
□ Vẽ bùa linh vì gì? Lúc vẽ không khởi động niệm	197
□ Trì chú linh là vì gì? Không xen tạp vọng niệm	199
□ Niệm A DI ĐÀ Phật linh cũng là vì không xen tạp	200
□ Có thể cải mệnh được cũng là vì tâm không động niệm	201
Thứ tư: Bàn về lập mệnh – “Bất nhị pháp môn”	202
Một là: Bàn về “giàu, nghèo” không hai	204
Hai là: Bàn về “quý, tiện” (sang, hèn) không hai	205
□ Nên lập mệnh như thế nào?	206
Ba là: Bàn về “yếu, thọ” không hai	206
Bốn là: Lợi người lợi mình, hại người hại mình không hai	207
□ Viết sách không nên giữ bản quyền	208
Năm là: Mọi việc Thuận Nghịch, Thiện Ác đều không hai	209
(VCD 05)	211
Thứ năm: Tu thân phải biết chờ đợi	212
Một là: Từng giây từng phút tu dưỡng đức hạnh	212
Hai là: Không một niệm mong cầu	213
Thứ sáu: Đạt tới vô niệm là thành tựu, cầu gì được nấy	213
Một là: Tất cả phương pháp tu đều để đạt “vô niệm”	214
□ Tham thiền, trì chú, niệm Phật đều để diệt vọng niệm	215
□ Niệm Phật là phương pháp tốt nhất	215
Bước 1: Ban đầu niệm Phật nhớ số	215
Bước 2: Công phu thuần熟 không cần nhớ số	216
Bước 3: Niệm mà không niệm	216
Hai là: Kết quả - Có cảm ứng; Trí tuệ hiện tiền	217
Thứ bảy: Kết quả tu tập của Viên Liễu Phàm	217
Một là: Biểu hiện của công phu bắt đầu đắc lực	219

□ Suốt ngày thường đề cao cảnh giác	219
□ Nơm nớp sợ khởi niệm ác, lời ác, hành ác.....	219
□ Thường sợ đắc tội với thiên địa quỷ thần	220
- Thiên địa quỷ thần có hay không?	220
- Đột phá không gian duy thứ có thể thấy quỷ thần?	221
- Làm thế nào đột phá không gian duy thứ? Tâm thanh tịnh.....	221
Hai là: Kết quả của công phu đã đắc lực	222
- Bị người hủy báng vẫn điềm nhiên	222
- Một năm sau bắt đầu đổi mạng	223
Ba là: Công phu thoái chuyển - Thời gian 10 năm.....	224
□ Sau đó công phu bị thoái chuyển dần	224
□ Viên Liễu Phàm tự phản tỉnh lỗi vì sao thoái?	225
□ “Hoặc thấy việc thiện mà làm không mạnh dạn làm ngay”	226
□ “Hoặc muốn cứu giúp người nhưng trong tâm thường nghi ngại”	226
□ “Hoặc thân miễn cưỡng làm điều thiện, mà miệng còn nói lỗi người”	226
□ “Hoặc lúc tỉnh thì hăng hái, nhưng khi uống rượu say lại phóng túng”	226
Bốn là: Kết quả 10 năm mới làm xong 3000 điều thiện...227	
□ Trung bình 1 ngày làm được gần 1 điều thiện	227
□ Nếu bạn 1 ngày làm 1 điều thiện là bạn hơn Liễu Phàm	227
2. Giai đoạn 2: Thời gian 4 năm – Cầu con trai.....	228
Thứ nhất: Phát nguyện lần 2 làm 3000 điều thiện nữa.....	228
Một là: Đến năm thứ hai sinh con trai	229
Hai là: Mỗi ngày làm hơn 10 việc thiện	229
□ “Hoặc bố thí thức ăn cho người nghèo”	230
□ “Hoặc mua vật phóng sinh”	230
Thứ hai: Bốn năm hoàn thành 3000 điều thiện	231
3. Giai đoạn 3: Thời gian 11 năm – Cầu đỗ tiến sĩ	231
Thứ nhất: Phát nguyện làm 10.000 điều thiện	232
Một là: Bốn năm sau đỗ tiến sĩ	232

Hai là: Được bỏ làm quan.....	232
Thứ hai: Tiếp tục tu thiện khi làm quan	233
Một là: Làm quan môi trường sinh hoạt ngăn cách với dân nên khó làm thiện	235
Hai là: Nhưng “cửa quan” chính sách tác động đến dân trăm họ nên dễ làm thiện.....	236
□ Miễn thuế cho dân là đủ cả 10.000 điều thiện	236
Ba là: Vì sao một việc giảm thuế lại được thiện lớn vậy ?	238
□ Về lý - Thiện lớn, hay nhỏ phụ thuộc vào tâm lượng	238
- Tâm lượng lớn, thiện nhỏ thành lớn	238
- Tâm lượng nhỏ, thiện lớn thành nhỏ.....	239
□ Về sự - Nhiều người được hưởng là thiện lớn	240
- Ngày xưa làm quan dễ tu thiện nhất	240
- Làm quan cũng dễ tạo ác	240
Hiện nay truyền thông dễ tu thiện và dễ tạo ác	241
Thứ ba: Kết quả của việc tu thiện	242
Mục D: DẠY CON BIẾT SỬA LỖI, TU PHÚC, TÍCH ĐỨC.....	243
Tiết 1: Số mệnh con người có thể thay đổi.....	243
1. Thay đổi được vận mệnh là hào kiệt.....	244
2. Buông theo số mệnh là phạm phu.....	244
3. Tiếp nhận giáo huấn thánh hiền có thể cải mệnh.....	245
(VCD 06)	245
Tiết 2: Dạy con tự cải mệnh	245
1. Phải khiêm hạ.....	246
Thứ nhất: Phú quý vinh hiển không đắc ý	246
Thứ hai: Làm việc thuận lợi không được vừa lòng.....	246
2. Phải suy nghĩ đúng đắn.....	247
Thứ nhất: “Nhìn xa phải nghĩ đến xiển dương đức hạnh tổ tiên”	248
Thứ hai: “Nhìn gần phải nghĩ đến che giấu lỗi lầm cha mẹ”	249
Một là: Không nói lỗi người trong nhà ra ngoài.....	249

Hai là: Nhưng trong nhà phải nhắc người thân khi có lỗi	249
Nguyên tắc “Ăn ác dương thiện”	249
Ba là: Ngày nay xã hội tại sao động loạn? Vì ăn thiện, dương ác	250
Thứ ba: “Nhìn trên phải nghĩ đến đền ơn tổ quốc”	251
Một là: “Tứ trọng ân” là gì?	251
Hai là: Làm thế nào để báo ân? Hy sinh phụng hiến	251
Thứ tư: “Dưới phải tạo phúc cho gia đình	252
Một là: Gia đình muốn có phúc phải sống theo trật tự	252
□ Trật tự là gì? Sống theo “luân lý” - là trật tự tự nhiên	252
□ Luân lý là gì ? Tiêu chuẩn là “thập Nghĩa”	252
Hai là: Những gì thánh hiền dạy là trật tự thiên nhiên, là đạo tự nhiên	253
Thứ năm: “Đối ngoại phải nghĩ đến giúp người lúc cần”	254
Một là: Phải nghĩ đến giúp người nghèo khổ	254
Hai là: Muốn giúp người phải tiết kiệm	254
Thứ sáu: “Đối nội phải nghĩ đến ngăn chặn ý nghĩ tà xấu của chính mình”	254
Một là: Chế độ quân chủ khác dân chủ thế nào?	255
□ Quân chủ: Vua phải có trách nhiệm giáo dục người kế vị đời sau	255
□ Dân chủ: Người lãnh đạo đất nước không chịu trách nhiệm cho đời sau	256
Hai là: Ngăn chặn “tà tri tà kiến” xâm nhập vào xã hội	257
3. Ngày ngày biết lỗi sửa lỗi	258
Thứ nhất: Khai ngộ là biết lỗi, tu hành là sửa lỗi	259
Thứ hai: Công khóa sớm tối để làm gì?	260
Một là: Sáng đề tỉnh bản thân	260
Hai là: Tội phản tỉnh lỗi lầm trong ngày để mai sửa	260
Thứ ba: Một ngày không thấy lỗi của mình - đây là lỗi lớn	261
Thứ tư: Vì sao nhiều người thông minh, nhưng đức không mở rộng?	261
Vì làm chiếu lệ, chẳng chịu cải sửa	262
Tiết 3: Khẳng định thuyết lập mệnh này là nhất	262

CHƯƠNG II.....	265
PHƯƠNG PHÁP SỬA LỖI.....	265
☐ Muốn chuyển mệnh phải từ sửa sai mà hạ thủ công phu.....	265
☐ Sai sót nhỏ cũng phải sửa	265
☐ Không làm chiếu lệ là bỏ qua lỗi lầm nhỏ	265
Mục A: CÁI NHÂN CỦA VIỆC SỬA LỖI	265
Tiết 1: Cát hung, họa phước xảy ra đều có điềm báo trước.....	266
1. Có người chỉ cần nhìn người là có thể biết họa phước	267
2. Biểu hiện điềm báo như thế nào?.....	267
Thứ nhất: Nguyên tắc - Từ nội tâm rồi biểu hiện ra hành vi.....	268
Thứ hai: Người thiện, luôn nghĩ cho người ắt có phước	269
Thứ ba: Người tổn người lợi mình tương lai gặp họa	269
3. Làm sao để có năng lực quán sát này? Chí thành	271
Tiết 2. Cách quán sát phước họa	271
1. Đối với cá nhân – Xem tâm họ thiện hay ác	271
2. Đối với xã hội	272
3. Đối với bản thân.....	272
Mục B: NỀN TẢNG CỦA VIỆC SỬA LỖI.....	273
Tiết 1: Muốn tránh họa trước phải sửa lỗi	273
(VCD 07)	274
Tiết 2: Nền tảng sửa lỗi phải phát ba loại tâm.....	274
1. Phải phát tâm hổ thẹn.....	275
Thứ nhất: Người biết hổ thẹn quyết không khởi ác niệm	275
Thường nghĩ đại thánh, hiền xưa.....	275
Thứ hai: Vì sao ta không thể thành thánh, thành hiền?	276
Một là: Say đắm trần tình	276
☐ Nhất định phải có “lễ tiết”	277
- Vợ chồng phải có tiết độ	277
- Tiết độ ăn uống, và cẩn trọng lời nói	278
☐ Muốn khỏe mạnh phải làm gì?	281
- Thanh tịnh tâm và chế độ ăn uống đúng pháp	281
Hai là: Làm việc bất nghĩa.....	282
☐ Tưởng không ai biết.....	282
☐ Không biết xấu hổ.....	282

□ Đọa lạc tam đồ	283
Thứ ba: Điều kiện để có thân người	283
Một là: Thực hành Ngũ giới, Thập thiện	283
Hai là: Thực hành Ngũ luân, Thập nghĩa	283
Thứ tư: Muốn sửa lỗi quan trọng nhất là phải biết xấu hổ ...	284
Một là: Tại sao học Phật?	285
□ Hy sinh phụng hiến vì chúng sanh	285
□ Học làm người minh bạch – Để nâng cao cảnh giới	285
□ Dùng thân thể vì đại chúng làm mô phạm	285
Hai là: Xấu hổ là bí quyết để sửa lỗi	286
□ Con người chỉ khác con vật ở lòng xấu hổ	286
□ Xã hội cần đề xướng tri sĩ sẽ không có xấu ác	286
2. Phải phát tâm kính, sợ (úy kính tâm)	287
Thứ nhất: Với cha mẹ, thầy cô, trưởng bối phải kính sợ	288
Một là: Ngày nay người biết xấu hổ, biết kính sợ rất ít	288
Hai là: Phải giáo dục dân chúng	289
□ Giáo dục quan trọng hàng đầu	289
□ Giáo hóa dân bằng “Lễ, Nhạc”	289
Thứ hai: Đối với quý thần phải kính sợ	291
Một là: Thiên địa quỷ thần chắc chắn có	291
Hai là: Lỗi không ai biết, nhưng thiên địa quỷ thần biết	295
□ “Tội nặng ắt sẽ giáng trăm điều tai ương”	295
□ “Lỗi nhẹ ắt sẽ giảm phúc hiện tiền”	295
Ba là: Khởi tâm động niệm một mình, quỷ thần đều biết	296
Thứ ba: Thái độ trước các việc thiện ác	297
Một là: Ta làm thiện	297
□ Nên dấu để tích âm đức	297
□ Người khen ta đúng thì càng phải khiêm tốn	297
□ Người khen ta quá mức thì sao?	298
- Sám hối với họ ta không được vậy	298
- nỗ lực làm để không phụ lòng tán thán của họ	298
Hai là: Ta làm ác, cần hy vọng người biết	298
□ Người tri chích ta là tiêu nghiệp cho ta	298
□ Có thì sửa, không có thì tránh để thành tựu đức hạnh bản thân	299

Ba là: Người làm ác, ta quyết không để trong tâm?	299
(VCD 08)	300
Bốn là: Phải sám hối những việc ác mình đã làm	301
☐ Còn một hơi thở còn có thể sám hối	301
☐ Chỉ cần 1 niệm giác, 1 niệm chân trí tuệ có thể sám hối	303
- Vì sao không thể giác? Vì mê muội quá lâu	303
☐ Khi hơi thở dứt thì không thể sám hối	304
- Về dương thế: tiếng xấu đã mang không thể sửa	305
- Dưới cõi âm: trăm ngàn kiếp đọa lạc, không thể cứu	305
- Địa ngục là vô cùng đáng sợ	306
- Chúng sanh dù ở địa ngục Phật Bồ tát vẫn hết lòng cứu	310
3. Phải phát tâm dừng tâm.....	311
Thứ nhất: Đa số thoái chuyển vì qua loa, đại khái, không sửa	311
Thứ hai: Cái gì gọi là “dừng mãin”?	312
☐ Không hề nghi ngờ ngay	312
☐ Dứt khoát làm ngay tức khắc, không chần chừ do dự	313
Mục C: PHƯƠNG PHÁP SỬA LỖI.....	314
Tiết 1: Phương pháp từ trên «sự» mà sửa.....	314
1. Dùng giới để ngăn ngừa “sự”	315
2. Dùng «SỰ» chỉ kiềm chế được bên ngoài vì gốc vẫn còn...316	
3. Diệt được bên đông, lại mọc bên tây nên thường hay phạm giới	317
Tiết 2: Phương pháp từ trên “lý” mà sửa.....	317
1. Trước phải hiểu rõ đạo lý.....	318
Thứ nhất: Ví dụ về giới sát sinh	318
Một là: Động vật giống ta đều yêu tiếc thân mạng.....	318
Hai là: Đặt mình vào tình trạng con vật thống khổ khi bị giết	319
☐ Ví dụ của gia đình Hòa Thượng về việc sát sinh.....	320

Ba là: Thịt sau khi nuốt trôi xuống cổ cũng bằng không..	321
Bốn là: Tiết chế ăn uống khỏe mạnh, trường thọ	322
☐ Ăn chay	322
- Thế nào là “Vệ sinh”? Là bảo vệ tính tình tốt.....	324
- Thế nào là “Vệ tánh”, “Vệ tâm”? Là bảo vệ tâm từ bi, thiện lương	324
☐ Về giới năm loại rau không ăn.....	324
☐ Về giới cấm uống rượu	325
☐ Giới luật là sống động, không khô cứng.....	326
Năm là: Dưỡng tâm, dưỡng tánh, dưỡng sinh	327
Sáu là: Ăn rau, dưa cũng no	328
(VCD 09)	328
Bảy là: Động vật đều có “linh tri”, đều cùng thể với ta....	328
☐ Hư không pháp giới là chính mình	329
☐ “Linh tri” có tướng chẳng?	331
☐ Động vật nhỏ bé cũng có cảm ứng	333
- Làm thế nào để biết mình tu đã đủ đức hạnh hay chưa?	334
☐ Thực vật cỏ cây hoa lá đều có cảm ứng.....	334
Tám là: Vì sao lại sát hại sinh mạng, ăn thịt chúng?	336
☐ Sát sinh là kết oán thù với những động vật này	336
☐ Chương ngại của hành giả đều từ sát sinh mà kết oán	336
Thứ hai: Ví dụ về nổi tâm sân hận	337
Một là: Vì sao ta nổi giận? Vì người đắc tội với ta	337
Hai là: Vì sao người đắc tội với ta?	337
☐ Vì họ không hiểu nên mới hiểu lầm ta:	338
☐ Vì chính ta cũng có điều không phải	338
☐ Vì họ không có người dạy – Không nên trách cứ họ	338
☐ Hoặc có được dạy nhưng dạy chưa thật tốt	339
☐ Vì hoàn cảnh bên ngoài quá nhiễu ô.....	339
Ba là: Làm thế nào để thay đổi họ?	340
☐ Dùng tâm chân thành để cảm động họ.....	340

□ Muốn hóa độ người trước hết phải tự độ được mình	
340	
Bốn là: Hào kiệt không có ai tự cho mình không có lỗi...	341
Năm là: Cũng không có học vấn nào dạy thù oán người..	342
Sáu là: Làm không được do ta tu đức chưa đến nơi chốn	343
Bảy là: Dùng tu đức để giảm thiểu thiên tai họa hại	344
□ Xã hội ngày nay đều dự đoán tai họa sẽ xảy ra	344
□ Làm sao vượt qua thảm họa này? Tu đường đạo đức	
.....	344
Tám là: Trường hợp bị người phỉ báng thì sao?	345
1- Là cơ hội để đã được mài dũa thành ngọc	345
2- Quá trình “đã được mài dũa thành ngọc”	346
Bước 1: Không oán hận.....	346
Bước 2: Dùng tâm chân thành để cảm động họ	347
o Tha thứ	347
o Xem như việc này chưa từng xảy ra	347
o Duy trì lòng yêu thương, dù là người ác.....	348
Bước 3: Trải nghiệm công phu mình đến đâu.....	349
o Bị hủy báng vui vẻ đón nhận, nổi giận làm chi ...	349
o Có tâm báo thù là hại mình, hại người	350
3- Không nổi giận thì sự phỉ báng cũng sẽ tự hết	350
4 - Làm thế nào để không nổi giận? Xem như họ mắng	
người khác.....	352
Chín là: Người đánh mình mình không đáp trả.....	352
Mười là: Nghe lời dèm pha cũng không biện minh.....	353
(VCD 10)	353
□ Biện hộ là tự trói buộc mình	353
□ Tức giận tổn hại sức khỏe	354
□ Không thể vừa lòng tất cả mọi người	354
□ Phật còn bị người hủy báng huống hồ ta	354
Mười một là: Cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn là làm sao không	
nổi giận	356
□ Với mình - Nhẫn chịu định huệ tăng trưởng.....	356
□ Với người – nhẫn chịu sẽ không kết oán	356

- ☐ Lúc ban đầu phải hết sức nhẫn, sau sẽ tự nhiên.....357
- 2. Gặp lỗi lầm phải bình tĩnh sáng suốt để thấy lý của nó357
- 3. Lý rõ thì việc làm lỗi tự hết357
- Tiết 3: Phương pháp từ tâm mà sửa.....358
 - 1. Khởi tâm động niệm chính là lỗi lầm358
 - Thứ nhất: Các pháp môn tu trong Phật pháp đều sao không khởi tâm động niệm.....359
 - Thứ Hai: Cái gì gọi là “định”? Là tâm không động trước cảnh359
 - Thứ Ba: “Nếu tâm ta không động thì thiện ác đâu mà sanh”360
 - 2. Làm thế nào để tâm không động?360
 - Thứ nhất: Về nguyên tắc dùng câu “A DI ĐÀ PHẬT” đề vọng niệm xuống.....360
 - Thứ Hai: Cách đề vọng niệm như thế nào? Nhất tâm hướng thiện.....362
 - Một là: Ý niệm khởi lập tức chuyển thành A DI ĐÀ PHẬT363
 - Hai là: Niệm niệm vì lợi ích chúng sanh365
 - Ba là: Chánh niệm khởi thì tà niệm tự mất.....365
 - ☐ Tà niệm là gì?365
 - ☐ Chánh niệm là gì?366
 - Bốn là: Làm sao để chánh niệm?.....366
 - ☐ Khi đối cảnh không để cảnh chuyển tâm.....366
 - ☐ Khi đối cảnh tâm chuyển được cảnh là thành Phật..367
 - ☐ Tất cả các pháp môn đều quy về một chỗ.....367
 - Năm là: Vì sao xã hội nhiều tà kiến?.....369
 - ☐ Vì không có giáo dục chánh kiến369
 - ☐ Vì sao không có giáo dục chánh kiến? Vì không có người đề xướng chánh pháp.....369
 - ☐ Giáo dục chánh kiến, tà kiến không còn.....372
 - 3. Tội do tâm tạo thì từ tâm mà sửa373
 - Tiết 4: Tổng kết về việc sửa lỗi374
 - 1. Thượng sách - Từ tâm mà sửa375
 - Thứ nhất: Sửa từ tâm là cương lĩnh, là tu từ căn bản375

Một là: Không biết cương lĩnh tu sẽ khó.....	375
Hai là: Phật dùng Đại Bồ Đề tâm để đối người, vật, việc?	376
☐ Thế nào là tâm đại bồ đề?	377
☐ Làm thế nào để có đại bồ đề tâm?	377
Thư hai: Trị tâm hiệu quả là được thanh tịnh.....	378
☐ “Tâm chỉ vừa khởi động niệm thì tự mình đã giác đã biết ngay”.....	378
☐ “Khi giác vọng niệm sẽ không còn”	378
2. Trung sách - Từ lý mà sửa	379
☐ “Phải dùng lý trí sáng suốt để rời bỏ vọng niệm”	379
3. Hạ sách - Từ sự mà sửa.....	379
☐ “Nếu vẫn chưa làm được, phải tùy theo tội lỗi mà ngăn chặn”	379
4. Tùy căn tánh mà áp dụng.....	379
Thứ nhất: Nói thêm về sửa từ sự là giới luật.....	379
Một là: Giới luật có thể điều chỉnh phù hợp cảnh hiện tại	380
Hai là: Nhưng căn bản giới không được cải biến	380
☐ Căn bản giới này là cái gì?.....	381
Ba là: Hình thức có thể đổi, nguyên tắc không thể đổi	381

LỜI GIỚI THIỆU

I. LỜI BAN BIÊN TẬP

Liễu Phạm Tứ Huấn là một bài giáo huấn gồm bốn nội dung của cha dạy con, kể lại câu chuyện của chính cuộc đời mình cho con cháu, đồng thời cũng thông qua đó nêu rõ tính xác thực của lý nhân quả, khuyên người phải biết sợ sệt tránh xa những việc xấu ác và nỗ lực làm thiện. Làm lành lánh dữ ắt chuyển được HỌA thành PHÚC. Đây cũng là một trong ba quyển sách “*Cảm Ứng Thiên Hội Biên*”¹, “*An Sĩ Toàn Thư*” và “*Liễu Phạm Tứ Huấn*” được Hoằng Hoá Xã² của Đại Sư Ấn Quang Tổ thứ 13 của Tịnh Độ Tông Trung Hoa, in rất nhiều, số lượng của ba quyển sách này vượt hơn ba triệu bản. Trong khi một số sách khác mỗi một bản chỉ có một ngàn bản, hai ngàn bản”³

Chúng sanh chúng con đời mạt pháp căn cơ thấp kém, phước cạn, huệ mỏng, ô nhiễm nặng, nghiệp chướng sâu dày nên dù có được Hòa thượng Tịnh Không chỉ bảo tận tình,

¹ Cảm Ứng Thiên Hội Biên là sự hội tập rất nhiều sự tích của cảm ứng

² Hoằng Hóa Xã là do pháp sư Ấn Quang lập nên. Tổ Ấn Quang đem tất cả tài vật mà người khác cúng dường cho Ngài dùng vào việc bố thí pháp, cả đời Ngài chỉ làm mỗi một việc như vậy.

³ Trích: Giảng giải Thái Thượng Cảm Ứng Thiên – Chủ giảng lão pháp sư Tịnh Không.

được các thiện tri thức hết lòng chuyển ngữ vậy mà chúng con vẫn ngu si mê muội không hiểu.

Cho nên chúng con cũng mạo muội xin phép các dịch giả cho phép hiệu đính lại, và đưa ra thêm các tiêu đề nhỏ trong từng chương mục để tiện theo dõi; Ngoài ra có đưa thêm phần tiểu sử của Đại lão hòa thượng Thích Tịnh Không do Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà Hồng Kông cung cấp.

Trước khi hiệu đính và đưa thêm các tiêu đề, ban ấn tống chúng con cũng rất lo lắng, song nhớ lời dạy của Tịnh Không Pháp sư “Chỉ cần bạn phát tâm vì người thì sai cũng thành đúng” nên chúng con mạnh dạn đưa thêm các tiêu đề, đề mục; Còn nội dung quyết không dám thay đổi.

Như vậy các quý vị chỉ cần bỏ các tiêu đề là có toàn bộ nội dung giảng giải Liễu Phàm Tứ Huấn của pháp sư Tịnh Không.

Chúng con kính mong tác giả chuyển ngữ hoan hỷ và cũng xin chân thành tri ân tác giả đã cung cấp cho chúng con những lời dạy vàng ngọc của Tịnh Không Pháp sư.

II. BỐ CỤC, CÁCH SẮP XẾP TÁC PHẨM

Bộ sách bao gồm 2 tập mỗi tập gồm 10 đĩa VCD, tổng cộng trọn bộ 20 VCD, được tổng hợp theo đúng trình tự giảng;

1. Chuyển ngữ phần chánh văn:

Ban biên tập dựa vào các bản dịch của dịch giả Bùi Dur Long, Nguyễn Minh Tiến, Diệu Phúc, câu nào đoạn nào phù hợp với lời giảng của hòa thượng được chọn lựa sử dụng;

2. Về chuyển ngữ phần giảng giải:

Ban biên tập dựa vào các bản chuyển ngữ của các quý dịch giả Diệu Âm, Hạnh Chơn, Diệu Phúc;

3. Bố cục sách

Ngoài phần sơ lược tiểu sử Hòa thượng bồ cục sách chia thành 3 phần:

- Phần thứ nhất: Nội dung chánh văn
- Phần thứ hai: Giảng giải chánh văn;
- Phần thứ ba: Phần phụ chú

4. Nội dung các phần như sau

- Phần thứ nhất: Nội dung chánh văn

Đây là toàn bộ chánh văn tiếng Việt (không có lời giảng của Hòa thượng). Phần này được chia thành 190 đoạn nhỏ, mỗi đoạn đều được đánh số thứ tự đầu dòng, tương ứng với số thứ tự từng phần CHÁNH VĂN nhỏ trong phần Giảng giải. Mục đích để bạn tiện tra cứu.

Ví dụ tại phần chánh văn, bạn đọc số thứ tự đầu dòng của đoạn này là 3 chẳng hạn, bạn có thể tìm được lời giảng của hòa thượng về đoạn 3 này tại Phần thứ hai: Giảng giải, mục CHÁNH VĂN 3; đồng thời đoạn 3 này cũng có luôn cả âm Hán Việt để bạn tiện tra cứu;

- Phần thứ ba: Giảng giải

Bao gồm toàn bộ lời giảng của Hòa thượng trọn bộ Liễu Phạm Tứ Huấn, trong này cũng chia ra 190 đoạn CHÁNH VĂN nhỏ, được đánh số thứ tự từ 1-190;

- Phần thứ ba: Phần phụ chú

Là bài đọc thêm “Làm thế nào để xã hội an định, hài hòa, thống nhất, thế giới hòa bình” của Hòa Thượng Tịnh Không dự định thuyết trình tại Mỹ Đình vào ngày 14/12/2107.

5. Bố cục giảng giải

Trong mỗi đoạn giảng giải, ban biên tập đều có đưa song song 3 phần: Phần chánh văn âm Hán, Phần dịch sang tiếng Việt Nam và Phần giảng giải của Pháp sư Tịnh Không.

6. Quy định các kiểu chữ

- Chánh văn âm Hán: Kiểu chữ Arial đứng, đậm;
- Chánh văn dịch nghĩa sang tiếng Việt: Kiểu chữ Arial thường, nghiêng;
- Chữ Times New Roman 20 nghiêng là các lời trong kinh khác, lời của các tổ sư đại đức, cao tăng, thành ngữ, hoặc là một số hội thoại quan trọng, một số từ cần lưu ý;
- Nội dung tiêu đề nhỏ từ mục 1. Trở đi là do Ban hiệu đính tự đặt để bạn đọc tiện theo dõi;
- Tất cả các phần chú thích, các câu thành ngữ Hán văn được giải thích trong ngoặc đơn (...) đều của Ban hiệu đính sưu tầm;
- Phần nội dung lời giảng của Pháp sư Tịnh Không là những phần không bao gồm tiêu đề, chữ Times New Roman thường.
- Những chữ trong ngoặc vuông ([]) là những cụm từ chúng tôi tự thêm vào để giải thích thêm.

Mặc dù hết sức nỗ lực nhưng chắc chắn còn rất nhiều sai sót, kính mong các chư vị, liên hữu gần xa hoan hỷ lượng thứ cho những sai sót. Kính mong chư vị đồng tu từ bi, lượng thứ cho những sai sót này của chúng tôi. Chúng tôi thành tâm mong chư vị đồng tu đóng góp để chúng tôi hoàn thiện cho lần tái bản sau có thể hoàn thành tốt hơn.

Nếu có chút công đức nào chúng tôi nguyện hồi hướng cho các chúng sanh tận hư không biến pháp giới để cùng nhau tu tập vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Kính chúc các liên hữu lấy tín sâu, nguyện thiết trì danh niệm Phật, ngay đời này nhất định vãng sanh thành Phật.

Kính lạy Tam bảo gia trì cho chúng con hoàn thành bộ sách được viên mãn.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

BAN BIÊN TẬP HIỆU ĐỈNH

KHÁI QUÁT VỀ LÃO PHÁP SƯ THƯỢNG TỊNH HẠ KHÔNG

Học hàm, học vị

Giáo sư danh dự ĐH Griffith và ĐH Queensland, Australia;

Giáo sư thỉnh giảng ĐH Nhân Dân, Trung Quốc;

Tiến sỹ danh dự ĐH Griffith và ĐH Queensland;

Tiến sỹ danh dự ĐH Hồi giáo Syarif Hidayatullah, Indonesia;

Viện trưởng Học viện Tịnh Tông Úc Châu; Chủ tịch trị sự Hiệp hội Giáo dục Phật Đà Hồng Kông.

Tiểu sử

Lão pháp sư Thích Tịnh Không, là người xuất gia của Phật giáo. Tên tục là Từ Nghiệp Hồng, sinh năm 1927 tại thị trấn Kim Ngưu huyện Lư Giang, tỉnh An Huy. Lên 6 tuổi bắt đầu nhập học trường Tư thực truyền thống; 9 tuổi theo cha chuyển đến Kiến Âu, Phúc Kiến sinh sống và học tiểu học tại đó. Đến năm 13 tuổi bắt đầu học Trung học cơ sở tại Kiến Âu. Khi chiến tranh thế giới lần thứ 2 xảy ra, cuộc sống loạn lạc khổ ải, được xin vào học tại trường Trung học Quốc lập số 3 tại Quý Châu. Sau khi kết thúc chiến tranh, học tập trường Trung Quốc số thành phố Nam Kinh. Đến năm 1949, chuyển đến Đài Loan.

Bắt đầu từ năm 1952 lần lượt theo học triết học, Phật pháp và văn hóa truyền thống trong 13 năm với giáo sư Phương Đông Mỹ - nhà triết học hàng đầu, ngài Trương Gia Khutukhtu - lãnh tụ Phật giáo tối cao của Nội Mông và lão cư sỹ Lý Bình Nam – Nhà Nho và Phật giáo lớn.

Là người đầu tiên khởi xướng cải chính “Phật giáo” thành “Giáo dục Phật Đà”. Dành toàn bộ sức lực để thâm nhập kinh tạng. Hoằng dương giáo dục Phật Đà và giáo dục Thánh hiền với ngôn ngữ sâu sắc mà linh hoạt. Nội dung thuyết giảng bao gồm “*Kinh Hoa Nghiêm*”, “*Kinh Lăng Nghiêm*”, “*Kinh Pháp Hoa*”, “*Kinh Kim Cương*”, “*Kinh Viên Giác*”, “*Kinh Địa Tạng*”, “*Kinh Phạm Võng*”, “*Tịnh Độ ngũ kinh*” v.v... và các thư tịch điển hình của các tông phái như Thiên Thai, Hiền Thủ (Hoa Nghiêm), Duy Thức, Thiền tông v.v..., đặc biệt dành nhiều công sức cho bộ “*Kinh Vô Lượng Thọ*” và cuối đời chuyên tu chuyên hoằng. Khi sinh thời, rất thích phổ biến “*Quần Thư*”, đôi khi cũng lưu tâm đến tư tưởng của các tôn giáo như đạo Cơ Đốc, đạo Hồi, đạo Do Thái v.v.... Tiên phong trong việc vận dụng mạng internet để dạy học và hoằng pháp qua truyền hình vệ tinh để pháp âm được phổ cập trên toàn thế giới. Trước sau không ngừng nghỉ chỉ với mong muốn kế tục sứ mạng Phật huệ, giúp cho chánh pháp được trụ thế dài lâu.

Ấn tổng khối lượng lớn các đĩa DVD, thư tịch và kinh luận về các tông phái Phật giáo cùng các thư tịch cũng như các sản phẩm băng hình có liên quan đến nâng cao phẩm chất lương thiện, khôi phục tâm tính, xiển dương đạo đức, cải thiện phong khí xã hội, hoặc dương văn hóa truyền thống. Trong đó, bao gồm 10,000 bộ “*Càn Long Đại Tạng Kinh*”, 112 bộ “*Tứ Khố Toàn Thư*”, hơn 270 bộ “*Tứ Khố Hội Yếu*”, 10,000 bộ “*Quần Thư Trị Yếu*”, 10,000 bộ “*Quốc Học Trị Yếu*”; tặng cho các trường Đại học, thư viện và các tổ chức Phật giáo các nước trên toàn thế giới.

Đã từng đảm nhiệm giảng viên Học viện Tam Tạng – chùa Thập Phổ, Đài Bắc; giáo sư khoa Triết học Đại học Văn Hóa Trung Quốc, viện trưởng Học viện Nội học Trung Quốc. Hiện đang đảm nhiệm Viện trưởng Học Viện Tịnh Tông Úc Châu, chủ tịch trị sự Hiệp hội Giáo dục Phật Đà Hồng Kông. Sáng lập ra các tổ chức như: Hội pháp thí Hoa Tạng, Thư viện nghe nhìn Phật giáo Hoa Tạng, Hội cơ kim Giáo dục Phật Đà, Học hội Tịnh Tông Hoa Tạng, Hội Phật giáo Dalas – Mỹ, Học viện Tịnh Tông Úc Châu v.v... đồng thời đã từng chỉ đạo Học hội Tịnh Tông Singapor thành lập ra “Lớp bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp”. Lần lượt vinh dự nhận được các học vị như tiến sỹ danh dự ĐH Griffith và ĐH Queensland, Australia; giáo sư danh dự ĐH Griffith và ĐH Queensland, Australia; tiến sỹ danh dự ĐH Hồi giáo Syarif Hidayatullah, Indonesia; giáo sư thỉnh giảng ĐH Nhân dân Trung Quốc và được nữ hoàng Anh trao tặng huân chương AM. Lần lượt được vinh danh là công dân danh dự bang Texas – Mỹ, công dân danh dự thành phố Dalas, công dân danh dự thành phố Toowoomba.

Phụng hành sứ mệnh “*Học vi nhân sư, hành vi thế phạm*”. Với tâm thanh tịnh, bình đẳng, từ bi hết sức vì các hoạt động từ thiện xã hội, phục hưng văn hóa truyền thống, chấn hưng giáo dục tôn giáo, xúc tiến đoàn kết tôn giáo, thúc đẩy hòa bình thế giới; đã từng đặt chân đến khắp năm châu với sự cống hiến to lớn.

Năm 1977 đề xướng xây dựng “*Từ đường trăm học dân tộc Trung Hoa*”,

Năm 2001 xây dựng “*Từ đường tưởng nhớ tổ tiên vạn họ dân tộc Trung Hoa*” ở Hồng Kông, làm thâm nhuần tư tưởng thành – tín – trung – kính – hiếu, kế tục tư tưởng hiếu đạo, lan tỏa đạo đức, làm phong phú truyền thống, gìn giữ phong tục, yêu nước, yêu hòa bình. Đề xướng lấy “*Đệ Tử*

Quy”, “**Thái thượng cảm ứng thiên**”, “*Thập thiện nghiệp đạo*” làm gốc; phục hưng văn hóa truyền thống. Đề xướng lấy ngôn ngữ chữ Hán làm ngôn ngữ chung của thế giới; xiển dương và bảo tồn văn hóa ưu tú của nhân loại, đoàn kết toàn thế giới. Đã nhiều lần diện kiến nguyên thủ các nước, nhiều lần tham gia hội nghị hòa bình Quốc tế. Đề xướng thúc đẩy giáo dục “*Luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo*” để cứu vãn thế đạo nhân tâm. Đi đầu trong việc đề xướng “*Tôn giáo thế giới là một nhà*”, đề nghị đoàn kết các dân tộc, đảng phái, quốc gia thông qua đoàn kết tôn giáo.

Tích cực tuyên dương tư tưởng “*Tu thân làm gốc, dạy học đứng đầu; đối xử bình đẳng, chung sống hòa thuận*”. Đồng thời, đưa lý luận văn hóa truyền thống áp dụng vào thực tiễn.

Năm 2005, sáng lập ra “*Trung tâm giáo dục văn hóa Trung Hoa Lư Giang*” tại thị trấn Thang Trì, huyện Lư Giang, tỉnh An Huy, bồi dưỡng giáo viên đi đầu trong việc thực hiện “*Đệ Tử Quy*” vào đời sống, sau đó áp dụng vào từng hộ dân ở nông thôn, thực hiện thân giáo để cảm hóa 48.000 người dân, nhân dân hướng thiện, xã hội hài hòa, tỷ lệ phạm tội và tỷ lệ ly hôn giảm đáng kể; chứng minh rằng con người vốn có tính thiện, nhân dân dễ cảm hóa; tạo ra phong trào hoằng dương văn hóa truyền thống trên toàn quốc.

Năm 2006 báo cáo kết quả Thang Trì tại Trụ sở Khoa giáo Liên Hợp Quốc, làm cảm động đại sứ đến từ 192 đất nước, khu vực trên toàn thế giới và có niềm tin vào nền hòa bình thế giới.

Từ năm 1998, đoàn kết 9 tôn giáo lớn của Singapor, đồng thời thúc đẩy đoàn kết tôn giáo ở Malaysia, Indonesia, Úc Châu và thu được kết quả nổi bật. Năm 2001 di dân đến Úc Châu và thành lập Học viện Tịnh Tông Úc Châu tại thành

phố Toowoomba, bồi dưỡng nhân tài hoằng hộ Phật giáo, hòa hợp láng giềng, đoàn kết tôn giáo và các dân tộc. Truyền cảm hứng cho nhân dân thành phố tự phát tâm nguyện xây dựng thành phố Toowoomba thành “*Thành phố Văn hóa đa nguyên kiểu mẫu*”.

Năm 2013 và 2014, thị trưởng thành phố Toowoomba dẫn đầu đoàn đại biểu đến báo cáo thành quả thúc đẩy hòa hợp tại trụ sở Khoa giáo của Liên hợp quốc Paris và nhận được sự tán dương rộng rãi.

Năm 2012, dưới sự hỗ trợ của thủ tướng Malaysia, Học viện Hán học Malaysia do Lão pháp sư đề xướng xây dựng đã được động thổ khởi công, dự kiến cuối năm 2015 sẽ hoàn công. Trung tâm sẽ bồi dưỡng nhân tài nguồn lực giáo viên văn hóa truyền thống, hoặc dương văn hóa truyền thống đến toàn cầu, lợi ích cho toàn nhân loại. Năm 2013, dưới sự hỗ trợ to lớn của tổng thống Sri Lanka, Đại học Phật giáo Quốc tế Nāgānanda đã được khởi công tại Sri Lanka và hoàn công vào cuối năm 2015, nơi đây sẽ đào tạo nhân tài hoằng hộ các tông phái của Phật giáo, phục hưng Phật pháp các tông phái.

Từ năm 2015, tại Học viện Tịnh Tông Úc Châu và chùa Cực Lạc – Đài Nam – Đài Loan đều mở các “*Lớp giảng dạy đạo đức*” để thúc đẩy giáo dục “*Luân lý, đạo đức, nhân quả, thánh hiền*” tới đại chúng toàn xã hội; làm đoàn chính nhân tâm thể đạo và đạt được thành quả nổi bật. Đồng thời Học viện Tịnh Tông Úc Châu mở lớp giảng dạy đạo đức bằng tiếng Anh, với kỳ vọng nhân dân thành phố Toowoomba sẽ đến tham gia, để cùng nâng cao sự thâm nhuần đạo đức. Đồng thời, cũng sẽ thành lập “*Trung tâm hoạt động văn hóa đa nguyên*”, các tôn giáo đều tham gia giảng dạy, học tập tư tưởng của nhau. Thêm vào đó, sẽ thành lập “*Phòng nghiên cứu tôn giáo*” để bồi dưỡng nhân tài

giảng dạy các tôn giáo. Sau khi trừ bị đủ giáo viên, sẽ thành lập “Đại học tôn giáo Quốc tế” để tang cường đoàn kết tôn giáo, giáo dục quay về tôn giáo, học tập lẫn nhau giữa các tôn giáo, hi vọng sẽ từ đó hóa giải mọi xung đột và thúc đẩy sự an định và hòa bình thế giới.

Lão pháp sư với tâm lượng quảng đại, nhãn quan nhìn xa trông rộng, trí huệ thấu triệt và hành trì kiên định, từ hoằng dương Phật pháp mà quảng độ giáo hóa các tôn giáo, từ đoàn kết tôn giáo mà đoàn kết nhân loại trên toàn thế giới, đúng như “*Yêu thương đến toàn thế giới, thiện ý trùm khắp nhân gian*”. Với tâm thanh tịnh, bình đẳng, từ bi; việc hội kiến lãnh tụ các nước với hội kiến tín chúng đều không có sự khác biệt, cũng như chân thành thiện chí phản biện với đối phương. Sống với phương châm nhìn thấu, buông xả, tùy duyên; mặc dù nổi tiếng khắp thế giới, nhưng cuộc sống vẫn giản dị chất phác. Niệm niệm đều không quên kế thừa tổ tiên, phát triển hậu thế, niệm niệm không quên phổ lợi chúng sinh; Nguyên làm gương cho con cháu, cho thế hệ sau, làm một hành giả Bồ tát Đại Thừa.

(Theo Hiệp hội Giáo dục Phật Đà Hồng Kông)

PHẦN THỨ NHẤT
CHÁNH VĂN LIỄU PHẠM TỨ HUẤN

CHƯƠNG I ĐẠO LÝ VẬN MỆNH

Mục A: LUẬN VỀ LẬP VẬN MỆNH

Tiết 1: Năm 15 tuổi gặp Khổng Tiên Sinh đoán định mệnh

1. Ta lúc nhỏ thân phụ mất sớm, lão mẫu dạy “bỏ không theo cử nghiệp⁴ mà theo học nghề y, vì học y cũng có thể mưu sinh, có thể cứu người giúp đời mà khi y thuật tinh thông thì được thành danh, đó là ý nguyện sớm có của cha con vậy”.

2. Sau đó tại chùa Từ Vân, ta gặp một lão nhân râu dài, tướng mạo tốt đẹp, dáng vẻ phi phàm, nên ta dùng lễ mà cung kính lão nhân ấy.

3. Ông bảo ta rằng: “Người là người trong sĩ lộ. Năm tới tức phải nhập học, tại sao lại không theo học vậy?”

4. Ta nói rõ nguyên do cho vị lão nhân ấy nghe, và lễ phép hỏi danh tính cùng xuất xứ của lão nhân.

5. Lão nhân nói: “Lão họ Khổng, người Vân Nam. Lão được Thiệu Khang Tiết tiên sinh chân truyền Hoàng Cực số⁵, lão nghĩ cũng nên truyền cho người.

6. Ta thỉnh lão nhân về nhà, và báo cáo với lão mẫu, thì mẫu thân dạy: “Phải nên tiếp đãi cho thật cẩn thận tử tế và thử xem ông ấy đoán số ra sao”, thì thấy mọi việc lớn nhỏ ông đều

⁴ Thi cử: Ngày xưa Trung Hoa lập chế độ thi cử để tuyển lựa người tài giỏi làm quan.

⁵ Hoàng Cực số: Sách Hoàng Cực Kinh Thế Thư, tác giả là Thiệu Khang Thiệt. Sách này căn cứ trên Kinh Dịch và số học để bói về thời thế đất nước cũng như vận mệnh của con người.

đoán trúng cả.

7. Ta bèn có ý định theo đòi việc đèn sách và bàn với biểu huynh là Thẩm Xứng thì biểu huynh bảo: “Có Úc Hải Cốc tiên sinh mở lớp dạy tại nhà ông Thẩm Hữu Phu, ta gọi người tới đó trọ học thì rất là thuận tiện”. Ta bèn bái Úc tiên sinh làm sư phụ.

8. Không tiên sinh lấy số cho ta thì khi khảo thí ở huyện, đỗ đồng sinh⁶ đứng hạng thứ 14, thi ở phủ đứng vào hạng thứ 71, và thi ở tỉnh do quan đề đốc học viện làm chủ khảo thì đỗ vào hạng thứ 9⁷.

9. Năm tới đi thi, thi ở cả ba nơi số hạng đều đúng y như thế.

10. Sau đó lại lấy số chung thân cho ta, bảo rằng vào năm nào thì được khảo thí đứng hạng mấy, năm nào thì được bổ khuyết làm sinh (tức được cấp phát lương ăn học bằng gạo)⁸, năm nào thì làm cống sinh, và sau khi làm cống sinh, năm nào thì được tuyển làm trưởng quan ở Tứ Xuyên, tại chức sau 3 năm rưỡi thì cáo quan về hưu. Năm 53 tuổi vào giờ Sửu ngày 14 tháng 8 thì mất trên giường bệnh, tiếc rằng không con nối dõi. Ta cẩn thận ghi lại tất cả.

⁶ Đồng sinh: Học sinh chưa thi đậu lần nào. Đồng sinh theo học ở trường tư thục (tiểu học tư nhân do một người thầy tổ chức tại địa phương). Sau đó đồng sinh sẽ thi tú tài. Tú tài phải thi ba nơi; huyện, phủ và Đề đốc (tỉnh). Cả 3 nơi đều đậu mới được gọi là đậu tú tài.

⁷ Đề đốc học viện: Là bộ giáo dục cấp tỉnh. Các kỳ thi cử tú tài và cử nhân đều tổ chức tại đó.

⁸ Lầm sinh: Học sinh sau khi đậu tú tài sẽ học ở Học-Cung (trường trung học công lập địa phương) gọi là tiến học. Trong vòng 3 năm đầu phải trải qua 2 kỳ thi: Tuế khảo và Khoa khảo. Nếu thi đậu sẽ được liệt vào danh sách dự bị lầm sinh gọi là “Bổ lầm”. Đợi cho đến khi nào có chỗ trống sẽ được đôn lên làm lầm sinh. Kể từ lầm sinh trở đi có thể hưởng phụ cấp gạo theo tiêu chuẩn. Lầm sinh phải thi nhiều lần để lên cống sinh. Các kỳ thi đều tổ chức tại Đề đốc học viện. Thi đậu cống sinh sẽ coi như mãn khoá Học-Cung, gọi là xuất học hay xuất cống. Rồi lại phải lên thủ đô, vào Quốc Tử Giám để học tiếp và thi lên tiến sĩ.

Tiết 2: Trải 20 năm tất cả đoán mệnh đều đúng

11. Từ đó về sau, phạm mỗi khi gặp kì khảo thí, danh số trước sau đều đúng như Khổng tiên sinh đã dự đoán sẵn.

12. Chỉ có một dự đoán là khi nào số gạo cấp lương lẫn sinh của ta được tới 91 thạch 5 đấu (1 thạch là 10 đấu) thì lúc đó sẽ được bổ làm “cống sinh”. Nhưng cho tới khi ta mới được lãnh hơn 70 thạch thì Đồ tông sư (quan đề học), đã phê chuẩn cho ta được bổ làm cống sinh, duy chỉ có chỗ đó làm ta có điểm hoài nghi.

13. Nhưng thực ra sau đó, sự phê chuẩn này bị quan thự án họ Dương bác bỏ. Mãi tới năm Đinh Mão, tông sư Ân Thu Minh thấy bị quyền nơi trường thi của ta (quyển nộp thi đáng được chấm đậu mà bị bỏ rớt lại) thì than rằng: “Bài ngữ sách đúng là năm thiên tấu nghị⁹, văn chương quảng bác, ý tứ sâu sắc thông suốt của một nho sĩ sao nỡ để cho mai một mãi ru”, bèn truyền cho huyện quan dâng thỉnh nguyện lên để ông phê chuẩn cho được bổ cống sinh. Nếu tính số lượng gạo được cấp từ trước trải qua thời gian bị bác bỏ cho tới khi được bổ thì thực đúng là 91 thạch 5 đấu vậy.

14. Nhân thế, ta càng tin rằng sự tiến thoái, thăng trầm nhanh hay chậm đều có thời, có số cả, nên an nhiên tự tại chẳng cần mong cầu sự gì cả.

15. Sau khi được bổ cống sinh, ta phải đi Yên Đô (tức Bắc Kinh), ở lại kinh đô một năm, suốt ngày tĩnh tọa mà không màng tới việc đèn sách.

⁹ Bài thi tuyển: Những giám khảo trong Đề đốc học viện đều do triều đình bổ nhiệm xuống. Trong đó có một chánh chủ khảo, một phó chủ khảo và nhiều giám khảo phòng thi. Mỗi phòng thi có khoảng từ 8 đến 18 thí sinh. Lúc chấm bài, giám khảo phòng thi tuyển lựa những bài xuất sắc cho chủ khảo chấm. Ngoài những bài chủ khảo đã chấm đậu, phần còn lại gọi là bài thi tuyển, trong đó có bài của ông Liễu Phàm.

Tấu nghị: Các quan trong triều đình mỗi khi muốn đề nghị chính sách đều phải viết trên giấy để trình lên vua xét duyệt gọi là tấu nghị.

Mục B: VÂN CỐC THIỀN SƯ KHAI THỊ VỀ CẢI VẬN MỆNH

Tiết 1: Năm 35 tuổi - Gặp thiền sư Vân Cốc khai thị

16. Năm Kỷ Ty, ta quay trở về, du ngoạn qua Nam Ung tức Quốc Tử Giám ở Nam Kinh, nhưng trước khi nhập học, ta tới bái phỏng Vân Cốc Pháp Hội thiền sư.

17. Ở trên núi Thê Hà Sơn, cùng thiền sư đối diện trong một thất, tĩnh tọa ba ngày đêm chẳng nhắm mắt.

18. Thiền sư hỏi ta: “Sở dĩ người phàm không làm được thánh nhân chỉ vì bị nhiều vọng niệm lăng xăng trong lòng không ngừng, vương vấn bao quanh che lấp mất tâm thanh tịnh mà thôi. Nhà ngươi ngồi ba ngày không thấy khởi một vọng niệm nào, làm sao làm được sao vậy?”

19. Ta đáp rằng: “Tại hạ vì được Không tiên sinh bói mạng cho, sự vinh nhục sinh tử đều do số đã định sẵn cả, nên dù có vọng tưởng hoặc mưu cầu điều chi cũng không thể thay đổi được, vô ích mà thôi, nên không khởi vọng tưởng nữa”.

20. Thiền sư cười mà nói rằng: “Ta tưởng ngươi là một hào kiệt, nào ngờ ngươi vốn cũng chỉ là phàm phu mà thôi”.

Tiết 2: Tại sao phàm phu bị vận mạng câu thúc?

21. Ta hỏi lí do tại sao thiền sư lại nói như vậy? Thì thiền sư bảo rằng: “Phàm là con người nếu còn chưa được vô tâm, tức tâm còn vọng tưởng chưa được thanh tịnh thì chung cuộc vẫn bị ràng buộc bởi âm dương khí số, mà đã bị ràng buộc bởi âm dương khí số thì làm sao nói là không có số được? Tuy nhiên, chỉ người phàm là có số.

Những người làm việc cực thiện cũng như cực ác không bị số mệnh câu thúc mãi, bởi làm nhiều điều thiện có thể đương nghèo hóa giàu, còn trái lại làm nhiều điều cực ác có thể đương giàu sang phú quý trở thành nghèo hèn.

Nhà ngươi 20 năm nay, cứ theo lời đoán của Không tiên

sinh mà bị số mệnh câu thúc không hề thay đổi một chút nào thì như thế chẳng gọi là phạm phu thì là gì?”

22. Ta hỏi ngay rằng: “Vậy thì có thể tránh khỏi số mệnh được sao?”

Thiền sư đáp: “Mệnh do chính mình tạo và phúc cũng do tự mình cầu được. Kinh Thư đã nói làm lành được phúc, làm ác bị giảm phúc, thực rõ ràng đúng là những lời minh huấn.

Trong kinh Phật có nói “Cầu phú quý được phú quý, cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái, cầu trường thọ được trường thọ. Nay, vọng ngữ là điều đại giới của đức Thích Ca; chư Phật, Bồ Tát há lại nói dối trá, lừa người ư?”

Tiết 3: Nguyên lý cải tạo vận mạng

23. Ta hỏi thêm rằng: “Mạnh phu tử nói những điều mình cầu mong mà có thể đạt được là do chính ở nội tâm mình nghĩ đủ sức làm được như vậy, như muốn trở thành một người có đạo đức, nhân nghĩa thì tận tâm, tận lực tu tập thì sẽ được; Còn như công danh phú quý là những điều ở ngoài thân tâm mình thì làm sao mà cầu được?”

24. Vân Cốc thiền sư nói: “Lời của Mạnh phu tử không hề sai, chính tự người không hiểu hết ý nghĩa mà thôi. Người chẳng thấy Lục Tổ đã nói: “Tất cả phúc điền đều không rời tâm địa của con người. Từ nơi tâm mình mà tìm cầu thì mọi sự đều được cảm ứng”. Tìm cầu ở ngay nội tâm của mình thì không những được đạo đức, nhân nghĩa mà công danh, phú quý cũng được nữa, đó là nội ngoại song đắc, cầu như vậy mới hữu ích vì cầu mà được vậy.

25. Nếu không hướng nội phản tỉnh mà chỉ biết hướng ngoại tìm cầu, thì cách cầu như vậy chỉ đạt được những cái trong số mệnh vốn có mà thôi, trong ngoài đều mất, cho nên vô ích vậy.

26. Nhân đấy thiền sư lại hỏi ta: Không tiên sinh lấy số chung thân cho nhà ngươi ra sao?

27. Ta cứ thực sự trình bày rõ ràng. Vân Cốc thiền sư hỏi: “Người tự lượng xét mình xem có nên thành công trên đường khoa cử hay không? Có nên có con nối dõi hay không?”

Ta tự xét mình khá lâu rồi đáp: “Thật không nên vậy”

1. Liễu Phàm tiên sinh phản tỉnh lỗi lầm

28. Vì những người thi đậu làm quan là những người có phước tướng.

- Tại hạ phước mỏng, hơn nữa không chịu tích công bồi đức để tạo phước dày;
- Lại thêm tính không nhẫn chịu được những sự phiền toái khổ nhọc;
- Cũng không biết bao dung người khác;
- Thường cậy tài năng chèn ép người khác;
- Muốn nói điều gì thì liền nói, không thận trọng lời nói, hay luận bàn những chuyện vô bổ.

Những điều như thế đều là tướng vô phước, sao xứng đáng đỗ đạt công danh.

29. Đất bùn dơ ẩm ướt thường nhiều vật sống, chỗ nước trong vắt thường không có cá, mà tánh con lại ưa thích sự trong sạch thanh khiết (thái quá). Đó là một điều thứ nhất không nên có con vậy.

30. Tánh khí ôn hòa có thể nuôi dưỡng vạn vật, mà tánh con lại thường nóng nảy sân hận. Đó là điều thứ hai không nên có con.

31. Ái tức là lòng nhân ái, tâm từ bi là căn bản của sự sinh trưởng, ái là cội nguồn của sự tiếp nối sinh sản; Còn nhẫn tâm không phải là gốc rễ của sự sinh dưỡng, tại hạ trọng danh tiết của riêng mình, thường không biết xả thân cứu người, đó là điều thứ ba không nên có con.

32. Hay nhiều lời mất khí lực, cũng là điều thứ tư không nên có con.

33. Uống rượu nhiều, tinh thần suy nhược, là điều thứ năm không nên có con.

34. Thích ngồi lặng suốt đêm dài không ngủ, không biết bảo tồn nguyên khí, dưỡng dực nguyên thần. Đây là điều thứ sáu không nên có con vậy

35. Ngoài ra, còn nhiều thói hư tật xấu khác kể ra không hết.

2. Vân Cốc khai thị: Làm lành được phước, làm ác gặp họa

36. Vân Cốc nói: “Nào chỉ riêng vấn đề khoa bảng (như ông vừa nói đó)!

- Người đời thụ hưởng tài sản ngàn vàng, ắt phải là người đáng hưởng ngàn vàng;
- Kẻ nhận tài sản trăm lượng, ắt phải là kẻ đáng nhận trăm lượng;
- Người chịu chết đói, ắt phải là người đáng phải chết đói.

(Nói là mệnh) trời, bất quá chỉ là do nơi nhân quả nghiệp báo riêng của mỗi người mà thành, vốn chưa từng có chút thêm bớt nào (gọi là ý trời trong đó cả).

37. Vấn đề sinh con nối dõi cũng vậy:

- Có người tích công đức trăm đời sẽ để lại cho trăm đời con cháu hưởng;
- Người tích công đức mười đời sẽ để lại cho mười đời con cháu hưởng;
- Người chỉ tích được công đức hai đời, ba đời thì chỉ để lại cho hai đến ba đời con cháu hưởng;
- Còn những người phúc quá bạc thì bị vô hậu, không con nối dõi, dòng giống bị đứt đoạn.

38. Nay ông đã biết rõ những thói hư tật xấu, biết mình phước bạc, nhưng muốn trong tương lai được khoa bảng đề danh, muốn sinh con, thì ông nên tận tâm, tận lực cải sửa:

- Nhất định phải lo tu nhân tích đức,
- Nhất định phải bao dung rộng lượng với người,
- Nhất định phải hòa nhã thương yêu kẻ khác,
- Nhất định phải biết tồn dưỡng nguyên khí tinh thần.
- Hết thấy những việc từng làm trước đây, xem như đã chết từ hôm qua.
- Hết thấy những việc từ nay về sau, xem như mới được sinh ra từ hôm nay. Đó là nghĩa lý của thân tái sinh vậy.

39. Cái thân máu mủ huyết nhục của chúng ta hẳn nhiên đã có số nhất định, còn (đã biết sửa đổi lỗi lầm, đã được giác ngộ, tâm được thanh tịnh) thân nghĩa lý ấy há không cùng thượng thiên cảm ứng, tương thông, thay đổi số mạng hay sao?

40. Chương Thái Giáp trong Kinh Thư có nói: “Chúng ta có thể tránh khỏi tai họa do trời đã đặt, chứ còn tự mình gây ra những điều oan nghiệt, những điều ác thì phải tự gánh chịu ác báo, không thể sinh sống an lành, yên ổn được.

41. Kinh Thi cũng có nói: “Việc mình làm phải phù hợp với ý trời, (làm lành lánh dữ ắt hẳn phải được thiện báo), đó là tự mình biết cầu được nhiều phúc”.

42. Khổng tiên sinh đoán người không đậu tiến sĩ, không con nối dõi, tuy đó là số trời đã định nhưng vẫn có thể không tuân theo.

43. Nay người nên đem cái thiên tính đạo đức trời đã phú cho mọi người, khai mở thật rộng rãi: Hết lòng làm thiện, tích trữ âm đức. Đó là tự mình tạo lấy phúc cho mình thì sao lại không được báo đáp, thụ hưởng ư?

44. Mục đích của Kinh Dịch là giúp cho con người biết tìm phước tránh họa. Nếu nói số mạng không đổi thì làm sao mà tìm

phước tránh họa được? Ngay chương đầu của Kinh Dịch đã nói: "Một nhà làm thiện ắt dư thừa niềm vui (phước)", người có tin những điều đó không?

Mục C: TU PHÚC TÍCH ĐỨC THẮNG SỐ

Tiết 1: Phát lồ sám hối những tội lỗi cũ

45. Ta tin những lời chỉ dẫn của thượng sư, lễ bái xin học làm theo.

Nhân đó liền đem hết thấy những điều lỗi lầm xấu ác đã qua, đối trước bàn thờ Phật mà phát lồ sám hối.

Sau đó ta phát tâm dāṅg sớ nguyện cầu thi cử đỗ đạt, nguyện làm đủ 3.000 điều thiện để báo đáp ân đức của tổ tiên, trời đất.

Tiết 2: Phương pháp tu tập

1. Đoạn ác tu thiện

46. Vân Cốc thiền sư đưa cho ta cuốn sổ "Công quá cách", bảo ta ghi hết những điều đã làm trong ngày; thiện thì được điểm, ác thì trừ điểm.

2. Thanh tịnh tâm ý

47. Ngoài ra còn dạy ta trì chú Chuẩn Đề và chờ ngày ứng nghiệm.

48. Thiền sư dạy ta rằng: «Những người chuyên vẽ bùa chú cho rằng: "Vẽ bùa không đúng cách sẽ bị quỷ thần chê". Thực ra bí quyết vẽ bùa là vẽ trong lúc không động niệm.

49. Bắt đầu đặt bút họa, trước hết phải dứt bỏ hết mọi sự trần duyên không được khởi một ý niệm nào để cho tâm thực thanh tịnh. Rồi từ chỗ niệm chưa động chấm xuống, chấm đó gọi là "hỗn độn khai cơ", rồi vẽ một hơi liên tục đến hết.

50. Cho đến việc cầu đảo mệnh trời, điểm cốt yếu vẫn là phải từ nơi tâm niệm rộng rang không động niệm như thế, mà tạo ra sự cảm ứng thay đổi.

Bàn về việc lập mệnh, Mạnh tử trong Thiên Tận Tâm¹⁰ có viết: **“Yếu và thọ chỉ là một chẳng phải hai”**: Tức “thọ” “yếu” chẳng có khác nhau, mà nếu phân biệt cho thọ yếu là hai, thì khi không khởi một động niệm nào (tựa như lúc con người mới sinh chưa có ý niệm gì, chưa có tâm phân biệt) thì đâu biết thế nào là yếu, là thọ.

3. Vì sao phải thanh tịnh tâm ý

51. Phân tích đến chỗ sâu xa tinh tế thì:

- “Giàu” với “Nghèo” vốn cũng chẳng phải hai điều khác nhau, nhân đó mới có thể tạo ra số mạng giàu, nghèo;
- “Bé tắc” với “Hạnh thông” vốn cũng chẳng phải hai điều khác nhau, nhân đó mới có thể tạo ra số mạng “sang”, “hèn”;
- “Yếu” với “Thọ” vốn cũng chẳng phải hai điều khác nhau, nhân đó mới có thể tạo ra số mạng sống, chết.

52. Con người ta ở thế gian lấy việc thọ yếu, sống chết làm tối quan trọng, nên chỉ nói tới yếu thọ để mà bao gồm cả các sự thuận nghịch khác [như “Phong, Khiêm”, “Cùng và Thông vậy].

53. “Cho đến câu “Cho đến việc tu thân phải biết chờ đợi” Không phải chỉ ngày một ngày hai mà vận mệnh được cải tạo ngay mà cần có thời gian từng giây, từng phút cố gắng tinh tiến tu hành, tích công lũy đức, thành tâm nguyện cầu thì mới có thể chuyển được mệnh trời.

¹⁰Mạnh tử, chương Tận tâm, phần thượng. Trọn câu này là: “Yếu thọ bất nhị, tu thân dĩ sĩ chi, sở dĩ lập mệnh dã” (Chết yếu với sống lâu vốn chẳng phải hai điều khác nhau, hãy tu thân để chờ đón mọi việc, như thế gọi là tự lập số mệnh)

Nói “Tu thân” là bao gồm cả thân lẫn ý, nếu trong quá khứ có nhiều hành động bại hoại, ý tưởng xấu xa thì phải đều phải đổi trị, dứt trừ đi;

Còn nói tới “Chờ đợi” thì cứ một mực tu nhân tích đức, chẳng nên loạn tưởng nghĩ tới nghĩ lui hay nhen nhúm một chút hi vọng nhỏ nhoi nào trong thân tâm mà hóa ra vọng niệm, cần phải diệt bỏ ngay. Đạt được mức độ đó có thể nói là đã tới chỗ tự tánh biểu lộ, tâm thực thanh tịnh không chút động niệm của cảnh giới tiên thiên, đó là chân chính thực học

54. Hiện giờ người chưa đạt đến trình độ vô tâm, [chưa được nhất tâm bất loạn], cho nên phải trì chú Chuẩn Đề, liên tục niệm đưng để gián đoạn, cũng không cần đếm số, niệm sao cho được thuần thực, niệm mà hóa không niệm, tự mình cũng không hay là mình đang niệm chú nữa, trì đến lúc niệm không khởi sẽ thấy linh nghiệm.

Tiết 3: Quá trình tu tập của Ngài Viên Liễu Phàm

55. Ta trước đây hiệu là Học Hải, ngay ngày đó đổi lại là Liễu Phàm, khi biết được đạo lý lập mệnh, ta không muốn rơi vào khuôn khổ của phàm phu nữa.

56. Từ đó trở đi, ta hoàn toàn khác hẳn. Trước kia ta thông dung buông tuồng, bây giờ suốt ngày đề cao cảnh giác. Ở nơi phòng tối không ai thấy, ta vẫn thường lo âu, không biết có đắc tội với thiên địa quỷ thần không. Nếu có ai thù ghét ta, hủy báng ta, ta có thể điềm nhiên nhận chịu.

57. Sang năm sau, bộ Lễ mở kỳ thi khảo thí¹¹, Khổng tiên sinh từng đoán trước rằng khoa này ta sẽ đỗ hạng ba, nhưng ta lại đỗ hạng nhất. Lời tiên đoán của Khổng tiên sinh không còn ứng nghiệm nữa, nên (khoa thi Hương) vào mùa thu ta lại đỗ tiếp Cử nhân.

58. Tuy nhiên, ta tự kiểm thảo thấy sự thi hành các việc

¹¹ Đây là khoa thi để chuẩn bị cho kỳ thi tuyển cử nhân. Thí sinh buộc phải vượt qua được kỳ thi này mới được tham dự kỳ thi Hương

đạo nghĩa chưa được thuần thực tự nhiên, mà còn nhiều sai trái khuyết điểm;

- Hoặc khi thấy việc thiện mà không mạnh dạn làm ngay;
- Hoặc muốn cứu giúp người mà trong tâm thường ngần ngại không quyết định nên hay không nên giúp;
- Hoặc thân muốn gắng sức làm điều thiện mà miệng còn nhiều lời nói đến sự lỗi lầm của người làm họ bất mãn để bụng;
- Hoặc lúc tỉnh thì hăng hái, nhưng khi say lại phóng túng không tự chủ được.

Vì vậy sợ rằng việc thiện làm ra không đủ bù đắp lại lỗi lầm, và ngày lại ngày để thời gian trôi qua một cách uổng phí.

Vậy nên từ lúc ta phát nguyện vào năm Kỷ Tị, mãi đến năm Kỷ Mão, trải qua mười năm, ta mới làm xong ba ngàn điều thiện.

59. Lúc đó ta cùng Lý Tiệm Ẩn tiên sinh từ quận ngoại nhập nội chưa kịp đem công đức trên hồi hướng. Sang năm sau là năm Canh Thìn từ Kinh trở về phương nam, mới thỉnh Tính Không và Huệ Không, hai vị pháp sư làm lễ hồi hướng tại Đông tháp thiền đường.

Sau đó bèn phát nguyện cầu sinh con và cũng hứa làm ba ngàn điều thiện. Năm Tân Tị sinh con tên là Thiên Khải.

60. Mỗi khi ta làm một việc gì thì tùy tiện lấy bút ghi lại, mẹ con không biết chữ nên khi làm điều gì bèn lấy bút lông ngỗng khuyên một vòng son vào tờ lịch ngày hôm đó. Hoặc bố thí thức ăn cho người nghèo, hoặc mua vật phóng sinh.... Những ngày làm nhiều kể có đến hơn 10 khuyen. Đến tháng tám năm Quý Mùi, 3.000 việc thiện đã làm viên mãn.

61. Lại thỉnh các vị Tính Không làm lễ hồi hướng công đức tại nhà. Vào ngày 13 tháng chín cùng năm, ta lại bắt đầu phát nguyện cầu đồ tiến sĩ và hứa làm 10.000 điều thiện. Năm Bính Tuất thì trúng cử và được bổ làm tri huyện huyện Bảo Đề.

62. Ta chuẩn bị sẵn một quyển sổ trắng, đặt tên là sổ Trị tâm. Sáng sớm khi lên công đường, ta dặn người nhà đem sổ ấy trao cho nha dịch để mang đặt trên bàn làm việc của ta. Mỗi một việc làm trong ngày đều phân ra tốt xấu, ghi chép tỉ mỉ vào sổ ấy, mỗi đêm lại bày hương án trước sân, noi gương Triệu Duyệt Đạo ngày xưa cáo trình tất cả lên Thượng đế.

63. Mẹ con thấy không làm được nhiều điều thiện, nên thường lo lắng nói: “Trước kia ở nhà, thiếp còn có thể làm điều thiện giúp, nên ba ngàn điều có thể làm xong. Nay phát nguyện làm mười ngàn điều, mà đời sống trong nha huyện không có nhiều có hội làm thiện, biết đến bao giờ mới làm xong?”

64. Có một đêm ta nằm chiêm bao gặp một vị thần. Ta than rằng: “Mười ngàn điều thiện khó mà làm xong”.

Thần bảo: “Chỉ việc giảm thuế đã đầy đủ công đức cho mười ngàn điều rồi”

65. Nguyên là ruộng đất ở huyện Bảo Đễ (trước đây) phải nộp thuế mỗi mẫu 2 phân 3 ly 7 hào (ta thấy quá cao, nên khi về nhậm chức) ta có xem xét lại, giảm xuống còn 1 phân 4 ly 6 hào. Quả thật có việc đó, nhưng lòng ta vẫn còn chút nghi hoặc (Việc này sao thiên thần lại biết! Và liệu việc ấy lại có hiệu quả lớn lao đến mức viên mãn cả mười ngàn việc thiện được chăng?)

66. Thì vừa may có thiền sư Thích Huyền Dư từ Ngũ Đài Sơn đến. Ta kể giấc mơ cho thiền sư nghe và hỏi giấc mơ này có đáng tin không.

67. Sư nói: “Nếu có lòng chân thiết làm thiện, thì làm một điều có thể tương đương với vạn điều. Huống hồ cả huyện đều được giảm thuế, toàn dân đều được hưởng”

68. Ta bèn quyên góp lương bổng nhờ thiền sư trở về Ngũ Đài Sơn làm trai tăng cúng dường một vạn người và đem công đức ấy hồi hướng hộ cho. Khổng tiên sinh đoán là năm 53 tuổi ta gặp tai ách, ta chưa từng cầu xin tăng thọ, mà năm đó lại vô sự, và nay thì ta đã 69 tuổi rồi.

Mục D: DẠY CON BIẾT SỬA LỖI, TU PHÚC, TÍCH ĐỨC

Tiết 1: Số mệnh con người có thể thay đổi

69. *Kinh Thư nói: “Thiên mệnh khó tin, mệnh người không cố định». Lại nói: “Mệnh trời thì vô thường, không ở mãi với một ai cả”. Những lời trên đều không hư dối.*

70. *Ta nhân đó mà hiểu rằng họa phúc là tự mình chuốc lấy. Đó chính là lời dạy của các vị thánh hiền. Nếu nói rằng họa phúc là do mệnh trời định, thì đó là bàn luận của thế nhân vậy.*

Tiết 2: Dạy con tự cải mệnh

71. *Mệnh của con chưa ai đoán nên không biết thế nào, mạng mình gặp lúc vinh hiển, thường phải nghĩ tới lúc còn hàn vi. Gặp thuận lợi phải thường nghĩ tới lúc nghịch cảnh khó khăn.*

72.

- *Cho dù trước mắt sung túc, phải thường nghĩ tới lúc nghèo nàn;*
- *Khi được người kính nể, phải thường có ý e dè sợ sệt;*
- *Khi gia thế được người trọng vọng, phải thường nghĩ tới lúc mình còn thấp kém;*
- *Khi học vấn cao thâm, phải nghĩ thường tới lúc mình còn nông cạn, thô thiển.*

73.

- *Nhìn xa phải nghĩ đến viễn dương đức hạnh tổ tiên;*
- *Nhìn gần phải nghĩ đến che giấu lỗi lầm cha mẹ;*
- *Nhìn trên phải nghĩ đến đền ơn tổ quốc;*
- *Nhìn dưới phải nghĩ đến tạo hạnh phúc cho gia đình;*
- *Đối ngoại phải nghĩ đến giúp người lúc cần;*
- *Đối nội phải nghĩ đến ngăn chặn ý nghĩ tà xấu của chính*

mình.

74. Ngày ngày cần phải xét lỗi, ngày ngày cải sửa. Một ngày không tự biết lỗi mình thì ngày ấy vẫn an nhiên tự cho mình là đúng. Một ngày không có lỗi làm nào được tu sửa thì ngày ấy không hề có sự tiến bộ.

75. Trong thiên hạ không thiếu gì người thông minh tài trí, nhưng không biết tu cho đức ấy được tăng, không biết mở mang sự nghiệp cho ngày một thêm rộng lớn, ấy chỉ biết quen theo nếp cũ, làm cho có lệ, qua loa không hết lòng nỗ lực, chẳng chịu cải sửa, bỏ phí cả một đời.

Tiết 3: Khẳng định thuyết lập mệnh này là nhất

76. Thuyết lập mạng của thiên sư Vân Cốc là một lý lẽ tinh túy nhất, thâm thúy nhất, chân thực nhất, đúng đắn nhất mà con phải gắng sức nghiên ngẫm cho kỹ rồi hết lòng áp dụng trong đời sống, đừng để thì giờ luống uổng trôi qua.

CHƯƠNG II PHƯƠNG PHÁP SỬA LỖI

Mục A: CÁI NHÂN CỦA VIỆC SỬA LỖI

Tiết 1: Cát hung, họa phước đều có điềm báo trước

77. Cái nhân của việc sửa lỗi: Các quan đại phu thời Xuân Thu hề thấy hành động, ngôn ngữ của một người nào đó liền có thể biết [người này] họ sẽ gặp họa hay phúc. Lời suy đoán của người xưa không phải là không ứng nghiệm. Những việc này đều có ghi rõ trong Tả truyện hay Quốc ngữ, chúng ta có thể xem thấy được.

78. “Nói chung, mọi dấu hiệu họa phước sắp xảy ra, đều xuất phát từ nội tâm rồi biểu hiện ra hành vi; Trong tâm khởi niệm tự nhiên liền biểu hiện ra bên ngoài:

- Như người nhân hậu rộng lượng thường được phước.
- Người khắt khe hẹp hòi thường gặp họa.

Mất phạm tục không nhận rõ nên cho rằng họa phúc chưa hình thành thì không thể suy đoán trước được.

Tiết 2. Cách quán sát phước họa

79. Theo nguyên tắc, lòng chân thành là lòng hợp với trời. Muốn đoán phước sắp đến hay không chỉ cần biết người ấy có lòng thiện hay không; Muốn đoán họa sắp đến hay không chỉ cần biết người ấy có lòng ác hay không.

Mục B: NỀN TẢNG CỦA VIỆC SỬA LỖI

Tiết 1: Muốn tránh họa trước phải sửa lỗi

80. Nền tảng của việc sửa lỗi: Ngày nay, muốn được phúc mà tránh xa các tai họa; Nói đến hành thiện, trước tiên phải sửa đổi lỗi lầm.

Tiết 2: Nền tảng sửa lỗi phải phát ba loại tâm

81. Người muốn sửa lỗi, đầu tiên là phải biết xấu hổ. Nghĩ đến các bậc thánh hiền ngày xưa, cũng là con người như chúng ta, tại sao họ có thể nêu gương ngàn đời mà chúng ta lại thân bại danh liệt. Vì ta đắm mê trần tình, lén làm những việc bất nghĩa, tưởng không ai biết nên ưỡn ngực không biết xấu hổ, có ngày sống như cầm thú mà không hay. Ở đời chẳng có điều gì lớn hơn là biết tự sỉ, biết tự hổ thẹn.

Mạnh tử nói: Biết xấu hổ đối với con người rất quan trọng. Người biết xấu hổ ắt sẽ thành thánh hiền, còn không biết xấu hổ ắt thành cầm thú. Đó là chỗ then chốt của việc sửa lỗi. Đó là chỗ then chốt của việc sửa lỗi.

82. Thứ hai: Là cần phải phát lòng úy kính, e dè sợ sệt

Trời đất ở trên, quỷ thần khó xem thường, lỗi của chúng ta

tuy đem giấu kín, người đời có lẽ không biết nhưng thiên địa quỷ thần đều thấu rõ, tội nặng ắt sẽ giáng trăm điều tai ương, lỗi nhẹ ắt sẽ giảm phúc hiện tiền. Chúng ta há chẳng đáng nên sợ hay sao?

83. Không những chỉ như vậy! Những nơi vắng vẻ chỉ riêng mình ta cũng có quỷ thần giám sát, dù ta che đậy khéo léo, thần minh cũng đã sớm thấu rõ đến tận gan phổi của ta, vậy nên khó có thể tự lừa dối mình mãi được; một khi bị người phát hiện thì chẳng còn giá trị gì nữa. Vậy há không nên e dè, sợ sệt hay sao?

84. Tuy vậy, chỉ cần còn một hơi thở, các tội ác đều có thể hối sửa. Người xưa có người cả đời làm ác, nhưng trước khi chết ăn năn lỗi lầm, phát một niệm thiện, liền an ổn qua đời. Cho nên người ta nói một niệm dũng mãnh, cũng đủ để gột sạch tội ác trăm năm. Thí như một hang tối ngàn năm, vừa thắp lên ngọn đuốc thì ngàn năm tối tăm liền biến mất. Cho nên không cần biết là tội lỗi nhiều ít, hay lâu mau, điều quan trọng là phải biết hối cải.

85. Nhưng thế gian vô thường, thân thể dễ hoại. Một khi hơi thở không còn nữa, muốn hối cải cũng đã muộn.

86. Trên dương thế mang tiếng xấu trăm ngàn năm, dù có con hiếu, cháu ngoan vẫn không cách nào rửa sạch được.

87. Dưới cõi âm, trăm ngàn kiếp bị đọa vào địa ngục, dù chư thánh hiền, chư Phật, bồ tát có lòng thương xót cũng chẳng thể cứu được. Vậy không lo sợ sao được?

88. Thứ ba là phát tâm dũng mãnh.

89. Nhiều người không chịu sửa lỗi, đa số là vì qua loa biết lỗi mà không sửa nên bị thoái chuyển.

90. Chúng ta cần phải phấn chấn dụng công, không chờ đợi, không trì trệ, hoài nghi nữa.

91. Phạm lỗi lầm nhỏ như bị gai đâm, phải nhổ gai ngay

tại chỗ; Phạm lỗi làm lớn như bị rắn độc cắn ngón tay, phải chặt liền tức khắc, phải dứt khoát không chút chần chừ do dự. Làm được như vậy mới có ích lợi như quẻ Phong Lôi vậy.

92. Có đầy đủ ba tâm ấy, ắt lỗi lầm đều cải sửa được ngay, cũng như băng tuyết mùa xuân gặp mặt trời, há tội lỗi chẳng tiêu tan ư!).

Mục C: PHƯƠNG PHÁP SỬA LỖI

93. Tuy nhiên, tội lỗi có thể theo sự tướng, theo lý, hoặc theo tâm mà cải sửa. Dụng công không giống nhau thì hiệu quả cũng không tương đồng.

Tiết 1: Từ trên sự mà sửa

94.

- Như ngày trước phạm lỗi sát sinh, ngày nay giữ giới không sát sinh nữa;
- Như ngày trước nóng giận mắng chửi, ngày nay giữ giới không nóng giận nữa.

Như thế gọi là theo sự mà cải sửa vậy, chỉ miễn cưỡng kiềm chế từ bên ngoài, thực là khó trăm phần, vì bệnh căn vẫn còn, bởi nay ở bên đông hết tội, mai tội lại nảy sinh ra ở bên tây, cứu cánh không phải là đường lối hợp đạo lý, không trừ sạch được hết tội lỗi)

Tiết 2: Từ trên “lý” mà sửa

95. Người có thể sửa lỗi, khi còn chưa phạm cấm giới, trước hết phải biết rõ đạo lý. Ví như tội lỗi ở chỗ sát sinh thì nên tự nghĩ rằng “Thượng đế hiếu sinh, mọi vật đều yêu sinh mạng của mình, giết chúng để nuôi dưỡng thân mình, há có thể an lòng sao?”

96. Và lại khi giết chúng, phải chặt, cắt, mổ xẻ cho vào nồi nấu nướng, chúng phải chịu bao nhiêu nỗi thống khổ đau đớn

thấu nhập cốt tủy. Chúng ta sát hại chúng để nuôi dưỡng mình, để có la liệt những thứ cao lương mỹ vị miếng ngon vật quý, nhưng khi nuốt trôi khỏi cổ rồi thì giống như không)

97. Canh dưa cũng đủ no bụng, hà tất phải sát hại mạng chúng sanh, làm tổn phúc báu của chính mình

98. “Hơn nữa, những vật thuộc loại có huyết khí đều có linh tính, tri giác, mà đã có linh tính tri giác thì chúng cũng đồng một thể cũng giống y như chúng ta; dẫu chúng ta chưa tự tu được đến mức độ đạo đức thực cao làm cho chúng thân cận ta, tôn trọng ta, có sao hàng ngày sát hại sinh mạng chúng vật để chúng mãi mãi thù oán, cừu hận chúng ta. Nghĩ như vậy thì đối với miếng ăn thực cũng đau lòng mà khó nuốt trôi”

99. Nếu ngày trước thường hay nổi giận, thì phải suy ngẫm: Nếu người còn điều chưa phải, về tình phải nên thương cảm; Hoặc họ làm điều trái với luân lý đều có nguyên nhân, duyên cớ không phải từ ta, đâu có điều đáng nổi giận đây?

100. Lại nghĩ rằng thiên hạ đâu có hào kiệt nào mà tự cho mình hơn người, chẳng có chỗ sai trái; cũng không có học vấn dạy ta gây điều oán hận cho người; Mình làm chưa đến nơi đến chốn, việc chưa thành tựu, đều do ta tu đức chưa đủ, mà cảm ứng chưa đến mà thôi.

101. “Ta phải tự kiểm điểm, dẫu có bị người phỉ báng, đó cũng là nơi ngọc được mài dũa mà thành; ta cứ vui vẻ mà đón nhận, có sao phải nổi giận làm chi?”

102. Nghe lời phỉ báng mà không nổi giận, lời gièm pha dẫu như lửa muốn hun đốt cả bầu trời, nhưng cũng chỉ là mồi lửa giữa không trung, rồi tự tắt mà thôi.

103. Nếu nghe những lời phỉ báng mà nổi giận. Dù hết lời biện hộ, chẳng khác nào như con tằm nhả tơ vào mùa xuân, tự trói buộc mình mà thôi. Vậy mới nói tức giận không chỉ là vô ích mà còn tự hại mình.

104. Mỗi lần gặp lỗi lầm ta đều phải bình tĩnh sáng suốt

để thấy lý của nó, khi lý đã rõ thì việc làm lỗi tự động sẽ dứt.

Tiết 3: Từ tâm mà sửa

105. Thế nào là sửa trong tâm? Lỗi làm thiên hình vạn trạng đều do tâm tạo. Nếu tâm ta không động thì thiện ác đâu mà sanh?

106. Người học Phật, thường hay tham sắc, tham danh, tham hưởng thụ vật chất, lại thường nổi nóng, mỗi mỗi việc sai, bắt tất phải sửa từng điều một, chỉ cần một lòng hướng thiện, chánh niệm hiện tiền, thì tà niệm liền không thể khởi tác dụng được, như mặt trời mọc lên thì quỷ quái phải tìm đường lẩn trốn.

107. Đây là chỗ chân truyền tinh vi vậy: Tội do tâm tạo thì phải từ trên tâm mà sửa. Như muốn trừ một cây độc, chỉ cần đốn ngay gốc, đâu cần bẻ từng lá và chặt từng nhánh.

Tiết 4: Sửa lỗi thế nào hiệu quả nhất

108. Nhìn chung, phương pháp tốt nhất vẫn phải sửa từ tâm, làm như vậy tâm sẽ thanh tịnh, tâm chỉ vừa khởi động niệm thì tự mình đã giác đã biết ngay, khi giác vọng niệm sẽ không còn.

Nếu không được như vậy, phải dùng lý trí sáng suốt để rời bỏ vọng niệm;

Nếu vẫn chưa làm được, phải tùy theo tội lỗi mà ngăn chặn.

Trên thì hiểu rõ duyên có, đồng thời bên dưới nỗ lực hành trì, cách này chưa hẳn đã là điều không tốt.

Còn chỉ chú trọng hành trì bên dưới mà xao nhãng việc thấu hiểu nguyên nhân, hóa lại thành ngốc nghếch rồi.

Mục D: HIỆU NGHIỆM CỦA VIỆC SỬA LỖI

109. Tuy nhiên, khi phát nguyện cải sửa lỗi, ở dương thế

cần có bạn tốt thường nhắc nhở để tỉnh mình; Ở cõi âm cần quý thần cảm ứng chứng minh tấm lòng thành của mình; nhất tâm, nhất ý cầu sám hối, ngày đêm chẳng biếng nhác buông thả.

*** Hiện tượng khi tội nghiệp bắt đầu tiêu trừ**

110. Như vậy trải qua một hai tuần thất, cho đến một tháng, hai, ba tháng ắt hẳn có ứng nghiệm;

- Hoặc thấy tâm thần điềm nhiên, khoan khoái;
- Hoặc thấy trí huệ bỗng được khai mở;
- Hoặc gặp những trường hợp rối ren phiền toái hốt nhiên xử sự giải quyết được rành rọt thông suốt;
- Hoặc gặp kẻ cừu thù mà hồi tâm chuyển ý vui vẻ không còn oán hận nữa;
- Hoặc mộng thấy thờ ra những vật ô uế, hắc ám;
- Hoặc mộng được các bậc thánh hiền xưa kia tiếp đón dẫn dắt;
- Hoặc mộng thấy bay bổng lên cảnh giới hư không;
- Hoặc mộng thấy tràng phan bảo cái.

Thấy những sự việc hi hữu ít có như trên, đó đều là cảnh tượng của lỗi tiêu tội diệt vậy.

111. Nhưng đừng thấy thế mà tự kiêu tự đại là mình đã đạt tới trình độ cao để vội ngưng nghỉ làm đứt đoạn mất con đường tiến triển, ngưng lại tại đây.

Xưa quan đại phu Cừ Bá Ngọc, người nước Vệ vào thời đại Xuân Thu, lúc hãy còn trẻ mới 20 tuổi mà đã giác ngộ rằng lỗi lầm cần phải sửa, như lỗi ngày hôm qua thì ngày hôm nay xét lại để gắng sửa cho hết;

Tới năm 21 lại hiểu biết được lỗi lầm cải sửa năm trước chưa được hoàn toàn dứt bỏ hết;

Tới năm 22 tuổi xét nghĩ lại năm 21 tuổi thì tựa như còn

mơ mơ hồ hồ về những điều làm lỗi chưa được tu sửa.

Cứ năm này kiểm thảo lại năm trước, theo đó mà dần dần tiếp tục sửa đổi, đến năm 50 tuổi mà còn hay biết được lỗi của năm 49.

Cái học tu sửa lỗi lầm của người xưa dụng công như vậy đó.

112. Chúng ta đều là những kẻ phạm phu tục tử, tội ác tích tụ đầy mình, tựa như lông nhím bao bọc toàn thân nó; Nhưng nếu có hồi tưởng lại những sự việc đã làm thì thường chẳng thấy có chỗ nào làm lỗi cả, đó là vì tâm tình thô thiển, mắt bị che phủ kín tìm chẳng ra lỗi để tu sửa.

113. Người có tội ác thâm trọng, sẽ thấy chứng nghiệm ngay, có những triệu chứng như:

- Tâm thần bị hỗn loạn bế tắc, hay lãng trí trầm trọng.
- Hoặc tự nhiên cảm thấy bức bối không lý do;
- Hoặc gặp người chính nhân quân tử thì thường ngượng ngùng e thẹn mất tinh thần
- Hoặc nghe những lời luận bàn chính đáng hợp đạo lý mà chẳng hoan hỷ vui vẻ ưu nghe;
- Hoặc làm ơn lại bị oán,
- Hoặc ban đêm thường mộng thấy nhiều sự điên đảo, điên đảo cho đến nổi mất trí sinh ra vọng ngôn, loạn ngữ không được bình thường;

Đó đều là những hình trạng của nghiệp chướng phát hiện vậy. Nếu thấy có những hiện tượng như trên thì phải tức khắc phấn khởi tinh thần dứt bỏ lỗi lầm cũ để mưu việc tự tu sửa canh tân. Mong rằng đừng nên tự mình lại lừa dối mình.

114. Trong Kinh Dịch có viết: “Nhà nào tích thiện, tất sẽ có nhiều may mắn”.

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP TÍCH THIỆN

Mục A: MỘT NHÀ TÍCH THIỆN HẸN NHIỀU NIỀM VUI

* Mười ví dụ về người xưa làm thiện được phước

115. “Xưa bà Nhan thị đem con gái gả cho Thúc Lương Hột, bà xét kĩ thấy gia đình đó tổ tông đã từng tích đức lâu đời mà đoán biết trước là con cháu họ về sau sẽ hưng thịnh phát đạt”

116. Đức Khổng Tử xưng tán vua Thuấn là người đại hiếu, nói rằng: Tổ tiên không những được thờ tự chu đáo, mà con cháu đời sau vẫn giữ được phúc đức cha ông, đây đều là lời chí lí. Hãy nghĩ về câu chuyện thời xưa.

117. Thiều Sư Dương Vinh, người Kiến Ninh. Tổ tiên ông đều sống bằng nghề đưa đồ. Có lần trời mưa lâu ngày ngập lụt, nước chảy xiết cuốn trôi nhà cửa, người dân và súc vật. Các thuyền khác lo vớt của cải trôi trên mặt nước, còn ông cố và ông nội của Thiều Sư chỉ lo cứu người, không lấy của. Dân làng cho họ là ngu.

118. Kịp cho tới khi sinh ra phụ thân của thiếu sư thì gia đình đã dần dần khá. Có thần nhân hóa làm một vị đạo sĩ mà mách bảo rằng “Tổ phụ nhà ngươi có âm đức, con cháu sẽ được vinh hiển phú quý, nên táng vào chỗ đất đó”. Cha Thiều Sư nghe lời làm theo. Đó là Mộ Thổ Trắng nổi tiếng hiện nay.

Sau đó Thiều Sư ra đời, hai mươi tuổi đã đậu tiến sĩ và làm quan đến Tam Công¹². Sau đó hoàng đế còn truy phong ông

¹²Tam công (chữ Hán: 三公) dùng để chỉ ba chức quan cao cấp nhất trong triều đình phong kiến tại các nước Á Đông như Trung Quốc và Việt Nam. Chức vị chi tiết từng bộ ba này thay đổi theo từng thời đại mà không cố định: Thái sư (太師) là chức quan đứng đầu trong "Tam thái", bao gồm: Thái sư, Thái phó (太傅), Thái bảo (太保). Đây là chức quan tuy không đứng đầu triều trong chế độ phong kiến nhưng phẩm

cố, ông nội và cha của Thiếu Sư đều là Thiếu Sư. Con cháu của Thiếu Sư rất thịnh vượng, mãi đến bây giờ vẫn còn có nhiều người tài giỏi.

119. *“Dương Tự Trừng, người huyện Ngân, tỉnh Triết Giang, buổi đầu làm huyện lại, lòng vốn nhân hậu, ngay thẳng, giữ phép công bình. Vào thời ấy, quan huyện lại quá nghiêm khắc, ngẫu nhiên gia hình tù nhân đến máu chảy đầy đất mà con giận chưa nguôi. Họ Dương quý xin khoan dung. Huyện quan bảo:*

- Tù nhân này đã phạm tội lại không tôn trọng pháp luật, không biết đạo lý nữa, khiến ta làm sao không giận được.

Tự Trừng khấn đầu thưa:

- Người trên lỗi đạo, không còn làm gương mẫu cho kẻ dưới noi theo nên dân tâm thất tán từ lâu rồi, quan trên nếu hiểu rõ tình trạng phạm pháp của dân thì nên thương xót họ, chẳng nên thấy mình xét xử án được phân minh mà vui thích, vui còn chẳng nên, huống hồ lại giận dữ sao! Quan huyện nghe nói tình ngộ mà nguôi cơn thịnh nộ.

120. *Nhà rất nghèo, lại không nhận một chút tặng vật nào cả. Gặp những lúc tù nhân thiếu ăn, thường tìm cách giúp đỡ. Một hôm có bọn tù nhân mới từ xa tới, dọc đường không có ăn nên đói lả, mà nhà lại thiếu gạo, đem cho tù ăn tất nhà không có miếng, để lại nhà ăn thì khó nhẫn tâm, bèn thương lượng với vợ. Bà vợ hỏi là tù nhân từ đâu lại thì Tự Trừng bảo là từ Hàng Châu tới, dọc đường không có ăn, đói khát khổ sở, sắc mặt xanh xao như tàu lá, nhân đó lấy bột gạo của nhà nấu cháo cho tù ăn đỡ.*

trật còn cao hơn cả chức vụ tể tướng, tuy nhiên, không phải triều đại nào cũng đặt ra chức thái sư và chức thái sư ít khi có quyền lực thực tế. Trong lịch sử Việt Nam có một vị thái sư nổi tiếng là Thái sư Trần Thủ Độ, người có vai trò quan trọng trong việc đảo chính lật đổ nhà Lý và lập nên nhà Trần. Thái sư còn là chức vinh phong cho một số đại thần sau khi chết, ví dụ như thời Hậu Lê, sau khi Thái úy Nguyễn Xí chết, ông được vua Lê Thánh Tông phong hàm Thái sư.

121. Sau này sinh được hai người con trai, con cả tên là Thủ Trần, con thứ tên là Thủ Chỉ, đều là chức quan Lại Bộ và Thị Lang ở hai miền Nam Bắc; cháu đích tôn là chức quan Thị Lang của Hình Bộ; cháu thứ là quan Liêm Hiến ở Tứ Xuyên, lại đều là các đại thần nổi tiếng; thời nay có Sở Đình và Đức Chính, cũng là con cháu đời sau.

122. Xưa vào niên hiệu Chính thống nhà Minh, Đặng Mậu Thất khởi loạn ở Phúc Kiến, sĩ dân theo giặc rất đông. Triều đình cử quan đô hiến Trương Giai người ở huyện Ngân, xuất quân nam chinh, tiêu trừ giặc. Sau Trương Đô Hiến phái viên đô sự họ Tạ, thủ hạ của Bồ chánh ty tỉnh Phúc Kiến truy sát tâm nã giặc ở phía đông tỉnh.

Tạ Đô sự tìm được quyển sổ danh sách của đảng giặc; phạm người không theo phụ họa giặc đều bí mật được phát cho một lá cờ nhỏ bằng vải trắng, ước hẹn tới ngày quân binh tấn công thì treo cờ ở trước nhà. Lại nghiêm lệnh cho quân lính không được giết hại bừa bãi, vì thế cứu sống được cả vạn người. Sau con của Tạ Đô Sự là Tạ Thiên thi đỗ trạng nguyên, làm quan đến tể tướng, cháu nội là Phi cũng đỗ thám hoa.

123. Nhà họ Lâm ở Bồ Điền, đời trước có cụ bà ưa thích làm việc thiện, thường làm bánh để bố thí cho người, ai cần cứ lấy, mà không hề thấy phiền hà.

Có một vị tiên biến hóa thành vị đạo sĩ, hàng ngày đến xin sáu bảy chiếc bánh. Bà cụ cố ngày ngày đều tặng, mỗi ngày trong suốt ba năm, nên mới thấy được tấm lòng chân thành vậy. Nhân đó liền nói rằng: Ta đã ăn bánh của bà trong ba năm trời, biết lấy gì đền đáp bà đây? Sau nhà có một miếng đất, hãy an táng tại đó, con cháu làm quan tất sẽ nhiều như một bờ hạt vùng”

Con cháu y theo lời mà an táng, quả nhiên đời đầu tiên sau khi an táng đã có chín người đỗ khoa bảng, con cháu nhiều đời quyền thế trọng vọng vô cùng hưng vượng. Bởi vậy ở Phúc Kiến có câu nói rằng: Không ai của nhà họ Lâm mà không đỗ khoa bảng.

124. Cha của ngài thái sử Phùng Trác Am, khi là học trò trường huyện, sáng sớm ngày mùa đông dậy sớm đi học, trên đường gặp một người, ngã vùi trong tuyết, liền chạm thử, thấy rằng đã bị đông cứng. Ông liền cởi chiếc áo lông cừu, rồi dìu về mà cứu sống.

Đêm mộng thấy vị thần hiện lên nói rằng: Con cứu người từ lòng chân thành, ta sẽ cử Hàn Kì đến làm con trai con. Sau sinh được Trác Anh, liền đặt tên là Kì.

125. Ứng thượng thư người phủ Đài Châu, tỉnh Triết Giang, lúc còn tráng niên học tập ở trên núi, ban đêm nghe quỷ hú gọi nhau tập hợp, tiếng hú thường làm nhiều người rùng rợn, nhưng ông không hề sợ hãi. Một đêm nghe quỷ bảo nhau “mụ vợ nhà kia chồng đi xa đã lâu không về, bố mẹ ở nhà ép gả cho người khác, đêm mai sẽ thất cổ ở nơi đây; vậy là ta đã có người thế thân rồi.

Ông ngầm bán ruộng được bốn lạng bạc bèn giả lời lẽ người chồng viết một bức thư kèm theo tiền gửi về nhà. Bố mẹ ở nhà nhận được thư thấy bút tích không giống cũng hơi hoài nghi nhưng lại nghĩ rằng thư có thể giả được nhưng tiền đâu có giả, vả lại được biết tin con nên thôi không ép gả nữa. Người con sau đó trở về nhà, vợ chồng cùng nhau sum họp vui vầy như thuở ban đầu”

126. Ông lại nghe thấy quỷ nói với nhau:

- Ta đang sắp được thế thân mà gã tú tài kia làm hỏng chuyện của ta.

Một quỷ khác ở cạnh nói:

- Sao ngươi không hại hắn?

Quỷ kia nói:

- Thượng đế thấy người này tâm địa rất tốt, làm nhiều điều phúc, âm đức dày đáng bậc thượng thư, ta làm sao hại nổi.

Nhân đó họ Ứng tự nỗ lực chăm làm lành, ngày càng gia công tu thiện, đức ngày càng thêm dày;

Gặp năm đói kém, liền quyên góp lương thực đem phát chuẩn.

Gặp người thân thích có chuyện cần cấp tức thì tận tình nỗ lực hết mình giúp đỡ họ qua lúc khó khăn;

Gặp trường hợp phải đối xử với người không biết lẽ phải trái, không hiểu được đạo lý thì ngược lại ông chỉ tự trách mình sao không biết cư xử với họ, mà vui vẻ thuận nhận, coi như mình làm lỗi vậy.

Con cháu khoa bảng đỗ đạt cho tới nay thật là nhiều vô kể.

127. Người huyện Thường Thục, tỉnh Giang Tô, họ Từ tên Thúc tự Phụng Trúc, phụ thân là điền chủ giàu có, gặp năm mất mùa, trước đề xướng việc quyên tô, tức bỏ không thu địa tô nữa, sau lại đem thóc gạo dự trữ ra phát chuẩn cho người nghèo khó. Ban đêm nghe thấy quỷ hô ở ngoài cửa:

- Ngàn lần không sai, vạn lần không sai, tú tài nhà họ Từ sẽ thành cử nhân lang.

Cứ thế tiếp tục hô liên nhiều đêm không ngừng. Quả nhiên năm đó Phụng Trúc thi hương đỗ cử nhân.

Phụ thân của Phụng Trúc thấy vậy càng gia công tích đức, cần mẫn chăm lo hành thiện chẳng chút lơ là mệt mỏi; phạm những việc có ích lợi đều hết sức tận tâm làm như tu sửa cầu, tu bổ đường sá, thí thực trai tăng, tiếp tế người nghèo...

Sau lại nghe thấy quỷ hô ở trước cửa:

- Ngàn lần không sai, vạn lần không sai, cử nhân họ Từ quan chức thăng tới đô sát.

Phụng Trúc sau cùng làm quan tới Luống Triết tuần vũ.

128. Ông Đồ Khánh Hy, người phủ Gia Hưng tỉnh Triết Giang, buổi ban đầu giữ chức chủ sự bộ hình, thường vào trong ngục tra xét cẩn thận hỏi lại tình trạng của tù nhân biết được nhiều người vô cớ bị tội.

Ông không tự lấy làm công lao của mình mà viết sớ mật trình lên đường quan, tức thượng thư bộ hình. Về sau, các án tích đều được đưa về triều xét lại. Đường quan theo lời trong mật sớ tra vấn lại tình trạng của tù nhân giải oan được cho hàng chục người, khiến cho không ai là không phục.

Thời đó ở kinh thành tất cả mọi người đều khen ngợi thượng thư xử án thật công minh.

129. Ông lại bẩm cáo đường quan:

- Ở ngay kinh thành mà còn nhiều dân bị án oan, thì hàng trăm triệu dân ở khắp bốn phương trong nước sao khỏi không có người bị oan ức, khá nên trong năm năm lại sai phái một vị giảm hình quan đi điều tra sự thực xét lại án, hoặc gia giảm tội hình, hoặc giải oan phóng thích họ.

Thượng thư bộ hình tấu trình hoàng đế thì lời đề nghị đó liền được phê chuẩn, và ông có tên trong danh sách những người được sai phái làm giảm hình quan.

Ông nằm mộng thấy thần nhân bảo:

- Người số không con, nay đề nghị việc giảm hình thật rất hợp lòng trời nên thượng đế ban cho người được ba trai đều mặc cẩm bào đai vàng.

Ngay đêm đó, bà vợ thụ thai, sau sinh ra Ứng Huyên, Ứng Khôn, Ứng Tuấn đều quan chức hiển hách cả.

130. Ở phủ Gia Hưng có người tên Bao Bằng, hiệu Tín Chi, thân phụ ông làm thái thú huyện Trì Dương sinh được bảy người con. Bằng là út, gởi rể ở nhà họ Viên, huyện Bình Hồ cùng với phụ thân ta là chỗ thâm giao, học rộng tài cao, nhiều lần thi hương không đậu cử nhân nên chán chuyện khoa bảng mà

chuyên tâm học Phật và Lão.

131. Một hôm đi du ngoạn Mão Hồ ở phía đông tỉnh, ngẫu nhiên tới một ngôi chùa ở làng nọ, thấy tượng đức Quán Thế Âm bị lộ thiên, dầm mưa loang lổ, bèn mở túi đẩy lấy 10 lạng bạc đưa cúng dường để hòa thượng trụ trì sửa lại chùa cho khỏi dột nát làm tượng bị ướt át.

132. Thì hòa thượng cáo bạch là việc tu sửa mất nhiều công mà tiền bạc không đủ, e khó hoàn thành công tác.

Bao Bằng cho mở rương mây lấy thêm bốn tám vải, sản phẩm của Tung Giang, và bảy bộ áo kếp bằng vải gai còn mới tinh đưa cúng dường để bán lấy tiền phụ thêm vào việc tu bổ chùa.

Người làm có ý tiếc, ngăn cản lại thì Bao Bằng bảo miễn là tượng đức Bồ Tát không bị ướt át là được, ta dù có ở trần cũng chẳng thương tổn gì.

Hòa thượng trụ trì nghe nói cảm kích rơi lệ bảo rằng:

- Tiền tài, vải vóc, quần áo xả bỏ không phải là điều khó, chỉ riêng có tấm lòng chân thành như vậy đâu phải dễ có.

Sau, công việc tu bổ hoàn thành, ông dẫn cha già cùng đi, đêm ngụ lại ở chùa, mộng thấy các vị hộ pháp lại cảm tạ, bảo:

- Con cháu nhà ngươi sẽ được hưởng lộc ở đời. Về sau con ông là Biện và cháu là Sanh Phương đều đỗ đạt khoa, đỗ đạt, quan chức hiển hách.

133. Phụ thân của Chi Lập, người huyện Gia Thiện, làm lại ở phòng hình sự thấy một tù nhân vô cớ bị hàm oan hãm vào trọng tội, ông lấy làm thương hại muốn cứu mạng. Tù nhân cảm kích bảo vợ rằng:

- Chi công có lòng tốt muốn giải oan cứu sống ta, thực lấy làm hổ thẹn là ta không có gì báo đền ơn đức ấy được. Ngày mai, nàng hãy về nhà ngỏ ý đem thân hầu hạ, hoặc giả ông ấy

chịu thu dụng nàng, tất ta ắt có đường sống vậy.

Người vợ khóc mà nghe lời chồng; kịp khi họ Chi tới, tự mình ra mời rượu và bày tỏ hết ý nguyện của chồng.

Họ Chi tuy không nghe nhưng vẫn tận tình giúp đỡ để bạch hóa án oan. Người tù được tha, cả hai vợ chồng cùng đến nhà khấu đầu cảm tạ mà bảo rằng:

- Chi công ân đức dày như vậy, ở đời thực hiếm có, hiện nay chúng tôi có đứa con gái đã lớn muốn tiến dẫn làm thiếp để hầu hạ công việc nhà cửa, đây cũng là chuyện thường tình hợp lý.

Huyện lại họ Chi sấm sanh lễ vật và thâu nạp làm thiếp, sinh ra Chi Lập mới hai mươi tuổi đã đỗ tiến sĩ, làm quan tới chức Khổng mục ở Hàn Lâm Viện. Lập sinh ra Cao, Cao sinh ra Lộc đều học rộng và có chức phận cả. Lộc sinh ra Đại Luân cũng khoa bảng đề danh.

Mục B: THẾ NÀO LÀ THIỆN?

134. Mười chuyện trên đây, tuy cách cư xử, hành động của các nhân vật có khác nhau, nhưng đều quy về việc làm lành lại gặp quả báo tốt lành.

135. Nếu xét một cách tinh tường mà nói, thì thiện có (1) thật, có giả, (2) có ngay thẳng có khuất khúc, (3) có âm có dương, (4) có phải hay chẳng phải, (5) có lệch hay chính đáng, (6) có đầy có vơi, (7) có tiểu có đại, (8) có dễ có khó, đều cần bàn luận rõ ràng. Làm việc thiện mà không hiểu rõ đạo lý, cứ tự cho việc mình làm là hành thiện, ắt không khỏi tạo nghiệp, uổng phí mất tâm tư một cách vô ích.

Tiết 1: Bàn luận rõ ràng về thiện

136. Xưa có một số nho sinh yết kiến Trung Phong hòa thượng (một vị cao tăng triều đại nhà Nguyên) mà hỏi:

- Nhà Phật bàn thiện ác báo ứng như bóng theo hình, tức

làm lành gặp lành, làm ác gặp ác; nay có người nọ thiện mà con cháu lại không được thịnh vượng, mà kẻ kia ác thì gia đình lại phát đạt, như vậy là Phật nói về việc báo ứng thực vô căn cứ sao?

Hòa thượng nói:

- Người phạm tâm tình chưa được tẩy sạch, chưa được thanh tịnh, tuệ nhãn chưa khai, thường nhận thiện làm ác, cho ác là thiện; người như vậy không phải là hiếm có, đã tự mình lẫn lộn phải trái, cho ác là thiện, cho thiện là ác, điên đảo đảo điên mà không hay lại còn trách oán trời cho báo ứng là sai, là không công bằng ư.

Bọn nho sinh lại hỏi:

- Mọi người thấy thiện thì cho là thiện, thấy ác thì cho là ác, sao lại bảo là lẫn lộn, trái ngược, điên đảo vậy?

Hòa thượng bảo họ:

- Thử ví dụ xem sự tình như thế nào là thiện và thế nào là ác.

Một người trong bọn họ nói:

- Mắng chửi đánh đập người là ác, tôn kính, lễ phép với người là thiện.

Hòa thượng nói:

- Không nhất định là như vậy.

Một người khác cho là

- Tham lam, lấy bậy của người là ác, gìn giữ sự thanh bạch liêm khiết là thiện.

Hòa thượng cũng bảo:

- Không nhất định như vậy.

Mọi người đều lần lượt đưa ra thí dụ về thiện và ác, nhưng Trung Phong hòa thượng đều bảo:

- Không nhất định như vậy.

Nhân thế bọn họ đều thỉnh hòa thượng giảng giải cho.

137. Ngài Trung Phong dạy rằng: Có ích cho người là thiện, có ích cho mình là ác. Có ích cho người, mà đánh mà mắng người thì đều là thiện; có ích cho mình, mà cung kính lễ phép với người, thì đều là ác.

Nếu vì người mà hành thiện, lợi người là công, công sẽ là thật; lợi mình là tư, tư ắt là giả.

Nếu người làm từ tâm của mình thì là thật, còn làm lấy lệ ắt là giả;

Hơn nữa, hành thiện mà không nghĩ tới một sự báo đáp nào cả là chân thiện, trái lại còn hy vọng có sự đền đáp là giả thiện, đó là những điều tự mình cần khảo sát kỹ lưỡng)

138. Thế nào là thẳng là cong?

Nay ta thấy một người cẩn thận để bảo mà vội phân loại ra cho là thiện nhân có thể dung nạp.

Các vị thánh nhân dùng người thì lại khác, thà dùng một cường sỹ cao ngạo, quật cường có tài cán biết mạnh dạn tiến thủ còn hơn.

Người an phận, giữ mình, để bảo, tuy ở đời ai cũng ưa thích cho là tốt, nhưng thánh nhân cho là không có chí khí hướng thượng, chỉ biết vâng dạ không hiểu rõ đạo lý nên có phần không lợi cho nền phong tục đạo đức.

Bởi thế cho nên quan niệm của người phàm về thiện ác, tốt xấu thực rõ ràng khác biệt, tương phản với thánh nhân vậy.

139. Còn chỗ thiên địa, quỷ thần coi là phúc, thiện họa, âm tà, phải trái đều đồng tiêu chuẩn với thánh nhân mà khác biệt hẳn với người phạm tục.

140. Phạm muốn tích lũy thiện tất phải phát xuất từ chỗ tiềm ẩn của chân tâm đã được thanh lọc hết ý ác, quyết không để tai mắt sai khiến hành thiện vì tự tư tự lợi.

Một lòng một dạ cứu giúp đời là ngay thẳng, còn nếu có chút lòng mị thể, lấy lòng người để được danh vọng, tiền tài thì là hành động khuất khúc (cong);

Tâm thuần khiết yêu thương người, đó là thẳng; chỉ một chút tâm oán giận thế gian, đó là khuất khúc (cong).

Chỉ một lòng một dạ tôn kính người là ngay thẳng, còn có chút lòng bốn cợt, coi khinh người là khuất khúc; đều nên bàn luận tường tận.

141. Thiện có “âm thiện”, có “dương thiện”. Làm việc thiện mà người ta biết gọi là dương thiện. Làm việc thiện mà không ai hay gọi là âm đức. Âm đức, trời sẽ thưởng. Dương thiện, hưởng tiếng tăm. Tiếng tăm, cũng là phước báu vậy.

Xưa nay những người có danh, có tiếng thường bị tạo hóa ganh ghét đố kỵ; vì thế những người có danh tiếng lừng lẫy mà thực sự không có nhiều công đức xứng đáng với danh tiếng đó, thường gặp phải nhiều tai họa bất kì xảy ra.

Còn người không tội lại bị oan, chịu tiếng xấu thì thường con cháu phát đạt.

Chỗ sai biệt của dương thiện và âm thiện rất vi tế, cần phải cẩn thận suy xét.

142. Thế nào là đúng? Là sai?

Nước Lỗ xưa có luật người Lỗ nào chuộc được người bị bắt làm kẻ hầu hạ ở các nước chư hầu về đều được phủ quan thưởng tiền. Tử Cống (học trò đức Khổng tên là Tứ) chuộc người

về mà không nhận tiền thưởng.

Đức Không nghe biết lấy làm buồn phiền mà bảo rằng:

- Tứ làm việc thất sách rồi. Ôi, thánh nhân xử sự nhất cử nhất động có thể cải sửa phong tục, thay đổi tập quán, làm gương mẫu cho bách tính noi theo, chẳng phải cứ nhiệm ý làm những việc thích hợp với riêng mình. Nay nước Lỗ, người giàu ít, người nghèo thì nhiều, nếu nhận thưởng cho là tham tiền, là không liêm khiết, còn không lãnh thưởng thì người nghèo sao có tiền tiếp tục chuộc người? Từ nay về sau chắc không ai chuộc người ở các nước chư hầu về nữa.

143. *Tử Lộ (tên Do, học trò đức Không) cứu người khỏi chết đuối, được tạ ân một con trâu. Tử Lộ nhận lãnh, đức Không hay chuyện hoan hỷ bảo rằng:*

- Từ nay về sau nước Lỗ sẽ có nhiều người lo cấp cứu kẻ chết đuối.

Cứ lấy con mắt phàm tục mà xét thì Tử Cống không lãnh tiền thưởng là hay, còn Tử Lộ nhận tặng trâu là kém. Nhưng kiến giải của thánh nhân khác với người phàm nên trái lại đức Không lại chọn Do mà truất Tứ.

144. *Vậy nên biết người hành thiện: Không nghĩ hiện tại, phải nghĩ đến sự ảnh hưởng; Không nghĩ nhất thời, phải nghĩ đến dài lâu; Không nghĩ lợi cá nhân, phải nghĩ lợi cho thiên hạ đại chúng nữa.*

145. *Hiện tại tuy là thiện, nhưng nếu gây ra ảnh hưởng không tốt lại thành hại người, thì tưởng thiện mà lại không phải thiện;*

Hiện tại tuy bất thiện, nhưng nếu có thể ảnh hưởng lợi ích cho người, lại thành ra cứu người, thì tưởng bất thiện mà lại là thiện.

Chỉ là từ một việc này để nói mà thôi, những điều khác cũng vậy, bất nghĩa lại là nghĩa, vô lễ lại là lễ, bất tín lại là tín,

không từ bị lại là từ bị, đều phải chọn lựa.

146. Thế nào là thiên lệch và chính đáng?

Xưa, ông Lã Văn Ý, lúc mới từ chức tể tướng, cáo lỗi hồi hương, dân chúng bốn phương nghênh đón như Thái sơn, Bắc đẩu. Nhưng có một người say rượu mạ ly ông. Lã công điềm nhiên bất động bảo gia nhân:

- Kẻ say chẳng chấp làm gì, đóng cửa lại mặc kệ hắn.

Qua một năm sau, người đó phạm tội tử hình bị giam vào ngục. Lã công hay biết sự tình mới hối hận rằng:

- Giá mà ngày ấy ta bắt hắn đưa quan nha xử phạt thì hắn có thể chỉ bị trừng giới với một tội phạm nhẹ mà tránh khỏi phạm trọng tội về sau. Ta lúc đó chỉ muốn giữ lòng nhân hậu tha thứ cho hắn, không ngờ lại hóa ra nuôi dưỡng tính ngông cuồng của hắn để phạm phải tội tử hình như ngày nay vậy. Đó là một sự việc do lòng thiện mà hóa ra làm ác.

147. Lại nữa, có khi làm việc thiện với tâm ác, như một nhà đại phú nọ gặp năm mất mùa, dân nghèo giữa ban ngày cướp bóc thóc gạo ở ngay nơi thị tứ, báo cáo lên huyện thì huyện không xử lý, dân nghèo được thể càng lộng hành. Gia đình nọ bèn tự xử sự cho bắt những kẻ cướp bóc giam giữ trị tội nên ổn định được tình hình, nếu không hành động như vậy cướp sẽ làm loạn.

Sở dĩ ai cũng đều biết làm thiện là chính đáng và làm ác là thiên lệch nhưng tâm tuy thiện là chính, mà việc làm hóa ra ác là thiên lệch nên gọi đó là “thiên” ở trong “chính”; còn tâm tuy ác mà việc làm hóa ra thiện, đó là “chính” ở trong “thiên” vậy. Sự lý này không thể không hiểu cho thật rõ ràng.

148. Thế nào là đầy vơi?

Kinh Dịch nói: Việc thiện mà chẳng tích lũy lại cho nhiều thì không đủ để được danh thơm tiếng tốt; Việc ác mà không đọng lại nhiều chẳng đủ để bị họa sát thân.

Kinh Thư có nói nhà Thương tội ác quá nhiều như nước vỡ bờ vì thế mà Trụ vương bị diệt. Việc tích thiện cũng như lưu trữ vật dụng, nếu chăm chỉ cất giữ ắt sẽ đầy kho, còn biếng nhác không chịu tích lại thì voi chứ không đầy. Chuyện làm thiện được đầy hay voi, bán hay mua là như vậy

149. Xưa có một nữ thí chủ vào chùa lễ Phật, muốn cúng dường nhưng lại không có tiền, trong túi chỉ còn hai đồng bèn đem cả ra để cúng. Vị trụ trì đích thân làm lễ bái sám hồi hướng cho. Sau nữ nhân đó được tuyển vào cung, tiền tài, phú quý có thừa, đến chùa lễ Phật đem cả ngàn lượng bạc cúng dường. Hòa thượng trụ trì sai đồ đệ thay mình làm lễ hồi hướng mà thôi. Nữ thí chủ nọ thấy vậy liền hỏi:

- Trước đây tôi chỉ cúng dường có hai đồng mà phượng trọng đích thân làm lễ bái sám hồi hướng cho, nay cúng dường cả ngàn lượng bạc mà sư lại không tự mình làm lễ là vì sao vậy?

Vị hòa thượng đáp:

- Trước kia tiền bố thí quả là ít ỏi, nhưng phát xuất từ tâm lòng thật chân thành, nếu bần tăng không đích thân bái sám hồi hướng thì không đủ báo đáp được ân đức ấy. Nay tiền cúng dường tuy thật quá hậu, nhưng tâm bố thí không được chân thành như trước, nên đồ đệ thay bần tăng làm lễ cũng đủ. Với lòng chí thành bố thí cúng dường chỉ hai đồng mà việc thiện được viên mãn, còn bố thí cả ngàn lượng bạc mà lòng không được chí thiết thì công đức đó chỉ được bán phần mà thôi. Trên đây là một thuyết nói về làm thiện được bán và mua hay voi và đầy vậy.

150. “Chung Ly Quyền chỉ dạy cho Lã Đồng Tân cách luyện đan điểm sắt thành vàng có thể đem dùng để cứu giúp người đói. Lã Đồng Tân hỏi rằng:

- Vàng đó sau có thể biến chất hay không?

Chung Ly Quyền bảo:

- Năm trăm năm sau vàng ấy sẽ trở lại nguyên bản chất

cũ là sắt.

Thì họ Lã nói:

- Như vậy là sẽ gia hại cho người đời 500 năm về sau, ta chẳng muốn học phép ấy làm gì.

Chung Ly Quyền bảo:

- Muốn tu tiên cần phải tích công lũy đức 3000 điều, nhưng chỉ một lời của nhà người nói đó cũng đủ mãn 3000 công đức rồi.

Đây lại thêm một thuyết nữa về đầy vơi hay bán mãn vậy”

151. Hơn nữa, làm việc thiện mà lòng không chấp trước vào điều thiện đó, thì làm thiện ở đâu cũng đạt công đức viên mãn.

Nếu trong tâm dính mắc vào việc thiện đó, thì dù suốt đời siêng năng làm thiện nhưng công đức chỉ được một nửa mà thôi.

Ví như dùng tài vật giúp người: Nếu trong không thấy mình cho, ngoài không thấy người nhận, giữa không thấy vật được cho, mới gọi là Tam-Luân-Thế-Không.

Bồ thí với tấm lòng thanh tịnh như vậy thì dù bồ thí một phểu thóc cũng có thể trồng thành vô lượng phước đức. Dù bồ thí một đồng tiền cũng có thể tiêu trừ được ngàn kiếp nghiệp tội.

Nếu làm thiện mà ghi nhớ trong lòng, thì dù bồ thí ngàn lượng vàng, phước đức vẫn không viên mãn. Đây cũng là một ví dụ về bán thiện và mãn thiện vậy.

152. Thế nào là đại và tiểu?

Xưa Vệ Trọng Đạt, một quan chức ở Hàn Lâm Viện bị nhiep hồn đưa xuống âm phủ. Diêm vương sai các phán quan trình những cuốn sổ ghi việc thiện và ác ra để xét. Nếu đem so sánh thì sổ ghi những việc ác thực quá nhiều, còn sổ ghi việc

thiện chỉ có một cuốn nhỏ mỏng như que đũa mà thôi. Diêm vương sai bắc lên cân, cân thử thì bên 1 cuốn sổ ghi việc thiện lại nặng nhiều hơn tất cả những cuốn sổ ghi việc ác hợp lại. Trọng Đạt nhân thế mới hỏi:

- Năm nay, bản chức chưa đến 40 tuổi đời mà sao tội lỗi lại có thể nhiều đến như thế?

Thì Diêm vương bảo:

- Mỗi một niệm ác kể là một tội không cần đợi tới lúc có thực sự phạm phải hay không.

Trọng Đạt lại hỏi thêm là trong cuốn sổ nhỏ đó ghi việc thiện gì vậy.

Diêm vương bảo:

- Triều đình đã từng dự tính khởi đại công tác tu sửa cầu đá ở Tam Sơn, nhà người dâng sớ can gián. Sớ văn đó có ghi chép vào sổ vậy.

Trọng Đạt thưa:

- Bản chức tuy có dâng sớ, nhưng triều đình không y theo lời tấu trình, thì sự việc đâu có ích gì?

Thì Diêm vương lại bảo cho hay là:

- Triều đình không y theo lời tấu, nhưng một niệm thiện đó của nhà người là vì lợi ích của toàn dân, muốn cho họ khỏi bị lao công vất vả, khỏi bị sưu cao thuế nặng, nếu mà lời tấu được triều đình y theo thì công đức của nhà người thực vô cùng lớn lao.

Cho nên nếu có chí nguyện làm việc lợi ích cho quốc gia thiên hạ, cho đại chúng thì tuy việc làm đó có nhỏ mà công đức lại lớn, còn nếu chỉ nghĩ làm lợi riêng cho thân mình thì tuy có làm nhiều mà công đức lại nhỏ vậy.

153. Các vị tiên nho xưa có nói muốn khắc phục mình, muốn thắng được tâm mình thì nên bắt đầu từ chỗ khó khắc phục mà khởi công trước.

Đức Khổng Tử bàn về “nhân” (nhân từ) cũng nói bắt đầu từ chỗ khó mà thi hành trước, (tức là từ chỗ phải thắng được lòng mình vậy, bởi lẽ khó mà làm được thì dễ ắt cũng làm xong).

Như ông họ Thư ở Giang Tây bỏ hết cả tiền lương gom góp trong hai năm dạy học đem nộp quan để trừ vào tiền thiếu nợ giúp cho hai vợ chồng nhà nợ được sum họp khỏi bị bắt đi làm gia nhân nhà người; đó đều có thể gọi là chỗ khó xả bỏ mà xả bỏ được.

Cùng với trưởng lão Hàn Đan, bỏ ra số tiền tích góp trong mười năm, trả thay tiền chuộc, để cứu sống người vợ, đây đều là có thể buông xả từ nơi khó buông vậy.

Lại như ông già họ Cận ở Trấn Giang tuổi đã cao, không con nối dõi, lân gia có người đem đứa con gái còn trẻ đến cho nạp làm thiếp, nhưng ông không nhẫn tâm thu nạp mà đem hoàn trả lại. Đó là chỗ khó có thể nhẫn mà nhẫn được. Vậy nên phúc báo trời cho hưởng sẽ được hậu.

Phàm những người có tiền tài, có quyền thế mà họ muốn làm phúc thì thực là dễ, dễ mà chẳng làm là tự hủy hoại mình, người nghèo hèn khốn cùng muốn làm phúc thì thật là khó, khó nhưng mà làm được, đó mới thực là đáng quý vậy).

Tiết 2. Tùy duyên tu 10 điều thiện

154. Tùy lúc gặp duyên lành cứu giúp người, hay tùy hỷ công đức mà hành thiện, nếu phân biệt ra từng loại thì thật rất nhiều, nhưng đại khái có 10 loại như sau:

- thứ nhất, trợ giúp người cùng làm thiện;
- thứ hai, giữ lòng kính mến người;
- thứ ba, thành toàn việc thiện của người;

- thứ tư, khuyến khích người làm thiện;
- thứ năm, cứu người gặp nguy khốn;
- thứ sáu, kiến thiết, tu bổ có lợi ích lớn;
- thứ bảy, xả tài làm phúc;
- thứ tám, giữ gìn bảo hộ chánh pháp;
- thứ chín, kính trọng tôn trưởng;
- thứ mười, thương tiếc mạng sống loài vật.)

155. Thế nào là cùng người hành thiện?

Xưa vua Thuấn, lúc chưa tức vị, thấy những người đánh cá ở đầm Lô Trạch, đều tranh chiếm chỗ nước sâu nhiều cá, còn người già yếu phải tìm chỗ nước nông cạn chảy xiết ít cá mà đánh, nên có lòng trắc ẩn bất nhẫn, bèn cũng tới đánh cá;

Thấy người nào cũng tranh giành chỗ, thì ông im lặng không đá động gì đến tánh xấu ấy;

Còn thấy người mà có lòng nhường chỗ thì ông hết lời khen ngợi mà theo gương đó cũng nhường chỗ cho người khác.

Một năm sau, những người đánh cá ở những chỗ nước sâu, ai cũng có lòng nhường chỗ cho nhau mà không tranh giành nữa

Ôi, vua Thuấn thực là sáng suốt, há chẳng phải mất lời mà khuyên bảo giáo hóa được người sao! Tuy không dùng lời mà dùng chính bản thân mình làm gương mẫu cho người khác tự sửa đổi lấy mình. Đây là chỗ khổ tâm và khéo dụng công của vua Thuấn vậy.)

156. Đòi ta thuộc thời mạt pháp,

- Đừng đem ưu điểm của mình mà trù dập người,
- Đừng đem điều thiện của mình mà so sánh với người,

- *Đừng đem tài năng của mình mà làm khó người.*
- *Ẩn giấu tài trí, như bắt tài như yếu kém vậy;*
- *Thấy lỗi người khác, lại bao dung mà giấu kín, một mặt để họ có cơ hội sửa, một mặt để họ tự kiêng dè mà không dám phóng túng;*
- *Thấy người có ưu điểm nhỏ cũng đều áp dụng, có việc thiện nhỏ cũng ghi nhớ kỹ, gạt cái ta sang một bên mà thuận theo, rồi ca ngợi và nói cho mọi người biết.*
- *Hàng ngày, khi nói một lời, khi làm một việc, tất đều đều không vì mình mà khởi niệm, đều vì chúng sanh mà làm gương.*

Vì việc nên làm mà làm đó chính là thánh nhân.

157. Thế nào là giữ lòng yêu kính?

Người quân tử và tiểu nhân, nếu xét từ hình tướng, thường rất khó phân biệt, duy chỉ có một điểm khác là tâm không đồng, thiện ác khác biệt hoàn toàn, cũng giống như trắng đen vậy, tuyệt đối không lẫn lộn.

Nên mới nói: Người quân tử khác người ở nơi tâm của họ vậy. Chỗ tâm của người quân tử chỉ là lòng yêu thương người, kính lễ người mà thôi.

Đại khái con người ta ở đời có người thân sơ hay sang hèn, có người thông minh trí tuệ hay đần độn ngu si, có người hiền lương đạo đức hay phạm phu tục tử, hàng vạn vạn người chẳng ai giống ai, nhưng đều là đồng bào của ta, đều cùng một bản thể với ta, sao lại chẳng yêu kính ư?

Thánh hiền nhân thường luôn kính trọng, thương yêu đại chúng làm lợi cho đại chúng. Cho nên yêu kính lễ, thương yêu mọi người, chính là yêu thương kính lễ bậc Thánh Hiền;

Hiểu được ý chí chúng sinh, chính là thấu hiểu được ý chí của bậc Thánh Hiền. Vì sao vậy? Ý chí của bậc Thánh Hiền vốn dĩ vẫn vì đại chúng mà làm cho họ được như ý muốn, đạt được

những điều mà họ mong đợi

Tâm chúng ta nếu trùng hợp với tâm yêu, kính mà làm cho đại chúng được an lạc tức là chúng ta đã vì thánh hiền nhân mà làm lợi lạc cho mọi người vậy)

158. Thế nào là thành tựu cho người?

Ngọc có từ đá, nếu để rơi ắt sẽ như viên sỏi vụn, nhưng khi mài giũa lại trở thành ngọc quý;

Bởi vậy, khi thấy người làm một việc thiện, hoặc chí hướng và tài năng của họ có thể tiến bước thêm, thì đều phải trợ giúp mà thành tựu họ.

Hoặc khen ngợi giúp đỡ, hoặc gìn giữ bảo vệ, hoặc làm sáng tỏ lời vu khống và chia sẻ sự gièm pha, bằng mọi giá giúp họ đứng vững mới thôi.

159. Đại khái, con người thường không ưa thích những người không giống như mình:

Chẳng hạn như ác không ưa thiện, tiểu nhân không thích quân tử.

Người trong một xóm làng thiện thì ít mà xấu ác thì nhiều, vì thế người thiện ở đời bị kém thế khó có thể tự lập được vững vàng.

160. Người hào kiệt thường không chịu khuất phục ai, cũng không chú trọng bề ngoài và những điều vụn vặt, nên dễ bị chỉ trích. Cho nên việc tốt thường dễ thất bại, người tốt thường bị người khác hủy báng.

Duy có người trưởng giả nhân hậu mới hiểu rõ được sự tình mà phù trợ giúp cho họ được thành công. Thành toàn cho người thì công đức thực là lớn lao vô cùng.

161. Thế nào là khuyên người làm thiện?

Sinh ra làm người, ai không có lương tâm? Nhưng đường đời khó khăn, rất dễ bị sa đọa.

Chúng ta nên khéo dùng phương tiện để nhắc nhở, để khai mở cho họ trong cơn mê lầm. Giống như họ trong giấc mộng dài, một khi được đánh thức họ liền tỉnh ngay;

Hoặc giống như họ bị hãm vào vòng phiền não tích tụ từ lâu đời mà ta giúp họ đoạn trừ, khiến họ cảm thấy nhẹ nhàng, mát mẻ thì ân huệ đó thật vô biên vô lượng”)

162. Hàn Dũ nói: «Khuyên người bằng lời được lợi tức thời; Viết sách khuyên người, được lợi ngàn đời». So với cách "cùng người làm thiện - Lấy thân làm gương", cách này tuy có hình tích (còn lưu lại dấu vết) nhưng áp dụng đúng lúc thì có kết quả bất ngờ, không thể bỏ qua.

Tuy nhiên, dùng lời nói hay sách vở khuyên người cũng giống như gặp bệnh nào thì phát thuốc trị bệnh ấy cho bệnh nhân kẻ cũng có hiệu lực nhưng còn lưu lại dấu vết; Còn như dùng chính bản thân mình hành động làm mẫu mực, làm gương cho người trông thấy để họ tự nhiên tỉnh ngộ biết được lỗi lầm mà sửa đổi thì hiệu quả cũng chẳng kém mà không để lại hình tích gì; cả hai phương tiện này đều chẳng thể bỏ qua.

Muốn giúp người, khuyên người cần phải biết tùy thời, tùy người, không để mất lời tức phí lời nói của mình mà người không nghe; cũng không để mất người, tức là gặp người có thể khuyên cải được mà mình không hành động để lỡ mất dịp làm thiện, như thế là kém hiểu biết, không có trí tuệ vậy.

163. Người ta ai cũng có lúc gặp phải sự tai ương hoạn nạn xảy ra. Ngẫu nhiên mà ta gặp trường hợp người bị nạn thì coi sự bệnh hoạn đau đớn của người cũng như là mình đau mà mau mau cứu giúp.

164. Hoặc dùng lời nói làm nhẹ nỗi oan uổng uất ức cho họ; Hoặc tìm mọi cách giúp họ khỏi sự thống khổ triền miên. Thôi Tử có nói: Làm ân không cần để ý tới là nhỏ hay lớn, chỉ cần lúc người gặp nguy khốn mà tới giải cứu, giúp đỡ ngay là

được. Đó thực là lời nói của người nhân hậu vậy.

165. Nhỏ như một thôn xóm, lớn như trong một huyện, thành phố, phạm những công đức kiến thiết có lợi ích công cộng cần phải nên góp công, góp của, (1) Hoặc khai thông dòng chảy, (2) Hoặc tu bổ đê điều phòng lụt lội, (3) Hoặc sửa chữa cầu cống tiện việc giao thông đi lại (4) Hoặc bố thí cơm nước để cứu đói cứu khát; Tùy duyên và tùy cơ hội khuyến khích người cùng hợp lực xây dựng, chẳng nề gian khổ, chẳng quản bị ganh tị, hiềm nghi, oán trách, cứ tận tâm, tận lực mà hành động.

166. Trong nhà Phật thì việc hành thiện có hàng vạn điều để làm, nhưng tựu trung lại bố thí là điều cần trước nhất, muốn bố thí chỉ cần có một chữ xả mà thôi.

167. Người thông đạt thì trong xả lục căn (nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý), ngoài xả lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), nhất thiết những gì mình sở hữu không có gì là không xả được ;

168. Nếu không đạt tới trình độ có thể xả bỏ hết. Trước tiên hãy bắt đầu dùng tiền mà bố thí.

169. Người đời coi cơm ăn áo mặc là mạng sống, xem tiền tài là quan trọng nhất. Nay ta tập xả bỏ tiền tài, bên trong phá được tánh tham tiếc của mình, bên ngoài có thể cứu giúp người khổ nạn, ban đầu có thể còn miễn cưỡng, nhưng về sau rồi sẽ thấy tự nhiên. Bố thí là cách tốt nhất để bỏ ích kỷ, trừ keo kiệt.

170. Pháp là con mắt của sinh linh muôn đời. Nếu không có chính pháp, (1) Sao có thể tham dự và giúp đỡ đại tự nhiên (2) Sao có thể giúp đỡ cho vạn vật; (3) Sao có thể thoát ly khỏi sự ràng buộc của trần thế; (4) Sao có những kinh điển siêu việt thời không để chỉ cho ta con đường xuất thế thoát khỏi luân hồi).

171. Cho nên nếu thấy các đền chùa miếu các vị thánh hiền; hay thấy kinh điển ta đều nên kính trọng giữ gìn, chỉnh trang.

172. Còn nói tới việc đề cao, hoằng dương chánh pháp để đền đáp ân đức của Phật Đà thì ta cần phải cố vũ, khích lệ và phổ biến.

173. Ở nhà thì có phụ huynh, trong nước thì có vua chúa, ngoài xã hội thì phạm những người tuổi cao, đức cao hay chức vị cao đều nên đặc biệt tôn kính phụng sự.

174. Ở nhà thờ phụng cha mẹ phải:

(1) cực kỳ hết lòng kính mến thương yêu,

(2) thái độ đối xử phải dịu dàng hòa nhã,

(3) lời ăn tiếng nói phải nhã nhặn, ôn hòa.

Tập quen cho thành tính nết tốt, tạo được hòa khí mới là phương pháp căn bản cảm ứng với lòng trời.

175. Khi làm việc quan phụng sự vua chúa, thì bất cứ làm một việc gì dù nhà vua không biết tới cũng phải thận trọng không được tự ý làm càn.

176. Khi xử án cũng vậy, không thể tự mình tác oai mà cần phải xét xử cho công bằng, minh bạch.

177. Phụng sự người trên phải xem như phụng sự trời vậy. Ở đây, yếu tố quan trọng nhất là âm đức. Chúng ta thử để ý xem những gia đình trung hiếu, không con cháu nào không phát đạt thịnh vượng lâu dài. Ta phải cẩn thận để ý điểm này.

178. Thế nào là yêu thương sinh mạng loài vật vậy?

Phàm con người sinh ra, được gọi là người duy chỉ ở chỗ có lòng trắc ẩn mà thôi. Muốn cầu làm người nhân, muốn tích đức, đều phải do ở chỗ có lòng trắc ẩn đã.

Theo lễ nghi nhà Chu, vào tháng đầu xuân, tế lễ dùng “tam sinh” như trâu, bò, heo, nhưng không sát hại vật giống cái.

Mạnh phu tử nói người quân tử xa chốn nhà bếp, sở dĩ muốn bảo toàn lòng lân mẫn, trắc ẩn vậy, tức là không muốn nghe tiếng kêu bi thương của con vật bị làm thịt;

Cho nên các vị tiền bối giữ giới “tứ bất thực” (bốn thứ không ăn); nghe tiếng kêu của vật bị giết thịt, trông thấy người ta làm thịt nó, chính mình nuôi nó, hay người ta vì mình mà làm thịt nó, bốn trường hợp đó thì đều không ăn.

Nói gương từ tâm của các vị tiền bối, nếu chúng ta chưa có thể hoàn toàn bỏ hẳn được việc dùng thịt, thì cũng khá nên giữ giới tứ bất thực này.

179. *Dần dần tiến bộ, lòng từ ngày càng gia tăng, không những giữ được giới không sát sinh mà còn coi những vật nhỏ bé động đậy ngu xuẩn hay có linh tính đều là có mạng sống cả mà không giết hại.*

Những việc như lược kén tằm kéo tơ, cày bừa ruộng đất làm chết côn trùng... đều là giết hại, mà cơm áo của chúng ta có được là từ những việc như thế, cho nên cũng chẳng khác nào giết hại loài khác để giành lấy sự sống cho chính mình. Hiểu được như thế thì mới thấy rằng sự hoang phí lương thực, vật dụng... cũng không khác gì tội giết hại.

Cho đến những việc như lỡ tay làm chết, giẫm chân đoạt mạng [côn trùng], thật không thể biết được đã nhiều đến mức nào, nên phải hết sức đề phòng, hạn chế.

180. *Thơ cổ có nói mền chuột thường để lại chút cơm, thương con thiêu thân thì chẳng đốt đèn, để chúng khỏi chết. Thật là từ bi nhân hậu biết bao!*

Thi hành việc thiện thì thật vô cùng, không sao thuật hết được. Theo mười điều trên mà suy rộng ra ắt có thể hoàn bị được hàng vạn công đức.

CHƯƠNG IV GIỮ HẠNH KHIÊM CUNG

Mục A: MÃN CÓ HẠI, KHIÊM LỢI ÍCH

Tiết 1: Quy luật của tự nhiên

181. Kinh Dịch dạy: (1) Đạo trời rút chỗ dư, bù chỗ thiếu nên “mãn” (tự mãn) thì thiệt thòi, “khiêm” (kiêm hạ) được lợi ích; (2) Luật đất chỗ cao bị xói mòn, chỗ trũng được bồi đắp: như trái núi quá cao thì dễ bị lở, chỗ trũng thường được nước chảy tới làm đầy; (3) Quy Luật của quỷ thần cũng thường gây hại cho người tự mãn, thương hại, làm lợi ích cho người khiêm nhường; (4) Đạo người thường chán ghét kẻ tự mãn mà quý mến người khiêm nhường. Khiêm hư là điều mà trời đất, quỷ thần và người đều trọng;

Bởi vậy trong (1) Kinh Dịch có quẻ khiêm là một quẻ đại cát vì cả 6 hào cùng đều tốt cả. (2) Kinh Thư nói tự mãn chuốc lấy tổn hại, tự khiêm được lợi ích. Theo Kinh Dịch và Kinh Thư thì khiêm là điều tốt nhất.

Ta nhiều lần cùng các sĩ tử đi thi, cứ mỗi lần thấy một hàn sĩ nào mà diện mạo, dung quang biểu lộ lòng khiêm nhường một cách rõ rệt thì có thể biết ngay người ấy sẽ đỗ đạt.

Tiết 2: 5 ví dụ về khiêm hạ đều đỗ đạt

182. Năm Tân Mùi (1571), mười anh em trong huyện Gia Thiện chúng ta lên kinh đô thi cử nhân. Trong đó Đinh Kính Vũ là người trẻ tuổi nhất và cũng là người khiêm tốn nhất. Ta nói cho người bạn Phi Cẩm Ba rằng:

- Người này năm nay sẽ đậu

Phi Cẩm Ba hỏi:

- Sao anh biết?

Ta nói:

- Chỉ có người khiêm tốn mới gặp lành. Anh xem trong mười người chúng ta, có ai thật thà chất phát, không muốn dương oai như Kính Vũ đâu? Có ai cung kính vâng chịu, thận trọng dè dặt như Kính Vũ đâu? Có ai bị làm nhục mà vẫn im lặng, bị nói xấu mà không biện hộ như Kính Vũ đâu? Người như thế, trời đất quỷ thần đều sẽ phù hộ, làm sao không thi đậu.

Đến khi xem kết quả, quả thật Kính Vũ thi đậu.

183. Năm Đinh Sửu, ta ở kinh cùng với Phùng Khai Chi là người đồng hương, thấy con người của họ Phùng cực kì khiêm hạ, nghiêm chỉnh, cung kính, phần lớn những tập khí từ thời thơ ấu đều đã biến mất.

Phùng Khai Chi có người bạn tốt tên Lý Tề Nham thực thà, trực tính, hề gặp điều gì mà Khai Chi làm trái là nói thẳng ngay, chê trách ngay tận mặt mà Khai Chi vẫn bình tâm an hòa, thuận chịu, không một lời phản đối, không để bụng giận.

Ta nói với Phùng tiên sinh là “Họa phúc đều có triệu chứng, người được hưởng phúc nhất định là do đã có sẵn căn nguyên của phúc rồi; họa cũng do triệu chứng báo trước mà có; chỉ cần tâm thực sự khiêm hạ thì trời đất ắt sẽ tương trợ. Huynh năm nay nhất định thi đỗ”. Sau thực quả nhiên đúng như vậy).

184. Triệu Dụ Phong, tên Quang Viễn, người huyện Quán, tỉnh Sơn Đông, chưa đầy 20 tuổi đã thi đỗ cử nhân, nhưng sau thi mãi không đậu tiến sĩ.

Thân phụ của Dụ Phong được bổ làm Tam Doãn ở huyện Gia Thiện nên ông tháp tùng theo cha đi nhậm chức. Ở huyện có Tiền Minh Ngộ là người có văn tài, học thức rộng. Dụ Phong ngưỡng mộ đem văn bài của mình tới nhờ chỉ giáo. Minh Ngộ xem và gạch xóa, sửa bỏ nhiều chỗ. Dụ Phong không những không buồn lòng mà còn bội phục, để ý đổi cách hành văn ngay nên năm sau đi thi được trúng cử.

185. Năm Nhâm Thìn, nhân dịp vào kinh yết kiến hoàng

đế, ta gặp Hạ Kiến Sở, thấy người này cực kì cung kính, nhún nhường, lòng khiêm hạ biểu lộ rõ ràng khiến ai cũng phải nể.

Khi về ta nói cùng các bạn hữu là: Phàm người nào được trời giúp thì khi chưa được phát phúc, trước hết trí tuệ sẽ được khai mở; khi trí tuệ đã mở mang thì người phù phiếm trôi nổi, bất định sẽ tự nhiên biến thành thiết thực, sự phóng túng tự nhiên giảm thiểu. Kiến Sở là người ôn hòa, hiền lương như vậy nhất định sẽ được trời cho phát phúc. Đến khi yết bằng quả nhiên trúng tuyển.

186. Trương Úy Nham, người huyện Giang Âm, tỉnh Giang Tô, là người học rộng, đọc nhiều, văn hay nổi tiếng, năm Giáp Ngọ đi thi hương ở Nam Kinh ngụ tại một ngôi chùa nọ; khi yết bằng không có tên nên lớn tiếng nhục mạ khảo quan là mắt không trông, không biết người. Lúc đó có một đạo sĩ ở bên cạnh nghe được bèn cười. Úy Nham liền trút cơn giận ngay sang vị đạo sĩ nọ thì đạo sĩ nói:

- Chắc văn bài của ông nhất định không được hay.

Lời nói này lại càng làm cho Úy Nham thêm giận mắng lớn:

- Người có đọc văn của ta đâu mà biết là không hay?

Đạo sĩ nói:

- Ta nghe nói hành văn quý nhất ở chỗ tâm bình, khí hòa, nay thấy ông hết lời mạ lỵ khảo quan, lòng bất bình cao ngạo thật quá đáng thì văn làm sao mà hay được?

Úy Nham nghe lời bất giác phục thiện, nhân đấy xin thỉnh giáo đạo sĩ nọ.

187. Đạo sĩ nói:

- Trúng cử hay có công danh hoàn toàn do số mệnh định, số chưa được đổi thì dù văn có hay cũng vô ích thôi, nên tự mình sửa đổi biến cải.

Úy Nham nói:

- Đã do số mệnh như vậy thì làm sao sửa đổi?

Đạo sĩ nói:

- Sáng tạo ra mệnh là do trời, lập mệnh là do ta, gắng sức hành thiện, tích âm đức cho thật sâu rộng thì phúc nào mà chẳng cầu được.

Úy Nham lại hỏi:

- Tại hạ là học trò nghèo thì làm sao làm được?

Đạo sĩ bảo:

- Làm việc thiện, tích âm đức đều do tâm tạo ra, thường phải giữ vững tấm lòng hành thiện này thì công đức vô lượng. Chẳng hạn như chỉ một việc khiêm tốn nhũn nhận thì không phải phí tiền gì cả, sao người không tự phản tỉnh, tự trách lấy mình, mà lại mạ lỵ khảo quan ư?"

188. Do đó, Úy Nham tự hạ mình giữ gìn tu sửa, gia công hành thiện ngày một nhiều, gắng sức tu đức ngày một dày; đến năm Đinh Dậu mộng thấy đi tới một tòa nhà phòng ốc cao, được một quyển sổ ghi danh sách các thí sinh được trúng tuyển trong kỳ thi, thấy nhiều hàng bỏ trống mới hỏi người ở kế bên:

- Xin hỏi danh sách khóa thi này, sao lại có nhiều hàng tên bỏ trống vậy?

Thì người đó đáp rằng:

- Ở cõi âm đối với danh sách thí sinh của khóa thi thì cứ mỗi ba năm lại cứu xét một lần, người nào tu hành, tích đức không tội lỗi gì thì vẫn có tên trong sổ, còn những hàng bỏ trống đều có liên quan tới việc trước đây thí sinh đáng lẽ đã được ghi tên vào sổ nhưng sau vì phúc bạc, phạm lỗi lầm nên bị loại bỏ ra;

Sau đó lại chỉ một hàng mà bảo:

- Nhà ngươi trong ba năm tới nên giữ thân tu tính cẩn thận, họa may có thể được điền tên vào đấy, mong rằng nhà ngươi nên lưu tâm đừng phạm lỗi lầm”

Mục B: KHIÊM TỐN, NHÚN NHƯỜNG LÀ GỐC PHÚC

Tiết 1: Khiêm là gốc phúc

189. Theo đấy mà xét, chỉ ngừng đầu cao ba thước ắt đã có thần minh soi xét; muốn tránh hung hiểm họa tai, hay muốn mong được sự việc tốt lành, đều do tự ở nơi ta;

Luôn giữ lấy thiện tâm, một mực làm lành tránh ác, luôn luôn kiểm soát hành vi của mình không một chút nào đắc tội với thiên địa quỷ thần, lại biết khiêm tốn hạ mình, không tự cao, tự đại, khiến thiên địa quỷ thần thường có lòng thương mới mong có được hưởng phúc.

Người mà đầy lòng kiêu ngạo, tự mãn, nhất định khí lượng hẹp hòi, dù cho có phát đạt cũng chỉ một thời mà thôi, chẳng được lâu bền và cũng chẳng được phúc.

Cho nên đối với người có chút hiểu biết, không ai muốn làm lòng mình nhỏ hẹp rồi hết chỗ chứa đựng phước báo.

Hơn nữa, với lòng khiêm tốn, đi đến đâu cũng có người sẵn sàng chỉ dạy giúp đỡ, ích lợi vô cùng.

Nhất là đối với những người đi theo con đường thi cử, khiêm tốn là điều không thể thiếu được”

190. Người xưa nói: Người có chí hướng cũng như cây có gốc rễ thì mới sinh trưởng ra hoa, ra trái. Người có chí muốn lập công danh thì nhất định sẽ được công danh, muốn được phú quý ắt hẳn sẽ được phú quý.

Muốn chí này vững chắc, (1) phải niệm niệm khiêm tốn, (2) mỗi mỗi đều làm vì lợi ích cho người khác, dù là chuyện nhỏ

như hạt bụi cũng hết lòng mà cống hiến, tự nhiên sẽ cảm động trời đất, rồi phước mới đến. Phải nhớ rằng phước tạo được hay không đều là do nơi ta.

191. *Chẳng hạn như muốn cầu được đỗ đạt ắt phải giữ vững ý chí chân thành buổi ban đầu, chứ không phải chỉ nay hứng chí thì cầu, mai không hứng thì lại thôi.*

Tiết 2: Hành thiện phải phổ biến rộng rãi cho người cùng theo

192. *Mạnh phu tử nói về Tề Tuyên Vương: “Nhà vua rất ưa nghe nhạc mà vui thích, sao không cùng chung vui với người dân nước Tề chứ”. Ta nhìn con đường công danh cũng thế.*

HẾT PHẦN CHÁNH VĂN

PHẦN THỨ HAI
GIẢNG GIẢI LIỄU PHẠM TỨ HUẤN

Giảng giải

Liễu Phàm Tứ Huấn

(Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Giảng tại Thẩm Quyển - Trung Quốc
ngày 16/04/2001)

CHƯƠNG I

ĐẠO LÝ VẬN MỆNH

(VCD 01)

Các vị đồng tu, xin chào mọi người!

Hôm nay, chúng tôi có thể tại Nhiếp Ảnh Bằng của đài truyền hình Phụng Hoàng gặp mặt mọi người, lại nói về Liễu Phàm Tứ Huấn.

Quyển sách này là khi tôi 26 tuổi, lúc vừa mới tiếp xúc với Phật Pháp; là quyển sách đầu tiên tôi đọc. Nó có ảnh hưởng đến tôi vô cùng lớn, có thể nói là ảnh hưởng đến cả đời tôi. Đối với bộ sách này, tôi vô cùng yêu thích, cũng thường đọc tụng, và cũng đã giảng qua không ít lần. Chỗ giảng của trước kia so với chỗ giảng của hiện tại, cảnh giới đương nhiên có những điểm không giống nhau. Nhưng bài giảng trước vẫn còn có thể làm y cứ để tham khảo.

Liễu Phàm tiên sinh, ông họ Viên, tên của ông gọi là Hoàng, (Hoàng nghĩa là màu vàng trong đỏ vàng xanh trắng đen), tự là Khôn Nghị. Đương thời, ông là người sông Ngô tỉnh Giang Nam. Ông sống vào thời vua Minh Thế Tông. Thế Tông là vị vua đời thứ 12 nhà Minh, gia tính năm thứ 14, công nguyên năm 1535. Như vậy, quý vị đã có những hiểu biết tương đối rõ ràng về ông, khoảng cách của ông so với hiện tại chúng ta đã hơn 500 năm.¹³

Sau quyển sách “Liễu Phàm tứ huấn” còn có phụ thêm bài văn “*Du tịnh ý công ngộ Táo Thần ký*”, cũng là một môn công khóa rất đáng cho chúng ta học tập. Du Tịnh Ý sinh vào năm Gia Tĩnh thứ 4, lớn hơn ông Liễu Phàm 10 tuổi. Hai người họ gặp nhau vào năm Đinh Sửu, đó là lần thứ hai ông Liễu Phàm đi thi Tiến sĩ, năm đó ông 43 tuổi, còn Du Tịnh Ý Công 53 tuổi, hai người là đồng khoa, lần này, Du Tịnh Ý thi đậu còn Liễu Phàm thi không đậu. Tiên sinh Viên Liễu Phàm phải đợi đến năm Bính Tuất, lúc ông 52 tuổi mới thi đậu Tiến Sĩ.

Chúng ta từ trong truyện ký cả đời ông mà xem thấy, việc sửa sai tự làm mới là một quá trình đầy khó khăn, không phải là việc dễ dàng. Đặc biệt là thời gian đầu, 20 năm trước của ông rất khó khăn, về sau này, khi công phu đã thành thực rồi thì việc đoạn ác tu thiện càng ngày càng dễ làm hơn, chúng ta hãy xem bốn văn.

¹³ Liễu Phàm: Sinh năm 1535, mất năm 1609, hưởng 74 tuổi. Sống tại quê vợ ở tỉnh Triết Giang, huyện Gia Thiệu. Lúc 16 tuổi đậu Tú tài, 33 tuổi đậu Cử nhân và 52 tuổi đậu Tiến sĩ. Ông viết lại 4 bài để dạy con của ông là Thiên Khải, sau này cũng đậu tiến sĩ.

Mục A: LUẬN VỀ LẬP VẬN MỆNH

Tiết 1: Năm 15 tuổi gặp Khổng Tiên Sinh đoán định mệnh

CHÁNH VĂN 1

“Dư đồng niên tang phụ; Lão mẫu mệnh khí cử nghiệp học y; Khả dĩ dưỡng sanh, khả dĩ tế nhân Khả tập nhất nghệ dĩ thành danh, nhĩ phụ túc tâm dã”

(Ta lúc nhỏ thân phụ mất sớm, lão mẫu dạy “bỏ không theo cử nghiệp¹⁴ mà theo học nghề y, vì học y cũng có thể mưu sinh, có thể cứu người giúp đời mà khi y thuật tinh thông thì được thành danh, đó là ý nguyện sớm có của cha con vậy”).

GIẢNG GIẢI

❖ “Ta lúc nhỏ thân phụ mất sớm” (“Dư đồng niên tang phụ”):

“Dư” là tiên sinh Viên Liễu Phàm tự xưng, “Đồng niên” là chỉ lúc ông còn nhỏ, căn cứ vào chương “Học lập mệnh” mà xem, chúng ta biết được ông chịu tang cha khẳg định là trước 15 tuổi, làm sao biết được? Bởi vì ông gặp Khổng tiên sinh vào năm 15 tuổi, cho nên mới chắc chắn là trước 15 tuổi.

❖ “Lão mẫu dạy bỏ không theo cử nghiệp mà theo học nghề y” (“Lão mẫu mệnh khí cử nghiệp học y”):

¹⁴ Thi cử: Ngày xưa Trung Hoa lập chế độ thi cử để tuyển lựa người tài giỏi làm quan.

“Cửu nghiệp”: Là chỉ việc đọc sách cầu công danh. Mẹ ông nói với ông: “Không nhất thiết phải học hành cầu công danh”, đồng thời khuyên ông học ngành y.

❖ *“Vì học y cũng có thể mưu sinh, có thể cứu người giúp đời”* (“Khả dĩ dưỡng sanh, khả dĩ tế nhân”): Học y có chỗ lợi, vừa có thể nuôi sống mình, vừa có thể cứu giúp nhiều người bệnh khổ.

❖ *“Mà khi y thuật tinh thông thì được thành danh, đó là ý nguyện sớm có của cha con vậy”* (“Khả tập nhất nghệ dĩ thành danh, nhĩ phụ túc tâm dã”): “Nếu như con có thể chân thật học tốt nghề y này thì tương lai có thể trở thành danh y, đây cũng là nguyện vọng của cha con đối với con”.

CHÁNH VĂN 2

“Hậu dư tại Từ Vân, ngộ nhất lão nhân già, tu nhiệm vĩ mạo, phiêu phiêu nhược tiên, dư kính lễ chi”

(Sau đó tại chùa Từ Vân, ta gặp một lão nhân râu dài, tướng mạo tốt đẹp, dáng vẻ phi phàm, nên ta dùng lễ mà cung kính lão nhân ấy).

GIẢNG GIẢI

Sau đó, chữ “*hậu*” là chỉ năm ông 15 tuổi, năm 1549, ông tại chùa Từ Vân gặp được một lão nhân.

❖ *“Tướng mạo tốt đẹp”* (“Tu nhiệm vĩ mạo”): “Tu nhiệm” là chỉ râu tóc rất dài, tướng mạo vô cùng tốt đẹp, xem thấy

❖ *“Dáng vẻ phi phàm”* (“Phiêu phiêu nhược tiên”):

Là chỉ đáng vẻ không giống như người thường. Ông sau khi nhìn thấy thì đối với vị lão nhân đó vô cùng lễ kính. Từ đó có thể thấy, tiên sinh Viên Liễu Phàm từ nhỏ đã được dạy dỗ rất tốt, tuy rằng tuổi chỉ mới xấp xỉ 15 nhưng cách cư xử đối người tiếp vật lại rất đúng quy củ. Điều này mới có thể khiến người khác hoan hỷ, khiến người khác yêu quý.

CHÁNH VĂN 3

“Ngũ dư viết: tử sĩ lộ trung nhân giả; minh niên tức tiến học; hà bất độc thư”

(Ông bảo ta rằng: “Người là người trong sĩ lộ. Năm tới tức phải nhập học, tại sao lại không theo học vậy?”)

GIẢNG GIẢI

❖ *“Ông bảo ta rằng”* (“Ngũ dư viết”): Đây là chỉ lão nhân đó nói với ông:

❖ *“Người là người trong sĩ lộ”* (“Tử sĩ lộ trung nhân giả”)

❖ *“Năm tới tức phải nhập học”* (“Minh niên tức tiến học”): *“Tiến học”* là chỉ sang năm ông có thể thi đậu tú tài. Lão nhân này giống như là người biết xem tướng, vừa nhìn thấy liền nói, con là người có mệnh làm quan.

❖ *“Tại sao lại không theo học vậy?”* (“Hà bất độc thư”):

Tại sao con không đọc sách vậy? Con lang thang đến đây, sao không đọc sách?

CHÁNH VĂN 4

“Dư cáo dĩ cố, tịnh khẩu lão giả tính thị lí cư”

(Ta nói rõ nguyên cớ cho vị lão nhân ấy nghe, và lễ phép hỏi danh tính cùng xuất xứ của lão nhân).

GIẢNG GIẢI

❖ “Ta nói rõ nguyên cớ cho vị lão nhân ấy nghe” (“Dư cáo dĩ cố”): Ông liền đem việc mẹ ông giáo huấn, không muốn ông đọc sách mà học y trình bày ra, ông sợ dĩ đi lang thang bên ngoài là vì muốn hái thuốc, bởi vì 15 tuổi học y. Đây nhất định ông là học sinh: Hoặc là theo học với danh y, hoặc là học trò trong các tiệm thuốc. Đây đều là những điều mà chúng ta có thể tưởng tượng đến. Cho nên ông đã đem nguyên cớ báo cáo với vị đạo trưởng này.

❖ “Và lễ phép hỏi danh tính cùng xuất xứ của lão nhân” (“Tịnh khẩu lão giả tính thị lí cư”): Nghĩa là hướng lão nhân thỉnh giáo quý danh, và từ nơi nào lại đây?

CHÁNH VĂN 5

“Viết: ngô tính Khổng, Vân Nam nhân dã; Đắc Thiệu Tử Hoàng Cực Số chánh truyền¹⁶, Số cai truyền nhữ”

(Lão nhân nói: “Lão họ Khổng, người Vân Nam. Lão được Thiệu Khang Tiết tiên sinh chân truyền Hoàng Cực số¹⁶, lão nghĩ cũng nên truyền cho ngươi).

¹⁶ Hoàng Cực số: Sách Hoàng Cực Kinh Thế Thư, tác giả là Thiệu Khang Thiết. Sách này căn cứ trên Kinh Dịch và số học để bói về thời thế đất nước cũng như vận mệnh của con người.

GIẢNG GIẢI

Lão nhân này nói ông họ Không, ông là người Vân Nam.

❖ “Lão được Thiệu Khang Tiết¹⁷ tiên sinh chân truyền Hoàng cực số” (“Đắc Thiệu Tử Hoàng Cực Số chánh

¹⁷ Thiệu Khang Tiết (còn gọi Thiệu Tử), tên thật là Thiệu Ung, tự là Nghiên Phu, hiệu là Khang Tiết, người Hà Nam sinh vào thời Bắc Tống Chân Tông Đại Trung Tương Phù tứ niên (Năm 1011 công nguyên) mất năm thứ mười đời Thần Tông Hy Ninh (1077 công nguyên).

Ông đã nghiên cứu và phát triển Dịch học và đã có những đóng góp to lớn. Ông đã dùng bát quái để dự đoán thông tin, sáng tạo ra phương pháp lấy quẻ theo sự vật, hiện tượng quan sát hay nghe được hoặc giờ, ngày, tháng, năm (theo âm lịch) xảy ra; dùng các phép tính cộng - trừ - nhân - chia để lập quẻ; tìm ra hào động; căn cứ sự sắp xếp của âm dương ngũ hành bát quái cùng các phương pháp phân tích vận khí suy vượng, ngũ hành sinh khắc, quẻ thể, dụng cùng với văn từ của Chu Dịch để đoán giải vận hạn, đoán giải sự việc.

Các trước tác của Thiệu Khang Tiết gồm: Mai Hoa Dịch Số, Hoàng Cực Kinh Thế, Quan Vật Nội Thiên, Ngự Tiều văn đối, Tập thơ Quân Xuyên, Nhượng Sơn tập, Tử Bá Ôn biệt truyện ...

Mai Hoa Dịch Số từ trước vẫn được cho là trước tác của Thiệu Khang Tiết, tuy nhiên, thực tế “Mai Hoa Dịch Số” có phải là nguyên tác của Thiệu Khang Tiết hay không cũng đang là một vấn đề gây nhiều tranh cãi và cần phải nghiên cứu thêm. Có điều, đóng góp to lớn và mối liên hệ mật thiết của Thiệu Khang Tiết trong việc phát triển và phổ biến Mai Hoa dịch là không thể phủ nhận.

Nguồn gốc tên Mai Hoa số:

Khi chưa đạt, Thiệu Khang Tiết đã dán Dịch lên vách, tâm trí hướng vào đó, mắt nhìn vào đó. Khi đã đạt được cái lý của Dịch rồi, tiên sinh lại muốn tạo các số của Dịch mà vẫn chưa tìm ra được đường lối. Một hôm đang ngủ trưa thì có con chuột chạy qua chiếc gối của tiên sinh, gặm rồi kêu lên mấy tiếng. Con chuột chạy khỏi thì chiếc gối vỡ ra. Trong gối có chữ, lấy xem thì thấy có ghi: “Chiếc gối này

truyền”): Tức là quyển Hoàng Cực Số chánh truyền của ngài Thiệu Khang Tiết, hiện tại tác phẩm này vẫn còn được lưu giữ trong “Tứ Khố Toàn thư”.

Tôi cũng đã từng xem qua vài lần nhưng thực tại mà nói, thì xem không hiểu, hoàn toàn thuộc về số học cao đẳng, trong quyển sách này không chỉ có thể nói về vận mệnh của một con người, vận mệnh của quốc gia, mà còn cả vận mệnh của thế giới; hoàn toàn dựa theo môn bốc số trong “Kinh Dịch” mà đoán định.

bán cho Thiệu Khang Tiết, ngày ... tháng ... năm ... chuột cắn vỡ ra.” Tiên sinh thấy lạ vô cùng bèn tìm đến nhà người bán gỏi để hỏi. Người bán gỏi nói:

- Trước đây có một người tay cầm “Chu Dịch” đến đây ngồi nghỉ, lấy chiếc gỏi lên xem. Chữ này chắc của ông ta đó thôi. Cách đây cũng không lâu lắm đâu. Tôi có biết nhà ông ta.

Tiên sinh theo người làm gỏi đi tìm tới nhà thì biết ông ta đã vừa mất. Nhưng có để lại một cuốn sách và dặn người nhà rằng “Ngày ... tháng ... năm ... giờ ... có một vị tú sĩ đến nhà, thì sẽ trao cuốn sách này cho ông ta. Thế là có thể kết thúc công việc của đời ta được rồi.”

Người nhà lấy cuốn sách trao cho tiên sinh. Thiệu Khang Tiết vô cùng vui mừng, đem ngôn từ và bí quyết của “Dịch” suy ra diễn số. Tiên sinh nói với người con của ông già đã qua đời rằng:

- Khi còn sống, cha anh đã chôn vàng ở phía Tây Bắc giường ngủ, anh cứ đào lên lấy tiền buôn bán và lo việc ma chay.

Người con nghe lời quả đào được vàng.

Tiên sinh cầm sách đem về. Sau xem hoa mai thấy chim sẻ tranh giành nhau đoán biết tới hôm sau có người con gái đến bẻ hoa bị ngã rồi bị té gãy tay. Tiên sinh bốc bói đều trúng cả. Hậu thế truyền nhau mà đặt tên là “Quan Mai số” hay Mai Hoa dịch số.

❖ “Lão nghĩ cũng nên truyền cho người” (“Số cai truyền nhữ”): Từ trên định số mà nói thì “ta nên mang phương pháp này truyền cho con”.

Lão nhân là lần đầu tiên gặp mặt Viên Liễu Phàm, làm sao biết có thể đem nó truyền lại cho ông? Ở trong này có đại học vấn. Vấn đề này rất giống với cách truyền đạo của các tổ sư đại đức của tông môn giáo hạ trong nhà Phật.

CHÁNH VĂN 6

“Dư dẫn chi quy, cáo mẫu. Mẫu viết: Thiện đãi chi, thí kỳ số, tiêm tất giai nghiệm”

(Ta thỉnh lão nhân về nhà, và báo cáo với lão mẫu, thì mẫu thân dạy: “Phải nên tiếp đãi cho thật cẩn thận tử tế và thử xem ông ấy đoán số ra sao”, thì thấy mọi việc lớn nhỏ ông đều đoán trúng cả).

GIẢNG GIẢI

❖ “Ta thỉnh lão nhân về nhà, và báo cáo với lão mẫu” (“Dư dẫn chi quy, cáo mẫu”):

Liễu Phàm tiên sinh liền dẫn lão nhân về nhà gặp mẹ mình và giới thiệu ông với mẹ.

❖ “Mẫu thân dạy: “Phải nên tiếp đãi cho thật cẩn thận tử tế và thử xem ông ấy đoán số ra sao”, thì thấy mọi việc lớn nhỏ ông đều đoán trúng cả” (“Mẫu viết: thiện đãi chi, thí kỳ số, tiêm tất giai nghiệm”):

Mẫu thân nói, phải chiêu đãi lão nhân thật tốt và thử bói một quẻ xem có linh nghiệm hay không? Kết quả là bói điều gì cũng đều linh nghiệm.

CHÁNH VĂN 7

“Dư toại khởi độc thư chi niệm, Mưu chi biểu huynh Thẩm Xứng, ngôn Úc Hải Cốc tiên sinh, tại trâm hữu phu gia khai quán. Ngã tổng nhữ kí học thậm tiện, dư toại lễ Úc vi sư”.

(Ta bèn có ý định theo đòi việc đèn sách và bàn với biểu huynh là Thẩm Xứng thì biểu huynh bảo: “Có Úc Hải Cốc tiên sinh mở lớp dạy tại nhà ông Thẩm Hữu Phu, ta gọi người tới đó trọ học thì rất là thuận tiện”. Ta bèn bái Úc tiên sinh làm sư phụ)

GIẢNG GIẢI

❖ *“Ta bèn có ý định theo đòi việc đèn sách”* (“Dư toại khởi độc thư chi niệm”): Từ chỗ này, ông đối với sự bói toán của lão nhân, ông có lòng tin, như thế là ông liền khởi lên ý niệm đọc sách.

❖ *“Và bàn với biểu huynh là Thẩm Xứng thì biểu huynh bảo “Có Úc Hải Cốc tiên sinh mở lớp dạy tại nhà ông Thẩm Hữu Phu, ta gọi người tới đó trọ học thì rất là thuận tiện” (“Mưu chi biểu huynh Thẩm Xứng, Ngôn Úc Hải Cốc tiên sinh, tại trâm hữu phu gia khai quán, ngã tổng nhữ kí học thậm tiện”):*

Tức là cùng với anh họ của ông thương lượng. Anh họ của ông dẫn ông đến chỗ của Úc Hải Cốc tiên sinh; Úc tiên sinh tại chỗ đó dạy tư thực, *“Khai quán”* là chỉ cho việc dạy tư thực. Thẩm tiên sinh dẫn ông đến nơi đó đăng kí học;

❖ “*Ta bèn bái Úc tiên sinh làm sư phụ*” (“*Dur toại lễ Úc vi sư*”): Viên Liễu Phàm tiên sinh liền bái Úc Ngũ Cốc tiên sinh làm thầy.

CHÁNH VĂN 8

“Khổng vi dư khởi sổ, huyền khảo đồng sanh đương thập tứ danh, phủ khảo thất thập nhất danh, đề học khảo đề cửu danh”

(Khổng tiên sinh lấy sổ cho ta thì khi khảo thí ở huyện, đồng sinh¹⁸ đứng hạng thứ 14, thi ở phủ đứng vào hạng thứ 71, và thi ở tỉnh do quan đề đốc học viện làm chủ khảo thì đỗ vào hạng thứ 9)¹⁹.

GIẢNG GIẢI

Khổng tiên sinh bói cho Viên Liễu Phàm một quẻ, ông nói: Sang năm ông lên huyện thi tú tài, thi huyện đứng thứ 14, thi phủ đứng thứ 71, đề học đứng thứ 9. “*Đề học*” là thi tỉnh, lúc đó thi tú tài phải đậu cả ba cửa này.

CHÁNH VĂN 9

“Minh niên phó khảo, tam xứ danh sổ vi hiệp”

(Năm tới đi thi, thì ở cả ba nơi số hạng đều đúng y như thế).

GIẢNG GIẢI

¹⁸ Đồng sinh: Học sinh chưa thi đậu lần nào. Đồng sinh theo học ở trường tư thực (tiểu học tư nhân do một người thầy tổ chức tại địa phương). Sau đó đồng sinh sẽ thi tú tài. Tú tài phải thi ba nơi; huyện, phủ và Đề đốc (tỉnh). Cả 3 nơi đều đậu mới được gọi là đậu tú tài.

¹⁹ Đề đốc học viện: Là bộ giáo dục cấp tỉnh. Các kỳ thi cử tú tài và cử nhân đều tổ chức tại đó.

Sang năm đi thi, “Minh niên” là chỉ năm ông 16 tuổi, năm 16 tuổi ông đi thi quả nhiên ông thi đậu, thứ hạng hoàn toàn tương hợp.

Có thể thấy công phu đoán mệnh của Không tiên sinh rất giỏi, rất cao minh, ông hoàn toàn không phải là những thuật sĩ giang hồ. Ông chân chánh là chuyên gia số thuật có thực học, là chuyên gia giảng về mệnh lý của Trung Quốc. Ông ấy là chuyên gia chân thật chứ không phải giả danh.

CHÁNH VĂN 10

“Phục vi bốc chung thân hựu cửu, ngôn: Mỗ niên khảo đệ kì danh, mỗ niên đương bổ lẫm; mỗ niên đương cống; cống hậu mỗ niên, đương tuyền Tứ Xuyên nhất thái doãn; tại nhiệm tam niên bán tức nghị cáo quy, ngũ thập tam tuế bát nguyệt thập tứ nhật sửu thời; đương chung ư chính tâm, tích vô tử. Dư bị lục nhi cần ký chi”

(Sau đó lại lấy số chung thân cho ta, bảo rằng vào năm nào thì được khảo thí đứng hạng mấy, năm nào thì được bổ khuyết lẫm sinh (tức được cấp phát lương ăn học bằng gạo)²⁰, năm nào thì làm cống sinh, và sau khi làm cống sinh, năm nào thì được tuyền làm trưởng quan ở Tứ Xuyên, tại chức sau 3 năm rưỡi thì cáo quan về hưu. Năm 53 tuổi vào giờ sửu ngày 14

²⁰ Lẫm sinh: Học sinh sau khi đậu tú tài sẽ học ở Học-Cung (trường trung học công lập địa phương) gọi là tiến học. Trong vòng 3 năm đầu phải trải qua 2 kỳ thi: Tuế khảo và Khoa khảo. Nếu thi đậu sẽ được liệt vào danh sách dự bị lẫm sinh gọi là “Bổ lẫm”. Đợi cho đến khi nào có chỗ trống sẽ được đôn lên làm lẫm sinh. Kể từ lẫm sinh trở đi có thể hưởng phụ cấp gạo theo tiêu chuẩn. Lẫm sinh phải thi nhiều lần để lên cống sinh. Các kỳ thi đều tổ chức tại Đề đốc học viện. Thi đậu cống sinh sẽ coi như mãn khoá Học-Cung, gọi là xuất học hay xuất cống. Rồi lại phải lên thủ đô, vào Quốc Tử Giám để học tiếp và thi lên tiến sĩ.

tháng 8 thì mất trên giường bệnh, tiếc rằng không con nối dõi. Ta cần thận ghi lại tất cả.)

GIẢNG GIẢI

❖ “Sau đó lại lấy số chung thân cho ta” (“Phục vi bốc chung thân hưu cửu”): Sau khi đã thấy linh nghiệm như vậy, ông thỉnh lão tiên sinh đoán quẻ cho cả đời ông, về cát hung họa phúc.

❖ “Bảo rằng vào năm nào thì được khảo thí đứng hạng mấy, năm nào thì được bổ khuyết làm sinh (tức được cấp phát lương ăn học bằng gạo)” (“Ngôn: mỗi niên khảo đệ kì danh, mỗi niên đương bổ lâm”):

“Lâm” là một loại cấp bậc trong Tú tài, tương đương với hiện tại chúng ta là học sinh công phí, (tức được học bổng). “Lâm” là “Lâm mẽ” (chỉ lương bổng cấp bằng gạo), thứ hạng của nó có giới hạn nhất định, tất phải có hữu khuyết (thi đậu), xuất khuyết (thi không đậu). Thứ tự khảo thí trong tú tài là cao nhất, sau đó là danh sách bổ sung, bổ lâm.

❖ “Năm nào thì làm cống sinh” (“Mỗi niên đương cống”): “Cống sinh” so với “Lâm sinh” cao hơn một bậc, nhưng cũng đều thuộc tú tài, trong tú tài phân ra nhiều cấp bậc mà “Cống sinh” là cao nhất, thứ kế là “Lâm sinh”.

❖ “Và sau khi làm cống sinh, năm nào thì được tuyển làm trưởng quan ở Tứ Xuyên” (“Cống hậu mỗi niên, đương tuyển Tứ xuyên nhất thái doãn”):

Sau khi ông làm “*Cống sinh*”: “*Mỗ niên*” là vào năm nào đó, “*Cống sinh*” là người có tư cách vào học ở Thái học. Cho nên lúc đó vào Thái học.

Thái học là trường đại học do nhà nước lập nên. Ngày trước cả nước chỉ có một trường, gọi là Quốc Tử Giám. Trường Thái học đó luôn được đặt ở thủ đô, ở kinh thành. Đến đời Minh có hai trường Quốc Tử Giám, nguyên nhân như thế nào vậy? Khi Minh Thái Tổ dựng nước đã đóng đô ở Nam Kinh, cho nên ở Nam Kinh có trường Quốc Tử Giám. Đến thời Minh Thành Tổ, ông lại dời đô về Bắc Kinh, nên ở Bắc Kinh cũng có một trường Quốc Tử Giám. Vì thế vào thời nhà Minh, trường đại học do đất nước lập biến thành có hai cái. Đây là kiến thức thông thường mà chúng ta phải biết.

Từ “*Cống sinh*” trở lên mới có tư cách đến học ở Quốc Tử Giám. Đây là nói một năm sau khi đỗ cống sinh, ông được chọn làm huyện trưởng Tứ Xuyên. “Thái doãn” nghĩa là huyện trưởng.

❖ “*Tại chức sau 3 năm rưỡi thì cáo quan về hưu*” (“*Tại nhiệm tam niên bán tức nghi cáo quy*”): Ông làm quan được ba năm rưỡi thì liền cáo lão về quê, tại sao vậy?

❖ “*Năm 53 tuổi vào giờ Sửu ngày 14 tháng 8, thì mất trên giường bệnh*” (“*Ngũ thập tam tuế bát nguyệt thập tứ nhật Sửu thời, đương chung ư chính tẩm*”): Ông chết tại nhà, thọ mạng của ông đã đến. Khổng tiên sinh có thể đoán định được một cách chuẩn xác như thế.

❖ “*Tiếc rằng không con nối dõi*” (“*Tích vô tử*”): Trong mạng của ông không có con trai.

❖ “*Ta cẩn thận ghi lại tất cả*” (“*Dư bị lục nhi cẩn ký chi*”);

Ông cẩn thận tỉ mỉ ghi chép những điều đó lại. Từng điều, từng điều một mà Khổng tiên sinh nói ông đều ghi chép lại, đây là sự việc của cả một đời ông.

Tiết 2: Trải 20 năm tất cả đoán mệnh đều đúng

CHÁNH VĂN 11

“*Tự thử dĩ hậu, phạm ngộ khảo giáo kỳ danh số tiên hậu, giai bất xuất Khổng công sở huyền định giả*”

(Từ đó về sau, phạm mỗi khi gặp kì khảo thí, danh số trước sau đều đúng như Khổng tiên sinh đã dự đoán sẵn).

GIẢNG GIẢI

❖ “*Huyền*” là chỉ sự đoán định của Khổng tiên sinh. Về sau, mỗi năm đi thi, xếp hạng của ông đều đúng như Khổng tiên sinh đã đoán định, tơ hào không sai. [Tuy nhiên], ở đây có 1 điều không đúng.

CHÁNH VĂN 12

“*Độc toán dư thực lưỡng mễ cửu thập nhất thạch ngũ đấu đương xuất cống; Cập thực mễ thất thập dư thạch, Đồ Tông sư tức phê chuẩn bổ cống, dư thiết nghi chi*”

(Chỉ có một dự đoán là khi nào số gạo cấp lương lưỡng sinh của ta được tới 91 thạch 5 đấu (1 thạch là 10 đấu) thì lúc đó sẽ được bổ làm “cống sinh”. Nhưng cho tới khi ta mới được lãnh hơn 70 thạch thì Đồ tông sư (quan đề học), đã phê chuẩn cho ta được bổ làm cống sinh, duy chỉ có chỗ đó làm ta có điểm hoài nghi).

GIẢNG GIẢI

❖ “Chỉ có một lần đoán sai là khi nào số gạo cấp lương lẫn sinh của ta đủ 91 thạch 5 đấu sẽ được bỏ làm cống sinh” (“Độc toán dư thực lẫn mẽ cửu thập nhất thạch ngũ đấu đương xuất cống”):

Điều này có nghĩa là lúc ông làm “*Lẫn sinh*”, ông lãnh được một số thóc do nhà nước cấp, phân thóc do nhà nước cấp này, tương đương với ngày nay chúng ta gọi là lương bổng. Ông lãnh được bao nhiêu thóc? Ông phải lãnh đủ số 91 thạch 5 đấu, ông mới “*Xuất cống*” (bỏ làm cống sinh), đây là kể từ lúc ông làm “*Lẫn sinh*” lên “*Cống sinh*”.

❖ “Nhưng khi ta mới lãnh được hơn 70 thạch, thì “*Đồ tông sư*” (quan đề học), đã phê chuẩn cho ta được bỏ làm “*Cống sinh*”, duy chỉ có chỗ đó làm ta có điểm hoài nghi” (“Cấp thực mẽ thất thập dư thạch, Đồ Tông sư tức phê chuẩn bỏ cống, dư thiết nghi chi”):

Khi gieo quẻ đoán mệnh cho ông thì khi hưởng được 91 thạch 5 đấu ông mới được lên “*cống sinh*”. Nhưng khi ông mới lãnh được hơn 71 thạch thì “*Đồ tông sư*”: “*tông sư*” là chỉ quan Đề học đương thời, quan giáo học của một tỉnh, tương đương với ti trưởng giáo dục ngày nay. Ông là người phê chuẩn việc bỏ cống sinh (“*bỏ cống sinh*” còn gọi là “*xuất cống*”). Trong tâm Viên Liễu Phàm có nghi hoặc, tại sao điều này lại không đúng? Lần tính toán này xem ra không chuẩn xác?

CHÁNH VĂN 13

“Hậu quả vi thực ấn Dương công sở bác; trực chí Đinh Mão niên, Ân Thu Minh Tông Sư kiến dư tràng trung bị

quyển, thán viết: Ngũ sách tức ngũ thiên tấu nghị đã; khởi khả sử bác hiệp yêm quán chi nho, lão ư song hạ hồ, toại ư huyện thân văn chuẩn công, liên tiên thực mẽ kế chi, thật cửu thập nhất thạch ngũ đầu đã”.

(Nhưng thực ra sau đó, sự phê chuẩn này bị quan thự ấn họ Dương bác bỏ. Mãi tới năm Đinh Mão, tông sư Ân Thu Minh thấy bị quyển nơi trường thi của ta (quyển nộp thi đáng được chấm đậu mà bị bỏ rớt lại) thì than rằng: “Bài ngũ sách đúng là năm thiên tấu nghị²¹, văn chương quảng bác, ý tứ sâu sắc thông suốt của một nho sĩ sao nở để cho mai một mãi ru”, bèn truyền cho huyện quan dâng thỉnh nguyện lên để ông phê chuẩn cho được bổ công sinh. Nếu tính số lượng gạo được cấp từ trước trải qua thời gian bị bác bỏ cho tới khi được bổ thì thực đúng là 91 thạch 5 đầu vậy).

GIẢNG GIẢI

❖ “Nhưng thực ra sau đó, sự phê chuẩn này bị quan thự ấn họ Dương bác bỏ” (“Hậu quả vì thự ấn Dương công sở bác”): Đề tông sư phê chuẩn bổ công, văn kiện đưa lên được thự ấn, “thự ấn” là đại diện, đại diện tức là ông Dương này gạt bỏ nó, không chấp nhận Liễu Phàm bổ công.

❖ “Mãi tới năm Đinh Mão” (“Trực chí Đinh Mão niên”): Năm Đinh Mão là Minh Mục Tông Long Khánh nguyên niên. Tiên sinh Liễu Phàm lúc đó 33 tuổi. Các vị

²¹ Bài thi tuyển: Những giám khảo trong Đề đốc học viện đều do triều đình bổ nhiệm xuống. Trong đó có một chánh chủ khảo, một phó chủ khảo và nhiều giám khảo phòng thi. Mỗi phòng thi có khoảng từ 8 đến 18 thí sinh. Lúc chấm bài, giám khảo phòng thi tuyển lựa những bài xuất sắc cho chủ khảo chấm. Ngoài những bài chủ khảo đã chấm đậu, phần còn lại gọi là bài thi tuyển, trong đó có bài của ông Liễu Phàm.

Tấu nghị: Các quan trong triều đình mỗi khi muốn đề nghị chính sách đều phải viết trên giấy đề trình lên vua xét duyệt gọi là tấu nghị.

nghe xem, ông ấy là 16 tuổi thi đỗ tú tài, đến năm 33 tuổi mới được lên công sinh, mười mấy năm, thời gian dài như vậy mới chờ đến năm Đinh Mão.

❖ “*Tông sư Ân Thu Minh thấy bị quyển nơi trường thi của ta (quyển nộp thi đáng được chấm đậu mà bị bỏ rớt lại) thì than rằng: Bài ngũ sách đúng là năm thiên tấu nghị*” (“Ân Thu Minh Tông Sư kiến dư tràng trung bị quyển, thân viết: Ngũ sách tức ngũ thiên tấu nghị dã”):

Quan Đốc học lúc bấy giờ, chính là trưởng quan Ân Thu Minh tiên sinh chủ trì giáo học, trong lúc rảnh rỗi, ông xem lại những bài thi của các vị thi tú tài đợt trước, trong số những bài này, có những bài thi không đậu, ông lấy ra xem lại, đột nhiên xem thấy bài thi của tiên sinh Viên Liễu Phàm, bài làm vô cùng hay, ông cảm thán mà nói rằng: “5 bài này, người làm 5 bài này cũng như viết tấu chương. Kiến giải, văn chương của người này đều rất hay, có thể sánh với những bài tấu nghị của quan đại thần dâng lên vua”.

❖ “*Văn chương quảng bác, ý tứ sâu sắc thông suốt của một nho sĩ sao nở để cho mai một mãi ru*” (“Khởi khả sử bác hiệp yêm quán chi nho, lão ư song hạ hồ” “Bác”):

Là chỉ cho kiến văn quảng bác, học thức của ông rất phong phú; “*Hiệp*” là nói ông đối với kiến giải, hiểu biết rất là thấu triệt; “*Yêm*” là chỉ văn nghĩa của ông sâu sắc, công phu nhất; “*Quán*”, văn chương như thế này, rất khó xem thấy được. Ông nói “Không thể để cho những người có học vấn, có đức hạnh, có năng lực như vậy bị mai một theo thời gian, cả đời chỉ là một tú tài nghèo”.

❖ “Bèn truyền cho huyện quan dâng thỉnh nguyện lên để phê chuẩn cho được bỏ cống sinh” (“Toại ư huyện thân văn chuẩn cống”): Sau đó mời ông đi bỏ cống sinh, lần này thì phê chuẩn rồi.

❖ “Nếu tính số lượng gạo được cấp từ trước trải qua thời gian bị bác bỏ cho tới khi được bỏ thì thực đúng là 91 thạch 5 đấu vậy” (“Liên tiền thực mễ kế chi, thật cửu thập nhất thạch ngũ đấu dã”): Không tiên sinh đoán mệnh một chút cũng không sai, xác thực là số thóc ông ăn từ lúc đỗ “Lãm sinh” là 91 thạch 5 đấu, ông mới được bỏ chức “Cống sinh”.

CHÁNH VĂN 14

“Dư nhân thử ích tín tiến thoái hữu mệnh, trì tốc hữu thì, đạm nhiên vô cầu hỹ”

(Nhân thế, ta càng tin rằng sự tiến thoái, thăng trầm nhanh hay chậm đều có thời, có số cả, nên an nhiên tự tại chẳng cần mong cầu sự gì cả).

GIẢNG GIẢI

Đến lúc này thì hoàn toàn khẳng định, tin tưởng mỗi một người đều có vận mệnh. Vận mệnh diễn ra nhanh hay chậm đều có lúc, có thời, cưỡng cầu cũng không được, vì vậy tâm ông định lại, vọng niệm cũng không có, chân chánh làm được “Ư nhân vô tranh, ư thế vô cầu” (Với người không tranh, với đời không mong cầu). Cho nên tôi nói ông là một phàm phu tiêu chuẩn.

Chúng ta là phàm phu không đúng tiêu chuẩn, chúng ta một ngày từ sáng đến tối toàn là suy nghĩ vọng tưởng, luôn luôn là vọng cầu mà cầu không được. (Không biết được rằng) nếu trong mạng có thì đến cuối

cùng sẽ có, nếu trong mạng không có mà cứ vọng cầu, thì nào có cầu được?

CHÁNH VĂN 15

“Cống nhập Yến Đô, lưu kinh nhất niên, chung nhật tĩnh tọa, bất duyệt văn tự”

(Sau khi được bổ cống sinh, ta phải đi Yến Đô (tức Bắc Kinh), ở lại kinh đô một năm, suốt ngày tĩnh tọa mà không màng tới việc đèn sách).

GIẢNG GIẢI

❖ “Sau khi được bổ cống sinh, ta phải đi Yến Đô tức Bắc Kinh” (“Cống nhập Yến Đô”):

Làm cống sinh, đến Yến đô, đến Bắc Kinh. Đến Bắc Kinh, đương nhiên cũng có thể là ông nghĩ muốn xem trường đại học quốc gia đó. Tôi nghĩ ông ấy nhất định đi đến hai trường đại học đó tìm hiểu một chút, sau đó đến cuối cùng là chọn trường nào để học. Điều này chúng ta có thể nghĩ đến.

❖ “Ở lại kinh đô một năm, suốt ngày tĩnh tọa mà không màng tới việc đèn sách” (“Lưu kinh nhất niên, chung nhật tĩnh tọa, bất duyệt văn tự”):

Tại sao vậy? Một đời đều đã có trong mệnh, nghĩ tưởng cũng uổng công. Cho nên ông đem vọng tưởng ngừng lại. Thực tại mà nói, ông đã bị vận mệnh câu thúc, không biết phải làm thế nào. Chúng ta xem thấy cái tình cảnh này của ông Viên Liễu Phàm, cũng rất đồng tình, cũng thật xót thương.

Mục B: VÂN CỐC THIỀN SƯ KHAI THỊ VỀ CẢI VẬN MỆNH

Tiết 1: Năm 35 tuổi - Gặp thiền sư Vân Cốc khai thị

CHÁNH VĂN 16

“Kỷ Ty quy dư Nam Ung, vị nhập giám, tiên vấn Vân Cốc Hội thiền sư”

(Năm Kỷ Ty, ta quay trở về, du ngoạn qua Nam Ung tức Quốc Tử Giám ở Nam Kinh, nhưng trước khi nhập học, ta tới bái phỏng Vân Cốc Pháp Hội thiền sư)

GIẢNG GIẢI

❖ “Năm Kỷ Ty, ta quay trở về du ngoạn qua “Nam Ung” tức Quốc Tử Giám ở Nam Kinh” (“Kỷ Ty quy, dư Nam Ung”):

“Kỷ Ty” là năm thứ hai, năm thứ hai từ Bắc Kinh trở lại phương Nam. Thời gian này, Liễu Phàm tiên sinh 35 tuổi.

“Nam Ung” chính là Quốc Tử Giám ở Nam Kinh. Có thể thấy ông đã điều tra rất rõ ràng, ông chọn đại học ở Nam Kinh và muốn đến trường này học tập.

❖ “Nhưng trước khi đi học, ta tới bái phỏng Vân Cốc Pháp Hội thiền sư” (“Vị nhập giám, tiên vấn Vân Cốc Hội thiền sư”):

Vẫn chưa nhập học, vào trước thời điểm nhập học. Nghe nói đến núi Thê Hà, núi Thê Hà ở Nam Kinh. Hiện tại ở Nam Kinh còn có chùa Thê Hà. Thế là, ông đến núi Thê Hà bái kiến Vân Cốc thiền sư.

“Vân Cốc” là hiệu của thiền sư, pháp danh của ông là “Pháp Hội” nên ở đây xưng là “*Hội thiền sư*”, đây là cách tôn xưng ông. Vân Cốc thiền sư là vị đại đức trong nhà Phật đương thời, là một vị cao tăng. Lúc bấy giờ Vân Cốc thiền sư đã 69 tuổi, Liễu phàm 35 tuổi, Vân Cốc thiền sư hơn Liễu Phàm 34 tuổi. Liễu Phàm 35 tuổi đi bái kiến ông, đây cũng là lần đầu gặp mặt.

Chúng ta từ đoạn sau của truyện ký xem thấy hành vi, lời nói của Vân Cốc thiền sư, thấy được đạo phong của ông. Ông là một người chân chánh khai ngộ, tuy rằng ông từ khi còn nhỏ đã xuất gia, lúc xuất gia cùng với hiện tại đều làm kinh sám phạt sự, nhưng kinh sám phạt sự lúc đó cùng với chúng ta hiện nay tính chất hoàn toàn không giống nhau. Sau đó ông giác ngộ được những sự việc mà người xuất gia làm, cùng với sinh tử, với xuất ly tam giới không có can hệ.

Tôi cũng không phải vì điều này [kinh sám, pháp sự] mà xuất gia, xuất gia như vậy chẳng khác nào để duy trì cuộc sống của mình mà thôi, mà sanh tử là việc lớn.

Vân Cốc 19 tuổi, ngài đã đi tham học, tầm sư học đạo, về sau xác thực là đã có thành tựu. Sau khi khai ngộ, ông ẩn giấu tài năng trong tự viện, chuyên hành khổ hạnh, những việc khó khăn mà người khác không làm thì ông làm. Về sau các danh sĩ, quan viên ở một số địa phương phát hiện ra ông, đây là một cao tăng chân chính ngộ đạo, cho nên đã giúp đỡ ông, hy vọng có thể khôi phục lại đạo tràng trên núi Thê Hà. Lão nhân gia, ông hoàn toàn không để ý đến danh văn lợi dưỡng. Ngài giới thiệu một vị pháp sư khác làm trụ trì, làm phương trượng, sau khi đạo tràng đã hưng thịnh, Ngài đến một

nơi sau núi rất ẩn mật, kiến lập một chỗ tu nhỏ, nơi đó gọi là “Thiên Khai Nham”. Hiếm có người đặt chân đến, Ngài một mình ở nơi đó khổ tu.

Tôi nghĩ, Liễu Phàm tiên sinh đi thăm viếng ông, nhất định là đến Thiên Khai Nham này. Tôi nghĩ nhất định phải là nơi này, bởi vì lúc đó pháp sư đã 69 tuổi mà đến năm 1575, ngài 75 tuổi thì viên tịch. Cũng vào năm 1575, năm đó, tiên sinh Viên Liễu Phàm 41 tuổi. Vậy nên lúc Liễu phàm tiên sinh gặp Ngài, cho đến lúc Ngài viên tịch, thời gian cũng không lâu lắm, chỉ có 7 năm. Do đó, chúng tôi cho rằng ông ấy nhất định là ở Thiên Khai Nham của núi Thê Hà.

Đại sư, bình thường khi tiếp đãi mọi người, bất kể là ai đến bái kiến ông, ông đều đưa cho họ một cái “bồ đoàn”²² và mời họ ngồi ngay ngắn lên đó, rồi bảo họ tham cứu vấn đề “*Phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục*” (nghĩa là “Mặt mũi” từ lúc cha mẹ chưa sinh là gì?). Chỉ một câu này mà không nói thêm gì nữa, cả ngày ông không nói một câu, chỉ ở trong định. Liễu Phàm tiên sinh đi tham bái ông, đại khái cũng không ngoại lệ.

CHÁNH VĂN 17

“Ư Thê Hà sơn trung, đối tọa nhất thất, phàm tam trú dạ bất minh mục”

(Ở trên núi Thê Hà Sơn, cùng thiền sư đối diện trong một thất, tĩnh tọa ba ngày đêm chẳng nhắm mắt).

²² Bồ đoàn, là một dụng cụ để Tọa thiền, thường được dòn bằng bông gòn và bọc bằng một lớp vải xanh dương đậm. Tọa bồ đoàn có hình vuông, với kích thước mà một người ngồi thiền trong tư thế Kết già phủ tọa vừa đủ ngồi và để hai đùi gồi lên.

GIẢNG GIẢI

Thiền sư cùng với Tiên sinh Viên Liễu Phàm, hai người họ ngồi trong thiền đường, ba ngày ba đêm mà không nói một câu.

CHÁNH VĂN 18

“Vân Cốc vấn: Phàm nhân sở dĩ bất đắc tác Thánh giả, chỉ vị vọng niệm tương triền nhĩ, nhữ tọa tam nhật, bất kiến khởi nhất vọng niệm, hà dã?”

(Thiền sư hỏi ta: “Sở dĩ người phàm không làm được thánh nhân chỉ vì bị nhiều vọng niệm lẫn xăng trong lòng không ngừng, vương vấn bao quanh che lấp mất tâm thanh tịnh mà thôi. Nhà người ngồi ba ngày không thấy khởi một vọng niệm nào, làm sao làm được sao vậy?)

GIẢNG GIẢI

Đặc biệt là người tu hành, người tu hành tại sao không thể thành tựu? Vì vọng niệm quá nhiều, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quá nhiều nên tâm định không nổi.

“Thật kì lạ! Người ngồi đây ba ngày mà ta không thấy người khởi một vọng niệm nào”. Vân Cốc thiền sư không thấy Liễu phàm tiên sinh khởi lên một vọng tưởng. Đây là nguyên do gì?

Vân Cốc thiền sư cũng thật kỳ lạ! Bình thường ông rất ít nói, nhưng khi gặp Viên Liễu Phàm, lại nói hơi nhiều, thật là không dễ! Đây là duyên phận rất đặc biệt. Chúng ta phải hiểu được đạo lý ở đây, giữa người và người xác thực là phải có nhân duyên. Viên Liễu Phàm gặp được thiền sư Vân Cốc mới có thể chuyển biến vận

mệnh. “*Thiên học lập mệnh*” là do Vân Cốc truyền lại cho ông.

CHÁNH VĂN 19

“Dư viết: Ngô vị Khổng tiên sinh toán định, vinh nhục tử sanh, giai hữu định số, tức yếu vọng tưởng, diệc vô khả vọng tưởng”

(Ta đáp rằng: “Tại hạ vì được Khổng tiên sinh bói mạng cho, sự vinh nhục sinh tử đều do số đã định sẵn cả, nên dù có vọng tưởng hoặc mưu cầu điều chi cũng không thể thay đổi được, vô ích mà thôi, nên không khởi vọng tưởng nữa”).

GIẢNG GIẢI

1. “Phàm phu tiêu chuẩn” là gì? Chẳng ác, chẳng thiện

Lúc trước, khi tôi đọc đến câu nói này, tôi cho rằng lúc đó, Viên Liễu Phàm tiên sinh thực sự là một phàm phu tiêu chuẩn. Cũng không sai, cả đời ông, mỗi ngày trôi qua đều đúng như đoán định của vận mệnh, đến 53 tuổi thì thọ chung tại nhà, cả đời không có tội lỗi lớn (vì ông ta chẳng tạo ác, cũng chẳng thiện), nên đời sau khẳng định không đọa vào 3 đường ác, đây là một phàm phu tiêu chuẩn. Vận mệnh của ông bị Khổng tiên sinh đoán định.

2. Người bị số mạng chi phối là người còn vọng niệm

❖ “*Sự vinh nhục sinh tử đều do số đã định sẵn cả*” (“Vinh nhục tử sanh, giai hữu định số”):

Câu nói này đồng thời cũng là nói với chúng ta, chúng ta cũng không ngoại lệ. Phàm đã là người, chỉ cần bạn có ý niệm thì bạn nhất định phải có vận số, cũng là

nói bạn nhất định phải có định mệnh nếu như bạn còn có vọng niệm.

3. Người thoát khỏi vận mạng là không còn vọng niệm

Nếu như bạn không có vọng niệm thì bạn có thể siêu thoát vận mạng.

4. Liễu Phàm cải mạng, nhưng không thoát vận mạng

Liễu Phàm tiên sinh tuy có thể cải tạo vận mạng, nhưng ông chỉ có thể cải biến chứ không thể thoát khỏi.

Vân Cốc thiền sư giỏi như vậy, tại sao ông không cao hơn một bước, đem phương pháp thoát khỏi vận mệnh dạy cho Viên Liễu Phàm?

Đây chính là quan sát căn cơ thọ giáo: Xem xem căn cơ của Liễu Phàm tiên sinh; thiên chất của ông.

Có những cao tăng đại đức, đều có năng lực quan sát, xem bạn là thượng căn, trung căn hay hạ căn mà tùy cơ thuyết pháp. Cho nên tất cả chúng sanh, hễ gặp được cao nhân thì không một ai mà không được lợi ích.

Chúng ta xem thấy Liễu Phàm tiên sinh, ông là thuộc trung căn, không phải thượng căn. Đối với người trung căn, đương nhiên không thể nói thượng pháp, nếu nói thượng pháp thì ông không thể tiếp nhận nổi.

Cho nên khi thuyết pháp, khế hợp căn cơ là điều vô cùng quan trọng. Pháp mà không khế cơ cũng như “*Nhàn ngôn ngữ*”, điều này trong kinh Phật có nói.

“Nhàn ngôn ngữ” nói theo cách hiện nay là nói phí lời, lời nói vô ích. Cho nên cần thiết là phải khế cơ, khế lý²³.

Vì sao Liễu Phàm cải được mạng? Vì biết trước

Chúng ta cần phải tin tưởng một cách sâu sắc, bất cứ người nào cũng có vận mệnh, có định số, chỉ là bản thân họ không biết mà thôi. Bản thân không biết, câu này có nghĩa, bạn trong suốt cuộc đời nhất định cũng chỉ như kẻ mù mò mẫm mà thôi.

Liễu Phàm tiên sinh được người đoán định, ông rất rõ ràng. Trong suốt một đời, phương hướng, mục đích sở hành của ông đều rất rõ rõ ràng ràng, minh minh bạch bạch, ông cứ chiếu theo mệnh lý mà sống.

Còn chúng ta thật đáng thương, chúng ta không biết vận mệnh của mình, cho nên chúng ta như kẻ mù mò mẫm trong biển lớn tối tăm.

5. Vì sao phàm phu không cải được mạng? Vì không biết

Thứ nhất: Phàm phu bất tri, bất giác tạo nghiệp

Nếu như tùy thuận phiền não, trong lúc mê mờ, tạo tác quá nhiều tội nghiệp thì tội nghiệp đó sẽ làm tổn phúc báu, làm giảm thọ mạng của chúng ta. Thông thường nói giảm thọ tức là giảm thọ mạng. Cái tình hình này trong xã hội hiện nay có thể nói là rất đúng.

²³ “Khả dữ ngôn nhi bất dữ chi ngôn, thất nhân. Bất khả dữ ngôn nhi dữ chi ngôn, thất ngôn. Tri giả bất thất nhân, diệc bất thất ngôn” (Có thể nói với họ mà không nói với họ thì mất người. Không thể nói với họ mà nói với họ là mất lời. Kẻ biết rõ đối tượng thì không mất người, cũng không mất lời).

Nếu người có thiện căn phước đức sâu dày, tuy là không biết vận mệnh của mình, nhưng tâm địa của họ thiện lương, không có tâm tưởng sai quấy, hành vi đều giữ đúng quy củ, không làm những việc thương thiên hại lý, tổn người lợi mình. Tuy rằng không biết vận mệnh nhưng bản thân họ chính là đang tăng phước, đang tăng thọ cho mình, “*bất tri bất giác*”²⁴ trong mạng lại tăng trưởng phước báu.

Thứ hai: Phàm phu chịu ảnh hưởng lớn từ hoàn cảnh

Hoàn cảnh sống, con người là phàm phu, không thể không chịu sự ảnh hưởng của hoàn cảnh.

Hoàn cảnh xã hội của chúng ta hiện nay không tốt, đây là chỉ trong lịch sử từ xưa đến nay, cả trong và ngoài nước đều chưa từng có qua.

Hoàn cảnh bất thiện, chúng ta ngày ngày đều bị những cái bất thiện này ảnh hưởng. Điều này có nghĩa, cơ hội tạo nghiệp của chúng ta ngày càng nhiều, càng lớn; Vậy là bất tri bất giác mà tạo nghiệp. Cái sự việc này rất đáng sợ!

Một là: Hoàn cảnh xưa dễ thành tựu

Lúc trước, khi tôi cầu học, Thầy Lý có kể cho tôi một câu chuyện, không phải là nói với mình tôi mà là thầy lên lớp giảng cho cả lớp nghe. Thầy giảng:

- Lúc trước, tại một địa phương nọ, có xảy ra một án mạng trái nghịch luân lý, con giết cha. Cái sự việc này

²⁴ Không biết, không hiểu

từ trước đến nay chưa từng có, đây là một việc lớn. Sự việc này được tâu lên vua, đương nhiên người con này bị xử tử hình.

Nhà vua ban ra một mệnh lệnh vị quan huyện ở đó bị cách chức. Vị huyện trưởng đã phạm phải lỗi lầm gì? Địa phương này là khu vực do ông ta cai trị, do ông ta giáo hóa, sao có thể giáo hóa ra cái loại người đại nghịch bất đạo như vậy. Vì giáo hóa không tốt, nên vị huyện trưởng bị cách chức.

Tuần phủ ghi lại lỗi lầm, tuần phủ là tỉnh trưởng đương thời, ghi lại lỗi lầm.

Việc xử phạt vẫn còn tiếp diễn, triều đình lại hạ một mệnh lệnh nữa. Vào thời điểm đó, mỗi huyện đều có một bức tường, đem bức tường này phá đi một góc. Hoàng đế hạ lệnh đem bức tường phá đi một góc. Điều này có ý nghĩa gì? Cái huyện này của các người có một người con đại nghịch bất đạo như vậy, đây là điều sỉ nhục đối với người dân trong toàn huyện.

Chúng ta hiểu được tại sao xã hội ngày xưa có thể an định, thời gian an định thịnh trị kéo dài, nhân dân thực sự có được cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn.

Hai là: Hoàn cảnh nay khó thành tựu

Hiện tại chúng ta từ trên báo chí, tạp chí thường thường xem thấy, con cái giết cha, giết mẹ thật là quá nhiều. Hãy quay đầu nhìn lại ngày nay, bất luận là phú quý hay bần tiện, cho dù một người có tiền của vạn ức, liệu cuộc sống của họ có hạnh phúc hay không? Không

hạnh phúc. Có vui vẻ hay không? Không vui vẻ! Cuộc sống của họ thật rất đáng thương. Nói một cách khó nghe, đó thật sự không phải là cuộc sống của con người. Đến cuối cùng là nguyên nhân gì vậy? Chúng ta đã bao giờ suy nghĩ qua hay chưa?

Ở đây đều có định số. Định số, chúng ta mỗi ngày khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều có gia giảm thêm bớt. Mức độ của gia giảm thêm bớt không lớn, đại khái so với vận số không vượt quá nhiều, cho nên có thể thấy thông thường đoán mệnh, hầu như đoán được rất chuẩn xác.

Còn nếu như ác niệm, thiện niệm, ác hạnh, thiện hạnh của chúng ta mức độ quá lớn, bạn có đại thiện hoặc giả là đại ác thì định số của bạn sẽ thay đổi. Nếu như bạn làm được điều thiện lớn, trong mạng của bạn không tốt sẽ biến thành tốt. Nếu như bạn tạo đại ác, trong mạng của bạn vốn là rất tốt, liền biến thành xấu.

Phàm phu chúng ta có những cái không thể tránh được, nhất là trong xã hội hiện nay. Xã hội hiện đại, không thứ gì không dự hoặc chúng ta, nhân tâm làm sao có thể định được. Cho nên ngày nay bất kể là tu hành hay học vấn, không dễ gì mà có được thành tựu.

■ **Vậy ngày nay muốn thành tựu nhờ gì?**

Có thể ở trong xã hội ngày nay mà học tập hay tu hành có thành tựu, đều là nhờ vào thiện căn phước đức nhân duyên quá lớn. Nếu không có thiện căn, phước đức lớn, nhất định không có khả năng thành tựu.

- **Bạn có thiện căn:** Bạn mới thấu rõ đạo lý;

- **Bạn có phước đức:** Bạn mới không bị động tâm. Đối với tất cả những dụ hoặc không hề khởi tâm động niệm. Đây là công phu chân thật, đây là phước đức chân thật.

Cổ đại đức ngày xưa, trường học là đạo tràng để dạy học; Cửa Phật là nơi để tu hành. Tại sao lại chọn nơi thâm sơn cùng cốc không có người đến? Thực tại mà nói, mục đích là để ngăn cách với những dụ hoặc của xã hội bên ngoài, để tâm chúng ta dễ dàng định lại mà thôi.

Hiện tại thì khó rồi, tôi học Phật giảng kinh, tuy đã trải qua nhiều năm như vậy, đạo tràng Phật giáo có rất nhiều, nhưng tôi đều chưa đi đến. Ở Trung Quốc, tôi chỉ đi Cửu Hoa Sơn, Nga Mi sơn mà hiện tại những đạo tràng này đều đã được mở đường quốc lộ, nên du khách đi lại rất thuận tiện, lúc trước thì rất khó khăn. Lúc nhỏ, tôi là người An Huy, nhà cũ của tôi ở Lô Giang, nên không cách xa Cửu Hoa Sơn cho lắm. Tuy nhiên, lúc trước lên núi phải mất ba ngày, bây giờ ngồi xe chỉ mất 3 giờ. Lúc trước, muốn lên núi phải mất ba ngày, cho nên anh chân thật phải có thành ý, vậy mà còn có người “*tam bộ nhất bái*” (ba bước một lạy) nữa, đại khái là phải đi từ bảy ngày đến mười ngày, từ quê hương chúng tôi chiêm bái đến Cửu Hoa sơn với thái độ rất kiên thành (kiên trì và chân thành). Chọn nơi này, không chỉ giao thông không thuận tiện, người qua lại không nhiều, người muốn đến đây rất ít nên hoàn cảnh nơi đây của chúng tôi rất yên tĩnh, không bị người ngoài quấy rầy.

Hiện tại nơi đây đã mở đại lộ, trong chùa đều đã được lắp đặt máy truyền hình. Vậy coi như xong, những ô nhiễm này đã xâm nhập đến nơi này rồi. Cho nên hiện tại tu đạo khó rồi. Quá khó, quá khó!

Tôi ở nước ngoài nhiều năm như vậy, mãi cho đến năm nay, chúng tôi mới chọn một thị trấn nhỏ ở vùng núi Toowoomba, Úc châu. Trên núi, cái thị trấn này, nhân khẩu chỉ có 8 vạn, hơn nữa người dân nơi đây vô cùng bảo thủ. Hiện tại mà nói thì đây là một nơi tốt, rất khó có được để học tập, để tu đạo.

[Cho nên], không thể chọn lựa nơi đô thị vì đô thị mức độ dục hoặc quá lớn, nếu không có định lực thì quyết định không thể thành tựu. Ở một thế giới đô hội, bạn sao có thể tu hành?

Năm 1977, tôi ở Hương Cảng giảng kinh, các đồng tu bên đó nói với tôi rằng, họ nói:

- Lão hòa thượng Hư Vân đã từng ở Hương Cảng. Các đồng tu Hương Cảng đã tha thiết mời lão hòa thượng ở lại Hương Cảng nhưng lão Hòa thượng nói rằng: “Cái địa phương này phồn hoa đô hội không thích hợp để tu hành, cho nên chỉ ở đó vài ngày rồi về lại Trung Quốc”. Tại sao? Sức dục hoặc quá lớn, danh lợi sẽ khiến tâm người dao động, do đó không phải là nơi để tu hành.

Còn nếu như quý vị có cái tâm giống với tâm thái này của Liễu Phàm tiên sinh, đã biết được vận mệnh của mình, đã được đoán định rồi, khởi vọng tưởng cũng là ủng công, tâm của ông liền định lại (vậy thì không sợ bị ô nhiễm), thế thì được.

Lời giải thích này khiến Vân Cốc thiền sư cười lớn.

CHÁNH VĂN 20

“Vân Cốc tiểu viết: Ngã đãi nhữ thị hào kiệt, nguyên lai chỉ thị phạm phu”

(Thiền sư cười mà nói rằng: “Ta tưởng ngươi là một hào kiệt, nào ngờ ngươi vốn cũng chỉ là phạm phu mà thôi”)

GIẢNG GIẢI

“Tôi vốn cho rằng ông là anh hùng hào kiệt”.

6. Thế nào là người hào kiệt? Làm được điều người khác không làm được

Điều người khác không làm được, anh có thể làm được, người đó đích thị là anh hùng, là hào kiệt. Ba ngày ba đêm không khởi một vọng niệm, điều này không phải người bình thường có thể làm được, Viên Liễu Phàm tiên sinh có thể làm được.

Lại hỏi tại sao? Mệnh bị người ta đoán định, khởi vọng tưởng cũng uổng công. Vì vậy mới không khởi vọng tưởng. Đây là phạm phu, là một phạm phu tiêu chuẩn. Chúng ta phải biết, ông từ điểm này mà có thể chân chính tỉnh ngộ.

7. Thế nào là thiện căn, phước đức, nhân duyên?

Chúng ta hãy xem xem Vân Cốc thiền sư đã khai đạo cho ông như thế nào, làm sao để giáo hóa ông, làm sao đem những quan niệm sai lầm của ông chuyển hóa trở lại. Đây mới là học vấn chân thật.

Liễu Phàm tiên sinh có thể tiếp nhận đó là thiện căn của ông. Nhà Phật nói thiện căn tức là có khả năng thấu suốt rõ ràng; Lại có thể tin sâu không nghi;

Y giáo phụng hành, đây chính là phước đức.

Có thiện căn, có phước đức lại có thể gặp được thiện tri thức giỏi như vậy khai thị, đây là nhân duyên.

Thiện căn, phước đức, nhân duyên, cả ba điều này đều có đủ, người đó nhất định thành tựu, có thể đem vận mệnh của họ cải đổi, đạo lý là ở chỗ này. Được rồi, hôm nay chúng ta giảng đến đây thôi.

A DI ĐÀ PHẬT

(VCD 02)

Chư vị đồng tu, xin chào mọi người!

Phía trước chúng ta đã giảng đến chỗ tiên sinh Viên Liễu Phàm bái kiến thiền sư Vân Cốc, ngồi đối diện trong thiền đường suốt ba ngày ba đêm, mà không khởi một vọng niệm nào.

Vân Cốc thiền sư thấy lạ, liền hỏi ông duyên cớ vì sao? Viên Liễu Phàm tiên sinh thưa với Vân Cốc thiền sư là vận mệnh của ông đã được Không tiên sinh đoán định, trong hai mươi năm nay một tơ hào cũng không sai, nên ông cho rằng khởi tâm động niệm cũng đều vô ích, do vậy tâm ông định lại.

Tiết 2: Tại sao phàm phu bị vận mạng câu thúc?

1. Bị vận mạng câu thúc là do còn vọng niệm

CHÁNH VĂN 21

“Vấn kì cổ, viết: Nhân vị năng vô tâm, chung vi âm dương sở phục, an đắc vô số? Dẫn duy phàm nhân hữu số. Cực thiện chi nhân, số cổ câu tha bất định, cực ác chi nhân, số diệt câu tha bất định. Nhữ nhĩ thập niên lai, bị tha toán định, bất tăng chuyển động nhất hào, khởi phi thị phàm phu?”

(Ta hỏi lí do tại sao thiên sư lại nói như vậy? Thì thiên sư bảo rằng: “Phàm là con người nếu còn chưa được vô tâm, tức tâm còn vọng tưởng chưa được thanh tịnh thì chung cuộc vẫn bị ràng buộc bởi âm dương khí số, mà đã bị ràng buộc bởi âm dương khí số thì làm sao nói là không có số được? Tuy nhiên, chỉ người phàm là có số.

Những người làm việc cực thiện cũng như cực ác không bị số mệnh câu thúc mãi, bởi làm nhiều điều thiện có thể đương nghèo hóa giàu, còn trái lại làm nhiều điều cực ác có thể đương giàu sang phú quý trở thành nghèo hèn.

Nhà người 20 năm nay, cứ theo lời đoán của Không tiên sinh mà bị số mệnh câu thúc không hề thay đổi một chút nào thì như thế chẳng gọi là phàm phu thì là gì?”

GIẢNG GIẢI

Lúc này Vân Cốc thiên sư mới bảo: Cuộc đời của ông đã bị số mệnh câu thúc. Bị vận số câu thúc là bởi vì ông còn có vọng niệm, đây không thể gọi là người có công phu, chỉ có thể gọi là một phàm phu tiêu chuẩn mà thôi.

Liễu Phàm tiên sinh sau khi nghe xong, vội quay lại thỉnh giáo ông.

CHÁNH VĂN 22

“Dư vấn viết: nhiên tắc số khả đào hồ? Viết: Mệnh do ngã tác, phúc tự kỳ cầu, Thi Thư sở xưng, đích vi minh huân. Ngã giáo diễn trung thuyết, cầu phú quý đắc phú quý, cầu nam nữ đắc nam nữ, cầu trường thọ đắc trường thọ. Phù vọng ngữ nãi Thích Ca đại giới, chư Phật Bồ Tát, khởi cuồng ngữ khi nhân.”

(Ta hỏi ngay rằng: “Vậy thì có thể tránh khỏi số mệnh được sao?”

Thiền sư đáp: “Mệnh do chính mình tạo và phúc cũng do tự mình cầu được. Kinh Thư đã nói làm lành được phúc, làm ác bị giảm phúc, thực rõ ràng đúng là những lời minh huấn.

Trong kinh Phật có nói “Cầu phú quý được phú quý, cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái, cầu trường thọ được trường thọ. Nay, vọng ngữ là điều đại giới của đức Thích Ca; chư Phật, Bồ Tát há lại nói dối trá, lừa người ư?”

GIẢNG GIẢI

Trong đoạn đối thoại này, ý nghĩa hàm chứa trong đó vô cùng sâu sắc.

❖ *“Ta hỏi ngay rằng: “Vậy thì có thể tránh khỏi số mệnh được sao?” (“Dư vấn viết: nhiên tắc số khả đào hồ”):*

Tiên sinh Viên Liễu Phàm hỏi: “Người đều có số mạng, số mạng này có thể thay đổi sao?” Ông đưa ra nghi vấn này. Thiền sư đáp lại rằng:

❖ *“Mạng là do mình tạo, phúc là do mình cầu” (“Mệnh do ngã tác, phúc tự kỳ cầu”):*

2. Vọng niệm tạo nên vũ trụ nhân sanh

Thứ nhất: Lục đạo chúng sanh không thoát khỏi số mạng

Hai câu nói này, phía trong ẩn chứa vấn đề rất quan trọng. Trước tiên chúng ta phải hiểu rõ, lục đạo phàm phu chạy không thoát khỏi số mạng.

Cổ Thánh Tiên Hiền, chư Phật Bồ Tát, họ là người đến nơi đây, họ đối với chân tướng sự thật thấu triệt hiểu rõ, tư hào cũng không sai, điều này chúng ta phải tin tưởng.

Thứ hai: Chân tướng vũ trụ thế nào?

Một là: Vô lượng vô biên không gian duy thứ

Nếu như dùng cách nói của các khoa học gia hiện đại, đó chính là không gian duy thứ vô hạn, cũng chính là ba độ không gian, bốn độ không gian, năm độ không gian mà họ nói đến.

Trên lí luận mà nói, không gian là độ số vô hạn. Chúng ta sinh tại “nhân đạo” [loài người] cho nên chỉ sinh hoạt trong ba độ không gian [hay còn gọi không gian 3 chiều], chúng sanh ở duy thứ từ bốn độ không gian trở lên, chúng ta không biết được.

Ngày nay khoa học gia cho chúng ta biết được xác thực là tồn tại mười một độ không gian.

Hai là: Đột phá không gian duy thứ thấy quá khứ vị lai

Hiện tại các khoa học gia vẫn còn đang nghiên cứu. Một khi đột phá được không gian duy thứ, điều mà

chúng ta đã nói, tức bạn có thể biết được quá khứ, tương lai.

Quá khứ đã tạo nhân gì, hiện tại phải chịu quả báo như thế nào, đời nay tạo cái nhân gì, tương lai quả báo ra sao, không phải đều hiểu rõ ràng hay sao?

Đây không phải là cách suy đoán, so với Khổng tiên sinh còn cao minh hơn hay sao?

Khổng tiên sinh là từ số học, “Kinh dịch” là một bộ số học, ông từ trên số học mà suy đoán, suy đoán được rất chính xác. Tuy nhiên không dám nói là hoàn toàn chính xác, bởi vì lúc suy đoán nếu có một tơ hào không chính xác thì kết quả hoàn toàn không giống nhau.

Nhưng nếu có thể đột phá không gian duy thứ thì quyết định là hoàn toàn chính xác, một tơ hào cũng không sai. Vì sao? Vì quá khứ, hiện tại, vị lai, bạn đều là chính mắt mình nhìn thấy.

Ba là: Làm sao đột phá không gian duy thứ? Thiên định

Cái sự việc này, hiện tại mà nói cũng không khó. Tại Cổ Ấn Độ, những chuyên gia về số luận, yoga, Bà La Môn giáo, họ đều có năng lực này. Cho nên thuyết về lục đạo luân hồi không phải của Phật giáo, mà là của cổ Bà La Môn giáo, nay là Ấn Độ giáo. Lịch sử của họ, hiện tại thế giới công nhận là có 8500 năm lịch sử, so với Phật giáo họ ra đời sớm hơn rất nhiều. Những người này đều là tu thiên định.

Trong kinh Phật có nói đến “tứ thiên, bát định”, do đó, không gian duy thứ trong lục đạo, họ cơ hồ đều đã đột phá được.

Cho nên tình trạng trong lục đạo, họ nói được rất rõ ràng. Nhưng họ chỉ biết được cái hiện tượng mà không biết được cái nguồn gốc của hiện tượng này.

Bốn là: Không gian duy thứ từ đâu mà có? Vọng niệm

Tại sao lại có hiện tượng này, tại sao lại có những biến hóa như vậy, họ đều không biết.

Vì vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện tại thế gian này, Ngài vì sao lại xuất hiện? Là vì những người có năng lực quan sát đến được những cảnh giới như thế, nhưng lại đối với những cảnh giới này có rất nhiều nghi hoặc không thể giải trừ, cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện tại thế gian là vì cái sự việc này, đó gọi là “*Chúng sanh có cảm thì Phật, Bồ tát có ứng*”. Điều này đã cảm ứng Thích Ca Mâu Ni Phật đến thế gian này, vì chúng ta mà thuyết minh cái nguồn gốc của những hiện tượng đó.

Phật tại trong kinh Đại thừa đã giảng nói được rất nhiều, nhất là trong kinh Hoa Nghiêm, không chỉ có “Lục đạo”²⁵, bên ngoài “Lục đạo” còn có “Tứ thánh”²⁶ pháp giới, còn có “Nhất chân” pháp giới. Đây đều là quy nạp lại mà nói, nếu nói tỉ mỉ thì không thể dùng ngôn ngữ để nói một cách tường tận được.

²⁵ Người, Trời, A Tu la, Địa ngục, Ngạ quỷ, súc sanh

²⁶ Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật (của tạng giáo)

Cũng giống như chỗ mà khoa học gia đã nói, không gian duy thứ vô hạn, cùng với Phật tại trong kinh nói được hoàn toàn tương ứng. Làm sao phát sinh ra nhiều không gian duy thứ không đồng như vậy?

Phật nói với chúng ta, đều là từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước biến hiện ra.

Chúng ta hãy tĩnh tâm mà quan sát, vọng tưởng của chúng sanh nhiều vô lượng vô biên, niệm trước vừa diệt thì niệm sau liền sanh, một ngày không biết đã khởi bao nhiêu vọng niệm, không biết có bao nhiêu phân biệt, chấp trước, điều này tạo nên không gian duy thứ không đồng; tạo nên hiện tượng không giống nhau.

Phật tại trong kinh thường nói, thập pháp giới y chánh trang nghiêm, dùng lời hiện tại mà nói chính là hiện tượng vũ trụ nhân sinh, chính là “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Cũng giống như trên màn ảnh ti vi hiện nay, tướng hiện trên màn ảnh ti vi là tâm, do tâm hiện, cái tướng này có thể hoạt động, nó tại nơi này sản sinh biến hóa, những biến hóa đó gọi là thức biến. Thức chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Những thứ này có thể đem những hiện tượng cải biến, biến được vô cùng phức tạp. Đây chính là căn nguyên Phật đem hiện tượng vũ trụ nhân sinh nói rõ cho chúng ta.

Năm là: Tự ta có vọng niệm nên mệnh do ta tự tạo

Cho nên, Vân Cốc thiền sư mới nói “*Mệnh do ta tạo*”, không phải do người khác tạo, cùng người khác không có mảy may quan hệ.

Hoàn cảnh bên ngoài thân là huyễn cảnh. Trên kinh Kim Cang nói được rất hay “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh*”, không phải là thật. Những hiện tượng này, Phật nói với chúng ta rằng “Không thể nói chúng có, cũng không thể nói chúng không có”. Cũng giống như nằm mộng không khác, bạn không thể nói là không có cảnh giới mộng, trong mộng cảnh giới xác thực là có tồn tại. Nhưng bạn cũng không thể nói chúng có vì chúng là hư huyễn không thật, xác xác thực thực là “*Liễu bất khả đắc*”.

Thứ ba: Chân tướng nhân sanh thế nào?

Một là: Thân này không phải là ta

Nếu chúng ta tỉ mỉ quan sát, hiện tại, chúng ta ở cái thế giới này, xác xác thực thực cũng chỉ là một giấc mộng. Buổi tối, chúng ta đi ngủ, người khác mang chúng ta đi, chúng ta cũng không biết. Do đó mà thấy thân không phải là ta.

Hai là: Triết học phương tây: “Tôi tư duy tôi tồn tại”

Các nhà triết học phương Tây rất thông minh, họ biết thân này không phải là ta, do đó họ đưa ra lý luận rằng “*tôi tư duy thì tôi tồn tại*”.

Điều này thừa nhận cái gì? Thân thể vật chất không phải là ta, là hư huyễn. Chỉ khi có thể tư duy, có thể tưởng tượng đó mới gọi là ta. Điều này so với người thông thường cao hơn một bậc.

Đó có phải là chân tướng sự thật hay không? Không phải. Chúng ta suy nghĩ là vọng tưởng, không phải là chân tướng sự thật.

Ba là: Phật giáo: Nhất chân pháp giới là ta (thật ngã)

Cho nên cảnh giới của Phật so với họ cao hơn rất nhiều, ngay cả tư tưởng của chúng ta cũng buông bỏ thì thấu triệt căn nguyên, khôi phục chân tâm, khôi phục bản tánh, sau đó mới có thể xem thấy được chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

Cái chân tướng này trong Phật giáo có một tên gọi là “*Nhất chân pháp giới*”, hoặc gọi là “*Chân như*”, cũng gọi là “*Đệ nhất nghĩa đế*”.

Danh từ thuật ngữ mà Phật dùng để chỉ nó rất nhiều. Giáo học của Phật, tại sao lại dùng đến nhiều danh từ như thế? Ở đây có dụng ý, chính là muốn dạy chúng ta phải hiểu rõ chân tướng sự thật, chứ không được chấp trước trên danh tự. Nếu chấp vào danh tự thì lại sinh ra vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

3. Ai có thể thoát ra khỏi số mệnh?

Thứ nhất: Là người chứng ngộ - Người không còn vọng niệm

Ngày nay nếu muốn đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đoạn hết; trong tâm nghĩ “tôi cũng rất muốn” [nhưng không làm được]. Vấn đề là cái gì? Đoạn không được, vọng niệm vẫn là tiếp nối nhau không dứt, đây chính là lí do chúng ta không thể thành tựu.

Một là: Giải ngộ là gì? Tin sâu không nghi

Chúng ta tuy là từ trong kinh giáo hiểu rõ ràng minh bạch, tin sâu không nghi. Trong Phật pháp nói, chúng ta chỉ là “giải ngộ” chứ không phải “chứng ngộ”, không khế nhập được cảnh giới chân thật.

Hai là: Chứng ngộ là gì? Nâng cao cảnh giới – Thoát khỏi vận mệnh

Chỉ có chứng ngộ mới có chỗ dụng, giải ngộ không có chỗ dụng, không thể giải quyết được vấn đề.

Do đó sau khi giải ngộ phải tu hành, phải đem những lý luận, những phương pháp này chân thật áp dụng vào trong đời sống sinh hoạt của mình, dần dần nâng cao cảnh giới của mình. Được như vậy mới có thể giải quyết được vấn đề.

Ở đây nói, chúng sanh trong lục đạo, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước rất nặng.

Kết luận: “Mệnh do ta tạo”: Cuộc đời chúng ta giàu nghèo sang hèn, đây là mệnh; Vận mệnh này có định số; Định số này từ đâu mà có, là do chính bản thân ta tạo.

Nhà Phật giảng nhân quả thông ba đời, mỗi người quyết định là đều có đời quá khứ, đời vị lai. Phật giảng đến chỗ cứu cánh. Phật giảng thời gian nói đến cái “sát na”, sát na, đây là thời gian rất ngắn. Chúng ta ngày nay nói về đơn vị thời gian, nhỏ nhất là giây. Trong nhà Phật nói đến “sát na”

“Sát na” tính thế nào?

Phật dùng “đàn chỉ” (một khay móng tay), một đàn chỉ có 60 cái sát na. Một “đàn chỉ” chưa đến một giây, nếu chúng ta khảy được nhanh thì một giây đồng hồ chúng ta có thể khảy được 4 lần. Một đàn chỉ là $\frac{1}{4}$ giây, một đàn chỉ lại có 60 cái sát na, vậy $\frac{1}{60}$ của $\frac{1}{4}$ giây mới gọi là một sát na. Trong một “sát na” lại có 900 sanh diệt, đó là niệm đầu, 1 niệm sanh, 1 niệm diệt, trong một sát na có 900 niệm sanh diệt²⁷.

Điều này quá vi tế, người bình thường chúng ta không thể quan sát được. Chúng ta bình thường tâm khí bao chao, sao có thể quan sát đến được.

Thứ hai: Bồ tát Bát địa trở lên thấu suốt vụ trụ nhân sanh

Nhập định, trong định thì tâm thanh tịnh, có thể đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta lắng xuống. Ở trong thiền định thâm sâu, chúng ta mới có thể nhìn thấy được những hiện tượng sanh diệt. Đây phải là công phu rất cao.

Vân Cốc thiền sư e rằng vẫn chưa thấy được. Trong đại thừa Phật pháp có nói, có thể nhìn thấy đầu số của sát na sanh diệt, phải là “*Bát địa bồ tát*” của đại thừa viên giáo. “Bát địa” còn gọi là “Bất động địa”, rất gần với quả vị của Như Lai. Trên bát địa là “Cửu địa”, “Thập địa”, “Đẳng giác”, rất gần với quả vị Phật, lúc này mới chân chính có thể hiểu được chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

²⁷ 216.000 niệm/s

Tiết 3: Nguyên lý cải tạo vận mạng

1. “Mệnh do ta tạo”

Hôm nay, chúng ta nói đến ý niệm là niệm thô, vô cùng vô cùng thô.

Chúng ta khởi lên một thiện niệm, lợi ích cho người khác, cho xã hội, cho chúng sanh, quả báo là được phước.

Chúng ta khởi lên một niệm ác, niệm ác là vì lợi ích bản thân, cái gọi là tổn người lợi mình. Cái niệm này trong nhà Phật gọi là ác niệm. Ác niệm thì quả báo là hung, là tai họa.

Cho nên, cát hung họa phước trong một đời chính là quả báo của ngôn ngữ, tạo tác, khởi tâm động niệm của chính chúng ta, cũng có thể nói là hiện tượng của ngôn ngữ tạo tác. Đây chính là nói “mệnh do ta tạo”.

2. Phước tự mình cầu?

Người chân chánh minh bạch hiểu rõ thì khẳng định đối với lời nói này, khẳng định đối với sự thật này. Trong suốt cuộc đời anh ta, bất luận là gặp bất cứ hoàn cảnh trái nghịch, bất thiện thế nào, anh ta cũng quyết không oán trời, quyết không trách người. Anh ta không trách người, mà quay lại trách chính mình “Bản thân tôi tạo tác bất thiện nên mới phải chịu quả báo khổ sở như thế này.”

Sau khi đã hiểu rõ rồi, phước phải do chính mình cầu, làm sao mà cầu đây? Cải ác làm thiện.

▪ Hòa thượng tự cầu phước ra sao?

Trước đây, lúc tôi còn trẻ, ba tôi qua đời rất sớm, ba tôi qua đời khi tôi 21 tuổi. Cuộc sống chúng tôi gặp đúng thời gian chiến tranh Trung Nhật, chịu đựng tám năm đau khổ của chiến tranh, học hành không đến nơi đến chốn. Thời gian đó, chúng tôi là học sinh lưu vong, hoàn toàn thoát ly với gia đình. Quốc gia đối với chúng tôi không tề, thành lập rất nhiều trường quốc học, thu nạp đám học sinh lưu vong chúng tôi. Trường học là nhà chúng tôi, thầy giáo là cha mẹ chúng tôi, bạn học là anh chị em của chúng tôi. Lúc đó sự thân ái chân thành của chúng tôi đối với trường lớp, đối với bạn học, đối với thầy cô, người bây giờ không thể tưởng tượng được. Chúng tôi là những người bạn trong đời sống hoạn nạn, hai bên quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống khó khăn vô cùng. Lúc ba tôi mất, trong gia đình không có gì cả. Tôi lưu lạc đến Đài Loan, làm việc ở đây được bảy tám năm, thấy bản thân không có tiền đồ.

Thầy tôi là đại sư Chương Gia, chọn cho tôi con đường tu hành này. Đại sư khuyên tôi xuất gia, khuyên tôi hoằng dương Phật pháp. Tôi suy nghĩ rất lâu, chỉ thị của đại sư rất chính xác, liền nghe theo lời dạy của thầy, chọn đi theo con đường này. Tôi theo đại sư ba năm, đại sư đặt cho tôi một nền tảng vững chắc.

Về sau tôi từ bỏ công việc, đến Đài Trung học giảng sư với cư sĩ Lý Bình Nam, ở Đài Trung suốt 10 năm. Về phương diện Phật pháp, tôi tiếp thu giáo huấn Phật pháp suốt 13 năm của hai người thầy, nhưng về trình độ học lực của thế gian, tôi chỉ tốt nghiệp cấp hai. Cuộc đời về sau, phước tự mình cầu.

Tôi đã hiểu, đã giác ngộ, cho nên từ năm 26 tuổi, sau khi đã học Phật, tôi rất cẩn thận, “Y giáo phụng hành”.

Lúc trẻ cũng có vài người xem tướng cho tôi, đây là tập tục của người Trung quốc. Lúc còn nhỏ, mẹ coi tướng cho tôi (ở Đài Loan cũng gặp không ít cao nhân về nghề này), nói tôi sống không qua 45 tuổi, mạng tôi còn khổ hơn Liễu Phàm, thọ mạng còn ngắn hơn. Ông ta sống đến 53 tuổi, tôi chỉ được 43 tuổi mà thôi. Lúc đó tôi học Phật, chỉ tính thọ mạng mình đến năm 45 tuổi, sau 45 tuổi là hết. Trong thời gian 45 tuổi này, bản thân nhất định phải có thành tựu, thành tựu này chắc chắn có thể vắng sanh Tịnh độ. Tôi định mục tiêu tại đây, bản thân phải có sự tính toán.

Đến năm 45 tuổi, quả nhiên tôi bị bệnh nặng, bệnh một tháng. Nhưng tôi không đi khám, cũng không uống thuốc, vì tôi biết bác sĩ “*Có thể trị bệnh, mà không thể trị mệnh*”. Mệnh đã đến, tìm bác sĩ có lợi ích gì? Tôi đóng cửa niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ. Mỗi ngày có vài đệ tử làm ít thức ăn đưa đến, ăn cháo với tương rau. Một tháng sau, sức khỏe hồi phục dần, ngoài lần đó thì suốt đời tôi chưa từng bị bệnh. Sau khi lành bệnh, chúng tôi vẫn tiếp tục làm công việc giảng kinh dạy học như thường lệ. Đến những năm về già, ngày càng thuận lợi.

Tôi nhớ có lần, ở Chùa Thiện Đạo tôi gặp được Phật sống Cam Châu, đó cũng là người bạn cũ của tôi. Ông là học trò của đại sư Chương Gia, lớn hơn tôi khoảng 20 tuổi. Khi gặp, ông nói với tôi:

- Thầy Tịnh Không, thầy lại đây!

Chúng tôi cũng rất khó khăn mới gặp nhau được một lần, hoan hỷ vô cùng. Ông nói tiếp:

- Vận mệnh của thầy bây giờ đã thay đổi hoàn toàn.

Tôi hỏi:

- Vậy là sao?

Ông nói:

- Trước đây chúng tôi thường nói chuyện về thầy, nói gì vậy? Nói thầy là một người thông minh, đáng tiếc không có phước báo, lại đoán mệnh.

Tôi nói:

- Những điều này có thể nói trước mặt tôi, không cần tránh tôi, vì tôi biết rất rõ.

Ông nói:

- Nhờ bao nhiêu năm nay thầy chuyên hoằng pháp lợi sanh, công đức đó đã thay đổi hoàn toàn. Không những thầy có phước báo, mà còn rất trường thọ.

Tôi rất cảm khái! Qua năm thứ hai, Phật sống Cam Châu qua đời, ông là một vị cao tăng đức hạnh trong “*Tạng truyền Phật giáo*”²⁸, là một bậc thiện tri thức thật

²⁸ *Tạng giáo* là một trong **Bốn giáo: Tạng, Thông, Biệt, Viên**.

Sở dĩ có 4 giáo chính là Như Lai Thuận theo căn cơ của chúng sanh nói ra những pháp phù hợp. Do có những nghĩa ấy nên ngài Trí Giả dựa theo ý nghĩa mà lập ra những tên gọi ấy.

sự, một người xuất gia có quy củ. Trong xã hội hiện nay, tìm được một người xuất gia có quy củ như thế, quả thật không nhiều. Ở HongKong tôi gặp được một vị, đó là pháp sư Thánh Nhất, trụ trì chùa Bảo Lâm trên núi Đại Tự, tôi rất tôn trọng và kính ngưỡng ông. Nghe nói hai năm nay sức khỏe của pháp sư cũng không được tốt lắm, ông cống hiến rất lớn cho Phật giáo nước nhà.

3. Muốn cải mệnh ngay trong đời này phải làm sao?

Thứ nhất: Đoạn tất cả ác

Phương pháp thay đổi vận mệnh chính là sau khi giác ngộ không còn tạo ác.

1) Tạng Giáo là vì căn tánh Tiểu Thừa, nói ra ba tạng Kinh, Luật, Luận, do đó gọi là Tạng Giáo. Đại Thừa cũng có ba tạng, ở đây chỉ nói riêng về Tiểu Thừa.

2) Thông Giáo là Đại Thừa sơ môn, do căn tánh bất đồng, độn căn thông với Tạng Giáo ở trên, lợi căn thông với Biệt Giáo, Viên Giáo ở phần sau, nên gọi là Thông Giáo.

3) Biệt là khác biệt, giáo này là pháp để dạy riêng cho Bồ Tát. Tất cả giáo lý, trí đoạn, hạnh, vị, nhân quả, mỗi mỗi đều khác biệt, chưa thể viên dung bao gồm lẫn nhau như Viên Giáo, nên gọi là Biệt Giáo.

4) Viên là viên mãn, viên dung. Do pháp nào cũng viên dung, pháp nào cũng trọn đủ, nên gọi là Viên Giáo. Giáo này là Phật pháp tối thượng, do đức Phật đem những lý chính mình đã ngộ, đã chứng, giảng cho hết thảy đại căn Bồ Tát. Hãy xem Giáo Quán Cương Tông sẽ tự biết được nghĩa ấy. Nếu muốn dùng bút mực để trình bày rõ, chẳng những quá tốn công lại còn chẳng bằng xem sách ấy tự hiểu vậy. *(Lá thư Tịnh Độ - Ấn Quang Pháp sư)*

Thứ hai: Tu tất cả thiện - Khởi tâm động niệm đều nghĩ cho người

Khởi tâm động niệm phải nghĩ cho người khác, phải nghĩ cho xã hội, phải nghĩ cho chúng sanh, đừng nghĩ cho riêng mình.

Thứ ba: Chuyển mệnh còn phải thực hiện được như sau

Một là: Phải có tâm nhẫn nại

Lời này nói thì đơn giản, nhưng khi làm không dễ chút nào. Liễu Phàm tiên sinh làm suốt mười mấy năm, cảm ứng mới xuất hiện.

Bản thân tôi làm khoảng 30 năm, cảm ứng mới rõ ràng, bản thân tôi có thể cảm nhận được. Sau khi học học tập thành tựu, đi ra bên ngoài giảng kinh thuyết pháp, 20 năm mới có một đạo tràng nhỏ, chính là *thư viện Hoa Tạng* ở Cảnh Mỹ. Tôi hoằng pháp 20 năm, mới có một nơi như vậy. Thêm 5 năm nữa mới có *Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội*. Thêm 5 năm sau, rất nhiều nơi trên thế giới, chúng tôi đều thành lập *đạo tràng Tịnh độ*. Những năm về sau, đích thực ứng nghiệm với những lời của Phật sống Cam Châu, ngày càng thuận lợi, tâm địa ngày càng thanh tịnh, ngày càng không nghĩ đến bản thân. Hôm nay tôi sống trên thế gian này là sống vì người khác, không vì bản thân, không còn chính mình nữa. Từ lâu đã buông bỏ sự hưởng thụ “danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần”.

Những năm về già, đại sư Ấn Quang thường nói:

- Tôi không có gì cả, tôi cũng không sợ chết!

Hiện nay tôi hầu như cũng đi vào cảnh giới đó của đại sư. Bản thân không có gì cả, quả thật cũng không sợ chết. Đối với tôi mà nói, chết là một việc rất hoan hỷ, một việc rất vui, vì tôi biết sau khi chết tôi sinh về đâu. Từ đâu sinh ra thì chết đi vào đó, rõ ràng minh bạch.

Đây gọi là *“Mạng do ta tạo, phước tự mình cầu”*. Lời này là thật, không phải giả.

Hai là: Chuyển mệnh muốn thuận lợi phải có thầy ở bên

Liễu Phàm tiên sinh thay đổi vận mệnh vô cùng gian nan, về sau đọc đến nó tôi sẽ nhắc nhở với mọi người.

Khi tôi thay đổi vận mệnh đời mình, tôi rất may mắn, tôi thay đổi thuận lợi hơn Liễu Phàm. Nguyên nhân là vì tôi trước sau không rời xa thầy, thầy luôn ở cạnh tôi đốc thúc, chỉ đạo, lợi ích này rất lớn. Tôi học với đại sư Chương Gia 3 năm, học với thầy Lý Bình Nam 10 năm, thời gian 13 năm thầy luôn ở bên cạnh tôi, lợi ích này không thể kể xiết, thầy ân cần dạy bảo.

Ba là: Phải nỗ lực thực hành

Lúc đó cũng còn quá trẻ, dù rất chăm chỉ, nhưng không đạt đến tiêu chuẩn mà cổ nhân nói. Bản thân tôi rất tinh tấn nỗ lực, tự mình cho điểm cùng lắm cũng không quá 60 điểm, mới đủ điểm mà thôi. Bây giờ có thể đạt được khoảng 80, 90 điểm, bởi vậy hiệu nghiệm ngày càng rõ ràng. Điều này cổ đức thường nói, phải *“thực hành!”*.

Bốn là: Chân thành ngay trong nghịch cảnh, ác duyên

Tôi tập hợp tâm đắc học Phật 50 năm nay của mình, viết ra 20 chữ.

Người ta hỏi tôi:

- Thưa thầy, thầy tu như thế nào? Thầy dạy người ra sao?

Tôi đều ở trong 20 chữ: “*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*” Mười chữ này là giữ tâm, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, bất luận là thiện duyên hay nghịch duyên - Nhà Phật nói duyên là đối với người và việc.

- Hoàn cảnh nhân, sự là dùng “duyên” để nói;
- Hoàn cảnh vật chất là nói về “cảnh” giới.
- Thuận cảnh hay nghịch cảnh là nói về hoàn cảnh vật chất;
- Thiện duyên hay ác duyên là nói về hoàn cảnh nhân sự.

Chúng ta cần phải rèn luyện chính mình trong các cảnh duyên này, nhất định phải dùng tâm chân thành để xử sự đối nhân tiếp vật.

■ Với ác duyên phải chân thành

Người khác dùng tâm hư vọng đối với ta, không sao, đó là việc của họ, không liên quan đến mình.

Thậm chí họ hủy báng ta, sỉ nhục ta, hãm hại ta, đều không liên can đến mình.

Riêng bản thân ta rất mực chân thành đối đãi với người, như vậy là “*Chuyển họa thành phước*”, chuyển rất nhanh, tai nạn tiêu trừ thì phước đến.

■ Với thuận cảnh, nghịch cảnh phải thanh tịnh

Phải dùng tâm thanh tịnh xử sự đối nhân tiếp vật, thanh tịnh nghĩa là không nhiễm dù chỉ là hạt bụi.

Thuận cảnh tuyệt đối không khởi tâm tham luyến, ác cảnh không khởi tâm sân nhuế.

■ Dần dần tâm từ bi sanh khởi

Mãi mãi giữ tâm mình luôn thanh tịnh bình đẳng, trí tuệ tự nhiên sanh khởi, tâm yêu thương tất cả chúng sanh cũng từ đó mà sanh ra, đây gọi là tâm từ bi. Tâm từ bi, hai ba năm là có hiệu nghiệm.

- Từ bi với cả muỗi gián côn trùng

Trước đây tôi đọc truyện ký của đại sư Ấn Quang, gian phòng trước đây đại sư ở, trong phòng có muỗi, có dán, có bọ chết, những thứ này quấy nhiễu. Thị giả của đại sư, tức là người chăm sóc ngài muốn quét dọn, đuổi những thứ này đi. Đại sư nói:

- Không cần, chúng ở đây chứng tỏ ta tu hành chưa đủ đức hạnh, không thể cảm động chúng, đừng đuổi chúng đi.

Đến 70 tuổi về sau, trong phòng Đại sư không tìm thấy một con vật nào, quả nhiên chúng tự động đi nơi

khác, thuật ngữ của Phật pháp gọi là “*thiên đân*”²⁹, nghĩa là chúng đã đi nơi khác.

Đại sư Ấn Quang sau 70 tuổi, bây giờ tôi cũng hơn 70 tuổi rồi. Hai năm nay tôi có một hiệu quả rất hoan hỷ, những căn phòng tôi ở cũng có kiến, gián, thường nhìn thấy chúng, hai năm lại đây ít dần đi.

Tôi ở tại một địa phương ở Toowoomba cũng đã được 1 năm 8 tháng. Lúc vừa mới mua, kiến gián và các thứ côn trùng nhỏ rất nhiều. Trên núi có hai vị đồng tu, tôi nói với họ nhất định không được sát sanh, phải dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng đối với chúng. Không những không được tổn thương chúng, đến ý niệm hại chúng cũng phải đoạn tuyệt. Nhìn thấy chúng, chúng ta phải dùng tâm này đối đãi chúng - nói với chúng, chấp tay nói:

- Bồ Tát kiến, Bồ Tát gián môi trường sống của chúng ta không giống nhau, trong phòng là môi trường sống của tôi, bên ngoài là môi trường sống của quý vị, hy vọng chúng ta sống hòa thuận, không quấy nhiễu nhau, hợp tác lẫn nhau.

Thường dùng tâm này đối đãi chúng, khuyến khích chúng. Một năm rưỡi lại đây, tôi thấy lượng kiến ít đi 90%. Bây giờ vẫn còn, nhưng rất ít, không như trước đây kết thành đoàn. Tôi nói với đại chúng, chúng ta tiếp tục nỗ lực thêm hai năm nữa, chắc hoàn toàn không còn.

²⁹ Chỉ việc trong tăng đoàn, do phạm giới mà bị đuổi ra khỏi cửa chùa

- Từ bi với cả thực vật, cỏ cây

Dùng tâm thương yêu chân thành đối đãi chúng, không chỉ đối với loài động vật nhỏ, mà đối với thực vật cũng không ngoại lệ.

Trong vườn chúng tôi trồng rất nhiều loại hoa, rất nhiều cây cối, còn có rau xanh. Ở trên núi chúng tôi tự trồng rau, chúng tôi cũng dùng tâm yêu thương đối đãi chúng, chăm sóc yêu thương chúng. Hoa nở rất đẹp, rất thơm, những cây cối, rau xanh vô cùng tươi tốt. Chúng tôi không cần dùng phân bón, không dùng thuốc sâu, hoàn toàn không có, chỉ dùng lòng yêu thương chăm sóc chúng. Có cảm ứng, đến cây cỏ hoa lá đều có cảm ứng.

Điều này khiến chúng ta nghĩ đến truyền thuyết ngày xưa: “*Cao Tăng Trúc Đạo Sanh thuyết pháp, sỏi đá cũng gột dầu*”. Đến sỏi đá cũng còn cảm ứng, hiện nay tôi chưa đạt được hiệu quả này. Bây giờ tôi chỉ mới giao tiếp với thực vật, thực vật và tôi có cảm ứng, sỏi đá thì chưa. Công phu của Trúc Đạo Sanh cao hơn tôi một bậc, tôi chưa đạt đến công phu như ngài.

Đây đều là nói rõ với chư vị: “*Mệnh do ta tạo, phước tự mình cầu*”.

Trong đời này của tôi, 50 năm học Phật thể nghiệm được, hoàn toàn thay đổi được vận mệnh. Tuy không dám nói được đại tự tại, đại viên mãn, nhưng rất gần với tự tại viên mãn, tin rằng có thể đạt được.
--

Đoạn văn bên dưới nói:

❖ “*Kinh Thư* đã nói làm lành được phúc, làm ác bị giảm phúc, thực rõ ràng đúng là những lời minh huấn” (“*Thi thư* sở xung, đích vi minh huấn”): Trong trước tác của các bậc thánh hiền nói là giáo huấn rõ ràng và đích thực, chúng ta cần phải tin tưởng.

4. Phàm phu chúng ta không thể vô cầu

❖ “*Trong kinh Phật có nói*” (“*Ngã giáo điển trung thuyết*”): “*Ngã*” là thiền sư Vân Cốc, ngài là người xuất gia; “*Ngã giáo*” tức là Phật giáo nói:

❖ “*Cầu giàu có được giàu có, cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái, cầu sống lâu được sống lâu*” (“*Cầu phú quý đắc phú quý, cầu nam nữ đắc nam nữ, cầu trường thọ đắc trường thọ*”):

Thứ nhất: Cầu không được là do đâu? Do nghiệp chướng

Trước đây tôi học Phật, trong tâm cũng có mong cầu. Đại sư Chương Gia nhận ra điều này, nói với tôi: “*Đệ tử nhà Phật, có cầu tất ứng*”³⁰, đây là phương pháp ngài dạy tôi cầu.

Viên Liễu Phàm là thiền sư Vân Cốc truyền cho ông phương pháp cầu, còn phương pháp của tôi do đại sư Chương Gia dạy, ngôn ngữ đơn giản hơn Vân Cốc, nhưng rất có hiệu quả. Đại sư nói:

- Khi dùng chân tâm cầu nguyện, không có cảm ứng, khi cầu không có cảm ứng, do nguyên nhân gì? Là do ta có nghiệp chướng. Chướng ngại không phải về

³⁰ “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”

phương diện Phật Pháp, không ở bên ngoài, chướng ngại ở bản thân mình, bản thân có nghiệp chướng. Chỉ cần đoạn trừ nghiệp chướng, cảm ứng liền hiện tiền, có cầu tất ứng.

Thứ hai: Làm thế nào để tiêu trừ nghiệp chướng? Sám hối

Tôi hỏi thầy, thỉnh giáo thầy, tôi nói:

- Vậy làm sao đoạn trừ nghiệp chướng?

Thầy nói với tôi:

- Cần phải sám hối.

Một là: Lần sau không phạm nữa

Trong Kinh Hoa Nghiêm Bồ Tát Phổ Hiền nói như vậy. Sau đó dạy tôi sám hối như thế nào? Tuyệt đối không phải lạy Lương Hoàng Sám, lạy Thủy Sám, không phải như vậy.

Tôi gặp được vị thầy này quả đúng là một vị thầy tốt, thầy nói:

- Phật pháp không phải ở hình thức, mà ở nơi thực chất. Thực chất là gì? Về sau không tái phạm.

Ví dụ chúng ta khởi ý niệm xấu, nói lời khó nghe, làm điều không hay, bây giờ biết đây là tội lỗi, như vậy là sai, từ đây về sau không tái phạm nữa. Đây gọi là thành tâm sám hối, như vậy mới tiêu trừ nghiệp chướng.

Giả dụ chúng ta ở trước Phật Bồ Tát đọc kinh, trì chú, tưởng rằng đã sám hối. Sau khi niệm xong lại tạo, tạo rồi lại niệm, như vậy cũng vô ích, hoàn toàn sai lầm.

Hai là: Phải thực làm

Thầy tôi nói thật với tôi, Phật pháp trọng thực chất không trọng hình thức.

Ví dụ nói đến giới luật, thầy rất chú trọng giới luật, tôi học với thầy ba năm, thầy nói đến sự quan trọng của giới luật, không biết nhắc đến bao nhiêu lần, khiến tôi rất có ấn tượng. Trì giới như thế nào? Thầy nói với tôi:

- Không cần đi đâu xa để cầu pháp sư thọ giới, không cần thiết, làm vậy cũng vô ích.

Tôi hỏi:

- Vậy phải làm sao, thưa thầy?

- Học điều nào thực hành được điều đó, ta hành trì được điều luật này. Ví dụ không sát sanh, nếu thật sự làm được, đối với tất cả sinh vật tuyệt đối không có ý niệm sát hại, điều luật này coi như viên mãn, không nhất định phải thọ giới. Đến giới đàn thọ giới, giới đã thọ nhưng không thực hành được, như vậy là phá giới, phạm giới, không phải tội càng thêm nặng sao?

Thầy dạy cho tôi phương pháp này, học điều nào thực hành được điều đó, làm được đó là chơn chánh thọ trì. Tôi học Phật, luôn làm theo những lời dạy của các bậc thiện tri thức.

Năm trước tôi gặp tổng thống Nạp Đan³¹ của Singapore, chúng tôi cùng nhau ăn cơm. Tổng thống Nạp Đan nói với tôi, ông là tín đồ của Ấn độ giáo, ông nói ông khâm phục Phật giáo nhất, Phật giáo trọng thực chất không trọng hình thức.

Tôi nghe xong rất kinh ngạc, câu nói này mấy mươi năm trước đại sư Chương Gia nói với tôi. Trong mấy mươi năm nay, tôi chưa nghe ai nói lại lời này, bây giờ nghe tổng thống Nạp Đan nói. Đây là người trong nghề, quả thật không đơn giản, cho nên tôi cũng rất tôn trọng ông ta.

Chúng ta cần phải hiểu, rốt cuộc nên cầu pháp như thế nào. Thật sự tiêu trừ nghiệp chướng, có cầu tất ứng, dù tập khí nghiệp chướng nặng cũng không sợ.

Ba là: Phải có tâm nhẫn nại đoạn trừ tập khí của mình

Chúng ta cần nhẫn nại, cần thời gian để tiêu trừ. Liễu Phàm tiên sinh dùng thời gian mấy mươi năm; tôi cũng dùng thời gian hai đến ba mươi năm, không có thời gian dài như vậy không được. Không phải nói đoạn là đoạn, đâu có đơn giản vậy!

Nhất định phải khắc phục tập khí khuyết điểm của mình, thường nhắc nhở bản thân. Vì thế người xưa coi trọng đọc tụng, rất có đạo lý.

³¹ Ông S. R. Nathan là Tổng thống thứ 6 và là người có thâm niên lâu nhất trên cương vị này của Singapore, qua hai nhiệm kỳ từ năm 1999 đến năm 2011.

Đời này tôi có thể thành tựu, tôi biết là nhờ tôi luôn giảng kinh thuyết pháp. Hơn 40 năm tôi chưa rời khỏi bục giảng, giảng kinh mỗi ngày, ngày ngày khuyên người, ngày ngày khuyên bản thân. Người khác có đạt được lợi ích hay không tôi không biết, bản thân tôi thật sự được lợi ích. Đây chính là Phật pháp thường nói: “*Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu*”. Nếu không huân tu thời gian dài, sao có thể thành tựu. Tập khí khuyết điểm của chúng ta là huân tập từ vô lượng kiếp mà thành, đều là huân tập từ rất lâu. Bây giờ chúng ta phải đoạn trừ tập khí ác, tập khí xấu. Muốn học cổ thánh tiên hiền, muốn học Chư Phật Bồ Tát, cũng cần có thời gian.

Bốn là: Nếu ít thời gian phải quyết tâm, có nghị lực

Cho nên nếu không có thời gian dài, cần phải có quyết tâm, có nghị lực đoạn trừ tập khí của mình, như vậy mới có thể thành tựu viên mãn.

(VCD 03)

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Ở trước nói đến “*Có cầu tất ứng*”, thiền sư Vân Cốc đặc biệt nhấn mạnh, nói “*Vọng ngữ là đại giới của nhà Phật, chư Phật Bồ Tát sao có thể gạt người*”. Những lời này đều giúp Liễu Phàm tăng trưởng tín tâm.

Sau khi Liễu Phàm tiên sinh nghe xong:

CHÁNH VĂN 23

“Dư tán viết: Mạnh tử ngôn, cầu tắc đắc chi, thị cầu tại ngã giả dã. Đạo đức nhân nghĩa, khả dĩ lực cầu, công danh phú quý, như hà cầu đắc”.

(Ta hỏi thêm rằng: “Mạnh phu tử nói những điều mình cầu mong mà có thể đạt được là do chính ở nội tâm mình nghĩ đủ sức làm được như vậy, như muốn trở thành một người có đạo đức, nhân nghĩa thì tận tâm, tận lực tu tập thì sẽ được; Còn như công danh phú quý là những điều ở ngoài thân tâm mình thì làm sao mà cầu được?”)

GIẢNG GIẢI

Tiến thêm một bước, Liễu Phàm tiếp tục hướng về Vân Cốc thiền sư thỉnh giáo: “Mạnh Tử đã từng nói qua: Cầu mà được bởi vì điều cầu đó có ở trong tâm ta. Đạo đức nhân nghĩa, điều này ta có thể cầu được; Còn công danh phú quý là điều ở ngoài thân, làm sao có thể cầu được?”

CHÁNH VĂN 24

“Vân Cốc viết: Mạnh tử chi ngôn bất thác, nhữ tự thác giải liễu. Nhữ bất kiến Lục tổ thuyết: Nhất thiết phước điền, bất ly phương thôn, tòng tâm nhi mịch, cảm vô bất thông. Cầu tại ngã, bất độc đắc đạo đức nhân nghĩa, diệc đắc công danh phú quý, nội ngoại song đắc, thị cầu hữu ích ư đắc dã”.

(Vân Cốc thiền sư nói: “Lời của Mạnh phu tử không hề sai, chính tự người không hiểu hết ý nghĩa mà thôi.

Người chẳng thấy Lục Tổ đã nói: “Tất cả phúc điền đều không rời tâm địa của con người.

Từ nơi tâm mình mà tìm cầu thì mọi sự đều được cảm ứng”. Tìm cầu ở ngay nội tâm của mình thì không những được

đạo đức, nhân nghĩa mà công danh, phú quý cũng được nữa, đó là nội ngoại song đắc, cầu như vậy mới hữu ích vì cầu mà được vậy)

GIẢNG GIẢI

Đoạn này rất quan trọng, thiền sư Vân Cốc là một người tu hành lâu năm, Liễu Phàm gặp ngài, Liễu Phàm 35 tuổi, lúc này thiền sư Vân Cốc 69 tuổi, mà còn là một người tu hành đắc đạo (tục ngữ gọi “đắc đạo” là người thật sự khai ngộ, thật sự khế nhập vào cảnh giới của chư Phật Bồ Tát).

❖ *“Lời của Mạnh phu tử không hề sai, chính tự người hiểu sai ý mà thôi”* (“Mạnh Tử chỉ ngôn bất thác, nhữ tự thác giải nhĩ”):

“Lời Mạnh Tử nói không sai”, mà là ông hiểu sai. Lời Mạnh tử không sai chỗ nào? Và ông hiểu sai chỗ nào? Ở đây không nói nhiều, bài học trước tôi có nói, nếu quý vị lãnh hội tường tận, tự nhiên hiểu rõ hai câu nói của thiền sư Vân Cốc.

Thứ ba: Cách cầu phước điền

Một là: **Tất cả phước điền đều xuất phát từ tâm**

Bên dưới ngài đưa ra câu nói của Lục tổ Thiên tông, câu này trong Lục Tổ Đàn Kinh:

❖ *“Tất cả phước điền, đều không rời nơi tâm địa con người”* (“Nhất thiết phước điền, bất ly phương thôn” “Phương thôn”): Là chỉ tâm địa của chúng ta, lành dữ họa phước đều do ý niệm biến hiện ra, không rời tâm.

❖ “Từ nơi tâm mình mà tìm cầu thì mọi sự đều được cảm ứng” (“Tùng tâm nhi mịch, cảm vô bất thông”):

Chúng ta cầu “cảm ứng”, cầu từ đâu? Cầu từ trong chân tâm. Cho nên cầu giàu sang được giàu sang, cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái, cầu sống lâu được sống lâu. Hiểu được đạo lý cầu, như lý như pháp đâu có chuyện không cầu được.

Thế xuất thế gian khó nhất là thành Phật, thành Phật còn có thể cầu được, hưởng gì công danh, phú quý của thế gian? Đó chỉ là chuyện nhỏ nhặt, chẳng đáng là gì, làm gì có chuyện không cầu được!

Hai là: Muốn cầu được, phải “thông”

Ngày nay chúng ta cầu, quan trọng nhất là “thông”. Thế nào gọi là “thông”? Thông nghĩa là quán thông tầng không gian, tôi nói như thế người thời nay dễ lý giải hơn.

Ba là: Muốn “thông” phải “Chân thành”

Dùng phương pháp gì để quán thông? Dùng tâm chân thành.

“Thành” là gì? “Chân” là gì?

“Chân” nghĩa là không có vọng, không phải hư vọng, không có chút hư vọng nào.

“Thành” là gì? Cuối thời nhà Thanh, ông Tăng Quốc Phiên nói rất hay, trong Độc Thư Bút Ký của ông có định nghĩa về chữ “thành” này: “Một niệm không sanh gọi là thành”, định nghĩa này vô cùng chính xác.

■ “Chân thành” là gì? Chân tâm

Trong Phật pháp nói, không có vọng niệm nào, đây gọi là chân thành. Tâm chân thành chính là bản tánh của mình, là chân tâm của mình.

Tất cả pháp của thế xuất thế gian, đều từ trong chân tâm bản tánh biến hiện ra. Ta tìm được chân tâm bản tánh, đâu có đạo lý không cầu được?

Những lý và sự này, trong kinh điển đại thừa Đức Phật nói rất nhiều. Tìm hiểu sơ sơ về đại thừa đều biết những giáo huấn này của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ai được lợi ích? Người y giáo phụng hành được lợi ích, được thọ dụng.

Nếu quý vị đọc kinh mà chỉ biết đọc, không hiểu được đạo lý trong kinh, không hiểu được ý của kinh điển, không thể thực hành những phương pháp đạo lý này vào trong hành vi cuộc sống của mình, như vậy là không được lợi ích, vẫn là “*Không thông*”. Không thông, tuy có cầu nhưng không có cảm ứng.

Trước đây, tôi đưa ra vấn đề này, khoảng 30 năm trước. Tôi giảng Kinh Địa Tạng ở Chùa Pháp Hoa Tây Môn Đỉnh Đài Bắc. Tôi nhớ lúc đó tôi giảng kinh, pháp sư Quảng Khâm đến nghe một lần, ông ngồi trên bồ đoàn ở dưới. Một hôm tôi vừa giảng kinh xong, có một vị pháp sư ở Cơ Long, nghe tôi nói về vấn đề cảm ứng, sư hỏi tôi:

- Thừa thầy, thầy nói về cảm ứng này không đáng tin.

Tôi hỏi:

- Vì sao không đáng tin?

Sư nói:

- Tôi ngày nào cũng cầu xin Phật Bồ Tát một cái tử lạnh, cầu suốt ba năm mà không có.

Tôi nghe xong liền mỉm cười hỏi:

- Đạo tràng của thầy có bao nhiêu người ở?

- Chỉ mình tôi ở.

Tôi nói:

- Chỉ mình thầy ở, không cần thiết có tử lạnh, cho nên cầu không được.

Tôi nói tiếp:

- Trong những năm này tôi có cầu tất ứng.

Sư hỏi tôi cầu gì?

Tôi nói:

- Tôi giảng kinh, cần tài liệu tham khảo. Lúc đó ở Đài Loan, tìm những kinh sách điển tịch này rất khó khăn. Thật may mắn có người giới thiệu cho tôi pháp sư Trí Khai ở HongKong. Tôi chưa từng gặp pháp sư Trí Khai, tưởng rằng đây là một pháp sư lớn tuổi, mỗi lần viết thư đều cung kính xưng “Lão pháp sư”, về sau gặp mặt, mới biết hai chúng tôi cùng tuổi. Pháp sư Trí Khai

giúp đỡ tôi rất nhiều, tất cả những sách tịch mà tôi cần, pháp sư đều ra sức sưu tập, rồi gửi đến Đài Loan giúp tôi. Khi nào tôi có tiền mới trả cho pháp sư, chưa có tiền thì nợ đó, điều này giúp ích cho tôi rất nhiều. Hầu như sách nào tôi cần đến, những thứ tôi cần đều là sách cổ, pháp sư đều tìm giúp tôi. Trong đó chỉ có một bộ, thời gian dài nhất là nửa năm, đó là “*Trung Quán Luận Sớ*”. Bộ sách này, sáu tháng sau pháp sư mới gửi đến cho tôi, không dễ tìm.

Tôi nói tiếp với vị pháp sư ở Cơ Long:

- Tôi có cầu tất ứng, những gì tôi cần là cầu đạo. Sư cầu cái tử lạnh, điều này không cần thiết. Người xuất gia về phương diện vật chất, thanh bần một chút không sao, không nên xa hoa. Sư cầu không như pháp, tôi cầu như pháp, như pháp như lý quả thật là có cầu tất ứng.

■ Cầu từ chân tâm “trong, ngoài” đều được

Tôi đối với giáo huấn của thầy và những gì kinh điển dạy, thâm tín không nghi. “*Từ nơi tâm mình mà tìm cầu thì mọi sự đều được cảm ứng*” (“Tùng tâm nhi mịch, cảm vô bất thông”): Tám chữ này chính là lý luận và phương pháp có cầu tất ứng. Cầu ở ta, không chỉ có thể đạt được đạo đức nhân nghĩa, mà vật ngoài thân như công danh phú quý cũng có thể đạt được. Nội ngoại đều được, tức là cầu được lợi ích.

Chúng ta cần phát tâm cầu điều thiện, không cầu điều ác, như vậy mới tốt.

Đoạn văn tiếp theo nói:

CHÁNH VĂN 25

“Nhược bất phản cung nội tỉnh, nhi đồ hướng ngoại trì cầu, tắc cầu chi hữu đạo, nhi đắc chi hữu mệnh hỷ, nội ngoại song thất, cố vô ích”.

(Nếu không hướng nội phản tỉnh mà chỉ biết hướng ngoại tìm cầu, thì cách cầu như vậy chỉ đạt được những cái trong số mệnh vốn có mà thôi, trong ngoài đều mất, cho nên vô ích vậy)

GIẢNG GIẢI

■ Cầu từ bên ngoài “trong, ngoài” đều mất

❖ *“Nếu không hướng nội phản tỉnh”* (“Nhược bất phản cung nội tỉnh”):

Lời khai thị này của thiền sư, mỗi câu đều rất quan trọng. Chúng ta muốn cầu, bất luận là cầu đức hạnh bên trong, hay là cầu vật chất bên ngoài (tức là những nhu cầu về cuộc sống). Nếu ta không *“Phản cung nội tỉnh”* (Hướng nội phản tỉnh), nghĩa là nếu như không thể phản tỉnh, đức hạnh không đầy đủ, chỉ phan duyên bên ngoài.

❖ *“Mà chỉ biết hướng ngoại tìm cầu, cách cầu như vậy chỉ đạt được những cái trong số mệnh vốn có”* (“Nhi đồ hướng ngoại trì cầu, cầu chi hữu đạo, đắc chi hữu mệnh”):

“Đạo” tức là phương pháp và lý luận mà quý vị cầu. Giống như hiện tại, trong các nhà sách, trên các thông tin, chúng ta xem thấy trên thế giới có những doanh nhân rất thành công, đã viết ra những bài học kinh nghiệm cho sự nỗ lực thành công trên thương trường của họ, để mọi người lấy làm tham khảo.

Nếu như bạn dùng những phương pháp lý luận trong đó của họ để tìm cầu, và những cái bạn muốn, có thể cầu được thì là do trong mạng của bạn có;

Còn nếu trong mạng của bạn không có, thì vẫn là không cầu được.

Tại sao vậy? Bởi vì bạn không từ trong chân tâm để cầu. Không từ trong tâm tánh để cầu, phương pháp cầu như vậy thật đúng là “*Trong ngoài đều mất, nên vô ích*”.

Chúng ta nhìn thấy trong xã hội ngày nay, những người như vậy thật quá nhiều, quá nhiều. Đoạn này đại sư muốn nhắc nhở chúng ta.

Tiết 4: Phương pháp cải tạo vận mệnh

1. Biết lỗi thực sự phản tỉnh

Thứ nhất: Viên Liễu Phàm phản tỉnh

Cho nên câu này là “Phản cung”, quay đầu. Nhà Phật thường nói “*Quay đầu là bờ*”, ta phải hướng vào nội tâm để phản tỉnh, hướng vào bên trong để cầu, mới có thể cầu được.

Đoạn tiếp theo là thảo luận về phương pháp thay đổi vận mệnh. Văn cũng có mấy đoạn nhỏ, đoạn đầu tiên là nói quý vị nhất định phải biết sai lầm của mình, phải phản tỉnh, để tìm ra căn nguyên này.

Ví dụ:

- Số ông ta không có con trai, là do nguyên nhân gì?
- Thọ mạng ngắn là nguyên nhân gì?

CHÁNH VĂN 26

“Nhân vấn: Khổng công toán nhữ chung thân nhược hà?”

(Nhân đấy thiên sư lại hỏi ta: Khổng tiên sinh lấy số chung thân cho nhà ngươi ra sao?)

GIẢNG GIẢI

Thiên sư Vân Cốc hỏi Liễu Phàm, Khổng tiên sinh xem mệnh cho ông, cuộc đời sau này của ông như thế nào?

CHÁNH VĂN 27

“Dư dĩ thật cáo; Vân Cốc viết: “Nhữ tự chùy, ưng đắc khoa đệ phủ, ưng sanh tử phủ?”. Dư truy tỉnh lương cửu. Viết: Bất ưng dã...”

(Ta cứ thực sự trình bày rõ ràng. Vân Cốc thiên sư hỏi: “Ngươi tự lượng xét mình xem có nên thành công trên đường khoa cử hay không? Có nên có con nối dõi hay không?”

Ta tự xét mình khá lâu rồi đáp: “Thật không nên vậy”

GIẢNG GIẢI

❖ **“Ta cứ thực sự trình bày rõ ràng” (“Dư dĩ thật cáo”):**
Liễu Phàm nói thật với thiên sư Vân Cốc.

❖ **“Vân Cốc thiên sư hỏi: Ngươi tự lượng xét mình xem có nên thành công trên đường khoa cử hay không? Có nên có con nối dõi hay không?” (“Vân Cốc viết: Nhữ tự chùy, ưng**

đắc khoa đệ phủ, ung sanh tử phủ”): Ông tự nghĩ lại xem, mình có nên thi đậu chăng? (Đây là nói về công danh); Có nên có con trai chăng? Nhất định phải hướng nội phản tỉnh.

❖ “*Ta tự xét mình khá lâu rồi đáp*” (“Dư truy tỉnh lương cửu, viết”): Ông nghe thiền sư Vân Cốc nói xong, suy nghĩ rất lâu.

❖ “*Thực không nên vậy*” (“Bất ưng dã”): Không nên. Liễu Phàm là người đọc sách, là người thông minh, ông suy nghĩ và nghĩ ra không ít lý do.

CHÁNH VĂN 28

“Khoa đệ trung nhân, loại hữu phước tướng, dư phước bạc, hữu bất năng, tích công lũy hành, dĩ cơ hậu phước. Kiên bất nại phiền kịch, bất năng dung nhân; thời hoặc dĩ tài trí cái nhân, trực tâm trực hạnh, khinh ngôn vọng đàm. Phàm thử, giai bạc phước chi tướng dã, khởi nghi khoa đệ tại”

(Vì những người thi đậu làm quan là những người có phước tướng.

- *Tại hạ phước mỏng, hơn nữa không chịu tích công bồi đức để tạo phước dày;*
- *Lại thêm tính không nhẫn chịu được những sự phiền toái khổ nhọc;*
- *Cũng không biết bao dung người khác;*
- *Thường cậy tài năng chèn ép người khác;*
- *Muốn nói điều gì thì liền nói, không thận trọng lời nói, hay luận bàn những chuyện vô bổ.*

Những điều như thế đều là tướng vô phước, sao xứng đáng đỗ đạt công danh)

GIẢNG GIẢI

Một là: Vì sao không thể có khoa bảng?

Liễu Phàm vừa quay đầu, vừa phản tỉnh, liền tìm ra được khuyết điểm của mình, điều này rất khó được.

Bình thường thiền sư Vân Cốc rất ít nói, ngài không thường nói chuyện với người khác, có khi suốt ngày không nói câu nào. Vậy mà ngài có thể nói với Liễu Phàm rất nhiều điều, không đơn giản. Đây đúng như cổ nhân nói, thật sự gặp được tri kỷ mới nói nhiều như thế.

Liễu Phàm nghĩ bản thân ông không xứng đáng, tại sao vậy?

❖ *“Người trúng khoa cử”* (“Khoa đệ trúng nhân”): Là chỉ cho những người thi đỗ làm quan;

❖ *“Phải có phước tướng”* (“Loại hữu phước tướng”):

❖ *“Tại hạ phước mỏng”* (“Dư phước bạc”):

Trong khi bản thân ông phước rất bạc. Câu này là chỉ ông không có phước thì làm sao có thể thi đỗ được. Thêm vào đó, ông có rất nhiều khuyết điểm,

❖ *“Hơn nữa không chịu tích công bồi đức”* (“Hữu bất năng, tích công lũy hành”): Ông không biết tích công lũy đức để phước dày hơn.

❖ *“Để tạo phước dày”* (“Dĩ cơ hậu phước”): “Cơ” là cơ sở, từ trên cơ sở đó bồi dưỡng phước đức cho mình, điều này ông không làm được. Tại sao lại không làm được?

❖ “Không nhẫn chịu được những sự phiền toái khổ nhọc” (“Bất nại phiền kịch”?)

❖ “Không biết bao dung người khác” (“Bất năng dung nhân”): Tánh khí hẹp hòi, không biết bao dung người khác.

❖ “Thường cậy tài năng chèn ép người khác” (“Thời hoặc dĩ tài trí cái nhân”): Thường hay cậy vào tài trí của mình mà chèn ép người khác. “Cái” là lấn lướt, nhằm hạ bệ người khác. Người hiện tại nói là thích làm trung tâm, thích áp chế người khác.

❖ “Nghĩ gì liền làm nấy” (“Trực tâm trực hành”): Điều này có nghĩa trong tâm anh nghĩ muốn nói gì thì liền nói cái đó, chứ không phải ý nghĩa “*Trực tâm trực hành*” mà Cổ Thánh Tiên Hiền dạy trong kinh giáo. Trong kinh Duy Ma có nói “*Trực tâm là đạo tràng*”, ý nghĩa của trực tâm trực hành ở trong kinh là không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước. Còn đây lại chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, là tập khí, tật xấu.

❖ “Không thận trọng lời nói, hay luận bàn những chuyện vô bổ” (“Khinh ngôn vọng đàm”):

Nói mà không suy nghĩ, tùy tiện mà nói.

❖ “*Những điều như thế đều là tướng vô phước*” (“Phàm thử, giai bạc phước chi tướng”): Chính bản thân ông hiểu được “Con tật xấu nhiều như vậy, ngày ngày đều là tạo nghiệp, sao có thể thi đỗ công danh”.

Thời xưa, khoa cử là chỉ việc tham gia khảo thí do nhà nước tổ chức để đạt được học vị, chính là học vị mà

ngày nay chúng ta nói. Thời xưa cũng có ba học vị bao gồm: Tú tài, Cử nhân, Tiến sĩ; tương ứng với ba học vị trong trường học của chúng ta hiện nay là: Học sĩ, Thạc sĩ, Tiến sĩ. Điều này nói rõ nguyên nhân mà ông ta không có được công danh là bởi vì ông không có phước.

Phía sau, ông tiếp tục nói nguyên nhân vì sao ông không có con trai.

Hai là: Vì sao không thể có con trai?

CHÁNH VĂN 29

“Địa chi uế giả đa sanh vật, thủy chi thanh giả thường vô ngư; Dư háo khiết, Nghi vô tử giả nhất”.

(Đất bùn dơ ẩm ướt thường nhiều vật sống, chỗ nước trong vắt thường không có cá, mà tánh con lại ưa thích sự trong sạch thanh khiết (thái quá). Đó là một điều thứ nhất không nên có con vậy)

GIẢNG GIẢI

■ Quá cần thận sạch sẽ

❖ *“Đất bùn dơ ẩm ướt thường nhiều vật sống, chỗ nước trong vắt thường không có cá”* (“Địa chi uế giả đa sanh vật, thủy chi thanh giả thường vô ngư”):

Trước tiên là nói hai câu thành ngữ. Đất, chúng ta thấy đất dơ bẩn, dơ bẩn nó sinh ra rất nhiều thứ, đất đai màu mỡ; Nước trong thì không có cá.

❖ *“Tại hạ lại có tật ưa thích sự tinh khiết sạch sẽ”* (“Dư háo khiết”): Ông có tính thích sạch sẽ.

❖ “Đó là một điều thứ nhất không nên có con vậy” (“Nghĩ vô tử giả nhất”): Thích sạch sẽ quá trở thành quá đáng, như vậy làm sao có con? Đây là nguyên nhân thứ nhất không nên sinh con.

CHÁNH VĂN 30

“Hòa khí năng dục vạn vật, dư thiện nộ, nghi vô tử giả nhị”

(Tánh khí ôn hòa có thể nuôi dưỡng vạn vật, mà tánh con lại thường nóng nảy sân hận. Đó là điều thứ hai không nên có con)

GIẢNG GIẢI

■ Hay nóng nảy, sân hận

Hòa khí rất quan trọng, ngàn ngữ thường nói: “*Gia hòa vạn sự hưng*”. Một đất nước, trên dưới đều chung sống hòa thuận, đất nước này sao không cường thịnh được? Nếu không hòa, đó chính là xuất hiện dự báo suy bại, cho nên “hòa” quan trọng hơn tất cả.

Ông không có hòa khí, thường hay nổi giận. Hay nói cách khác, đây chính là chúng ta nói cống cao ngã mạn, cuồng vọng tự đại, không coi người khác ra gì. Liễu Phàm là một người như vậy, cho nên nghĩ lại cảm thấy không nên có con.

CHÁNH VĂN 31

“Ái vi sanh sanh chi bản, nhĩ vi bất dục chi căn, dư quan tích danh tiết, thường bất năng xả kỷ cứu nhân, nghi vô tử giả tam”.

(Ái tức là lòng nhân ái, tâm từ bi là căn bản của sự sinh trưởng, ái là cội nguồn của sự tiếp nối sinh sản; Còn nhĩn tâm không phải là gốc rễ của sự sinh dưỡng, tại hạ trọng danh tiết của riêng mình, thường không biết xả thân cứu người, đó là điều thứ ba không nên có con)

GIẢNG GIẢI

■ Không có tâm yêu thương

❖ “Ái”, từ ái là gốc của muôn đời, ông không có tâm thương yêu, tâm địa rất tàn nhẫn.

❖ “Nhĩn” là tàn nhẫn, tàn nhẫn là gốc không sanh dục.

Ông nói: Tôi rất chú trọng danh tiết của bản thân, vì coi trọng danh tiết của mình nên không thể quên mình vì người. Đây là nguyên nhân thứ ba không nên sinh con. Ông nói tiếp:

CHÁNH VĂN 32

“Đa ngôn hào khí, nghi vô tử giả tứ”

(Hay nhiều lời mất khí lực, cũng là điều thứ tư không nên có con).

GIẢNG GIẢI

■ Nhiều lời, thích moi móc người

Ông thích nói chuyện, thích bực tức, thích châm chích người khác, bây giờ gọi là thích moi móc người khác. Thường làm người khác mất thể diện trước đám đông, cũng chính là thích trêu đùa người khác.

Đây là nhân tố thứ tư không nên có con.

CHÁNH VĂN 33

“Hỷ ẩm thược tinh, nghi vô tử giả ngu”

(Uống rượu nhiều, tinh thần suy nhược, là điều thứ năm không nên có con)

GIẢNG GIẢI

■ Uống rượu nhiều

“Hỷ ẩm” nghĩa là thích uống rượu. Thường uống say, tổn thương tinh thần thể lực của mình. Đây cũng là nguyên nhân thứ năm không nên sinh con.

CHÁNH VĂN 34

“Háo triệt dạ trường tọa, nhi bất tri bảo nguyên dục thần, nghi vô tử giả lục”.

(Thích ngồi lặng suốt đêm dài không ngủ, không biết bảo tồn nguyên khí, dưỡng dục nguyên thần. Đây là điều thứ sáu không nên có con vậy).

GIẢNG GIẢI

■ Ngồi suốt đêm không ngủ

Thích ngồi thâm đêm, buổi tối không ngủ, không biết bảo dưỡng nguyên thần.

Những nguyên nhân này đều không nên có con. Cho dù sanh con, đứa con đó cũng chết yếu.

- Có nên “bất đảo đơn”?

Nói đến “Ngồi thâm đêm”, nhà Phật có “*Bất đảo đơn*”³², dùng cách ngồi thiền thay ngủ nghỉ.

Tôi nói như vậy là có khuyết điểm, quý vị phải hiểu điều này. Ngồi thiền ở trong định là rất tỉnh táo, không phải ngủ, nếu dùng ngồi thiền thay ngủ, chỉ bằng nằm xuống ngủ thoải mái hơn, ngồi ngủ khó chịu biết bao. Nhất định phải hiểu đạo lý này.

Khi tôi mới học Phật rất ngưỡng mộ, người học được “Bất đảo đơn” tốt biết mấy, không cần đến giường nệm, cuộc sống càng đơn giản càng tự tại.

Tôi từng nói với thầy Lý, tôi hỏi thầy tôi có thể học phương pháp này chăng? Vì tôi ở Đài Trung học cách ngày ăn một bữa, tôi có thời gian năm năm, mỗi ngày ăn một bữa, sáng và tối đều không ăn, tinh thần và thể lực đều rất tốt. Thầy cũng rất hoan hỷ, rất tán thán, vì chính thầy cũng ngày ăn một bữa, thầy ăn như vậy đã bốn năm mười năm rồi. Tôi ở Đài Trung học theo thầy ăn ngày một bữa, và tiến thêm bước nữa muốn học “Bất đảo đơn”, học ngồi thiền. Thầy mỉm cười nói:

- Nằm ngủ thoải mái hơn ngồi ngủ.

³² BẤT ĐẢO ĐƠN

Không rời chỗ ngồi. Tức ban đêm không ngủ, ngồi xếp bằng treo chân (già phụ), hoặc niệm Phật, hoặc tham thiền, hoặc nghiên cứu công án, không rời chỗ ngồi, chẳng kể ngày đêm: đó là hạnh tu cần thiết để thấy rõ sự sống, thoát lìa cái chết, mau chứng Niết bàn.

Sau đó đành thôi, tôi không học nữa. Vì sao vậy? Thầy rất hiểu tôi, tôi không thể nào nhập định, chẳng qua là ngồi đó ngủ mà thôi. Nếu ngồi đó ngủ, như vậy là sai, chỉ bằng nằm ngủ hay hơn.

Chúng tôi đích thực cũng nhìn thấy, có một số người “bất đảo đơn”, tôi quan sát tường tận, họ ngồi ở đó ngủ, ngồi ở đó ngáy, ngủ say. Họ không phải nhập định, không phải như hòa thượng Hư Vân, hòa thượng Hư Vân thật sự nhập định, không phải ngủ.

Người tu hành thật sự, đã đoạn tận ý niệm tự tư tự lợi, đối với ngũ dục lục trần của thế gian quả thật không khởi tâm. Lúc này tâm cảnh của họ trống rỗng sáng suốt, họ không có âm khí, cho nên thường ở trong định. Trí tuệ quang minh, niệm niệm đang tăng trưởng, họ đoạn tận hiện tượng ngủ nghỉ.

- Ngủ nghỉ có thể đoạn không?

Ngủ nghỉ có thể đoạn, nhưng cần có công phu, tâm địa phải thanh tịnh, thanh tịnh đến trình độ nhất định có thể không cần ngủ nghỉ. Vì “tài, sắc, danh, thực, thù”, đây gọi là ngũ dục, “Dục giới” có, nhưng “Sắc giới” và “Vô sắc giới” đều không có. Từ đó cho thấy, có thể đoạn những thứ này. Nhưng tập khí phiền não của ta chưa đoạn, nếu miễn cưỡng ngồi đó ngủ, nhất định có hại cho thân thể quý vị, đây là cuộc sống không lành mạnh, chúng ta cần phải biết điều này.

Cho nên trong trường hợp tu hành, tuyệt đối đừng vì sĩ diện, hiếu cường, hiếu thắng. Bản thân không làm

được mà cứ miễn cưỡng làm, sau cùng hủy hoại thân thể chính mình, đây là điều ngu si.

■ Còn nhiều thói xấu khác

CHÁNH VĂN 35

“Kỳ dư quá ác thượng đa, bất năng tất số”

(Ngoài ra, còn nhiều thói hư tật xấu khác kể ra không hết)

GIẢNG GIẢI

Phản tỉnh khuyết điểm của mình, quả thật quá nhiều. Sau khi Liễu Phàm tiên sinh phản tỉnh như thế:

Thứ hai: Vân Cốc khai thị thêm

Một là: Vì sao có giàu nghèo?

CHÁNH VĂN 36

“Vân Cốc viết: Khởi duy khoa đệ tai, thế gian, hưởng thiên kim chi sản giả, định thị thiên kim nhân vật, hưởng bách kim chi sản giả, định thị bách kim nhân vật, ưng ngạ tử giả, định thị ngạ tử nhân vật. Thiên bất quá nhân tài nhi đốc, kỳ tăng gia tiêm hào ý tư”.

(Vân Cốc nói: “Nào chỉ riêng vấn đề khoa bảng (như ông vừa nói đó)!

- *Người đời thụ hưởng tài sản ngàn vàng, ắt phải là người đáng hưởng ngàn vàng;*
- *Kẻ nhận tài sản trăm lượng, ắt phải là kẻ đáng nhận trăm lượng;*
- *Người chịu chết đói, ắt phải là người đáng phải chết đói.*

(Nói là mệnh) trời, bất quá chỉ là do nơi nhân quả nghiệp báo riêng của mỗi người mà thành, vốn chưa từng có chút thêm bớt nào (gọi là ý trời trong đó cả).

GIẢNG GIẢI

■ Giàu nghèo là do tu tích phước từ trước

Những lời nói này vô cùng chí lý, chúng ta phải tỉ mỉ mà suy xét. Vân Cốc thiền sư dạy cho Viên Liễu Phàm tiên sinh, ông nói:

Nào chỉ nói đến thi cử công danh thôi đâu.

Trên thế gian người đại phú đại quý, trong nhà có tài sản ngàn vạn lượng vàng, anh ta đã được ấn định là người giàu có. Câu này ý nói, anh ta phải có cái phúc phận đó mới được, nếu đời trước anh ta không tu phước thì đời nay làm sao có được phước báu như vậy; Đời trước tu tích được nhiều thì đời nay phước báu lớn.

Nếu không có phước báu, phải chịu chết đói, cũng chính là ở đời quá khứ đã tạo tác tội nghiệp quá thâm trọng.

Báo ứng là do chính mình làm chính mình chịu, cùng trời, đất, quỷ thần, chư Phật Bồ Tát không có can hệ. Đoạn này có ý nghĩa như vậy.

■ Trời không ban phước, chẳng giáng họa ai

Cho nên sau cùng ngài nói:

❖ “Trời cũng chỉ là dựa vào số mạng của họ thôi, nào có thêm bớt theo ý mình” (“Thiên bất quá nhân tài nhi đắc, kỷ tăng gia tiêm hào ý tư?”):

Nói cách khác, ông trời đối với tất cả chúng sanh quả thật rất công bằng. Ông trời ở đây, thực tế mà nói chính là quả báo tự nhiên, đích thực không thêm chút thành kiến nào, không có chút riêng tư nào trong đó.

Hai là: Vì sao không con nối dõi?

Bên dưới Vân Cốc thiên sư nói với Viên Liễu Phàm tính quan trọng của việc tích lũy công đức, ngài đưa ra ví dụ rằng:

CHÁNH VĂN 37

“Tức như sanh tử, hữu bách thể chi đức giả, định hữu bách thể, tử tôn bảo chi. Hữu thập thể chi đức giả, định hữu thập thể, tử tôn bảo chi. Hữu tam thể nhị thể chi đức giả, định hữu tam thể nhị thể, tử tôn bảo chi. Kỳ trăm yên vô hậu giả, đức chí bạc giả”.

(Vấn đề sinh con nối dõi cũng vậy:

- Có người tích công đức trăm đời sẽ để lại cho trăm đời con cháu hưởng;
- Người tích công đức mười đời sẽ để lại cho mười đời con cháu hưởng;
- Người chỉ tích được công đức hai đời, ba đời thì chỉ để lại cho hai đến ba đời con cháu hưởng;
- Còn những người phúc quá bạc thì bị vô hậu, không con nối dõi, dòng giống bị đứt đoạn).

GIẢNG GIẢI

■ Tích đức nhiều, hưởng nhiều; tích ít hưởng ít

Đây là thiên sư Vân Cốc mượn tri kiến của người thông thường, khuyên Liễu Phàm tiên sinh phải tích lũy công đức.

- “Tích công đức trăm đời” (“Bách thế chi đức”):

Theo các bậc cổ thánh tiên vương ngày xưa, trên lịch sử chúng ta thấy, như Nghiêu, Thuấn, Vũ vương, Hạ, Thương, Chu³³. Nhà Hạ 400 năm, nhà Thương 600 năm, nhà Chu 800 năm, đây là thời kỳ dài nhất trong lịch sử, tổ tông có đức. Thời nhà Chu có thể lâu như vậy, Chu Văn vương, Chu Vũ vương, Chu công, công đức mà họ tích lũy được là đức trăm năm, nhất định bảo hộ con cháu đến trăm đời, đây là nói theo nhãn quan của thế tục.

Không ở vương vị, như Không tử của Trung quốc, Không tử là dạy học, lấy đại công vô tư, tâm yêu thương chân thành, dạy cho bất kỳ thành phần nào. Giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, ông tích công đức rất lớn. Ngày nay chúng ta thấy con cháu đương đại, đại khái truyền hơn 70 đời, không những ở Trung quốc được người Trung quốc tôn kính, mà khi ông Không Đức Thành đến Mỹ, ở San Francisco được nhân sĩ xã hội của Mỹ tại đó tôn trọng. Mọi người vừa nghe nói là hậu duệ của Không phu tử, đối đãi với ông đặc biệt khách khí, chính là nói đến điều này.

³³ Cần phải học theo các bậc minh quân Thánh triết Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thương Thang Vương và Chu Văn Vương thuở xưa, “*Không uy đức thì không thể có trí tuệ cao xa, không đức độ nhân từ thì không thể chăm lo cho dân*”, “*Bản thân phải cần cù chịu khó, mới đi theo đường Đức nghĩa*”.

- “Tích công đức mười đời” (“Thập thế chi đức”):

Như đế vương của các triều đại. Ngày nay chúng ta nói đến Liễu Phàm tiên sinh, ông là người thời nhà Minh, Thái tổ thời nhà Minh cho đến tiên nhân của ông tích lũy được công đức lớn lao, cho nên có thể truyền đến 17 đời, có thể duy trì đất nước hơn 270 năm.

- *Tích đức ít đời hưởng ít đời*

“Phước quá mong” (“Đức chí bạc”):

Chúng ta thử xem người thế gian, người giàu có thông thường truyền ba đời, truyền hai đời. Xã hội hiện nay trường hợp này không nhiều, nhưng vẫn còn.

■ Không tích không hưởng

[Còn nhiều trường hợp] một đời là hết, thậm chí đối với chính mình, đến lúc về già cũng không giữ được, lúc trung niên rất phát đạt, nhưng lúc về già phá sản, chúng ta thường thấy trường hợp này. Tình huống này là sao? Họ không tích lũy công đức, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều là tự tư tự lợi, mặc dù có làm được một chút việc tốt, nhưng cũng không từ bỏ danh văn lợi dưỡng, làm việc tốt này nếu không có điều kiện họ không làm. Những việc tốt họ làm, là làm một chút việc từ thiện trong xã hội, họ cần có cái giá của nó, là phải được đại chúng khen ngợi, chính phủ khen thưởng, như vậy họ mới chịu làm. Họ làm là vì điều này, không phải chân tâm. Đây là giả thiện, không phải chân thiện, đây là “Đức chí bạc”.

Thiền sư đưa ra ví dụ này để nói với Liễu Phàm; Sau đó dạy ông nhằm vào khuyết điểm của mình, thay đổi triệt để, như vậy là mới cứu được.

2. Nguyên tắc tu học

CHÁNH VĂN 38

“Nhữ kim ký tri phi, phước bạc, tương hướng lai bất phát khoa đệ, cập bất sanh tử chi tướng, tận tình cải loát: Vụ yếu tích đức, vụ yếu bao hoang, vụ yếu hòa ái, vụ yếu tích tinh thần; Tùng tiền chủng chủng, thí như tạc nhật tử; Tùng hậu chủng chủng, thí như kim nhật sanh. Thử, nghĩa lý tái sanh chi thân dã”.

(Nay ông đã biết rõ những thói hư tật xấu, biết mình phước bạc, nhưng muốn trong tương lai được khoa bảng đề danh, muốn sinh con, thì ông nên tận tâm, tận lực cải sửa:

- Nhất định phải lo tu nhân tích đức,
- Nhất định phải bao dung rộng lượng với người,
- Nhất định phải hòa nhã thương yêu kẻ khác,
- Nhất định phải biết tôn dưỡng nguyên khí tinh thần.
- Hết thấy những việc từng làm trước đây, xem như đã chết từ hôm qua.
- Hết thấy những việc từ nay về sau, xem như mới được sinh ra từ hôm nay. Đó là nghĩa lý của thân tái sanh vậy).

GIẢNG GIẢI

❖ “Nay ông đã biết rõ những thói hư tật xấu, biết mình phước bạc” (“Nhữ kim ký tri phi, phước bạc”): Hôm nay ông đã biết được lỗi lầm của mình.

❖ “Muốn trong tương lai được khoa bảng đề danh, muốn sinh con, thì ông nên tận tâm, tận lực cải sửa” (“Tương hướng

lai bất phát khoa đệ, cập bất sanh tử chi tướng, tận tình cải loát”):

Thứ nhất: Triệt để sửa lỗi (Không tạo ác mới)

Thay đổi vận mệnh bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ tập khí lỗi lầm của mình. Ông tự nghĩ xem, bây giờ ông đã nói nhiều như vậy, đã rất rõ ràng:

- Vì sao không thi đậu công danh? Ông nên sửa đổi tất cả những sai trái mà mình không thi đậu;
- Vì sao ông không có con cái? Bây giờ ông đã phản tỉnh, ông cũng biết là mình phải sửa đổi tất cả những sai trái này.

❖ “*Tận lực cải sửa*” (“Tận tình cải loát”): “Loát” là rửa sạch, “Cải” là sửa đổi.

Sau đó (Vân Cốc thiền sư) dạy ông phải tu thiện.

Thứ hai: Tu thiện tích lũy công đức (Siêng làm thiện mới)

❖ “*Nhất định phải tích đức*” (“Vụ yếu tích đức”):

Điều cần thiết là phải tích đức. Trong quá khứ ông làm quá nhiều chuyện thất đức: Cống cao ngã mạn, thường dùng tài trí của mình để đàn áp người khác; Luôn háo cường, háo thắng, không thể dung nạp người khác. Đây đều là thất đức, phải thay đổi.

❖ “*Nhất định phải bao dung rộng lượng với người*” (“Vụ yếu bao hoang”):

“Bao hoang” là mở rộng tâm lượng. Tâm lượng ông quá nhỏ bé, cần phải bao dung tất cả. Sở dĩ Phật Bồ Tát vĩ đại như thế, chính là nhờ tâm lượng lớn “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (Tâm bao trùm hư không, lượng trọn khắp các cõi nhiều như cát).

Hôm nay tôi còn nói chuyện với mấy người bạn, tôi nói đến dân chúng ở Úc châu, họ tự xưng là “chân nhân” sống trên sa mạc hoang dã. Chính phủ cấp nhà cho họ, họ không ở, đem nhà làm thành nơi cất chứa, mỗi tối họ ngủ ngoài trời nơi hoang dã, có đạo lý! Tâm của họ rộng rãi biết bao.

Bạn tôi nói, ông nói:

- Quả thật người Mông Cổ, Tây Tạng, Thanh Hải, Tân Cương, những dân tộc du mục này, họ đều ở nơi hoang dã, tiếng ca của họ rất hào phóng, tâm hồn rộng mở.

Chúng ta hiện tại rất đáng thương, ở chung cư, như trong lồng bồ câu vậy, tâm lượng này rất nhỏ bé! Sao có thể sánh với người ta?

Nhất định phải mở rộng tâm lượng, người tâm lượng rộng rãi có phúc báo,

❖ “**Nhất định phải hòa nhã thương yêu kẻ khác**” (“Vụ yếu hòa ái”: Cần phải hòa ái. Liễu Phàm tiên sinh thiếu hòa khí, thiếu lòng yêu thương, nhất định phải tu dưỡng.

❖ “**Nhất định phải biết tồn dưỡng nguyên khí tinh thần**” (“Vụ yếu tích tinh thần”):

Thích uống rượu, thích thức đêm, đây đều là không biết quý trọng tinh thần của mình, không biết quý trọng thân thể mình.

Thiền sư Vân Cốc đưa ra mấy trọng điểm này để dạy ông sửa đổi khuyết điểm, phải siêng năng tu học, tu thiện tích đức.

Thứ ba: Lỗi làm trước xóa, làm lại từ đầu

❖ “Tất cả những việc về trước coi như đã xóa bỏ hết, coi như ngày hôm qua mình đã chết” (“Tùng tiền chủng chủng, thí như tạc nhật tử”): Trước đây là chuyện đã qua, không cần nghĩ đến nó.

❖ “Từ ngày hôm nay về sau, xem như được tái sinh. Đó là nghĩa lý của thân tái sanh vậy” (“Tùng hậu chủng chủng, thí như kim nhật sanh. Thử, nghĩa lý tái sanh chi thân dã”): Lời này nói rất hay, chỉ cần con người biết sửa đổi, là có thể vượt ra khỏi số mệnh, số mệnh không câu thúc được họ.

Bước 1: Phát nguyện vì chúng sanh

Trong Phật pháp, Đức Phật thường khuyên hàng đệ tử phải phát nguyện. Phát nguyện của nhà Phật, người thế tục gọi là lập chí, cùng một ý nghĩa.

Đức Phật dạy người phát nguyện là vì phục vụ chúng sanh.

Bước 2: Thành tựu đức hạnh, học vấn

Nhưng nếu muốn phục vụ cho chúng sanh, cần phải có năng lực phục vụ; Hay nói cách khác, cần phải có đạo đức, có học vấn, có năng lực, như vậy mới có điều kiện phục vụ cho đại chúng, cho xã hội.

Do đó sau khi phát tâm này, ta cần phải tu dưỡng những điều kiện đó, tu dưỡng phẩm đức. Quý vị

- Nhất định phải sửa đổi tập khí của mình.
- Nhất định phải tu thiện tích đức

Thành tựu học vấn, thành tựu đức hạnh ta nhất định phải tu thiện, tích lũy công đức;

Như vậy ta mới có thể thực hiện nguyện vọng của mình. Ta giúp xã hội này, giúp những chúng sanh khổ nạn, nếu bản thân không đầy đủ những điều kiện này, quý vị phát nguyện này là không nguyện, là hư nguyện, vĩnh viễn không thể thực hiện được, là nguyện giả, không phải thật. Nếu phát nguyện là hư giả như vậy là có tội. Tội gì? Tội gạt Phật Bồ Tát, gạt chúng sanh. Bởi vậy phát nguyện hư giả là có tội, không có công đức.

Đức Phật dạy hàng đệ tử, nguyện phổ biến nhất là “Tứ hoằng thệ nguyện”:

“*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”: Nói như bây giờ, “độ” là giúp đỡ, hiệp trợ. Chúng sanh vô lượng vô biên, chúng ta phải phát tâm giúp họ, hiệp trợ họ. Giúp họ là khổ được vui, giúp họ phá mê khai ngộ, bản thân ta phải có năng lực mới được.

Ở sau tiếp theo là ba điều:

*(“Phiền não vô tận thể nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thể nguyện học
Phật đạo vô thượng thể nguyện thành”)*

- Thứ nhất là đoạn phiền não; Đoạn phiền não là thành tựu đức hạnh của mình;
- Thứ hai là học pháp môn: Học pháp môn là thành tựu học vấn của mình;
- Thứ ba: Sau đó thành Phật đạo, viên mãn công đức của mình.

Nguyện này của quý vị là chân thật, không phải hư giả.

Nếu nguyện lực này mạnh, rất lớn, vượt qua nghiệp lực. Đó chính là nhà Phật nói: *“Thừa nguyện tái sanh”*, vận mệnh ta thay đổi 180 độ, nguyện lực lớn hơn nghiệp lực là thành công. Hôm nay chúng ta học đến đây.

(VCD 04)

Chư vị đồng tu, xin chào mọi người! Hôm qua đã giảng đến chỗ Vân Cốc thiền sư dạy cho Liễu Phàm tiên sinh cách cải sửa làm mới. Đây là nói nghĩa lý chi thân vậy, bây giờ chúng ta xem tiếp:

CHÁNH VĂN 39

“Phù, huyết nhục chi thân, thượng nhiên hữu số, nghĩa lý chi thân, há bất năng cách thiên”

(Cái thân máu mủ huyết nhục của chúng ta hẳn nhiên đã có số nhất định, còn (đã biết sửa đổi lỗi lầm, đã được giác ngộ, tâm được thanh tịnh) thân nghĩa lý ấy há không cùng thượng thiên cảm ứng, tương thông, thay đổi số mạng hay sao?)

GIẢNG GIẢI

❖ *“Cái thân máu mủ huyết nhục”* (“Huyết nhục chi thân”): Là chỉ thân chúng ta hiện tại.

❖ *“Hẳn nhiên đã có số nhất định”* (“Thượng nhiên hữu số”):

Cái thân thể này bởi vì không có cách gì li khai khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên đều bị chi phối bởi số mạng, có thể dùng thuật số để suy đoán cát hung họa phúc của một đời.

❖ *“Thân đạo nghĩa”* (“Nghĩa lý chi thân”):

Nếu bạn muốn vượt thoát số mạng, thì bạn phải chính từ trên tâm tánh của mình mà chuyển đổi; Đem hành vi, quan niệm sai trái của mình cải chính trở lại, cùng với “Nghĩa lý” tương ứng. Đây chính là “Nghĩa lý chi thân”, là “Nguyện lực” được nói đến trong Phật pháp.

Bước 3: Nguyện lực lớn hơn nghiệp lực là thành tựu

Thân máu thịt là do nghiệp lực biến hiện ra. Nếu như “Nguyện lực” của bạn lớn hơn “Nghiệp lực” thì trong nhà Phật gọi là *“Thừa nguyện tái lai”*.

Ở chỗ này chúng ta cần phải hiểu rõ: Thân máu thịt thì không rời khỏi tự tư tự lợi;

Còn “Thân nghĩa lý” thì “Chí công vô tư”³⁴, không vì lợi ích của bản thân mà khởi vọng tưởng. Sinh ra ở thế giới này, thân thể chúng ta là công cụ để tạo phước phục vụ cho xã hội, cho nhân dân, cho chúng sanh, hoàn toàn thoát khỏi nghiệp lực của bản thân. Cái thân như vậy thì gọi là “thân nghĩa lý”, được gọi là “thừa nguyện tái lai”. Chúng sanh có phước thì cái thân này thường trụ ở thế gian; Chúng sanh không có phước thì thân này tự nhiên xả ly, câu này có nghĩa, như trong nhà Phật thường nói là “liễu sanh tử, thoát tam giới”, đây là ý nghĩa như vậy. Phía sau, Vân Cốc thiền sư liền dẫn cổ thư để dẫn chứng.

CHÁNH VĂN 40

“Thái Giáp viết: Thiên tác nghiệp, do khả vi; Tự tác nghiệp, bất khả hoạt”

(Chương Thái Giáp trong Kinh Thư có nói: “Chúng ta có thể tránh khỏi tai họa do trời đã đặt, chứ còn tự mình gây ra những điều oan nghiệt, những điều ác thì phải tự gánh chịu ác báo, không thể sinh sống an lành, yên ổn được).

GIẢNG GIẢI

Thứ tư: Làm sao tìm phước, tránh họa?

Một là: Muốn tránh họa, không tạo ác nghiệp nữa?

❖ “Chúng ta có thể tránh khỏi tai họa do trời đã đặt (thiên nhiên)” (“Thiên tác nghiệp, do khả vi”):

³⁴ Vì mọi người, vì cái chung, không vì riêng mình

Đây là giả thiết, đây là tai nạn của thiên nhiên; “*Do khả vi*” là có thể tránh miễn được: Ngày nay chúng ta nói đến tai nạn do thiên nhiên tạo ra, là có thể tránh miễn được, có thể đẩy lui được, đạo lý ở đây rất sâu.

❖ “*Chứ còn tự mình gây ra những điều oan nghiệt, những điều ác thì phải tự gánh chịu ác báo, không thể sinh sống an lành, yên ổn được*” (“Tự tác nghiệt, bất khả hoạt”):

Ở đây là nói không thể tránh miễn, không thể đẩy lui. Ý nghĩa của câu nói này rất sâu: Tại sao nói tai nạn tự nhiên thì có thể tránh miễn được? Hiện tại, người hiểu được đạo lý này, ngày càng không còn nhiều nữa.

Thánh nhân nói với chúng ta, Phật Bồ tát ở trên kinh điển cũng thường nói: “*Y báo tùy theo chánh báo chuyển*”. Y báo chính là nói hoàn cảnh tự nhiên, hoàn cảnh tự nhiên là tùy theo tâm tánh chúng ta mà chuyển biến. Nếu như tâm tánh của con người trong xã hội đều là thiện lương, thuần phát thì hoàn cảnh sống liền chuyển biến tốt, cái gọi là “*Phong điều vũ thuận, quốc thái dân an*” (*Mưa thuận gió hòa, muôn dân ấm no, thiên hạ thái bình*). Cho nên không phải chỉ có tai nạn nhân tạo mới là do con người tạo ra, ngay cả thảm họa tự nhiên cũng là do con người tạo ra.

Trong Phật pháp còn nói đến “cộng nghiệp” và “biệt nghiệp”:

“*Cộng nghiệp*” là do mọi người cùng gây tạo, biến thành tai họa tự nhiên;

Còn tạo tác của một người thì liền biến thành cát hung họa phúc của chính người đó (gọi là “*Biệt nghiệp*”).

Cho nên cá nhân mình tạo nghiệp thì không cách gì tránh miễn được, còn nếu như nghiệp chương là do đại chúng xã hội cộng chung lại tạo ra, thì tai họa của nó, [mình] có thể tránh miễn, có thể đẩy lùi được. Đây là chân lý, là chân tướng sự thật. Sau đó, ông dẫn hai câu nói trong Kinh Thi:

CHÁNH VĂN 41

“Thi vân: Vĩnh ngôn phối mệnh, tự cầu đa phúc”.

(Kinh Thi cũng có nói: “Việc mình làm phải phù hợp với ý trời, (làm lành lánh dữ ắt hẳn phải được thiện báo), đó là tự mình biết cầu được nhiều phúc”)

GIẢNG GIẢI

Hai là: Muốn cầu phúc, việc làm phải hợp với ý trời

Hai câu nói này:

“*Vĩnh ngôn*” nghĩa thường nói, Cổ Thánh Tiên Hiền thường nói;

“*Phối mệnh*” là nói thường hợp với ý trời, tức lòng người hợp với ý trời.

Trời là gì? Đến cuối cùng thì trời ở đâu?

Trời không có hình tướng cụ thể, đây chỉ là một hình tượng biểu trưng. Cái gọi là “*Trời có đức hiếu sinh*”. “*Thiên tâm*” (Tâm trời) là “*Ái tâm*” (Tâm yêu

thương) yêu thương, tâm yêu thương một cách vô tư. “Thiên tâm” là tâm yêu thương công bằng, tâm yêu thương bình đẳng.

▪ “Đại công vô tư” là hợp ý trời

Nếu như bản thân chúng ta có thể tu dưỡng tâm nguyện chúng ta có thể nâng cao lên “*Đại công, vô tư*”, bình đẳng đối đãi với tất cả người, tất cả sự, tất cả vật.

Đây chính là ý nghĩa của “*Vĩnh ngôn phối mệnh*”. Đương nhiên, phước tại trong đó cho nên không cần cầu, phước cũng hiện tiền. Cái ý nghĩa này chư vị hãy tỉ mỉ mà suy xét.

Phía sau, Vân Cốc thiền sư nói:

CHÁNH VĂN 42

“Khổng tiên sinh toán nhữ bất đẳng khoa đệ, bất sanh tử giả, thử thiên tác chi nghiệp, do khả đắc nhi vi dã”

(Khổng tiên sinh đoán ngươi không đậu tiến sĩ, không con nối dõi, tuy đó là số trời đã định nhưng vẫn có thể không tuân theo)

GIẢNG GIẢI

Nghiệp do trời gây chính là do ngươi quá khứ tạo tác, cái nghiệp bất thiện do ngươi tạo, có thể khiến ngươi đời nay không có công danh, không có con trai. Đây đều

là do người trong đời quá khứ đã tạo ra, nhưng có thể tránh miễn, có thể đẩy lùi. Làm sao để đẩy lùi?³⁵

■ **Nỗ lực tích âm đức**

CHÁNH VĂN 43

“Nhữ kim khoách sung đức tính; Lực hành thiện sự, đa tích âm đức; Thử tự kỷ sở tác chi phúc dã, an đắc nhi bất thụ hường hồ”

(Nay người nên đem cái thiên tính đạo đức trời đã phú cho mọi người, khai mở thật rộng rãi: Hết lòng làm thiện, tích trữ âm đức. Đó là tự mình tạo lấy phúc cho mình thì sao lại không được báo đáp, thụ hưởng ư?)

GIẢNG GIẢI

❖ “Nay người nên đem cái thiên tính đạo đức trời đã phú cho mọi người, khai mở thật rộng rãi” (“Nhữ kim khoách sung đức tính”: Là nói Liễu Phàm tiên sinh cần phải sửa sai tự làm mới³⁶).

³⁵ Hoán cải số mạng không có nghĩa việc quá khứ sẽ bị xóa bỏ, nhưng đáng lý một biến cố lớn sẽ xảy ra trong kiếp này, lại không xảy ra. Khi ta phát tâm làm một việc hợp với thiên ý thì một ảnh hưởng tinh tú bỗng chói sáng và các từ điện mạnh mẽ đẩy ngược luồng vũ trụ tuyến sang hướng khác. Do đó, con người có thể cải số mệnh dễ dàng, nếu biết làm các việc tốt lành, đẹp đẽ. Dĩ nhiên, ảnh hưởng xấu không mất đi, nhưng sẽ tiềm ẩn, chờ một cơ hội khác sẽ phát hiện lại. Nói một cách khoa học thì đời người có thể ví như một phương trình toán học, $A*B$ bằng C : A và B là nguyên nhân và C là hậu quả, nhưng nếu ta thêm vào đó một nguyên nhân X thì $A*B*X$ sẽ không thể bằng C nữa, vì đã có thêm nguyên tố X . (Hành trình về phương đông)

³⁶ Người xưa chúng ta thường nói bốn tánh vốn thiện, liền đem câu này viết vào trong sách giáo khoa, đồng câu thứ nhất của Tam Tự Kinh “Nhân chi sơ, tánh bản thiện”. Cái thiện này không phải thiện của thiện ác, mà cái thiện này là tán thán, là quá tốt, quá viên mãn, không hề có

❖ “*Lực hành thiện sự, đa tích âm đức*” (Hết lòng làm thiện, tích trữ âm đức):

▪ **Cái gì gọi là “Âm đức” ?**

Làm việc tốt mà không để người khác biết, đây gọi là âm đức. Âm đức, phước báu được dày hơn.

Còn như làm một chút việc tốt mà mọi người đều biết, giống như thời buổi hiện nay, được phương tiện thông tin đại chúng đưa tin, cơ quan đoàn thể biểu dương, tán thán, được giới thiệu trước toàn thể đại chúng. [Việc tán dương này], đây cũng là phước, phước của bạn đã bị tiêu hết, thật đáng tiếc!

Cho nên người chân chánh làm việc thiện, không muốn người khác biết. Nếu như làm việc thiện mà nhất định phải có phương tiện thông tin đại chúng giới thiệu, phải được báo chí biết đến, đây không phải làm thiện chân thật. Tâm của bạn vẫn là không rời khỏi danh văn lợi dưỡng, bạn không phải là chân tâm, việc thiện mà bạn làm là giả thiện, là ngụy thiện, không phải là chân thiện. Chân thiện, hà tất phải để người khác biết? Nếu phương tiện thông tin đại chúng tìm đến, bạn cần phải tận lực tránh, đây mới là tốt.

chút nào kém khuyết như trên kinh Phật nói “Trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, nên gọi là tự tánh”

Không có thứ nào không Vô Lượng. Trí Tuệ Vô Lượng, Đức Năng Vô Lượng, Tài Nghệ Vô Lượng, Phước Báo cũng Vô Lượng, Tài Bảo cũng Vô Lượng, không có thứ nào không Vô Lượng...” (VLT)

Thời xưa, người chân thật có đại đức đại năng, thường che giấu tài năng, ẩn cư trong núi sâu, không ai biết đến, vì vậy đức của họ càng ngày càng tích được dày. Khi nào cơ duyên thành thực, bị người khác phát hiện, họ mới có thể vì nước vì dân mà kiến công lập nghiệp.

Ở đây ẩn chứa rất nhiều rất nhiều kiến thức, chúng ta cần phải tư duy một cách sâu sắc, chúng ta cần phải học tập.

❖ *“Đó là tự mình tạo lấy phúc cho mình thì sao lại không được báo đáp, thụ hưởng ư?”* (“Thử tự kỷ sở tác chi phúc dã, an đắc nhi bất thụ hưởng hồ): Phước mà mình tạo ra, đương nhiên bản thân có thể hưởng. Tiếp theo, đại sư có dẫn “Kinh Dịch” để nói:

■ **Phước, họa đều do tự mình làm**

CHÁNH VĂN 44

“Dịch vi quân tử mưu, xu cát tị hung. Nhược ngôn thiên mệnh hữu thường, cát hà khả xu, hung hà khả tị? Khai chương đệ nhất nghĩa, tiện thuyết, tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh, nhữ tín đắc cập phủ”

(Mục đích của Kinh Dịch là giúp cho con người biết tìm phước tránh họa. Nếu nói số mạng không đổi thì làm sao mà tìm phước tránh họa được? Ngay chương đầu của Kinh Dịch đã nói: “Một nhà làm thiện ắt dư thừa niềm vui (phước)”, người có tin những điều đó không?)

GIẢNG GIẢI

❖ *“Mục đích của Kinh Dịch là giúp cho con người biết tìm phước tránh họa”* (“Dịch vi quân tử mưu, xu cát tị

hung”): Ông dẫn ra hai câu này là muốn tăng thêm tín tâm cho Liễu Phàm tiên sinh.

❖ “Nếu nói số mạng không đổi thì làm sao mà tìm phước tránh họa được?” (“Nhược ngôn thiên mệnh hữu thường, cát hà khả xu, hung hà khả tị?”):

Câu nói này rất hay. Nếu như nói vận mệnh là cố định, không thể cải đổi, thì câu nói “*Một nhà làm thiện tất dư thừa phước*” này trong “Kinh Dịch” giảng không được thông. Có nghĩa là, hai câu nói này trong “Kinh Dịch”³⁷ cho chúng ta biết, vận mệnh vốn rất sống động, không có nhất định. Chúng ta mỗi ngày khởi tâm động niệm, khởi thiện niệm thì tăng phước, phước tăng lên một phần, khởi niệm ác thì phước giảm đi một phần. Mỗi ngày chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác luôn có gia giảm tăng bớt, ngày ngày đều có gia giảm tăng bớt³⁸.

³⁷ “Tích thiện chi gia tất dư hữu khánh, tích bất thiện chi gia, tất dư hữu ương”: Một nhà làm nhiều việc thiện ắt dư niềm vui, một nhà làm nhiều việc ác ắt dư tai ương

³⁸ Xt: “Túc mệnh Luận”

1. “Túc mệnh luận”:

Chữ “túc mệnh” nghĩa là thuyết có đời trước, đứng ra quan niệm này là một quan niệm tương đối dựa trên câu nói là “Nếu có đời trước thì phải có đời sau”, đó là câu nói của túc mệnh luận.

Lấy ví dụ như là chúng ta sanh ra trong cuộc đời này có những khác biệt về tư chất, về cá tính, có những trẻ em còn rất là nhỏ lớn lên cùng một gia đình, cùng cha cùng mẹ cùng một bối cảnh sống nhưng có em rất là giỏi về toán, có em giỏi về văn, có em có thiên tư về âm nhạc. Thì khi mà nhìn thấy sự khác biệt và sự khác biệt trong thời thơ ấu như vậy người ta đi đến một kết luận rằng phải có một đời trước, sau đó thì

đời này người ta sanh ra mới có sự khác biệt như vậy, và hễ tin có đời trước thì phải tin có đời sau, bởi vì có kiếp trước rồi có kiếp này thì sau kiếp này cũng phải có kiếp sau, điều đó chúng ta gọi là túc mệnh luận.

2. “Định mệnh luận”:

Chữ “Định mệnh” nghĩa là sự an bày và cái gì an bày rồi thì có nghĩa là không có thay đổi.

Đạo Phật quan niệm rằng đời sống này là một sự kết cấu của quá khứ và hiện tại, và khi nó là sự kết cấu quá khứ và hiện tại thì không có cái gì gọi là hoàn toàn cố định hết. Khi mà nói không có gì hoàn toàn cố định, có nghĩa là nếu cha mẹ sanh ra chúng ta mà có một thể chất rất cường tráng điều đó cũng không có nghĩa rằng suốt cuộc đời còn lại của mình là lành mạnh hoàn toàn nếu chúng ta trong sự ăn uống không gìn giữ, nếu chúng ta sống bừa bãi trác táng mà không có ý thức rõ là cái gì nên ăn nên uống nên sống thì cơ thể của chúng ta vẫn bị đe dọa như thường. Và khi chúng ta nói đến định mệnh, chữ định mệnh ở đây là một sự an bày không có thể thay đổi được.

Trong Đạo Phật thì cái gì gọi là định mệnh, nếu mà thật sự có định mệnh thì chúng ta không thể tu tập được, nghĩa là chúng ta không thể thay đổi bởi vì nó đã được an bày rồi, do đó Đạo Phật không nói đến định mệnh.

3. “Thiên mệnh luận”:

Là quan niệm rằng mỗi một nhất cử nhất động trong đời sống của chúng ta đều nằm trong ý của thượng đế, “Nhất ẩm, nhất trác” (một miếng cơm, một ngụm nước) do thiên định chẳng hạn. Chúng ta quan niệm cuộc đời là một sự sắp xếp qua một sự mặc khải mà chúng ta không hiểu được, chúng ta không biết được cuộc sống đưa đẩy.

Đạo Phật không nói đến thiên mệnh mà đạo Phật nói đến nghiệp mệnh. “Nghiệp mệnh” tức là những hành vi thiện ác trong đời sống của chúng ta có để lại những hậu quả, và những hậu quả đó vốn dĩ là chúng ta không có biết rõ. Có những người nghĩ cuộc sống rất là tình cờ, nhưng mà quả thật nó chỉ là một cái quả được phát sanh từ cái nghiệp ở trong quá khứ.

Do vậy trả lời câu hỏi về chữ định mệnh thì Đạo Phật không có nói đến thuyết về “Định mệnh”;

Tại sao vận mệnh của người thế gian đều bị đoán định? Bởi vì mức độ gia giảm tăng bớt của anh ta không lớn, không ly khai quá nhiều so với vận mệnh của chính mình, cho nên đoán được rất chuẩn.

Nếu như mức độ gia giảm tăng bớt rất lớn, thì vận mệnh được đoán định liền không chuẩn nữa. Phía trước đã nói, người đại thiện thì mạng số không câu thúc được, người đại ác thì số mạng cũng thay đổi. Chính bởi mức độ gia giảm tăng bớt của anh ta quá lớn, nên nếu anh làm đại thiện, họa liền biến thành phước; anh làm đại ác, phước biến thành họa, đạo lý ở chỗ này.

❖ *“Ngay chương đầu của Kinh Dịch đã nói: “Một nhà tích thiện, ắt dư phước cho con cháu”, người có tin những điều đó không?” (“Khai chương đệ nhất nghĩa, tiện thuyết, tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh, nhữ tín đắc cập phủ”):*

Những sách này, Liễu Phàm tiên sinh ngày thường đọc được rất thuộc, cho nên “đọc thuộc” chính là muốn nói: ông làm sao không hiểu được ý nghĩa của nó chứ, có điều ông hiểu không đủ sâu mà thôi;

Đại ý là nói: Liễu Phàm tiên sinh đọc nhiều sách của cổ thánh tiên hiền như vậy, bản thân ông lại không có cách nào áp dụng vào trong cuộc sống, không cách

Đạo Phật có nói đến một phần của thuyết túc mệnh, nhưng chữ túc mệnh nói trong Đạo Phật thì phải rất là cẩn thận, là bởi vì những quan niệm đó có nhiều điều hơi khác với Đạo Phật, ví dụ như chúng ta nói có kiếp trước có kiếp sau bằng một linh hồn hằng cửu thì điều đó không gần với thuyết về luân hồi của Đạo Phật. Còn thuyết về thiên mệnh thì trong Đạo Phật không đề cập đến mà thay vào đó Đạo Phật nói về nghiệp mệnh. (TT Giác Đăng)

nào chân thật dùng vào trong sinh hoạt, công việc, xử sự, đối người, tiếp vật, cho nên vận mệnh của ông ngay đến một tơ hào cũng không cải đổi được.

Mục C: QUÁ TRÌNH TU TẬP CỦA VIÊN LIỄU PHẠM

Vân Cốc thiền sư vừa khai thị, Liễu Phàm tiên sinh liền hiểu rõ, ông nói:

CHÁNH VĂN 45

“Dư tín kỳ ngôn, bách nhi thụ giáo. Nhân tương vãng nhật chi tội, Phật tiền tận tình phát lộ” “Vi sơ nhất thông” “Tiên cầu đăng khoa” “Thệ hành thiện sự tam thiên điều, dĩ báo thiên địa tổ tông chi đức”

(Ta tin những lời chỉ dẫn của thượng sư, lễ bách xin học làm theo.

Nhân đó liền đem hết thấy những điều lỗi lầm xấu ác đã qua, đối trước bàn thờ Phật mà phát lồ sám hối.

Sau đó ta phát tâm dâng sớ nguyện cầu thi cử đỗ đạt, nguyện làm đủ 3.000 điều thiện để báo đáp ân đức của tổ tiên, trời đất).

GIẢNG GIẢI

❖ **“Ta tin những lời chỉ dẫn của thượng sư, làm lễ bách xin học làm theo” (“Dư tín kỳ ngôn, bách nhi thụ giáo”):**

Lời nói của Vân Cốc thiền sư khiến Liễu Phàm tiên sinh tỉnh ngộ. Vận mệnh xác thực là do ta tạo, ta đương nhiên có thể cải đổi, nhất định phải hiểu được tự cầu đa phước.

Tiết 1: Mục tiêu học Phật là gì? Nâng cao cảnh giới, đức hạnh

Chúng tôi học Phật, có nhiều người hỏi tôi, họ nói:

- Thưa Pháp sư, tại sao Ngài học Phật?

Tôi trả lời:

- Rất đơn giản, mục đích học Phật của tôi rất đơn thuần, nhằm nâng cao cảnh giới của mình, đây là từ trên quả báo mà nói; còn từ trên nhân mà nói, là tôi muốn nâng cao đức hạnh của bản thân.

1. Tích công lũy đức là nhân, quả báo sẽ thù thắng

Tích công lũy đức là tu nhân, nhân tốt, quả đương nhiên sẽ thù thắng.

2. Quan sát quả báo sẽ sinh tâm hoan hỷ,

Khi nghiệp nhân quả báo đến, bản thân bạn có thể tỉnh táo quán sát được, bạn sẽ cảm thấy vô cùng hoan hỷ. Nhà Phật thường nói là “*Thường sanh hoan hỷ tâm*”.

Một đời này luôn sống được rất hoan hỷ, điều này không phải là quá vui thích ư!

3. Tâm không phiền não - Đời sống được đại tự tại

Trong tâm không có phiền muộn, không khắc khoải, không vọng tưởng, không chấp trước, không

phiền não, đây gọi là đại tự tại, một đời thường sống trong thế giới cảm ơn, như vậy thật hạnh phúc biết bao!³⁹

Tôi là như vậy mà học Phật. Kỳ thật, đây là lúc nhỏ lão sư đã dạy tôi. Trước khi học Phật, tôi rất yêu thích triết học, thầy của tôi là tiên sinh Phương Đông Mỹ. Ông nói với tôi:

- Phật học là tinh hoa của triết học, là đỉnh cao nhất trong triết học, học Phật là sự hưởng thụ tối cao nhất của đời người.

Tôi bị câu nói này của ông làm chấn động, cho nên mới dể tâm học tập. Tôi xuất gia, sau khi xuống tóc, tôi liền đến thăm thầy, ông vô cùng hoan hỷ. Ông nói:

- Con đường ông chọn rất đúng, tôi nói với ông như vậy nhưng không nghĩ ông làm thật.

Cho nên xác thực là được sự chỉ dẫn của thầy, tôi cũng giống tiên sinh Viên Liễu Phàm⁴⁰. Tiên sinh Phương Đông Mỹ đem Phật giáo giới thiệu với tôi; Đại sư Chương Gia đặt nền tảng cho tôi; Cư sĩ Lý Bình Nam dùng thời gian 10 năm mà dạy bảo tôi. Một đời được thọ dụng, đạt được khoái lạc, đạt được tự tại.

³⁹ Học Phật cầu quả là nâng cao cảnh giới của mình, còn từ nhân là nâng cao đức hạnh của mình (1- Tích công lũy đức quả thù thắng; 2- Quan sát quả sẽ sinh tâm hoan hỷ, 3- Trong tâm sẽ không phiền muộn, không khắc khoải, không vọng tưởng, không chấp trước, không phiền não; 4- Đời sống được đại tự tại)

⁴⁰ Giống Liễu Phàm tiên sinh ở chỗ: “*Dur tín kỳ ngôn, bái nhi thụ giáo*” - tin những lời chỉ dẫn của thượng sư, lễ bái xin học làm theo

Liễu Phàm tiên sinh hiểu rõ rồi, giác ngộ rồi, phía sau là chân thật làm.

Tiết 2: Viên Liễu Phàm phát lồ sám hối những tội lỗi cũ

❖ “*Nhân đó liền đem hết thấy những điều lỗi lầm xấu ác đã qua*” (“Nhân tương vãng nhật chi tội”): Quá khứ đã tạo ra tội ác quá nhiều, sai lầm quá nhiều.

❖ “*Trước bàn thờ Phật, thành tâm phát lồ sám hối*” (“Phật tiền tận tình phát lộ”): “Phát lộ” một tơ hào che giấu cũng không có, hoàn toàn nói hết ra.

❖ “*Sau đó lại dưng sớ nguyện*” (“Vi sớ nhất thông”):

“Sớ” là văn chương, chính là bản thân hạ quyết tâm muốn sửa đổi tự làm mới, nên đã viết một bài văn sám hối, cầu Phật, Bồ Tát chứng minh, dụng ý là ở tại điểm này.

Tiết 3: Quá trình tu tập của Ngài Viên Liễu Phàm

1. Giai đoạn 1: Thời gian hơn 10 năm – Cầu thi cử đỗ đạt

Thứ nhất: Phát nguyện làm 3000 điều thiện

❖ “*Trước cầu thi cử đỗ đạt*” (“Tiên cầu đăng khoa”): Trước tiên cầu đỗ đạt khoa cử. Trong mạng của ông không có công danh, cho nên trước tiên là cầu “*Đăng khoa*”, cầu thi đỗ cử nhân. Trong mệnh của ông chỉ thi đỗ tú tài, tú tài cao nhất cũng chỉ đến cống sinh, cho nên ông không có khoa đệ, dùng từ hiện đại mà nói, ông không có học vị.

❖ “*Nguyện làm 3000 việc tốt để báo đền ân đức của tổ tông, trời đất*” (“Thệ hành thiện sự tam thiên điều, dĩ báo thiên địa tổ tông chi đức”):

Chân thật bắt đầu đoạn ác tu thiện, ông phát ra đại tâm như vậy, rất khó có được.

Vân Cốc thiền sư xem thấy, vô cùng hoan hỷ, học trò này có thể dạy. Lúc này Viên Liễu Phàm tiên sinh đã 35 tuổi, có thể chân chánh hồi đầu, đoạn ác hướng thiện.

Thứ hai: Về sự - Kiểm điểm hàng ngày bằng “Công quá cách”

CHÁNH VĂN 46

“Vân Cốc xuất công quá cách thị dư, linh sở hành chi sự, toại nhật đăng ký, thiện tắc ký số, ác tắc thoái trừ”

(Vân Cốc thiền sư đưa cho ta cuốn sổ “Công quá cách”, bảo ta ghi hết những điều đã làm trong ngày; thiện thì được điểm, ác thì trừ điểm)

GIẢNG GIẢI

Vào thời nhà Minh, “*Công quá cách*” (sổ ghi công và tội hàng ngày)⁴¹⁻ⁱ rất phổ biến. Chúng tôi từ trên lịch sử

⁴¹ “Những cuốn sổ ghi công – lỗi” (*công quá cách*)

Công Quá Cách là một dạng bảng tự kiểm hàng ngày. Thiện ngôn thiện hành (lời lành việc tốt) được xem là công và được ghi vào công cách, ác ngôn ác hành (lời ác việc ác) được xem là quá và được ghi vào quá cách (chữ “quá” nghĩa là «sai lầm, tội lỗi»).

Lời tựa của *Thái Vi Tiên Quân Công Quá Cách* viết: «Tu Chân chi sĩ, minh thư nhật nguyệt, tự ký công quá, tự tri công quá đa quả» (Người tu chân mỗi ngày mỗi tháng phải ghi rõ công và tội của mình để tự biết công và tội ấy nhiều hay ít). Cũng theo lời tựa này, đời Kim (1115-1234) năm Đại Định Tân Mão (117**Thứ nhất:**(triều vua Thệ Tông),

xem thấy, vĩ nhân có thành tựu rất nhiều, đều là đã từng dùng phương pháp “Công quá cách” để kiểm điểm lỗi lầm của mình.

Liễu Phàm tiên sinh, ông chân thật là một phàm phu, là người sơ học, hơn nữa, căn tánh của ông không phải là thượng căn lợi trí, có thể nói ông là người căn tánh trung hạ, cho nên Vân Cốc thiền sư mới dùng “Công quá cách” để giúp đỡ ông.

Công quá cách, hiện tại tại ở Đài Loan và Hương Cảng cũng rất lưu thông, nên có thể tìm thấy. Chúng tôi trong quá khứ cũng đã từng in ấn rất nhiều. Mỗi ngày đều đánh dấu, việc tốt đã làm trong ngày tôi tự mình đánh dấu. Mỗi ngày sai sót đã tạo, phản tỉnh lỗi sai, sai cũng đánh dấu vào. So sánh thiện ác, tôi ngày hôm nay đến cuối cùng là thiện nhiều hay ác nhiều? Thời gian đầu tôi làm, nhất định là thiện ác lẫn lộn, có khả năng là ác nhiều hơn thiện, cảnh giác của bản thân liền tăng cao. Ngày ngày đều chân thật nỗ lực sửa sai, hi vọng đến một ngày, một khi mở công quá cách ra đều là thuần thiện không ác, thì bạn đã thành công rồi.

Đây là Vân Cốc thiền sư dạy ông từ trên sự mà sửa, tuy đây không phải là phương pháp cao minh, nhưng đối với người bình thường, phương pháp này rất có hiệu quả.

một đạo sĩ tên là Hựu Huyền Tử đã mộng du tử phủ (cung trời, cung tiên), triều lễ Thái Vi Tiên Quân và nhận lĩnh yếu chỉ Công Quá Cách; khi tỉnh mộng, chấp bút viết thành sách này.

Thứ ba: Về lý - Điều phục tâm bằng chú Chuẩn Đề

CHÁNH VĂN 47

“Thả giáo trì Chuẩn Đề chú, dĩ kỳ tất nghiệm”

(Ngoài ra còn dạy ta trì chú Chuẩn Đề và chờ ngày ứng nghiệm).

Thiền sư còn dạy cho ông Chú Chuẩn Đề. Trong nhà Phật, tham thiền, trì chú, niệm Phật; phương pháp tuy không đồng, nhưng mục đích, hiệu quả lại hoàn toàn giống nhau, đều để điều phục tâm. Người bình thường không thể không có vọng tưởng; Chỉ có Phật, Bồ tát, người tu hành đặc đạo mới không có vọng niệm.

Một là: Vọng niệm làm tiêu hao năng lượng cơ thể

Vọng niệm đối với chúng ta có hại vô cùng lớn, chúng ta phải biết, vọng niệm không chỉ phá hoại thanh tịnh tâm của chúng ta, mà còn có ảnh hưởng không tốt đối với sức khỏe thân thể chúng ta⁴².

Chúng tôi xem thấy lúc Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, một ngày ăn một bữa, nửa ngày ăn một lần, hơn nữa ăn rất đơn giản, rất ít. Người hiện tại chúng ta nghĩ “Sao đủ dinh dưỡng”?

⁴² Người muốn khỏe tâm phải tịnh, thân thể phải động nhưng hiện nay người tâm thì loạn động còn thân thì lại ì ra không chịu vận động làm gì mà không ốm;

Lão tử nói “Ta khổ vì ta có cái thân”; người cõi trời vô sắc giới, họ không còn thân;

Phật Bồ tát là tâm thanh tịnh, không động;

Chúng ta là không rõ đạo lý, chân chánh đạo lý rõ ràng, hoát nhiên đại ngộ, nguyên lai dinh dưỡng là bổ sung năng lượng cho thân thể. Thân thể giống như một bộ máy, cái bộ máy này vận động suốt 24 giờ đồng hồ, ngay cả lúc ngủ cũng không ngừng nghỉ; tim mạch luôn đập, máu huyết tuần hoàn; cho nên cần phải có năng lượng. Ăn uống là để bổ sung năng lượng, giống như đổ dầu cho xe chạy. Tuy nhiên đối với xe, chúng ta đều biết, có loại xe hao xăng, có loại xe tiết kiệm xăng. Thân thể chúng ta cũng như vậy, thân thể đối với việc tiêu năng lượng, có loại hao nhiều năng lượng, có loại ít tốn năng lượng. Năng lượng đến cuối cùng là tiêu tốn ở đâu? Hiện tại, chúng tôi chân thật hiểu rõ, 95% là tiêu tốn trên vọng tưởng. Điều này cần phải minh bạch.

Tại sao người tu hành có thể một ngày ăn một bữa? Vì tâm họ thanh tịnh, ít vọng tưởng, cho nên họ tiêu tốn năng lượng ít, thân thể khỏe mạnh.

Phàm phu nhiều vọng tưởng, tạp niệm nhiều, mỗi ngày bổ sung ba lần cũng không đủ, vẫn còn phải ăn khuya, ăn điểm tâm, một ngày từ sáng đến tối luôn là phải bổ sung, anh ta tiêu tốn rất nhiều. Tiêu tốn quá nhiều như vậy, thân thể nhất định cũng không tốt. Cho nên nếu bạn muốn bảo trì thân thể khỏe mạnh, phải giảm bớt vọng tưởng. Vọng tưởng giảm rồi, ăn uống của bạn cũng tự nhiên giảm xuống.

■ Thân thể khỏe mạnh nhất là không cần ăn

Thân thể khỏe mạnh nhất là không cần phải ăn uống, tại sao vậy?

[Vì dù] ăn uống có ít hơn, cũng không có cách gì hoàn toàn làm được đến không có ô nhiễm. Không ăn uống thì nhất định phải không có ô nhiễm, thân thể của bạn mới thật sự khỏe mạnh.

Cho nên ăn uống quá nhiều không phải là điều tốt, ăn quá nhiều, chất dơ không thể bài tiết ra hết, mức độ ô nhiễm của các cơ quan trên thân thể bạn so với người khác đặc biệt nhiều. Cổ nhân nói “*Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất*” (Bệnh vào từ miệng, họa từ miệng ra), câu nói này một chút cũng không sai.

Hai là: Điều phục tâm có nhiều cách

Dạy người trì chú, trì chú tức tu thanh tịnh tâm. Đối với người có tập niệm, bạn hãy đem niệm đó tập trung vào câu chú, thì tập niệm liền mất, dùng một ý niệm để thay cho tất cả vọng niệm, đạo lý là ở chỗ này, hiệu quả vô cùng rõ rệt.

Cho nên bạn có thể dùng cách tham cứu, dùng trì chú, hay niệm Phật để làm đều được. Phương pháp rất nhiều rất nhiều, nhà Phật thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn. “Pháp” là phương pháp, “môn” là con đường; phương pháp, con đường, quá nhiều quá nhiều. Bạn có thể chọn lựa một môn, hai môn giúp bạn nhiếp tâm, giúp bạn tiêu trừ vọng tưởng. Tâm địa thanh tịnh, trí huệ liền hiện tiền, chân tâm hiển hiện. Đây là một loại phương pháp và cách thức tu hành.

■ Vẽ bùa linh vì gì? Lúc vẽ không khởi động niệm

CHÁNH VĂN 48

“Ngũ dư viết: Phù lục gia hữu vân, bất hội thư phù, bị quỷ thần tiếu. Thử hữu bí truyền, chỉ thị bất động niệm dã”

(Thiền sư dạy ta rằng: «Những người chuyên vẽ bùa chú cho rằng: "Vẽ bùa không đúng cách sẽ bị quỷ thần chê". Thực ra bí quyết vẽ bùa là vẽ trong lúc không động niệm)

GIẢNG GIẢI

❖ *“Những người chuyên vẽ bùa chú cho rằng "Vẽ bùa không đúng cách sẽ bị quỷ thần chê" (“Phù lục gia hữu vân, bất hội thư phù, bị quỷ thần tiếu”:*

Những chuyên gia vẽ bùa chú thường nói: “Anh không biết vẽ thì sẽ bị quỷ thần cười chê”. Quỷ thần không chỉ là chê cười bạn, có đôi lúc còn khiến bạn chịu không nổi. Ở đây có bí quyết.

❖ *“Bí quyết vẽ bùa là vẽ trong lúc không động niệm” (“Thử hữu bí truyền, chỉ thị bất động niệm dã”):*

Vẽ bùa, niệm chú, niệm Phật, xác thực có cùng một mục đích. Đây là nói, hình thức phương pháp không giống nhau, nhưng nguyên lý, mục đích của chúng thì hoàn toàn tương đồng, đều là cần phải dùng chân tâm, tức là một vọng niệm cũng không có, như vậy bùa mới linh.

CHÁNH VĂN 49

“Chấp bút thư phù, tiên bả vạn duyên phóng hạ, nhất trần bất khởi. Tùng thử niệm đầu bất động xử, hạ nhất điểm, vị chi hỗn độn khai cơ, do thử nhi nhất bút huy thành”.

(Bắt đầu đặt bút họa, trước hết phải dứt bỏ hết mọi sự trần duyên không được khởi một ý niệm nào để cho tâm thực

thanh tịnh. Rồi từ chỗ niệm chưa động chấm xuống, chấm đó gọi là "hỗn độn khai cơ", rồi vẽ một hơi liên tục đến hết)

GIẢNG GIẢI

❖ “Bắt đầu đặt bút họa” (“Chấp bút thư phù”): Chúng ta cầm bút để vẽ bùa.

Để cho tâm thực thanh tịnh Bạn phải đem tất cả vọng niệm thả đều buông xuống hết, một vọng niệm cũng không sanh.

Rồi từ chỗ niệm chưa động chấm xuống, chấm đó gọi là “Hỗn độn khai cơ”, rồi vẽ một hơi liên tục đến hết.

“Thư phù”: Đây là nói bùa có linh hay không? Bạn hãy xem người vẽ bùa. Sở dĩ họ bình thường phải luyện tập, luyện rất thành thực.

Tôi từ nhỏ, lúc còn là học sinh cũng rất thích vẽ, mỗi ngày đều luyện, tuy nhiên lúc đó chúng tôi không hiểu được nguyên lý này. Nếu như trong lúc vẽ mà còn khởi lên vọng niệm thì bùa vẽ không linh. Một đạo bùa từ khi hạ bút cho đến khi vẽ xong không có vọng niệm, tâm hoàn toàn thanh tịnh, đạo bùa đó mới linh.

■ Trì chú linh là vì gì? Không xen tạp vọng niệm

Trì chú cũng phải như vậy, khi trì chú không được xen tạp vọng niệm, hễ một vọng niệm xen tạp thì chú này không linh. Do đây có thể biết, trì chú thật không dễ dàng, chú càng dài càng khó niệm. Chú càng dài thì trong thời gian dài không dễ dàng gì để không khởi tạp niệm.

■ **Niệm A DI ĐÀ PHẬT linh cũng là vì không xen tạp**

Cho nên nhà Phật thường nói “*Tụng kinh không bằng trì chú, trì chú không bằng niệm Phật*”.

Tại sao vậy? Kinh dài hơn chú nên không khởi vọng rất khó, chú cũng là tương đối dài, trong khi trì không khởi vọng tưởng cũng không dễ dàng; Phật hiệu thì ngắn, bốn chữ “A DI ĐÀ PHẬT”, trong khi niệm bốn chữ “A DI ĐÀ PHẬT” này không xen tạp một vọng niệm thì câu phật hiệu này linh; Còn một mặt niệm Phật, một mặt khởi vọng tưởng, thì phật hiệu không linh.

Cho nên các phương pháp này đều là giúp nhiếp tâm, đều giúp chúng ta đạt được thanh tịnh tâm. Thanh tịnh tâm là chân tâm;

Trong tâm có vọng tưởng thì cái tâm này gọi là vọng tâm. Vọng tâm thì có sanh diệt; Chân tâm thì không sanh không diệt, trong chân tâm không có vọng niệm, cho nên nó không sanh diệt.

Làm cách nào để có thể đem sanh diệt đoạn hết, khôi phục đến không sanh không diệt? Đây là mục tiêu cao nhất trong công phu tu học của nhà Phật, làm đến không sanh không diệt. Đạo lý này, rất khó có được, là Vân Cốc thiền sư đã vì chúng ta mà nói ra. Phía sau ông nói:

CHÁNH VĂN 50

“Phàm kì thiên lập mệnh, đồ yếu tòng vô tư vô lự xử cảm cách. Mạnh tử luận lập mệnh chi học, nhi viết: “Yếu thọ

bất nhị”, phù yểu dữ thọ, chí nhị giả dã, đương kì bất động niệm thời, thực vi yểu, thực vi thọ”

(Cho đến việc cầu đảo mệnh trời, điểm cốt yếu vẫn là phải từ nơi tâm niệm rỗng rang không động niệm như thế, mà tạo ra sự cảm ứng thay đổi.

Bàn về việc lập mệnh, Mạnh tử trong Thiên Tận Tâm⁴³ có viết: **“Yểu và thọ chỉ là một chẳng phải hai”**: Tức “thọ” “yểu” chẳng có khác nhau, mà nếu phân biệt cho thọ yểu là hai, thì khi không khởi một động niệm nào (tựa như lúc con người mới sinh chưa có ý niệm gì, chưa có tâm phân biệt) thì đâu biết thế nào là yểu, là thọ).

GIẢNG GIẢI

- Có thể cải mệnh được cũng là vì tâm không động niệm

❖ “Cho đến việc cầu đảo mệnh trời, điểm cốt yếu vẫn là phải từ nơi tâm niệm rỗng rang không động niệm như thế mà tạo ra sự cảm ứng thay đổi” (“Phàm kì thiên lập mệnh, đồ yểu tùng vô tư vô lự xử cảm cách”):

“Cảm cách” là nói cầu cảm ứng. Từ trên nội tâm mà cầu, từ trên trời cao mà cầu, đều phải dùng “tâm chân thành”, cái gọi là “*Thành tất linh, bất thành vô vật*” (Chân thành tất linh ứng, không chân thành, không thể có gì được thành tựu).

⁴³Mạnh tử, chương Tận tâm, phần thượng. Trọn câu này là: “*Yểu thọ bất nhị, tu thân dĩ sĩ chi, sở dĩ lập mệnh dã*” (Chết yểu với sống lâu vốn chẳng phải hai điều khác nhau, hãy tu thân để chờ đón mọi việc, như thế gọi là tự lập số mệnh)

Thứ tư: Bàn về lập mệnh – “Bất nhị pháp môn”

❖ “Bàn về việc lập mệnh, Mạnh tử trong Thiên Tận Tâm⁴⁴ có viết: **“Yếu và thọ chỉ là một chẳng phải hai”** (“Mạnh tử luận lập mệnh chỉ học, nhị viết: “Yếu thọ bất nhị”):

Bàn về lập mệnh, sớm nhất là do Mạnh Tử có nói rằng: “Yếu” và “Thọ” chỉ là một chẳng phải hai, tức “thọ” “yếu” chẳng có khác nhau, mà nếu phân biệt cho thọ yếu là hai, thì khi không khởi một động niệm nào, tựa như lúc con người mới sinh chưa có ý niệm gì, chưa có tâm phân biệt thì đâu biết thế nào là yếu, là thọ.

Câu nói này của Mạnh tử rất cao minh: “Yếu” là chỉ đoán mệnh, “Thọ” là chỉ trường thọ. “Yếu” mệnh cùng trường “thọ” là một chứ không phải hai. Câu nói này người bình thường nghe không hiểu. Đoản mạng cùng trường thọ khác nhau quá xa, làm sao có thể nói là một không phải hai? Chúng ta nhìn thấy đó là hai, xem thấy khác nhau quá lớn, bởi vì chúng ta là dùng cái tâm gì để nhìn? Tâm phân biệt, tâm chấp trước, cho nên xem thấy nó là hai. Nếu như tâm bạn không động, trong tâm một niệm cũng không có. Có phân biệt nên mới thấy có hai, có ba. Nếu không có tâm phân biệt thì nào thấy có hai, có ba chứ?

⁴⁴Mạnh tử, chương Tận tâm, phần thượng. Trọn câu này là: “Yếu thọ bất nhị, tu thân dĩ sĩ chi, sở dĩ lập mệnh dã” (Chết yếu với sống lâu vốn chẳng phải hai điều khác nhau, hãy tu thân để chờ đón mọi việc, như thế gọi là tự lập số mệnh)

Người thế nào mới không phân biệt? Thánh nhân không có tâm phân biệt, Phật không có tâm phân biệt, Bồ tát không có tâm phân biệt.

Phàm phu có tâm phân biệt, cho nên mới đem tất cả thế gian pháp biến thành đối lập: Đối lập giữa lớn và nhỏ, giữa dài và ngắn, giữa thiện và ác, giữa chân và vọng, hoàn toàn đều đem biến thành đối lập. Cái đối lập này chính là luận tương đối mà khoa học gia nói đến, sống tại thế gian tương đối, đây là chỉ thế gian hư vọng, là “*Mộng huyền bào ảnh*” được nói đến trên kinh Kim Cang, đây không phải là chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

Chân tướng của vũ trụ nhân sinh gọi là “*Nhất chân*”, đây chính là nói trong thế giới đó quyết định không có tương đối, đây mới là thế giới chân thật. Có tương đối thì không phải là thật. Trong lục đạo là tương đối, trong thập pháp giới vẫn là tương đối, đến nhất chân pháp giới thì tương đối không còn nữa.

Nói tương đối không còn, vậy có phải sẽ có tuyệt đối hay không? Tuyệt đối cũng không có. Tuyệt đối và tương đối, hai cái hỗ tương tạo nên, tương đối không có, tuyệt đối cũng không có. Cảnh giới này trong Kinh Phật thường nói là “*Bất khả tư nghị*”. “*Tư*” là “*tư duy*”, bạn không thể nghĩ, một khi nghĩ thì bạn đã sai rồi. “*Nghị*” là nghị luận, là “*nói*” - cũng không thể nói, nói thì liền sai rồi, “*Mở miệng liền sai, động niệm đều trái*”. Đó mới là pháp giới nhất chân chân thật, mới là chân bình đẳng.

Câu nói đó của Mạnh tử thật không đơn giản. Nếu không khế nhập cảnh giới, ông sao có thể nói ra được.

Cho nên tuy Mạnh tử không tiếp xúc với Phật pháp, nhưng nếu dùng tiêu chuẩn của nhà Phật để xem, thì Khổng Tử - Mạnh Tử đều là Đại Bồ tát, không phải người bình thường. Ngôn luận, quán sát của họ, trên Phật pháp mà nói, cảnh giới từ Thất địa Bồ tát của đại thừa viên giáo trở lên.

CHÁNH VĂN 51

“Tế phân chi: Phong khiêm (tức được mùa mất mùa, ý nói giàu nghèo) bất nhị, nhiên hậu khả lập bản phú chi mệnh; Cùng thông bất nhị, nhiên hậu khả lập quý tiện chi mệnh; Yếu thọ bất nhị, nhiên hậu khả lập sanh tử chi mệnh”

(Phân tích đến chỗ sâu xa tinh tế thì:

- “Giàu” với “Nghèo” vốn cũng chẳng phải hai điều khác nhau, nhân đó mới có thể tạo ra số mạng giàu, nghèo;
- “Bế tắc” với “Hạnh thông” vốn cũng chẳng phải hai điều khác nhau, nhân đó mới có thể tạo ra số mạng “sang”, “hèn”;
- “Yếu” với “Thọ” vốn cũng chẳng phải hai điều khác nhau, nhân đó mới có thể tạo ra số mạng sống, chết)

GIẢNG GIẢI

“Phân tích đến chỗ sâu xa tinh tế” (“Tế phân chi”): Đây là nói suy nghĩ rộng ra.

Một là: Bàn về “giàu, nghèo” không hai

❖ “Giàu” với “Nghèo” vốn cũng chẳng phải hai điều khác nhau, nhân đó mới có thể tạo ra số mạng giàu, nghèo” (“Phong khiêm bất nhị, nhiên hậu khả lập bản phú chi mệnh”):

Nhìn “Giàu, Nghèo” không hai rồi mới lập mệnh giàu nghèo.

“*Phong*” là bội thu, người nông phu năm nay được mùa bội thu, thu hoạch được tốt;

“*Khiếm*” là nói thành quả thu hoạch không tốt.

Thu được nhiều, gọi là phong phú, năm nay có thể sống được sung túc. Năm nay bị “*khiếm*” thu, mỗi ngày phải sống rất nghèo khó. Nếu như bạn có thể hiểu được “*Phong, Khiếm bất nhị*” (giàu nghèo không hai), bạn mới có thể lập mệnh giàu nghèo.

Hai là: Bàn về “quý, tiện” (sang, hèn) không hai

❖ “*Khốn cùng*” và “*Hạnh thông*” không hai, có thể lập mệnh “*Quý, Tiện*” (“*Cùng thông bất nhị, nhiên hậu khả lập quý tiện tri mệnh*”):

“*Cùng*” là rơi vào cảnh khốn cùng, làm cách gì cũng không thể thoát khỏi cảnh khốn khổ, không thể thành tựu.

“*Thông*” là thông đạt, là khi muốn làm việc gì thì được trợ duyên rất nhiều, vô cùng thuận lợi.

Nếu bạn không hiểu cái đạo lý này, bạn không thể lập mệnh được mệnh “*Quý*”, “*Tiện*”.

Chúng ta muốn hỏi thế gian có “giàu” “nghèo” chẳng? Có! Có “quý” “tiện” chẳng? Có!

■ Nên lập mệnh như thế nào?

Người “nghèo” thì an phận “nghèo”, người “giàu” an phận giàu, người “quý” an phận quý, người “tiện” an phận tiện, người nào sống đúng phận người đó, đây gọi là lập mệnh. Hai bên tôn trọng lẫn nhau, yêu kính lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, đây đúng là biết mệnh trời. Cho nên thế gian vĩnh viễn thái bình, xã hội tuyệt đối không thể có động loạn, vì sao vậy? Vì “tri mệnh” (biết mệnh), đây là học vấn, là thực học, học vấn thật sự.

Ba là: Bàn về “yếu, thọ” không hai

❖ “Nhìn “Yếu, Thọ” không hai, sau đó mới có thể lập mệnh yếu thọ” (“Yếu thọ bất nhị, nhiên hậu khả lập sanh tử chi mệnh”:

Sinh tử, cái hiện tượng này đều là ở trong lục đạo luân hồi. Có đáng sợ hay không? Không đáng sợ. Sinh tử vô cùng bình thường, chỉ khi nào bạn đem cái đạo lý này hiểu thật rõ ràng, minh bạch, bạn có còn tham sống sợ chết hay không? Không sợ. Sống và chết là một sự việc, không phải là hai sự việc. Người thông đạt rồi, đối với việc xả thân hay thọ thân, cũng như việc sanh tử, chẳng khác gì việc chúng ta cởi áo hay thay áo vậy.

Chúng ta lấy y phục tỉ dụ với thân thể: Cái áo này mặc lâu rồi đã bị dơ, bị rách rồi, ta tự nhiên đem nó cởi ra. Cởi đi, chính là cái thân này cũng không cần nữa, lại thay một cái áo khác. Cho nên việc sinh tử, xả thân thọ thân cũng giống như thay áo vậy.

Ở đây, chúng ta cần phải chú ý, cái áo chúng ta đổi, càng đổi càng đẹp, tốt!

Nếu như càng đòi càng kém, vậy thì không tốt rồi. Nếu như một người tạo ác đa đoan, thân thể này của anh ta xả bỏ, thân thể mà đời sau anh ta có được so với đời này kém hơn: Thân súc sanh, thân ngạ quỷ, thân địa ngục, những thân này so với chúng ta thật không dễ nhìn.

Nếu như một người cả đời hành thiện, hiếu thiện tích đức, sau khi thân thể này của anh ta xả bỏ, đời sau anh ta sanh thiên, thân của thiên nhân so với thân của chúng ta thì trang nghiêm hơn nhiều. Anh ta đắc Bồ tát thân, đắc Phật thân thì lại càng trang nghiêm hơn nữa.

Bạn hiểu được cái chân tướng sự thật này, hiểu được đạo lý này, bạn mới chân chánh khẳng định đoạn ác tu thiện.

Bốn là: Lợi người lợi mình, hại người hại mình không hai

Đoạn ác tu thiện, tuy là lợi ích cho người khác nhưng lợi người mới chân thật là lợi mình, đây là chân lý.

Tồn người quyết định là hại mình. Người thế gian thường nói “tồn người lợi mình”, câu nói này không đúng, tồn người quyết định là hại mình. Bạn làm lợi mình chẳng qua chỉ là một chút lợi ích trước mắt, có thể là sau vài chục năm, hoặc sau khi bạn chết đi, bạn liền biến thành ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục. Đây chân chánh gọi là hại chính mình, tồn hại thâm trọng, đến lúc này bạn hối hận cũng không kịp. Cho nên, việc tồn người nhất định không được làm. Người chân chánh thông minh, minh bạch quyết định sẽ làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh.

■ Viết sách không nên giữ bản quyền

“Văn nhân” là người theo sự nghiệp văn hóa giáo dục. Chúng ta ngày nay xem thấy có rất nhiều tác phẩm được xuất bản, có rất nhiều người gửi thư, gửi tác phẩm cho tôi xem. Tôi trước tiên là xem trang bản quyền, nếu trên trang bản quyền ghi rằng “*Bản quyền sở hữu, phiên án tất cứu*” (tức có bảo lưu bản quyền, in ấn tất bị truy cứu). Quyền sách này tôi không xem. Tại sao tôi không xem? Tôi nghĩ người này không thể viết được cái gì hay ho cả. Bởi vì tâm anh ta rất tự tư, anh ta không muốn làm lợi ích cho đại chúng. Còn tôi thì không muốn lãng phí thời gian, tinh thần của mình. Cho nên tôi không xem.

Nếu phía sau viết “*Hoan nghênh in ấn, công đức vô lượng*”, quyền sách này tôi sẽ tỉ mỉ xem từ đầu đến cuối. Tại sao vậy? Tâm lượng của anh ta lớn, anh ta không có cái niệm tự tư tự lợi. Đây là người tốt, là người thiện, tác phẩm của anh ta nhất định có thể đọc. Cho nên cách tôi đọc cùng với người bình thường không giống nhau.

Bản thân tôi, trong những năm gần đây, băng ghi hình và băng ghi âm giảng kinh số lượng rất nhiều, tính toán tổng số cũng có đến mấy ngàn loại, thư tịch cũng không ít, tôi hoàn toàn không có bản quyền, hoan nghênh in ấn, hoan nghênh lưu thông. Mọi người nếu có thể lưu thông, in ấn, tôi rất cảm kích. Như vậy là họ là coi trọng tôi, vì nếu coi thường tôi, thì tại sao họ phải tốn nhiều tiền như vậy để làm cái sự việc [in ấn] này. [Cho nên] tôi hà tất phải hạn chế người khác [lưu thông, in ấn]. Nếu không thể in ấn, không thể lưu thông thì nguyện vọng giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui của

chúng tôi vĩnh viễn không thể đạt được. Cho nên chúng tôi hoàn toàn không có bản quyền, mặt khác lại rất hoan nghênh người khác sao chép, in ấn lưu thông.

Cho nên đối với vấn đề sinh tử, thấu suốt rồi, nhìn thấu rồi, biết được chân tướng sự thực rồi, ý niệm tham sống sợ chết liền không còn nữa. Bất luận là chết vào lúc nào, phương thức ra sao đều có thể hoan hỷ, vui vẻ. Tại sao? Vì biết được sau khi xả bỏ thân này, lập tức đổi một thân khác so với thân hiện tại càng tốt hơn, càng thù thắng hơn. Tôi có lòng tin, tôi nắm chắc.

CHÁNH VĂN 52

“Nhân sinh thế gian, duy tử sinh vi trọng, viết yếu thọ, tắc nhất thiết thuận nghịch giai cai chi hỷ”

(Con người ta ở thế gian lấy việc thọ yếu, sống chết làm tối quan trọng, nên chỉ nói tới yếu thọ để mà bao gồm cả các sự thuận nghịch khác [như “Phong, Khiêm”, “Cùng và Thông vậy]).

GIẢNG GIẢI

Năm là: Mọi việc Thuận Nghịch, Thiện Ác đều không hai

Thế gian đều cho sống chết là việc quan trọng, cho nên ở đây chỉ đề cập vấn đề “thọ, yếu” mà thôi. Hiểu được “*Yếu, Thọ không hai*” thì sẽ hiểu hết thấy mọi việc thuận nghịch trên đời đều như vậy.

“*Cai*” là bao quát, chỉ cần đem điều này thấu suốt, trong tất cả các cảnh giới, bạn đều được tự tại. Tất cả thuận nghịch của “Hoàn cảnh”, “Nhân sự”: Thuận cảnh - Nghịch cảnh, Thiện duyên - Ác duyên, đều bao gồm hết

trong đó. Bao gồm trong đó là cái gì? “Bất nhị” (không hai), chúng ta cần phải nhập vào cảnh giới này.

Chúng ta trong một đời, không tránh khỏi sẽ gặp được những người đối xử tốt với chúng ta, chiếu cố chúng ta, đây là ân huệ;

Nhưng cũng có người bất mãn, ác ý hủy báng, hãm hại, vũ nhục chúng ta. Chúng ta dùng cái tâm gì để đối đãi với họ? Dùng tâm cảm ơn để đối đãi.

Người đối tốt với ta, ta cảm kích họ, vì họ giúp đỡ ta rất nhiều. Người không tốt với ta, người hủy báng ta, người vũ nhục ta, người hãm hại ta, ta cũng phải vô cùng cảm kích họ. Cảm kích họ cái gì? Tiêu nghiệp chướng cho ta, thành tựu đức hạnh cho ta. Cũng chính là nói, họ dùng cách đó đối với ta để xem xem tâm của ta có bình tĩnh hay không, ta có còn tâm sân khuê hay không? Nếu như ta vẫn còn một niệm sân khuê, vẫn còn một niệm phục thù, thì ta là phàm phu, công phu của ta không tiến bộ. Anh ấy như vậy đối với ta, cũng như ra một bài khảo thí, ta đối với anh ấy không có ác ý, không có ý niệm phục thù; không chỉ không có niệm báo thù mà ta còn cảm kích anh ấy, ta đã đậu rồi

Cái niệm Phật đường nhỏ này, chư vị oán thân trái chủ là người đối với chúng ta không tốt, nhưng tôi đã lập bài vị cúng dường cho họ, ngày ngày tụng kinh niệm Phật hồi hướng cho họ. “Bạn hãm hại tôi như vậy, tôi vẫn cầu chúc cho bạn, tôi xem bạn cũng như chư Phật Bồ tát không khác. Bạn tại sao lại đối với tôi không tốt? Là do bạn không đủ hiểu tôi. Cho nên tất cả đều xuất phát từ sự hiểu lầm, hà tất phải so đo chứ? So đo, đó là lỗi của

tôi. Tôi không so đo, tôi cảm ân, tôi kính trọng. Nếu khi nào bạn gặp khó khăn mà cần tôi giúp đỡ, tôi sẽ toàn tâm toàn lực giúp đỡ bạn”. Đây là đạo lí làm người, cần phải thấm thấu “*bất nhị pháp môn*”.

Bất nhị pháp môn là trong nhà Phật nói. Chúng ta từ chỗ này mà xem, từ những lời nói của Mạnh tử mà xem thấy, Nho gia cũng khế nhập bất nhị pháp môn. Nho - Phật là một, không phải hai. Sau này chúng ta sẽ tỉ mỉ quan sát, thế giới có rất nhiều sách tông giáo, trong cái nhìn của tôi đều là bất nhị pháp môn.

Cho nên khi tôi học Phật, tôi vào giáo đường của các tôn giáo đó, tôi lễ bái, tôi cung kính, nhiều người cảm thấy rất kỳ quái. Tôi nói:

- Một điểm cũng không lạ, tất cả thần đều là một không phải hai.

Tốt, hôm nay chúng ta giảng đến đây.

(VCD 05)

Chư vị đồng tu, xin chào mọi người! Vân Cốc thiền sư nói tiếp:

CHÁNH VĂN 53

“Chí tu thân dĩ sĩ chi”, nãi tích đức kì thiên chi sự; Viết “tu” tắc thân hữu quá ác, giai đương trị nhi khứ chi; Viết “sĩ” tắc nhất hào kí du, nhất hào tương nghênh, giai đương trăm tuyệt chi hĩ. Đáo thủ địa vị, trực tạo tiên thiên chi cảnh, tức thủ tiện thị thật học”

(“Cho đến câu “Cho đến việc tu thân phải biết chờ đợi” Không phải chỉ ngày một ngày hai mà vận mệnh được cải tạo ngay mà cần có thời gian từng giây, từng phút cố gắng tinh tiến tu hành, tích công lũy đức, thành tâm nguyện cầu thì mới có thể chuyển được mệnh trời.

Nói “Tu thân” là bao gồm cả thân lẫn ý, nếu trong quá khứ có nhiều hành động bại hoại, ý tưởng xấu xa thì phải đều phải đối trị, dứt trừ đi;

Còn nói tới “Chờ đợi” thì cứ một mực tu nhân tích đức, chẳng nên loạn tưởng nghĩ tới nghĩ lui hay nhen nhúm một chút hi vọng nhỏ nhoi nào trong thân tâm mà hóa ra vọng niệm, cần phải diệt bỏ ngay. Đạt được mức độ đó có thể nói là đã tới chỗ tự tánh biểu lộ, tâm thực thanh tịnh không chút động niệm của cảnh giới tiên thiên, đó là chân chính thực học

GIẢNG GIẢI

Thứ năm: Tu thân phải biết chờ đợi

Một là: Từng giây từng phút tu dưỡng đức hạnh

❖ “*Tu thân phải biết chờ đợi*” (“*Tu thân dĩ sĩ chi*”): Đoạn này là nói đến tu thân. Mạnh tử nói câu “tu thân phải biết chờ đợi” là nói mình phải tu dưỡng đức hạnh từng giờ từng phút, cho đến...

❖ “*Cần có thời gian từng giây từng phút tích công lũy đức, thành tâm nguyện cầu thì mới có thể chuyển được mệnh trời*” (“*Tích đức kỳ thiên chi sự*”):

“*Tu*” nghĩa là tu sửa, đây thuộc về công phu tu dưỡng.

“*Thân*” có lỗi lầm, có hành vi ác, cần phải đoạn tận nó vĩnh viễn.

Hai là: Không một niệm mong cầu

“Sĩ” là chờ đợi⁴⁵, gọi là “*Nước chảy thành sông*”⁴⁶. Trong này cấm kỵ nhất là không được có tâm cầu may và suy nghĩ vượt giới hạn, cũng không được để cho ý niệm trong tâm loạn khởi loạn động.

❖ “Còn nói tới “Chờ đợi” là một chút mong cầu, một ý niệm sinh diệt cũng đều phải đoạn tuyệt ngay” (Viết “sĩ” tắc nhất hào kí du, nhất hào tương nghênh, giai đương trảm tuyệt chi hĩ):

“Ý niệm sinh diệt” (“Tương nghênh”) là sự dấy khởi hay sự mất đi của ý nghĩ, đều phải đoạn tuyệt cho hết, là trừ bỏ ý niệm, đều phải đem chúng đoạn tuyệt;

“Đều phải đoạn tuyệt ngay” (“Giai đương trảm tuyệt”) là đều phải đem vọng niệm chém hết, đây là công phu chân chính.

Thứ sáu: Đạt tới vô niệm là thành tựu, cầu gì được nấy

Đến địa vị này, là hoàn toàn khôi phục tánh đức. Cảnh giới này trong nhà Phật gọi là cảnh giới của đại Bồ Tát, “*đây là học vấn chân thực*” (“Tức thử tiện thị thực học”).

Mạnh tử nói được rất hay: “*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hĩ*” (Đạo học vấn không có chi lạ, chỉ tìm kiếm cái phóng tâm của mình mà thôi). “Phóng tâm” là cái gì? Là vọng tưởng, tạp niệm, phân

⁴⁵ Đẳng trì

⁴⁶ “Thủy đáo cử thành”

biệt, chấp trước; nếu có thể đem những thứ này đoạn hết thì đó mới là học vắn chân chánh, là hoàn toàn có thể khôi phục đến tự tánh, khôi phục đến bản tâm. “*Tự tánh vốn đầy đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo*” (Tự tánh vốn đầy đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo), đây là nguyên lý chân thật hữu cầu tất ứng, hữu cầu tất đắc. Nguyên lý chân thật, chúng ta nhất định phải có tín tâm. Chân chính chịu y theo cái lý luận, cái phương pháp này mà tu hành, có lý nào cầu không được chứ! Thế xuất thế gian pháp không một thứ gì cầu mà không được. Phía sau có nói:

CHÁNH VĂN 54

“Nhữ vị năng vô tâm, đản năng trì Chuẩn Đề chú, vô kí vô số, bất linh gián đoạn, trì đắc thuần thực, ư trì trung bất trì, ư bất trì trung trì, đáo đắc niệm đầu bất động, tắc linh nghiệm hĩ.”

(Hiện giờ người chưa đạt đến trình độ vô tâm, [chưa được nhất tâm bất loạn], cho nên phải trì chú Chuẩn Đề, liên tục niệm đừng để gián đoạn, cũng không cần đếm số, niệm sao cho được thuần thực, niệm mà hóa không niệm, tự mình cũng không hay là mình đang niệm chú nữa, trì đến lúc niệm không khởi sẽ thấy linh nghiệm).

GIẢNG GIẢI

Một là: Tất cả phương pháp tu đều để đạt “vô niệm”

Cái đạo lý là “*Thành tắc linh*”, “*Thành tắc minh*” (Chân thành tất linh nghiệm, chân thành tất thông sáng) vậy. Chúng ta là phàm phu, phàm phu thì không thể làm đến vô tâm, tức là vô niệm, phàm phu thì đều có vọng niệm.

■ Tham thiền, trì chú, niệm Phật đều để diệt vọng niệm

Làm sao để không chế vọng niệm, làm sao để tiêu diệt vọng niệm? Dùng phương pháp nào vậy?

Vân Cốc thiền sư dạy cho Tiên sinh Viên Liễu Phàm trì chú Chuẩn Đề. Có người đọc quyển sách này, nghe tôi nói như vậy thì quay lại hỏi tôi:

- Thừa pháp sư, chúng con có cần phải trì chú Chuẩn Đề hay không? Hay là vẫn niệm A Di Đà Phật?

Những người hỏi như vậy không ít. Do đây có thể biết, học mà không biết dụng tâm, bạn không nghe hiểu ý nghĩa của nó. Phía trước không phải tôi đã giảng qua hay sao? Vẽ bùa, tham thiền, trì chú, niệm Phật đều là “*Dị khúc đồng công*”⁴⁷, phương pháp, cách thức tuy khác nhau nhưng mục đích, nguyên lý lại hoàn toàn tương đồng. Ông ấy trì chú Chuẩn Đề, còn chúng ta niệm Phật.

■ Niệm Phật là phương pháp tốt nhất

Tuy nhiên phía sau còn có vài câu cần ghi nhớ, đây là nguyên tắc chung: “*Vô ký Vô số*”. Điều này phải xem người như thế nào, hàng trung thượng căn tánh có thể dùng phương pháp này, hàng trung hạ căn tánh tốt nhất là nhớ số.

Bước 1: Ban đầu niệm Phật nhớ số

Cho nên chúng ta dùng chuỗi, dùng chuỗi để làm gì? Để nhớ số lượng, một ngày nhất định phải nhớ số

⁴⁷ Cách làm khác nhau nhưng hiệu quả như nhau

lượng bao nhiêu, như vậy có thể tiêu trừ vọng niệm. Công phu có thể đạt được tỉnh tấn mà không giải đãi, đây là công phu sơ bộ. Chư vị nên nhớ, dùng khoảng mấy mươi năm sau, vọng niệm ít đi, tâm địa ngày càng thanh tịnh, lúc này không cần nhớ số nữa. Vì sao vậy? Vì nhớ số vẫn là phân tâm, đây là phương pháp bất đắc dĩ lúc sơ học.

Nhớ số lượng, là một ngày nhất định phải niệm mấy vạn câu Phật hiệu, niệm năm vạn câu, niệm mười vạn câu. Đây là công phu sơ bộ.

Bước 2: Công phu thuần thực không cần nhớ số

Công phu thuần thực không nhớ số lượng, nghĩa là không bị phân tâm. Niệm Phật hiệu câu này tiếp câu kia, không nhớ không đếm, như vậy tâm quý vị, niệm niệm trú trong Phật hiệu, vọng niệm tự nhiên không sanh. Công phu niệm Phật quý ở chỗ không hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp.

Bước 3: Niệm mà không niệm

Khi công phu thuần thực, đến “*trì trung bất trì, bất trì trung trì*”, nghĩa là niệm và không niệm hợp thành một, niệm và không niệm là một không phải hai, quý vị nhập vào pháp môn bất nhị, công phu niệm Phật đạt đến cứu cánh.

Cho nên chúng ta dùng phương pháp niệm Phật hay trì chú đều giống nhau, công phu có rất nhiều tầng lớp, bản thân nhất định phải biết.

- Ngày nay chúng ta nhất định phải dùng phương pháp nhớ số, nhớ số là công phu thấp nhất.
- Từ nhớ số nâng lên không nhớ không số;
- Tiếp tục nâng lên trì mà không trì, không trì mà trì, đó là cảnh giới thứ ba.

Hai là: Kết quả - Có cảm ứng; Trí tuệ hiện tiền

Chư vị hiểu được đạo lý này, sẽ đạt được sự linh nghiệm này. Nguyên lý của linh nghiệm là “thành tức linh”, linh gọi là cảm ứng. “Thành tức minh”, minh là nói trí tuệ hiện tiền.

Vân Cốc thiền sư dạy Liễu Phàm tiên sinh đến chỗ này, phía sau là dạy cho ông kinh nghiệm tu trì của mình, làm sao để đem những lời khai thị này của đại sư hoàn toàn áp dụng vào suy nghĩ hành vi của chính mình, đây là công phu chân thật, đáng cho chúng ta học tập.

Thứ bảy: Kết quả tu tập của Viên Liễu Phàm

CHÁNH VĂN 55

“Dư sơ hiệu Học Hải, thị nhật cải hiệu Liễu Phàm, cái ngộ lập mệnh chi thuyết nhi bất dục lạc phàm phu khóa cữu dã.”

(Ta trước đây hiệu là Học Hải, ngay ngày đó đổi lại là Liễu Phàm, khi biết được đạo lý lập mệnh, ta không muốn rơi vào khuôn khổ của phàm phu nữa)

GIẢNG GIẢI

❖ “Ta trước đây hiệu là Học Hải” (“Dư sơ hiệu Học Hải”): Chúng ta từ trên hiệu của ông xem thấy cũng đủ

biết cách làm người của Liễu Phàm tiên sinh. Ông ấy thích đọc sách, hiếu học, tuy nhiên tập khí nặng nề. “Học Hải”, khẩu khí này rất lớn; điều này lộ rõ cho chúng ta thấy là sự cống cao ngã mạn, ông xác thực là người như vậy.

❖ “*Ngay ngày đó đổi lại là Liễu Phàm*” (“Thị nhật cải hiệu Liễu Phàm”): Bắt đầu từ ngày hôm nay, sau khi tiếp thu giáo huấn của thiền sư Vân Cốc, ông cải hiệu thành Liễu Phàm, ông đã đổi hiệu của mình, không dùng hai chữ Học Hải nữa, đổi thành *Liễu Phàm*. “*Liễu*” là thấu triệt, liễu thoát, “*Phàm*” là phàm phu.

❖ “*Khi biết được đạo lý lập mệnh, ta không muốn rơi vào khuôn khổ của phàm phu nữa*” (“Cái ngộ lập mệnh chỉ thuyết, nhi bất dục lạc phàm phu khóa cữu dã”): Bây giờ đã hiểu, biết rằng vận mệnh có thể thay đổi. “Só” là có thể đột phá, không muốn tiếp tục làm phàm phu, nhất tâm muốn vượt thoát, cho nên đổi hiệu thành Liễu Phàm.

CHÁNH VĂN 56

“Tùng thử nhi hậu, chung nhật căng căng, tiện giác dữ tiền bất đồng, tiền nhật chỉ thị du du phóng nhậm, đao thử tự hữu chiến căng dịch lệ cảnh tượng, tại ám thất ốc lậu trung, thường khủng đắc tội thiên địa quỷ thần, ngộ nhân tăng ngã hủy ngã, tự năng điềm nhiên dung thụ”.

(Từ đó trở đi, ta hoàn toàn khác hẳn. Trước kia ta thông dung buông tuồng, bây giờ suốt ngày đề cao cảnh giác. Ở nơi phòng tối không ai thấy, ta vẫn thường lo âu, không biết có đắc tội với thiên địa quỷ thần không. Nếu có ai thù ghét ta, hủy báng ta, ta có thể điềm nhiên nhận chịu)

GIẢNG GIẢI

Một là: Biểu hiện của công phu bắt đầu đắc lực

■ Suốt ngày thường đề cao cảnh giác

Đây là hiện tượng công phu tu trì mới đắc lực, chúng ta phải thường xuyên kiểm điểm chính mình, phải siêng năng phản tỉnh: Ngày hôm nay chúng ta có đủ thời gian trôi qua một cách vô ích chăng? Nếu công phu mình không đắc lực, tức ngày nay trôi qua vô ích.

Ngạn ngữ ngày xưa thường nói, thời gian rất quý báu, “*Thốn kim nan mại thốn quang âm*” (tấc vàng khó mua được tấc thời gian), thời gian trôi qua không trở lại được. Người thật sự thành công, bất luận là thế pháp hay Phật pháp, không ai không quý trọng thời gian. Ngày ngày cầu tinh tấn, một ngày cũng không để trôi qua uổng phí, hạng người này nhất định thành tựu.

Từ lúc này Liễu Phàm mới thật tinh tấn tu học, mỗi ngày đều y theo “Công quá cách” để tự kiểm điểm công phu của mình.

■ Nơm nớp sợ khởi niệm ác, lời ác, hành ác

Do đó mỗi ngày đều rất nơm nớp cẩn thận. Ông cảm thấy bản thân không giống trước kia, lúc trước, mỗi ngày trôi qua chỉ là “buông tuồng phóng túng” mà trôi qua, không có ý nghĩa gì cả, hiện tại cảm thấy bản thân đã có cái công phu cẩn trọng lo lắng, tính chất đã có điểm không giống, thời thời khắc khắc đều phản tỉnh bản thân, chỉ sợ bản thân khởi niệm ác, nói lời ác, làm việc ác, ông đã có cái niệm cảnh giác rồi.

■ Thường sợ đắc tội với thiên địa quỷ thần

❖ “*Thường sợ đắc tội với thiên địa quỷ thần*” (“Thường khùng đắc tội thiên địa quỷ thần”):

Thiên địa, Quỷ thần, đây là cùng với không gian duy thứ của đời sống chúng ta không giống nhau, không gian duy thứ cao có thể nhìn thấy được không gian duy thứ thấp hơn, nhưng duy thứ thấp không thể thấy được duy thứ cao. Thí dụ chúng ta có thể nhìn thấy kiến hay những loài bò sát nhỏ, không gian mà chúng sống là thuộc về hai độ không gian, chúng ta sống ở ba độ không gian, chúng ta biết rõ chúng, nhưng chúng không biết được chúng ta. Cùng đạo lý đó, sống ở bốn độ không gian, năm độ không gian, chính là chúng ta hôm nay nói đến thiên địa quỷ thần.

- *Thiên địa quỷ thần có hay không?*

Có người hỏi tôi rằng: “Thiên địa quỷ thần có thật hay không?”

Bởi vì hiện tại họ học khoa học, anh ta tin khoa học, tôi nói với anh ta:

- Khoa học gia nói sinh vật của các không gian duy thứ bất đồng, đó chính là thiên địa quỷ thần mà trên kinh Phật, cổ nhân Trung Quốc nói. Không gian của họ sống cao hơn chúng ta, họ biết chúng ta nhưng chúng ta không biết họ.

- Đột phá không gian duy thứ có thể thấy quỷ thần?

Cho nên, chân thật là có, không phải không có. Những người này, chỉ cần chúng ta tâm địa chân thành, thanh tịnh, chúng ta cũng có thể đột phá không gian duy thứ, có thể đến chỗ họ, cùng họ câu thông, không phải là làm không được.

Chúng ta ở ba độ không gian, cùng với bốn độ không gian, năm độ không gian có thể giao lưu qua lại, không phải là việc khó, duy thứ càng cao thì càng không dễ dàng. Chính như chúng ta là những người dân bình thường, rất dễ qua lại với hương trưởng, lí trưởng, là thường thường gặp mặt. Nhưng nếu chúng ta muốn gặp mặt bộ trưởng hay tổng thống thì rất khó. Tại sao? Họ quá cao, chúng ta không dễ gặp được họ.

Cùng với đạo lí này không khác, bốn độ năm độ không gian rất gần chúng ta, cũng giống như hương trưởng, lân trưởng, dễ dàng gần gũi. Còn như Thiên thần, thiên thần có Dục giới thiên, Sắc giới thiên, Vô Sắc giới thiên, cảnh giới này rất cao, chúng ta không dễ gì qua lại với họ được, ở đây cần định công rất sâu, công phu thông thường không thể đến được, chính là cái mà trên kinh thường nói là “*thiền định thâm sâu*”.

- Làm thế nào đột phá không gian duy thứ? Tâm thanh tịnh

Trên quả địa Như Lai, xác xác thực thực là đạt đến “*một niệm không sanh*”, thanh tịnh đến cùng cực, đối với không gian duy thứ vô lượng vô biên thấy đều đột phá hết. Cho nên không gian của các Ngài thì rộng lớn, quá lớn rồi; không gian pháp giới không chỗ nào không

biết, không chỗ nào không thể. Câu nói này là thật ngữ, quyết không phải là tán thán, quyết không phải khoa trương, chân thật là như vậy.

Phật tại trên kinh nói với chúng ta, họ có cái năng lực này, chúng ta có cái năng lực đó hay không? Phật nói thấy đều có, nhất thiết chúng sanh đều có cái năng lực này, bạn hiện tại không có cái năng lực này là vì bạn có chướng ngại? Chướng ngại gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, những điều này chướng ngại bạn. Bạn chỉ cần đem tất cả buông xuống thì trí huệ liền hiện tiền, cũng chính là bạn có năng lực đột phá các loại không gian duy thứ bất đồng. Thiên địa quỷ thần, bạn có thể qua lại với họ, gặp mặt họ.

Chúng ta ngày nay tuy không có năng lực, tâm vẫn còn động loạn nên không có năng lực đột phá, tuy nhiên phải biết thiên địa quỷ thần có thể nhìn thấy chúng ta. Chúng ta khởi tâm động niệm phải nghĩ đến họ đang ở ngay bên cạnh ta, do đó niệm ác tự nhiên không dám khởi, hành vi ác cũng tự nhiên buông bỏ, đạt được hiệu quả của việc đoạn ác tu thiện, sửa đổi làm mới.

Hai là: Kết quả của công phu đã đắc lực

- *Bị người hủy báng vẫn điềm nhiên*

Phía sau có cử ra một ví dụ:

❖ “Nếu có ai thù ghét ta, hủy báng ta, ta có thể điềm nhiên nhận chịu” (“Ngộ nhân tăng ngã hủy ngã, tự năng điềm nhiên dung thụ”): Liễu Phàm gặp phải người căm hận ông, ghét bỏ ông, hủy báng ông; nếu như lúc trước mà Liễu Phàm tiên sinh gặp phải thì tuyệt đối sẽ không

bỏ qua, ông nhất định sẽ phục báo. Nhưng hiện tại ông đã hiểu rồi nên không phục báo nữa mà tâm bình lại, có thể thông dung tự tại, tâm lượng rộng mở, có thể bao dung, đây chính là công phu tu trì của ông đã đắc lực.

- Một năm sau bắt đầu đổi mạng

CHÁNH VĂN 57

“Đáo minh niên, Lễ bộ khảo khoa cử, Khổng tiên sinh toán cai đệ tam, Hốt khảo đệ nhất. Kỳ ngôn bất nghiệm. Nhi thu vi trung thức hĩ, nhiên hành nghĩa vị thuận”

(Sang năm sau, bộ Lễ mở kỳ thi khảo thí⁴⁸, Khổng tiên sinh từng đoán trước rằng khoa này ta sẽ đỗ hạng ba, nhưng ta lại đỗ hạng nhất. Lời tiên đoán của Khổng tiên sinh không còn ứng nghiệm nữa, nên (khoa thi Hương) vào mùa thu ta lại đỗ tiếp Cử nhân)

GIẢNG GIẢI

❖ “Đến năm sau” (“Đáo minh niên”): Chư vị phải ghi nhớ, ông ấy 35 tuổi mới gặp được Vân Cốc thiền sư, “minh niên” là chỉ năm ông 36 tuổi.

❖ “Bộ Lễ mở kỳ khảo thí” (“Lễ bộ khảo khoa cử”): Khoa cử là khảo thí của bộ Lễ.

❖ “Khổng tiên sinh đoán ta được xếp vào hàng thứ ba” (“Khổng tiên sinh toán cai đệ tam”): Ông tham gia thi lần thứ hai, Khổng tiên sinh đoán mệnh cho ông thì nói ông đậu hạng ba.

⁴⁸ Đây là khoa thi để chuẩn bị cho kỳ thi tuyển cử nhân. Thí sinh buộc phải vượt qua được kỳ thi này mới được tham dự kỳ thi Hương

❖ “*Ta trúng cử đệ nhất hạng*” (“Hốt khảo đệ nhất”): Đây là nói ông tu trì công phu đắc lực nên đã cải đổi vận mạng, ông thi đậu hạng nhất.

❖ “*Lời đoán của Không tiên sinh đã không được ứng nghiệm*” (“Kỳ ngôn bất nghiệm”): Không tiên sinh đoán mệnh cho ông, lần đầu không ứng nghiệm.

❖ “*Nên khoa thi Hương vào mùa thu ta lại đỗ tiếp Cử nhân*” (“Nhi thu vi trung thức hĩ”): Mùa thu năm đó, lần này ông thi cử nhân, và ông đã đậu cử nhân. Thi đậu cử nhân, mệnh của ông cũng không còn nữa, đây là ứng nghiệm vô cùng rõ ràng của hiệu quả cải tạo vận mệnh.

Ba là: Công phu thoái chuyển - Thời gian 10 năm

▪ Sau đó công phu bị thoái chuyển dần

Chư vị cần nhớ, một năm ông đã cải đổi làm mới, cái niệm ban đầu phát lên luôn là rất dũng mãnh, trong nhà Phật chúng ta cũng thường nói: Học Phật một năm, Phật hiện tiền; Học Phật hai năm, Phật tại Tây thiên; Học Phật ba năm Phật hóa mây bay, tức là không còn nữa⁴⁹. Đây là bệnh chung của con người.

Liễu Phàm tiên sinh năm đầu tiên có thể nói là rất tinh tấn dũng mãnh, về sau cũng thoái chuyển. Tuy rằng thoái chuyển, tâm cảnh giác của ông luôn luôn đề tỉnh, vẫn rất nỗ lực, tiến bộ rất chậm, không như một năm đầu, năm đầu tiến bộ rất nhanh, về sau tiến bộ chậm.

⁴⁹ “Nhất niên Phật tại tiền, Nhị niên Phật tại Tây thiên, Tam niên Phật hóa vi vân tiên”

■ Viên Liễu Phàm tự phản tỉnh lỗi vì sao thoái?

Sau cùng ông phản tỉnh, đây là chỗ khó có được của ông.

CHÁNH VĂN 58

“Nhiên hành nghĩa vị thuận, kiểm thân đa ngộ:

- **Hoặc kiến thiện nhi hành chi bất dũng,**
- **Hoặc cứu nhân nhi tâm thường tự nghi,**
- **Hoặc thân miễn vi thiện nhi khẩu hữu quá ngôn,**
- **Hoặc tình thời thao trì nhi túy hậu phóng dật, dĩ quá chiết công, nhật thường hư độ.**

Tự kỷ ty tuế phát nguyện, trực chí Kỷ Mão niên, lịch thập dư niên, nhi tam thiên thiện hành thủy hoàn”.

(Tuy nhiên, ta tự kiểm thảo thấy sự thi hành các việc đạo nghĩa chưa được thuần thực tự nhiên, mà còn nhiều sai trái khuyết điểm;

- *Hoặc khi thấy việc thiện mà không mạnh dạn làm ngay;*
- *Hoặc muốn cứu giúp người mà trong tâm thường ngần ngại không quyết định nên hay không nên giúp;*
- *Hoặc thân muốn gắng sức làm điều thiện mà miệng còn nhiều lời nói đến sự lỗi lầm của người làm họ bất mãn để bụng;*
- *Hoặc lúc tỉnh thì hăng hái, nhưng khi say lại phóng túng không tự chủ được.*

Vì vậy sợ rằng việc thiện làm ra không đủ bù đắp lại lỗi lầm, và ngày lại ngày để thời gian trôi qua một cách uổng phí.

Vậy nên từ lúc ta phát nguyện vào năm Kỷ Tỵ, mãi đến năm Kỷ Mão, trải qua mười năm, ta mới làm xong ba ngàn điều thiện)

GIẢNG GIẢI

❖ “Tuy nhiên, ta tự kiểm thảo thấy sự thi hành các việc đạo nghĩa chưa được thuần thực tự nhiên” (“Nhiên hành nghĩa vị thuần”): Ông tự phản tỉnh ta đoạn ác tu thiện làm chưa được tinh thuần, còn xen tạp quá nhiều.

❖ “Còn nhiều sai trái khuyết điểm” (“Kiểm thân đa ngộ”): Kiểm điểm hành vi của bản thân, thấy lỗi lầm quá nhiều.

❖ “Hoặc thấy việc thiện mà làm không mạnh dạn làm ngay” (“Hoặc kiến thiện nhi hành chi bất dũng”): Ông biết cần phải chân thành nỗ lực mà làm, [nhưng ông] làm chưa dũng mãnh, chưa tận tâm.

❖ “Hoặc muốn cứu giúp người nhưng trong tâm thường nghi ngại” (“Hoặc cứu nhân nhi tâm thường tự nghi”)

❖ “Hoặc thân miễn cưỡng làm điều thiện, mà miệng còn nói lỗi người” (“Hoặc thân miễn vi thiện nhi khẩu hữu quá ngôn”);

❖ “Hoặc lúc tỉnh thì hăng hái, nhưng khi uống rượu say lại phóng túng” (“Hoặc tỉnh thời thao trì, nhi túy hậu phóng dật”)

❖ “Vì vậy chỉ sợ công đức không đủ bù đắp cho lỗi lầm, ngày ngày để thời gian trôi qua uổng phí” (“Dĩ quá chiết công, nhật thường hư độ”):

Đây là bản thân ông tự phản tỉnh. Lúc mới tu hành, cái hiện tượng này có thể nói là rất thông thường, mỗi người tu hành đều trải qua. Không nản lòng, không lo sợ, không thoái chuyển, trong chậm chạp mà cầu tiến bộ là tốt. Chung quy vẫn là có tiến bộ, tiến tuy không nhiều nhưng chỉ cần có tiến bộ là được.

Chư vị phải nhớ không tiến ắt sẽ thoái, điều đó thì đáng sợ. Không thể nói là “Hôm nay tôi không có tiến bộ nhưng cũng không thoái chuyển”, trên thực tế thì bạn đã thoái chuyển rồi.

Bốn là: Kết quả 10 năm mới làm xong 3000 điều thiện

❖ “Vậy nên, kể từ lúc ta phát nguyện vào năm Kỷ Tỵ, mãi đến năm Kỷ Mão, trải qua mười năm, ta mới làm xong ba ngàn điều thiện” (“Tự Kỷ Tỵ tuế phát nguyện, trực chí Kỷ Mão niên, lịch thập dư niên, nhi tam thiên thiện hành thủy hoàn”):

Kỷ tỵ là năm ông 35 tuổi, tức là sau khi gặp được Vân Cốc thiền sư, ông phát nguyện đoạn ác tu thiện. Ông phát nguyện làm 3.000 việc thiện, mười năm tròn, tứ năm ông 35 tuổi đến năm ông 45 tuổi, ba ngàn việc thiện mới làm xong.

▪ **Trung bình 1 ngày làm được gần 1 điều thiện**

Do đây có thể thấy, ba ngàn việc thiện là khó làm biết bao. Nhưng mỗi ngày ông đều làm, mười năm, ba ngàn sáu trăm ngày, bình quân mà tính, ông ấy mỗi ngày làm chưa được một điều thiện, nhưng tốt ở chỗ mỗi ngày đều làm.

▪ **Nếu bạn 1 ngày làm 1 điều thiện là bạn hơn Liễu Phàm**

Chúng ta cần phải hiểu được chân tướng sự thật, hi vọng chúng ta so với ông ấy dũng mãnh hơn, chí ít mỗi ngày làm được một việc thiện, có thể làm đến hai, ba việc, như vậy thì càng tốt, ngày ngày không được gián đoạn, hiệu quả của chúng ta quyết định vượt qua Liễu Phàm tiên sinh. Phía sau nói:

2. Giai đoạn 2: Thời gian 4 năm – Cầu con trai

CHÁNH VĂN 59

“Thời phương tòng Lý Tiệm Ẩn nhập quan, vị cập hồi hướng, Canh Thìn Nam hoàn, thủy thỉnh Tính Không, Huệ Không chư thượng nhân, tựu đông tháp thiện đường hồi hướng;

Tọa khởi cầu tử nguyện, diệt hứa hành tam thiên thiện sự, tân tị sanh nam Thiên Khải.”

(Lúc đó ta cùng Lý Tiệm Ẩn tiên sinh từ quận ngoại nhập nội chưa kịp đem công đức trên hồi hướng. Sang năm sau là năm Canh Thìn từ Kinh trở về phương nam, mới thỉnh Tính Không và Huệ Không, hai vị pháp sư làm lễ hồi hướng tại Đông tháp thiện đường.

Sau đó bèn phát nguyện cầu sinh con và cũng hứa làm ba ngàn điều thiện. Năm Tân Tị sinh con tên là Thiên Khải)

GIẢNG GIẢI

Thứ nhất: Phát nguyện lần 2 làm 3000 điều thiện nữa

Đây là ông tự thuật, ông lúc trước phát nguyện làm ba ngàn việc thiện để cầu công danh, ông thi đậu cử nhân, đã ứng nghiệm rồi. Tuy nhiên đã dùng hết thời gian mười năm.

Tiếp theo lại phát nguyện làm ba ngàn việc thiện để cầu con cái. Rất khó có được.

Ông vào năm bốn mươi sáu tuổi, năm Canh Thìn ông 46 tuổi, mười năm đem 3.000 việc thiện làm được thành công rồi. Sau đó ông thỉnh hai pháp sư đã xuất gia

là Tính Không và Huệ Không đến tại thiền đường Đông Tháp hồi hướng,

Sau khi hồi hướng, ông lại muốn cầu con trai, cũng phát nguyện làm 3.000 việc thiện nữa.

Một là: Đến năm thứ hai sinh con trai

Hiệu nghiệm rất nhanh, đến năm thứ hai, năm Tân Tỵ là năm thứ hai, lúc Liễu Phàm tiên sinh 47 tuổi, ông sinh được con trai, đặt tên là Thiên Khải.

CHÁNH VĂN 60

“Dư hành nhất sự, tùy dĩ bút kí, nhữ mẫu bất năng thư, mẫu hành nhất sự, triếp dụng nga mao quản, ấn nhất chu khuyên ư lịch nhật chi thượng. Hoặc thí thực bản nhân, hoặc mại phóng sanh mệnh. Nhất nhật hữu đa chí thập dư khuyên giả. Chí Quý Mùi bát nguyệt, tam thiên chi số dĩ mãn”.

(Mỗi khi ta làm một việc gì thì tùy tiện lấy bút ghi lại, mẹ con không biết chữ nên khi làm điều gì bèn lấy bút lông ngỗng khuyên một vòng son vào tờ lịch ngày hôm đó. Hoặc bố thí thức ăn cho người nghèo, hoặc mua vật phóng sinh.... Những ngày làm nhiều kể có đến hơn 10 khuyên. Đến tháng tám năm Quý Mùi, 3.000 việc thiện đã làm viên mãn).

GIẢNG GIẢI

Hai là: Mỗi ngày làm hơn 10 việc thiện

Chính vì đoạn ác tu thiện có hiệu quả tốt như vậy, tín tâm liền tăng trưởng, làm thiện ngày càng khẩn thiết. Câu này có nghĩa, việc đoạn ác tu thiện ngày càng thuận lợi, hiệu quả ngày càng hiện rõ. Ông mỗi ngày tu trì vẫn là dùng “*Công quá cách*”, ghi vào công quá cách.

❖ “*Mẹ con không biết chữ*” (Nhữ mẫu bất năng thư):

Đây là nói vợ của ông, vợ ông không biết chữ, không đọc sách, làm một việc tốt, bà liền dùng lông ngỗng điểm chu sa, chu sa là màu đỏ, khuyên một dấu đỏ trên lịch, ngày hôm nay làm được một việc tốt thì dùng cách này để ghi lại. Phía sau đưa ra một ví dụ:

❖ “*Hoặc bố thí thức ăn cho người nghèo*” (“Hoặc thí thực bần nhân”):

Đây là một việc tốt, nhìn thấy người khác khổ, bản thân liền bố thí cho họ ít thức ăn.

❖ “*Hoặc mua vật phóng sinh*” (“Hoặc mại phóng sanh mệnh”):

Phóng sanh là tùy cơ duyên, không phải là cố ý đi mua. Hôm nay đi chợ mua rau, thấy có những con vật còn sống, sau khi mua có thể sống được thì mới mua. Nếu như nhìn thấy đáng vẻ của chúng, sau khi mua về đem đi phóng sanh mà không thể sống thì không cần mua chúng. Cho nên, mỗi ngày khi ông gặp được thì tùy tiện mua một ít, sau khi mua mang đi phóng sinh. Đây là việc tốt.

“*Những ngày làm nhiều kẻ có đến hơn 10 khuyên*” (“Nhất nhật hữu đa chí thập dư khuyến giả”): Có thể thấy được, Liễu Phàm tiên sinh làm được rất chăm chỉ, rất chân thành mà làm.

Thứ hai: Bốn năm hoàn thành 3000 điều thiện

❖ “Đến tháng tám năm Quý Mùi, ba ngàn việc thiện đã làm viên mãn” (Chí Quý Mùi bát nguyệt, tam thiên chi số dĩ mãn):

Năm Quý Mùi, Liễu Phàm tiên sinh đã 49 tuổi, từ trước năm Canh Thìn phát nguyện cho đến năm Quý Mùi là 4 năm.

Lần trước 3.000 điều thiện làm 10 năm mới xong; Lần thứ hai 3.000 điều thiện chỉ 4 năm là đã xong, có thể thấy được ông làm ngày càng thuận lợi.

3. Giai đoạn 3: Thời gian 11 năm – Cầu đỗ tiến sĩ

CHÁNH VĂN 61

“Phục thỉnh Tính Không bồi, tợu gia đình hồi hướng. Cữu nguyệt thập tam nhật, phục khởi cầu trúng tiến sĩ nguyện, hứa hành thiện sự nhất vạn điều. Bính Tuất đăng đệ, thụ Bảo Đề tri huyện”

(Lại thỉnh các vị Tính Không làm lễ hồi hướng công đức tại nhà. Vào ngày 13 tháng chín cùng năm, ta lại bắt đầu phát nguyện cầu đỗ tiến sĩ và hứa làm 10.000 điều thiện. Năm Bính Tuất thì trúng cử và được bổ làm tri huyện huyện Bảo Đề)

GIẢNG GIẢI

❖ “Lại thỉnh pháp sư Tính Không đến hồi hướng tại nhà” (“Phục thỉnh Tính Không bồi, tợu gia đình hồi hướng”):

Ông làm được rất như pháp, cũng rất hiểu biết, y theo quy củ mà làm. 3.000 việc thiện đã làm xong, thỉnh pháp sư, lần này là thỉnh về nhà hồi hướng, tụng kinh hồi hướng.

Thứ nhất: Phát nguyện làm 10.000 điều thiện

❖ “Vào ngày 13 tháng chín cùng năm” (“Cửu nguyệt thập tam nhật”): Đây là nói ngày 13 tháng 9 năm đó.

❖ “Ta lại bắt đầu phát nguyện cầu đỗ tiến sĩ, Hứa làm 10.000 điều thiện” (“Phục khởi cầu trúng Tiến sĩ nguyện, Hứa hành thiện sự nhất vạn điều”): Có thể thấy mong muốn của ông càng lúc càng cao, đây là ông hi vọng thi đỗ Tiến sĩ, tiến sĩ vào thời điểm đó là học vị cao nhất.

Một là: Bốn năm sau đỗ tiến sĩ

❖ “Năm Bính Tuất thì thi đỗ” (“Bính Tuất đăng đệ”): Bính Tuất là lại trải qua thêm 4 năm nữa, sau khi phát nguyện 4 năm, ông quả nhiên đậu Tiến sĩ. Năm ấy Liễu Phàm tiên sinh 52 tuổi.

Hai là: Được bổ làm quan

❖ “Được bổ làm tri huyện huyện Bảo Đề” (“Thụ Bảo Đề tri huyện”):

Sau khi thi đỗ tiến sĩ, triều đình liền bổ chức ông làm tri huyện Bảo Đề. Thời gian ông nhậm chức tại huyện Bảo Đề là 7 năm, từ năm 1586 đến năm 1592, trong 7 năm này ông làm quan tri huyện huyện Bảo Đề.

Sau khi nhậm chức, ông nói:

CHÁNH VĂN 62

“Dư trí không cách nhất sách, danh viết trị tâm thiên.
Thần khởi toạ đường, gia nhân huê phó môn dịch, tri án

thượng, sở hành thiện ác, tiêm tất tất kí, dạ tắc thiết trác ư đình, hiệu Triệu Duyệt Đạo phân hương cáo đế”.

(Ta chuẩn bị sẵn một quyển sổ trắng, đặt tên là sổ Trị tâm. Sáng sớm khi lên công đường, ta dặn người nhà đem sổ ấy trao cho nha dịch để mang đặt trên bàn làm việc của ta. Mỗi một việc làm trong ngày đều phân ra tốt xấu, ghi chép tỉ mỉ vào sổ ấy, mỗi đêm lại bày hương án trước sân, noi gương Triệu Duyệt Đạo ngày xưa cáo trình tất cả lên Thượng đế)

GIẢNG GIẢI

Thứ hai: Tiếp tục tu thiện khi làm quan

Liễu Phàm tiên sinh làm rất đúng, rất siêng năng, rất như pháp. Sau khi được bổ làm tri huyện, ông liền chuẩn bị một cuốn sổ, đây là quyển sổ trống, phía trên đề tên “Trị Tâm Thiên”, để đối trị với ác niệm trong tâm.

Mỗi ngày, vào sáng sớm, lúc ông “tọa đường”, tọa đường là hiện tại chúng ta nói là đi làm, làm việc. Tù tùng của ông đem theo cuốn sách này, giao cho nhân viên ở chỗ làm việc. Những người hầu của ông, để nó trên bàn làm việc. Những việc thiện ác ông làm mỗi ngày đều được ghi chép lại. Buổi tối thiết một bàn án trong sân, học theo Triệu Duyệt Đạo⁵⁰. Triệu Duyệt Đạo là người thời nhà Tống, thời

⁵⁰ Triệu Duyệt Đạo, người Cù Châu thuộc tỉnh Chiết Giang, tên thật là Triệu Biện, tên tự là Duyệt Đạo, tự lấy hiệu là Tự Phi, sinh năm 1008, mất năm 1084.

Ông là một cư sĩ Phật giáo nổi danh, được ghi chép trong Trung Quốc Phật học Nhân danh từ điển (trang 59) và Ngũ Đẳng Hội Nguyên (quyển 16). Ông tánh tình cương trực, sau khi đỗ tiến sĩ đã từng rải qua nhiều chức quan ở các châu, quận. Đời Tống Nhân Tông, ông giữ chức ngự sử, thường chính trực thẳng thắn đến mức người ở kinh đô đều gọi ông là “Thiết diện Ngự sử” (Quan Ngự sử mặt sắt). Tuổi già, ông

Tổng Nhân Tông ông làm Ngự sử, làm người công chánh vô tư, cho nên đương thời gọi ông là Thiết Diện Ngự Sử. Mỗi buổi tối ông đều đặt hương án trong sân, cầu nguyện với thượng đế. Viết tắt cả việc thiện ác mình làm trong một ngày thành sổ vắn, giống như báo cáo lên thượng đế vậy.

Do đây có thể thấy, ông là người là đại công vô tư, tuyệt đối không dám che giấu lỗi lầm của mình. Ông cũng dùng cách này để đoạn ác tu thiện, ngày ngày đều như vậy, điều này rất khó có được. Câu này có nghĩa, những việc không tốt, những việc không dám báo cáo với trời đất, ông quyết không dám làm. Không chỉ là không dám làm, ngay cả ý niệm cũng không dám khởi lên. Do vậy, ông càng về già, hiệu quả của việc đoạn ác tu thiện càng thù thắng.

Ông nói:

CHÁNH VĂN 63

“Nhữ mẫu kiến sở hành bất đa, triếp tân túc viết: “Ngã tiền tại gia, tương trợ vi thiện, cố tam thiên chi số đắc mãn, kim hứa nhất vạn, nha trung vô sự khả thành hà thời đắc viên mãn hồ.”

(Mẹ con thấy không làm được nhiều điều thiện, nên thường lo lắng nói: “Trước kia ở nhà, thiếp còn có thể làm điều thiện giúp, nên ba ngàn điều có thể làm xong. Nay phát nguyện làm mười ngàn điều, mà đời sống trong nha huyện không có nhiều có hội làm thiện, biết đến bao giờ mới làm xong?”)

GIẢNG GIẢI

chuyên tâm tu niệm, tự sửa mình bằng cách mỗi đêm đều mang tất cả những việc đã làm trong ngày trình cáo lên trời cao. Được 7 năm như thế rồi mới mất, thọ 76 tuổi.

Một là: Làm quan môi trường sinh hoạt ngăn cách với dân nên khó làm thiện

Đây là nói mẹ của Thiên Khải, chính là vợ của ông, xem thấy trong huyện nha (huyện nha tương đương với ủy ban huyện ngày nay) không có nhiều cơ hội để làm thiện. Lúc trước ở quê nhà thường qua lại với xóm làng nên làm thiện dễ dàng; hiện tại vì làm quan, nên phu nhân của tri huyện đi đến nơi nào đều có người tiếp đãi. Câu này ý nói không có cơ hội giúp ông làm việc thiện.

Vậy nên bà rất ưu tư, lo buồn nói: “Ông nay hứa làm mười ngàn việc thiện, đến bao giờ mới có thể làm xong?”

Đây là bà đề tỉnh cho Liễu Phàm tiên sinh, Liễu Phàm tiên sinh nghe xong câu nói này cũng cảm thấy ảo não.

Ông liền có cảm ứng:

CHÁNH VĂN 64

“Dạ gian ngộ mộng kiến nhất thần nhân. Dư ngôn: Thiện sự nan hoàn chi cố.

Thần viết: Chỉ giảm lương nhất tiết, vạn hành câu hoàn hĩ.”

(Có một đêm ta nằm chiêm bao gặp một vị thần. Ta than rằng: “Mười ngàn điều thiện khó mà làm xong”.

Thần bảo: “Chỉ việc giảm thuế đã đầy đủ công đức cho mười ngàn điều rồi”)

GIẢNG GIẢI

Hai là: Nhưng “cửa quan” chính sách tác động đến dân trăm họ nên dễ làm thiện

Đây là cảm ứng, tâm chân thành thì liền có cảm ứng. Ông buổi tối nằm mộng thấy một vị thần, ông liền hướng về vị thần ấy thưa hỏi

- Con hứa làm mười ngàn điều thiện, chỉ sợ là khó có thể hoàn thành tâm nguyện.

■ Miễn thuế cho dân là đủ cả 10.000 điều thiện

Vị thần đó liền nói với ông:

- Thiện nguyện của ông đã viên mãn rồi, chỉ một việc giảm thuế, thì một vạn việc thiện của ông đều đã làm xong.

Thiên thần đề tỉnh cho ông. Xác thực là có sự việc này. Phía sau ông nói:

CHÁNH VĂN 65

“Cái Bảo Đê chi điền, mỗi mẫu nhị phân tam li bảy hào, dư vi khu xứ, giảm chỉ nhất phân tứ li lục hào, ủy hữu thử sự; Tâm phả kinh nghi”

(Nguyên là ruộng đất ở huyện Bảo Đê (trước đây) phải nộp thuế mỗi mẫu 2 phân 3 ly 7 hào (ta thấy quá cao, nên khi về nhậm chức) ta có xem xét lại, giảm xuống còn 1 phân 4 ly 6 hào. Quả thật có việc đó, nhưng lòng ta vẫn còn chút nghi hoặc (Việc này sao thiên thần lại biết! Và liệu việc ấy lại có hiệu quả lớn lao đến mức viên mãn cả mười ngàn việc thiện được chăng?)

GIẢNG GIẢI

❖ “*Ta thấy ruộng ở Bảo Đề*” (“Cái Bảo Đề chi điền”): Đây là điền tô, thuế ruộng.

❖ “*Mỗi mẫu nạp tô 2 phân 3 ly 7 hào thì quá cao*” (“Mỗi mẫu nhị phân tam li bảy hào”): Mỗi mẫu ruộng phải đóng hai phân ba li bảy hào. Ông cảm thấy thuế ruộng quá cao.

❖ “*Khi về nhậm chức ta có xem xét lại, giảm xuống còn 1 phân 4 ly 6 hào*” (“Dư vi khu xứ, giảm chí nhất phân tứ li lục hào, ủy hữu thử sự”):

Sau khi ông làm huyện trưởng, ông đem thuế ruộng giảm đi. Ông điều chỉnh lại và giảm xuống thành một phân bốn ly sáu hào.

❖ “*Trong lòng có nghi hoặc*” (“Tâm phả kinh nghi”):

Vụ đó có đáng mười ngàn điều thiện hay sao? Xác thực là có sự việc này, đây là sự việc khi làm huyện trưởng, trong mộng thiên thần đều biết rõ. Cái sự việc này, thiên thần làm sao biết được chứ! Thiên thần liền nói với ông: “Riêng cái sự việc này, xem như ông một vạn điều thiện đã làm viên mãn rồi”.

CHÁNH VĂN 66

“Thích Huyền Dư thiên sư tự Ngũ Đài lai, dư dĩ mộng cáo tri, thả vấn thử sự nghi tín phủ”

(Thì vừa may có thiên sư Thích Huyền Dư từ Ngũ Đài Sơn đến. Ta kể giấc mơ cho thiên sư nghe và hỏi giấc mơ này có đáng tin không).

GIẢNG GIẢI

Thiền sư Huyền Dư ở Ngũ Đài sơn, họ quen biết nhau đã nhiều năm, đến huyện Bảo Đề gặp ông. Ông đem sự việc trong mộng hướng đến thiền sư Huyền Dư thỉnh giáo, đồng thời hỏi những lời nói của thiên thần có đáng tin hay không.

Ba là: Vì sao một việc giảm thuế lại được thiện lớn vậy ?

CHÁNH VĂN 67

“Sư viết: “Thiện tâm chân thiết, tức nhất hành khả đương vạn thiện. Huống hợp huyện giảm lương vạn dân thụ phúc hồ”.

(Sư nói: “Nếu có lòng chân thiết làm thiện, thì làm một điều có thể tương đương với vạn điều. Huống hồ cả huyện đều được giảm thuế, toàn dân đều được hưởng”)

GIẢNG GIẢI

■ Về lý - Thiện lớn, hay nhỏ phụ thuộc vào tâm lượng

- Tâm lượng lớn, thiện nhỏ thành lớn

❖ “Sư nói: Nếu có lòng chân thiết làm thiện, thì làm một điều có thể tương đương với vạn điều” (“Sư viết: Thiện tâm chân thiết, tức nhất hành khả đương vạn thiện”):

Đây là y cứ lý luận trên kinh điển mà nói. Tại sao? “Thiện tâm chân thiết” (thiện tâm chân thật, thiết thực), chân tâm không có phân biệt, không có chấp trước. Ông ngày nay nói làm 3.000 việc thiện, 1 vạn điều thiện, 10 vạn điều thiện, đều là cảnh giới của phân biệt chấp trước hiển ra, cho nên bạn vẫn còn có phạm vi. Nếu là từ chân tâm làm, chân tâm không có giới hạn, không có phân biệt, không có chấp trước thì việc thiện cực nhỏ cũng có

thể biến thành cả hư không pháp giới. Rất ít người hiểu được đạo lý này.

Cho nên thiện của bồ tát là cực vi tế, cái thiện nhỏ cũng biến thành vô lượng vô biên, biến thành đại thiện.

Người thế gian như Liễu Phàm tiên sinh, nguyện làm một vạn điều thiện, làm được quá cực khổ, đó là cái thiện nhỏ, tại sao? Vì bạn không thoát li khỏi vọng tưởng phân biệt chấp trước. Câu nói này có nghĩa là: Có vọng tưởng phân biệt chấp trước, thì việc thiện mà ông làm có giới hạn, có hạn lượng; Còn nếu như li khai được vọng tưởng phân biệt chấp trước, điều thiện cực nhỏ mà ông tu không có hạn lượng, biến thành vô lượng vô biên. Cho nên nói *“Làm một điều có thể tương đương với vạn điều”* (*“Nhất hành khả đương vạn thiện”*), đây là đối với ông mà nói.

Kỳ thực *“Nhất hành”* (*“Làm một điều”*) là đại thiện vô lượng vô biên, chúng ta cần phải biết cái đạo lý này.

Cho nên mở rộng tâm lượng là việc vô cùng quan trọng. Việc thiện lớn nhỏ tại thế gian của chúng ta làm cùng với tâm lượng chúng ta có liên hệ. Tâm lượng càng lớn, việc thiện nhỏ cũng biến thành đại thiện;

- Tâm lượng nhỏ, thiện lớn thành nhỏ

Nếu tâm lượng của chúng ta vô cùng nhỏ nhen thì đại thiện biến thành tiểu thiện. Cái đạo lý này không thể không hiểu rõ. Hai câu này là trên lý mà nói, phía sau là từ trên sự mà nói:

■ Về sự - Nhiều người được hưởng là thiện lớn

❖ “Huống hồ cả huyện đều được giảm thuế, toàn dân đều được hưởng” (“Huống hợp huyện giảm lương vạn dân thụ phúc hồ”): Việc này thì một thiện, vạn thiện đều viên mãn. Bạn có thể giảm tô thuế, người trong huyện của bạn, toàn thể nông dân đều được hưởng lợi ích. Cái huyện này của bạn đâu chỉ có một vạn nông dân, huống gì mỗi nông phu đều có gia quyến của họ, trong nhà họ còn có cha mẹ, vợ con, tất cả đều được thọ hưởng.

- Ngày xưa làm quan dễ tu thiện nhất

Cái sự việc này, cho nên nói “công môn” (của quan) dễ tu thiện. Người xưa tại sao lại mong muốn cầu công danh? Tại sao lại muốn làm quan? Vì làm quan thì dễ tu thiện. Giống như nông dân, muốn tu một việc thiện thì khó khăn biết bao nhiêu. Còn bạn là huyện trưởng, cái sự việc này, vạn thiện của bạn đều viên mãn rồi, “công môn” dễ tu thiện.

- Làm quan cũng dễ tạo ác

Ngược lại, bạn làm ác cũng dễ. Nếu như bạn cảm thấy tô thuế vẫn là quá ít, nên tăng thêm, thu thêm một chút nữa. Tốt rồi, cái niệm này của bạn đã tạo thành vạn ác. Đạo lý là ở chỗ này, thiện ác chỉ cách nhau trong gang tấc.

Vào thời xưa, chỉ có người làm quan mới có địa vị, mới có quyền thế, anh ta rất dễ dàng làm thiện làm ác, rất thuận tiện, rất dễ dàng.

Hiện nay truyền thông dễ tu thiện và dễ tạo ác

Thời đại hiện nay không như vậy, hiện tại, thời đại này tu đại thiện, tạo đại ác, trong rất nhiều ngành nghề đều có thể làm. Ngành dễ làm nhất, không có gì vượt qua ngành công nghiệp giải trí, thế giới giải trí, công ty truyền thông, quyền năng của chúng còn vượt qua cả đế vương, vượt qua cả lãnh tụ quốc gia. Đặc biệt là đài truyền hình vệ tinh, truyền thông mạng hiện nay:

Nếu điều mà chúng ta truyền đi là những điều đúng đắn, thiện lành; có thể khởi phát chúng sanh, quảng đại quần chúng, khiến họ giác ngộ, giúp họ đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức. Bạn chỉ cần một giờ phát đi thì đã vượt qua vạn thiện của Liễu Phàm tiên sinh.

Nếu như tiết mục mà chúng ta phát đi là tiêu cực, dạy người sát đạo dâm vọng. Bạn tạo tội trong một giờ chính là đoạ A tỳ địa ngục.

Do đây có thể biết người hiện tại bất tất phải đi cầu công danh, bất tất phải làm quan, nắm quyền lực lớn, không cần! Việc đoạn ác tu thiện trong bất cứ ngành nghề nào so với quá khứ đều tiện lợi hơn rất nhiều. Điều này chúng ta cần phải biết. Khoa học kỹ thuật hiện đại phát triển, mặt này có thể giúp cung cấp cho chúng ta nhiều điều thuận tiện, nhưng phương pháp này có mặt chánh, có mặt phụ. Chúng ta cần phải nhận thức cho rõ ràng, cát hung họa phúc xác thực là chỉ trong một niệm của chúng ta.

Cái sự việc này nói được rất rõ ràng, rất minh bạch, Liễu Phàm tiên sinh cũng vô cùng hoan hỷ.

CHÁNH VĂN 68

“Ngô tức quyên bổng ngân, thỉnh kỳ tự Ngũ Đài Sơn trai tăng nhất vạn nhi hồi hướng chi. Không công toán dư ngũ thập tam tuế hữu ách, dư vị thường kì đảo, thị tuế cánh vô dạng, kim lục thập cửu hĩ”

(Ta bèn quyên góp lương bổng nhờ thiền sư trở về Ngũ Đài Sơn làm trai tăng cúng dường một vạn người và đem công đức ấy hồi hướng hộ cho. Không tiên sinh đoán là năm 53 tuổi ta gặp tai ách, ta chưa từng cầu xin tăng thọ, mà năm đó lại vô sự, và nay thì ta đã 69 tuổi rồi).

GIẢNG GIẢI

❖ *“Ta bèn quyên góp lương bổng”* (“Ngô tức quyên bổng ngân”): Tự ông quyên góp bổng lộc của ông.

❖ *“Nhờ thiền sư lúc trở về Ngũ Đài Sơn làm trai tăng cúng dường một vạn người, đem công đức ấy hồi hướng hộ cho”* (“Thỉnh kỳ tự Ngũ Đài Sơn trai tăng nhất vạn nhi hồi hướng chi”):

Trai tăng là cúng dường bữa cơm cho người xuất gia, gọi là cúng trai tăng. Đây là việc tốt, thỉnh một vạn người xuất gia đến thọ nhận sự cúng dường của ông, đem công đức này hồi hướng.

Thứ ba: Kết quả của việc tu thiện

❖ *“Không tiên sinh đoán ta năm 53 tuổi sẽ mất”* (“Không công toán dư ngũ thập tam tuế hữu ách”): Không tiên sinh đoán mệnh cho ông, thọ mạng của ông chỉ đến 53 tuổi, đến năm 53 tuổi ông sẽ qua đời.

❖ “Ta chưa từng cầu xin tăng thọ, nhưng đến năm đó vẫn bình an trôi qua. Đến năm nay ta đã 69 tuổi rồi” (“Dư vị thường kì đảo, thị tuế cánh vô dạng, kim lục thập cửu hĩ”):

Ông hoàn toàn không cầu trường thọ, cầu sống lâu, ông không cầu. Năm 53 tuổi, ông rất bình an, ông không cầu sống lâu, nhưng năm nay ông đã 69 tuổi. Thời gian này ông đã từ chức làm tri huyện Bảo Đề, ông cáo quan rồi. Từ câu nói này chúng ta hiểu được, 4 thiên văn chương này là ông viết năm 69 tuổi, để dạy con ông là Thiên Khải.

Mục D: DẠY CON BIẾT SỬA LỖI, TU PHÚC, TÍCH ĐỨC

Tiết 1: Số mệnh con người có thể thay đổi

CHÁNH VĂN 69

“Thư viết: Thiên nan kham, mệnh mĩ thường; Hựu vân: Duy mệnh bất ự thường. Giai phi cuống ngữ”.

(Kinh Thư nói: “Thiên mệnh khó tin, mệnh người không cố định». Lại nói: “Mệnh trời thì vô thường, không ở mãi với một ai cả”. Những lời trên đều không hư dối)

GIẢNG GIẢI

Đây là dẫn dụng lời nói trong “Kinh Thư”: “Thiên đạo nan tín”, tức đạo trời khó tin. Tại sao? “Dĩ kỳ mệnh chi bất thường”, cũng chính là nói, định số là có thể biến đổi, không phải là thường hằng.

Lại nói “*Duy mệnh bất ư thường*”⁵¹, thiên mệnh vô thường cần phải tu đức. Những câu nói này đều là chân thật, quyết định không phải là vọng ngữ.

CHÁNH VĂN 70

“Ngô ư thị nhi tri, phạm xưng họa phúc tự kỷ cù chi giả, nãi thánh hiền chi ngôn, nhược vị họa phúc duy thiên sở mệnh, tắc thế tục chi luận hĩ”.

(Ta nhân đó mà hiểu rằng họa phúc là tự mình chuốc lấy. Đó chính là lời dạy của các vị thánh hiền. Nếu nói rằng họa phúc là do mệnh trời định, thì đó là bàn luận của thế nhân vậy)

GIẢNG GIẢI

1. Thay đổi được vận mệnh là hào kiệt

Ông đối với đạo lí này rất rõ ràng minh bạch. Vì thế cần phải tiếp nhận sự giáo huấn của Thánh nhân, bản thân phải biết cải tạo vận mệnh, làm chủ vận mệnh, người này là anh hùng hào kiệt, quyết định không thể giống với phàm phu,

2. Buông theo số mệnh là phàm phu

[Phàm phu] một đời chỉ biết nghe theo vận mạng đã định, vậy thì quá sai, quá sai rồi.

Đặc biệt là không được tạo ác nghiệp, tạo ác nghiệp làm tổn phước báo của mình, giảm tuổi thọ của mình, đây là việc làm ngu si tội lỗi. Vốn dĩ bạn là đại phú đại quý,

⁵¹ Khang cáo viết: “Duy mệnh bất ư thường! Đạo thiên tắc đắc chi, bất thiên tắc thất chi hĩ” (Thiên Khang cáo nói: Mệnh trời chẳng phải mãi mãi bất biến. Đạo Trời là: Người thiện thì được mệnh Trời, người bất thiện thì mất mệnh Trời vậy).

phú quý của bạn có thể thọ hưởng rất lâu, lại bởi vì bạn tạo tác bất thiện, phước báu của bạn bị chiết giảm, thọ mạng cũng tổn giảm. Đây là người thể gian ngu si.

3. Tiếp nhận giáo huấn thánh hiền có thể cải mệnh

Do đó, người không thể không thọ nhận sự giáo dục, đặc biệt là thọ nhận sự giáo dục của thánh hiền. Duy chỉ có sự giáo dục của thánh hiền mới sáng suốt, mới có thể cải tạo vận mệnh của bản thân, nâng cao cảnh giới của bản thân. Hôm nay chỉ giảng đến đây thôi.

(VCD 06)

Chư vị đồng tu, xin chào mọi người!

Lần trước chúng ta đã giảng đến Liễu Phàm tiên sinh được Không tiên sinh đoán mệnh cho ông 53 tuổi sẽ có tai nạn. Nhưng đến năm đó ông vẫn bình an trôi qua.

Ông tổng kết cho con trai rằng: “Phàm nói họa phước là do tự mình cầu” thì đó là giáo huấn của Thánh Hiền;

Còn nếu nói “Họa phước là sự chủ định trong mạng”, đó là lí luận của người thể tục, không thể tin tưởng được”.

Tiếp theo ông dạy con ông:

Tiết 2: Dạy con tự cải mệnh

CHÁNH VĂN 71

“Nhữ chi mệnh vị tri nhược hà, tức mệnh đương vinh hiển, thường tác lạc mệnh tường, tức thời đương thuận lợi, thường tác phát nghịch ý”

(Mệnh của con chưa ai đoán nên không biết thế nào, mạng mình gặp lúc vinh hiển, thường phải nghĩ tới lúc còn hàn vi. Gặp thuận lợi phải thường nghĩ tới lúc nghịch cảnh khó khăn).

GIẢNG GIẢI

❖ *“Mệnh của con chưa ai đoán nên không biết thế nào”* (Nhữ chi mệnh vị tri nhược hà): Mạng của con không biết rốt cuộc sẽ ra sao?

1. Phải khiêm hạ

Thứ nhất: Phú quý vinh hiển không đắc ý

❖ *“Mạng mình gặp lúc vinh hiển, thường phải nghĩ tới lúc còn hàn vi”* (“Tức mệnh đương vinh hiển, thường tác lạc mệnh tường”): Cho dù trong mạng con có phú quý vinh hoa nhưng bản thân không được đắc ý.

Thứ hai: Làm việc thuận lợi không được vừa lòng

❖ *“Gặp thuận lợi phải thường nghĩ tới lúc nghịch cảnh khó khăn”* (Tức thời đương thuận lợi, thường tác phát nghịch ý):

Nghĩa là làm việc rất thuận lợi, nhưng vẫn cảm thấy chưa vừa lòng.

CHÁNH VĂN 72

“Tức nhân tiên túc thực, thường tác bản cũ tường, tức tượng nhân ái kính, thường tác khủng cụ tường, tức gia thế vọng trọng, thường tác ti hạ tường, tức học vấn pha ưu, thường tác thiên lậu tường.”

- Cho dù trước mắt sung túc, phải thường nghĩ tới lúc nghèo nàn;
- Khi được người kính nể, phải thường có ý e dè sợ sệt;
- Khi gia thế được người trọng vọng, phải thường nghĩ tới lúc mình còn thấp kém;
- Khi học vấn cao thâm, phải nghĩ thường tới lúc mình còn nông cạn, thô thiển)

GIẢNG GIẢI

Đây là Liễu Phàm tiên sinh dạy con ông học cách khiêm tốn.

“Kinh dịch có nói: *Lục hào giai cát chỉ nhất khiêm*” (Sáu hào đều là kết, chỉ có một quẻ “khiêm”).

Trong kinh Thư nói được rất hay: “*Mãn chiêu tổn, khiêm thọ ích*” (Tự mãn sẽ chuốc lấy tổn hại, khiêm nhường sẽ nhận được lợi ích).

Một người bất luận là ở trong hoàn cảnh như thế nào, hoàn cảnh tốt cũng tốt, hoàn cảnh không tốt cũng tốt, đều phải khiêm tốn, ngàn vạn lần không được kiêu ngạo. Đoạn văn này ý nghĩa của nó vô cùng sâu sắc. Phía sau ông nói:

2. Phải suy nghĩ đúng đắn

CHÁNH VĂN 73

“Viễn tư dương tổ tông chi đức, cận tư cái phụ mẫu chi khiên, thượng tư báo quốc chi ân, hạ tư tạo gia chi phúc, ngoại tư tế nhân chi cấp, nội tư nhàn kỉ chi tà”.

- (Nhìn xa phải nghĩ đến xiển dương đức hạnh tổ tiên;

- Nhìn gần phải nghĩ đến che giấu lỗi làm cha mẹ;
- Nhìn trên phải nghĩ đến đền ơn tổ quốc;
- Nhìn dưới phải nghĩ đến tạo hạnh phúc cho gia đình;
- Đối ngoại phải nghĩ đến giúp người lúc cần;
- Đối nội phải nghĩ đến ngăn chặn ý nghĩ tà xấu của chính mình).

GIẢNG GIẢI

Sáu chữ “*tư*” (*nghĩ*) này chính là “*tư tưởng*”, phải thường nghĩ như thế. Sáu điều này trong Phật pháp gọi là Chánh Tư Duy, con người không thể không có tư tưởng đúng đắn, tư tưởng chuẩn xác, sáu điều này là tiêu chuẩn.

Thứ nhất: “Nhìn xa phải nghĩ đến xiển dương đức hạnh tổ tiên” (Viễn tư dương tổ tông chi đức):

Điều đầu tiên này là phải thường nghĩ đến phát dương quang đại đức hạnh của tổ tông, đây là điều căn bản. Tổ tông của chúng ta là ai? Tổ tông dân tộc chúng ta, được ghi chép trong lịch sử, từ vua Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thương, Văn, Vũ, Chu công, đây là tổ tiên của dân tộc Trung Quốc chúng ta, tổ tiên của mỗi gia đình chúng ta, đều là kế thừa đạo thống của cổ thánh tiên hiền mà có.

Câu này có nghĩa, dùng lời hiện tại mà nói, chúng ta phải thường nghĩ đến phát dương quang đại văn hóa Trung Hoa. Nền văn hóa của chúng ta có lịch sử vô cùng dài lâu, nền văn hóa này coi trọng sự đối xử hòa hài giữa người với người, giữa người với tự nhiên, giữa người với thiên địa quỷ thần, tất cả đều phải tôn trọng lẫn nhau, kính yêu lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau. Phải thường suy nghĩ làm thế nào để đức hạnh của tổ tiên thực sự đi vào

trong đời sống xã hội hiện đại, thực sự đem lại lợi ích cho xã hội đại chúng hiện tiền.

Thứ hai: “Nhìn gần phải nghĩ đến che giấu lỗi lầm cha mẹ” (“Cận tư cái phụ mẫu chi khiên):

Một là: Không nói lỗi người trong nhà ra ngoài

Đây chính là nói đến cách cư xử với những người ở bên cạnh mình. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc thường dạy chúng ta rằng: “*Điều xấu trong nhà không được nói ra bên ngoài*” (Bất ngôn xú gia). Tại sao vậy? Trong gia đình có những việc không hay cũng là điều khó tránh, nếu như thường nói cho người ngoài nghe, người ngoài đối với gia đình bạn tự nhiên có tâm coi thường, thậm chí là dẫn những âm mưu xấu, muốn phá hoại sự hòa hài trong gia đình bạn. Cho nên ngạn ngữ có nói: “*Họa tùng khẩu xuất*” (Họa từ miệng ra).

Hai là: Nhưng trong nhà phải nhắc người thân khi có lỗi

Ở đây Liễu Phàm là nói đến gia đình, cha mẹ, anh em có lỗi sai đều phải che giấu. Thật ra, việc che giấu đó cũng là không đúng, mà chúng ta cần phải nhắc nhở, khuyên bảo cha mẹ, anh em cải ác hướng thiện.

Nguyên tắc “Ẩn ác dương thiện”

Việc khuyên đạo này diễn ra khi chỉ có người trong gia đình, quyết không phải trong trường hợp có người ngoài, chỉ cần có người ngoài, chúng ta quyết định phải là ẩn ác dương thiện. Phải ghi nhớ lời dạy này của người xưa, làm như vậy mới đúng.

Ba là: Ngày nay xã hội tại sao động loạn? Vì ỉn thiện, dương ác

Gia đình như vậy, xã hội cũng thế. Ngày nay xã hội tại sao lại động loạn? Nguyên nhân này rất cuộc do đâu? Chúng ta hãy cẩn thận mà suy xét, chúng ta là đi ngược lại giáo huấn của cổ thánh tiên hiền. Người xưa nói: “*Không nghe lời cha ông, thiệt thòi ngay trước mắt*”; Trước mắt chúng ta phải chịu thiệt thòi lớn rồi!

“Lời lão nhân” là cái gì? Người xưa dạy chúng ta đối với xã hội, đối với đại chúng phải làm được tương ưng với câu “*Ấn ác dương thiện*”.

Nhìn thấy chỗ không thiện của người khác thì không nên nói ra, cũng tuyệt đối không tuyên dương, càng không đem chúng đề vào tâm; Nhìn thấy chỗ thiện của người khác, chúng ta phải tán dương.

Phương pháp này sẽ khiến cho người bất thiện tự cảm thấy hổ thẹn: “Mình làm điều ác mà người khác đều có thể bao dung, đều có thể tha thứ cho mình”; Còn người thiện thì nghĩ “Mình làm một chút việc thiện như vậy mà mọi người biểu dương mình, tán thán mình”. Điều đó có thể khởi phát tâm hổ thẹn của đại chúng, khởi phát tâm sám hối của đại chúng, như vậy xã hội mới có thể an định, thế giới mới có thể hòa bình.

Hiện tại, chúng ta xem thấy ở trong nước, ngoài nước tương phản lại với nguyên tắc đó. Xã hội hiện tại đều là “*Ấn thiện dương ác*”, việc ác thì đặc biệt tăng cường báo cáo, còn việc thiện thì hoàn toàn không nói đến. Cách làm này khiến cho người hành thiện bị thoái

tâm, ngược lại đối với kẻ tạo ác lại cổ vũ lớn lao, khiến xã hội động loạn “*Thế cục bất an, kỷ lai hữu tử*” (Cục diện thế giới bất an, đều có nguyên nhân cả).

Thứ ba: “Nhìn trên phải nghĩ đến đền ơn tổ quốc” (“Thượng tư báo quốc chi ân”):

Phải thường nghĩ đến báo ân. Phật dạy đệ tử “*Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ*” (Trên đền 4 ơn nặng, dưới cứu khổ tam đồ), đệ tử Phật thường niệm kệ hồi hướng này, tuy nhiên chỉ là miệng niệm, không chân thật làm được.

Cho nên tôi thường nói, nếu không làm được lời giáo huấn của Phật, chúng ta lấy cái gì để hồi hướng chứ? Chỉ là hồi hướng trên miệng, mà không có đức hạnh chân thật để hồi hướng. Đây là dối mình dối người, như vậy thì là sai rồi.

Một là: “Tứ trọng ân” là gì?

- Thứ nhất là ân cha mẹ
- Thứ hai là ân lão sư,
- Thứ ba là ân quốc gia,
- Thứ tư là ân chúng sanh.

Hai là: Làm thế nào để báo ân? Hy sinh phụng hiến

Chúng ta sinh ra ở thế gian này, y phục ẩm thực đều dựa vào đại chúng, mỗi người đều không thể độc lập thoát li khỏi quần chúng. Giữa người và người đều tồn tại ân đức.

Cho nên chúng ta phải thường suy nghĩ làm sao để báo ân?

- Phải dùng trí huệ của bản thân để cống hiến;
- Dùng đức năng của bản thân để phụng sự, vì quốc gia, vì xã hội phục vụ, đây mới là hành vi báo ân cụ thể.

Thứ tư: “Dưới phải tạo phúc cho gia đình” (“Hạ tư tạo gia chi phúc”):

Đây chính là điều mà nhà Nho thường dạy: “*Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*”.

Một là: Gia đình muốn có phúc phải sống theo trật tự

“*Tạo gia chi phúc*” (“tạo phúc cho gia đình”): Đây là nói tề gia, gia đình cần phải có “trật tự”?

■ Trật tự là gì? Sống theo “luân lý” - là trật tự tự nhiên

Tiêu chuẩn chính là “Luân lý”. “Luân lý” là một loại trật tự thiên nhiên. Chúng ta biết xã hội có trật tự thì xã hội này an định, quốc gia có trật tự thì quốc gia cường thịnh, gia đình có trật tự thì gia đình này nhất định hưng thịnh.

■ Luân lý là gì ? Tiêu chuẩn là “thập Nghĩa”

“*Phụ từ tử hiếu; Huynh lương, đệ đễ; Phu nghĩa phụ thính; Trượng huệ ấu thuận; Quân nhân, thần trung*” (Cha từ, con hiếu; Anh hiền lương thương em kính; Chồng có nghĩa, vợ nghe lời; Người lớn thì ân, người nhỏ vâng phục; Vua nhân từ, bề tôi trung thành).

Hai là: Những gì thánh hiền dạy là trật tự thiên nhiên, là đạo tự nhiên

Đây là trật tự tề gia tự nhiên, tuyệt đối không phải là do Không phu tử chế định, chư vị thánh hiền chế định. [Hiếu] như vậy là sai, người ta chế định, vì sao tôi phải học theo người khác. Thông thường người ta nói: “Bị người khác dắt mũi kéo đi”, không phải vậy! Không lão phu tử tuyệt đối không dắt mũi người khác dắt đi. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng tuyệt đối không làm khó người khác.

Những gì họ nói là đạo tự nhiên, dùng thuật ngữ Phật giáo để nói chính là trong “tự tánh” - chân tâm của ta, tự tánh của ta vốn đầy đủ đức năng, vốn có trật tự, là thiên nhiên, là tự nhiên, tuyệt đối không phải do người tạo ra. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, sau đó mới chịu thuận theo giáo huấn của thánh hiền.

Sở dĩ họ được xưng là đại thánh đại hiền, nguyên nhân ở đâu? Họ không dạy chúng ta vĩnh viễn nghe theo lời dạy của mình, không phải vậy, [mà khi] nghe theo lời dạy của họ là giai đoạn sơ học, khi ta học đến được trình độ nhất định, cảnh giới quý vị liền nâng cao, “thì ra giống như họ vậy!”.

Cho nên Đức Phật nói: “*Nhất thiết chúng sanh, giai đương tác phật*” (Tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật), họ là bình đẳng. Trong Kinh Viên Giác và Kinh Hoa Nghiêm nói càng thấu triệt, nói rằng: “*Nhất thiết chúng sanh bốn lai thành phật*” (Tất cả chúng sanh vốn là Phật), so với “*Ứng đương thành phật*” (sẽ thành Phật) càng thiết thực hơn! Bởi thế Phật pháp là bình đẳng, Nho

giáo nói cũng là bình đẳng, Đạo giáo nói cũng bình đẳng. Các bậc thánh hiền trong ngoài xưa nay, những lời dạy của họ đều bình đẳng thanh tịnh. Đạo lý này chúng ta phải lãnh hội tường tận và sâu sắc hơn, mới đạt được lợi ích thật sự.

Thứ năm: “Đối ngoại phải nghĩ đến giúp người lúc cần” (“Ngoại tư tế nhân chi cấp”):

Một là: Phải nghĩ đến giúp người nghèo khổ

Đối ngoại thì phải thường nghĩ đến những chúng sanh khổ nạn quá nhiều. Đặc biệt là trong cái thời đại hiện nay, thường thường nghĩ đến những người khổ nạn, chúng ta làm sao giúp đỡ họ.

Hai là: Muốn giúp người phải tiết kiệm

Bản thân trên phương diện sinh hoạt phải biết tiết kiệm: “Nếu ta có thể giảm một đồng, ta có thể giúp đỡ thêm cho người khác một đồng; trong sinh hoạt hằng ngày, nếu ta có thể giảm đi hai đồng, thì ta có thể giúp người khác hai đồng”. Chúng ta phải có cái tâm như vậy, có cái nguyện như vậy. Gặp người khổ nạn, phải nhanh chóng, phải toàn tâm toàn lực mà đi tiếp trợ họ.

Thứ sáu: “Đối nội phải nghĩ đến ngăn chặn ý nghĩ tà xấu của chính mình” (“Nội tư nhàn kỉ chi tà”):

Đối với bản thân, đối nội, “nhàn” là ngăn ngừa, chính là nhất định hiểu được ngăn ngừa tà tri tà kiến.

Đặc biệt là trong thời đại này, thời đại mà mọi người đều ủng hộ mở cửa tự do dân chủ, đây là xu hướng của thế giới, có thể hiểu được.

Một là: Chế độ quân chủ khác dân chủ thế nào?

Quá khứ, đại khái là mười năm trước, tôi đến Tân Gia Ba giảng kinh, thời gian đó tôi ở Tân Gia Ba không lâu, mỗi năm chỉ đến đó một lần, ở đó giảng một tháng. Pháp sư Diễn Bồi, ông là một người bạn cũ của tôi, có một ngày ông mời tôi ăn cơm, ông hỏi tôi, ông nói:

- Tịnh Không pháp sư, ông tán thành chế độ quân chủ độc tài hay là tán thành dân chủ?

Tôi nói:

- Tôi tán thành quân chủ.

Ông nói:

- Ngài lạc hậu rồi

Tôi nói:

- Tôi không lạc hậu.

Ông hỏi tôi tại sao? Tôi nói:

- **Quân chủ:** Vua phải có trách nhiệm giáo dục người kế vị đời sau

- Thời đại quân chủ, Hoàng đế, ngài nói ông ta có tâm riêng tư cũng được, chúng ta không bàn cãi về điều này, ông ta có tâm riêng tư cũng tốt, bởi vì ông ta hi

vọng con cháu của mình đều làm hoàng đế, đời đời truyền ngôi lại cho nhau, vì vậy, hoàng đế đối với việc giáo dục người kế thừa vô cùng nghiêm khắc. Đây là một việc tốt. Nếu như người kế thừa ngôi báu làm những việc sai trái, thì nhân dân khởi nghĩa phản kháng, chính quyền của ông ta bị lật đổ. Cho nên chúng tôi từ trên lịch sử Trung Quốc xem thấy, Hoàng đế khai quốc bồi dưỡng người kế thừa là dùng tâm huyết lớn nhất, họ đi mời nhân tài ưu tú nhất của quốc gia, những người có học vấn, có đức hạnh để dạy dỗ Thái tử, hi vọng tương lai Thái tử trở thành một thánh vương, một hiền vương. Ông có trách nhiệm, ông muốn ngôi vị được trường cửu.

- Dân chủ: Người lãnh đạo đất nước không chịu trách nhiệm cho đời sau

Tôi nói tiếp:

- Còn chế độ chính trị dân chủ không chịu trách nhiệm cho đời sau, người tại vị là do được bầu chọn lên; trong vòng ba bốn năm thì miễn nhiệm, nên bản thân ông ta không ảnh hưởng gì, ông ta cũng không nghĩ mình sẽ tại vị lâu dài.

Cho nên hoàng đế thời xưa thường nghĩ đến lỗi lầm của mình, làm sao để sửa đổi làm mới, nếu như họ nghe được những kiến nghị của quan đại thần sẽ rất vui mừng. Khi đọc được những quyển sách như vậy, tôi vô cùng tôn kính họ. Cho nên tôi một đời tán thành quân chủ chuyên chế, không tán thành dân chủ.

Cách mạng Trung Quốc, tôi vô cùng bội phục tiên sinh Tôn Trung Sơn, tư tưởng của ông xác thực là sự tập

hợp tinh hoa của phương Đông và phương Tây. Tuy rằng, ông lật đổ chế độ chuyên chế, nhưng ông chủ trương chuyên chính nhất Đảng, đây chính là sự kết hợp tinh hoa của văn hóa phương Đông và phương Tây. Ông biết được ưu điểm của chế độ quân chủ, cũng biết được khuyết điểm của nó; Ông biết được ưu điểm của dân chủ phương tây, cũng biết được khuyết điểm của dân chủ, cho nên ông mới nghĩ ra một Đảng chuyên chính, đây là kiến giải vô cùng cao minh. Bởi vì thời quá khứ, hoàng đế luôn là người trong nhà, chính quyền là thuộc về một gia tộc, đây là khuyết điểm của chế độ quân chủ. Còn đối với chuyên chính nhất đảng, cái đảng này không phải là của một gia tộc, mà là sự tập hợp tinh hoa của toàn quốc; những người có đạo đức, có học vấn sẽ tập hợp lại thành một chính đảng để quản lý đất nước. Trong đảng có cả dân chủ lẫn chuyên chế chịu trách nhiệm.

Hai là: Ngăn chặn “tà tri tà kiến” xâm nhập vào xã hội

Trong việc chịu trách nhiệm này, điều quan trọng nhất chính là phải đề xướng “*Chánh tri chánh kiến, ngăn chặn tà tri tà kiến*”. Nhất định là phải đề xướng giáo dục luân lý đạo đức, mới có thể ngăn ngừa tà tri tà kiến; Nếu như không có chánh tri chánh kiến, quyết định không thể ngăn chặn được tà tri tà kiến.

Ngày nay rất nhiều nơi trên thế giới, tà tri tà kiến đã xâm nhập vào xã hội. Điều này thì không được rồi! Đây là căn nguyên của xã hội động loạn, là nguồn gốc của tai họa.

Trong ba năm gần đây, tôi ở tại Tân Gia Ba. Tôi đối với chính phủ Tân Gia Ba rất bội phục, họ là một

chính phủ chịu trách nhiệm đối với nhân dân. Lúc mới đến Tân Gia Ba giảng kinh, tôi chịu sự giám sát của họ rất nghiêm khắc. Kinh điển chúng tôi giảng phải báo cáo với họ, nội dung giảng cũng phải báo cáo; kinh điển phải được họ kiểm tra, họ đồng ý, chúng tôi mới có thể giảng. Nghe nói trong khi chúng tôi giảng kinh, mỗi một giảng đường đều có người mặc quân phục ở tại đó giám thính. Nếu như cái bạn nói là tà tri tà kiến, phá hoại đoàn kết xã hội, phá hoại đoàn kết chủng tộc, tạo ra tin đồn thì ngay lập tức bị cấm chỉ. Đây là một việc tốt!

Hiện tại khi nói đến một xã hội dân chủ, người ta nói rằng: “*Cái xã hội này ngôn luận không tự do, xuất bản không tự do*”. Chư vị phải hiểu rằng, nếu ngôn luận tự do, xuất bản tự do, quyết định tạo thành xã hội động loạn, đó chính là tà tri tà kiến không có người ngăn ngừa. Dân tộc Trung Quốc có thể kéo dài đến ngày nay, vẫn không bị diệt vong, tôi cảm giác được đó là nhờ lịch đại đế vương đã bảo hộ chánh tri chánh kiến của nhân dân, công đức này vô cùng lớn! Ngăn ngừa tà tri tà kiến trong xã hội không cho lan tràn, điều này hiện tại người nhìn ra được càng ngày càng ít.

Do đó tôi đã phân tích cho pháp sư Diễn Bồi nghe, pháp sư Diễn Bồi nghe đến cuối cùng, ông không thể không gật đầu. Ở đây đề xuất ra cương lĩnh của sáu điều tư duy, đây là tư duy chánh tri chánh kiến.

Phía sau, tiên sinh Viên Liễu Phàm nói tiếp:

3. Ngày ngày biết lỗi sửa lỗi

CHÁNH VĂN 74

“Vụ yếu nhật nhật tri phi, nhật nhật cải quá. Nhất nhật tri vô phi, tức nhất nhật an ư tự thị, nhất nhật vô quá khả cải, tức nhất nhật vô bộ khả tiến”.

(Ngày ngày cần phải xét lỗi, ngày ngày cải sửa. Một ngày không tự biết lỗi mình thì ngày ấy vẫn an nhiên tự cho mình là đúng. Một ngày không có lỗi làm nào được tu sửa thì ngày ấy không hề có sự tiến bộ.)

GIẢNG GIẢI

❖ “Ngày ngày cần phải xét lỗi, ngày ngày cải sửa” (“Vụ yếu nhật nhật tri phi, nhật nhật cải quá”)

Câu nói này đối với chúng ta mà nói, quan trọng hơn bất cứ thứ gì khác.

Thứ nhất: Khai ngộ là biết lỗi, tu hành là sửa lỗi

Trong nhà Phật thường nói “khai ngộ”, có người hỏi tôi:

- Cái gì gọi là khai ngộ?

Tôi trả lời anh ta:

- Khi bạn biết được lỗi lầm trong quá khứ của mình thì bạn đã khai ngộ rồi. Bạn có thể đem những lỗi lầm trong quá khứ cải chính sửa đổi, cái này gọi là tu hành.

“Vụ yếu” là tất yếu phải, không như thế thì không được. Ngày ngày chúng ta phải kiểm điểm, phải phản tỉnh, tìm ra những lỗi lầm của mình.

Thứ hai: Công khóa sớm tối để làm gì?

Quan trọng nhất đối với đồng tu sơ học, công khóa sớm tối không phải là niệm cho Phật Bồ Tát nghe, không coi trọng ở hình thức:

Một là: Sáng đề tỉnh bản thân

Khóa sáng là dụng ý đề tỉnh bản thân, hi vọng bản thân ngày hôm nay xử sự đối người tiếp vật không quên đi lời giáo huấn của Phật Bồ Tát, dụng ý của khóa sáng là ở chỗ này.

Hai là: Tối phản tỉnh lỗi lầm trong ngày để mai sửa

Khóa tối là phản tỉnh, phản tỉnh bản thân ngày hôm nay đối người, đối sự, đối vật, có chỗ nào làm đúng, làm được chính xác; có chỗ nào làm sai? Khóa tối là phản tỉnh. Làm đúng rồi, thì ngày mai tiếp tục bảo trì; Còn nếu như làm sai thì ngày mai nhất định phải sửa đổi. Công khóa sáng tối như vậy mới có công đức;

Quyết không phải gõ mõ tụng kinh, niệm cho Phật Bồ tát nghe, sáng sớm niệm một biến, tối đến niệm một biến, cùng với tư tưởng, ngôn hành của bản thân tư hào không can hệ, công khóa sớm tối như vậy, không những không có công đức, mà còn tạo tội nghiệp, tạo tội nghiệp gì vậy? Phật Bồ tát không ở trước mặt bạn, bạn là đối trước một pho tượng hoặc là một bức vẽ; đối trước pho tượng, tranh vẽ bạn nhẩn tâm buổi sáng lừa dối một lần, buổi tối lại lừa dối lần nữa. Cái tâm này của bạn quá tàn nhẫn rồi, đây không phải là tội lỗi lớn sao?

Ngày nay người học Phật nhiều, nhưng người chân chính hiểu được đạo lý Phật pháp thì không nhiều. Tôi đặc biệt hi vọng các bạn đồng tu phải hiểu rõ tinh thần, ý nghĩa của công khóa sớm tối, cũng chính là ở đây nói “Ngày ngày tìm lỗi, ngày ngày sửa lỗi” (Vụ yếu nhật nhật tri phi, nhật nhật cải quá).

Thứ ba: Một ngày không thấy lỗi của mình - đây là lỗi lớn

Một ngày không nhận biết được lỗi lầm của mình, bạn chính là đang “*An nhiên tự cho mình là đúng*” (“*An ư tự thị*”), tự cho rằng mình đúng, đây là lỗi lầm lớn.

Một ngày nếu bạn không thấy lỗi để sửa, bạn không cách nào có tiến bộ. Không tiến bộ, câu này đồng nghĩa với bạn quyết định sẽ thoái chuyển.

Thứ tư: Vì sao nhiều người thông minh, nhưng đức không mở rộng?

CHÁNH VĂN 75

“Thiên hạ thông minh tuần tú bất thiếu, sở dĩ đức bất gia tu, nghiệp bất gia quảng giả, chỉ vi nhân tuần nhị tự, đam các nhất sanh”.

(Trong thiên hạ không thiếu gì người thông minh tài trí, nhưng không biết tu cho đức ấy được tăng, không biết mở mang sự nghiệp cho ngày một thêm rộng lớn, ấy chỉ biết quen theo nếp cũ, làm cho có lệ, qua loa không hết lòng nỗ lực, chẳng chịu cải sửa, bỏ phí cả một đời)

GIẢNG GIẢI

❖ “*Trong thiên hạ không thiếu gì người thông minh tài trí*” (“Thiên hạ thông minh tuần tú bất thiếu”):

Mấy câu sau là Liễu phàm tiên sinh cảm thán. Có người tài năng thông minh tuần tú hay không? Khẳng định là có!

Vì làm chiếu lệ, chẳng chịu cải sửa

❖ “Nhưng không biết tu cho đức ấy được tăng, không biết mở mang nghiệp lành cho ngày một thêm rộng lớn, ấy chỉ biết quen theo nếp cũ, làm cho có lệ, không hết lòng nỗ lực, chẳng chịu cải sửa, bỏ phí cả một đời” (Sở dĩ đức bất gia tu, nghiệp bất gia quảng giả, chỉ vì nhân tuần nhị tự, đam các nhất sanh):

Đây chính là muôn cảnh tỉnh chúng ta. Tại sao những người này ngày ngày không trau dồi đạo đức? Đức nghiệp tại sao không ngày ngày mở rộng?

Đều vì hai chữ “*Nhân tuần*” làm hại: “*Nhân tuần*” là ý nghĩa gì? Chính là hiện tại nói: Làm qua loa, làm chiếu lệ, không hết lòng nỗ lực. Trên công việc và đạo đức, đều không nỗ lực mà làm. Cuối cùng:

Tiết 3: Khẳng định thuyết lập mệnh này là nhất

CHÁNH VĂN 76

“Vân Cốc thiền sư sở thọ lập mạng chi thuyết, nãi chí tinh, chí thúy, chí chân, chí chính, chí lí, kỳ thực ngoạn nhi miễn hành chi, vô tự khoáng dã”.

(Thuyết lập mạng của thiền sư Vân Cốc là một lý lẽ tinh túy nhất, thâm thúy nhất, chân thực nhất, đúng đắn nhất mà con phải gắng sức nghiền ngẫm cho kỹ rồi hết lòng áp dụng trong đời sống, đừng để thì giờ luống uổng trôi qua).

GIẢNG GIẢI

Đây là kết luận cuối cùng của thiên này. Liễu Phàm đặc biệt nhấn mạnh đến:

❖ “*Học thuyết lập mệnh*” (“Lập mạng chi thuyết”) mà thiền sư Vân Cốc đã dạy cho ông:

❖ “*Chí tinh*” (“tinh túy nhất”): Đây là học thuyết tinh túy đến cực điểm;

❖ “*Chí thúy*” (“thâm thúy nhất”): “Thúy” là thâm sâu, sâu đến cùng cực;

❖ “*Chí chân, chí chính*” (“Chân thực nhất, đúng đắn nhất”): “*Chân*” là quyết định không hư vọng; “*Chính*” là quyết định không có tư hào tà quấy.

Bản thân ông một đời nỗ lực tu học, cải tạo được vận mạng:

- Trong mạng ông không có công danh, ông đắc được công danh;
- Trong mạng ông không có con trai, ông có được con trai;
- Trong mạng chỉ sống đến 53 tuổi, ông sống đến 74 tuổi, sống lâu hơn 21 năm.

Đây chính là chứng minh cho giáo huấn của Vân Cốc thiền sư là chính xác, không có sai lầm.

Những bài văn này của Liễu Phàm tiên sinh vốn là để dạy cho con cháu đời sau của ông. Đời sau của Liễu Phàm tiên sinh cũng rất tốt, biết được những phương pháp cùng lý luận quý giá này, họ không ích kỷ, mà công

bổ cho đại chúng được biết, hi vọng đại chúng trong xã hội đều hiểu rõ cách học lập mệnh, đều có thể cải tạo số mạng.

Chúng ta ở tại địa phương này, quốc gia này, cho đến mở rộng ra toàn thế giới, người người đều có thể y cứ theo giáo huấn này mà tu học thì xã hội an định, thế giới hòa bình, nhân dân trên toàn thế giới được hạnh phúc. Đây là tâm lượng của Cổ Thánh Tiên Hiền Trung Quốc chúng ta, là đức hạnh của họ. Thiên này chúng ta giới thiệu đến đây.

Tiếp theo chúng ta xem thiên thứ hai. Thiên thứ hai là “Phương pháp sửa lỗi”; thiên thứ ba là “Phương pháp tích thiện”, hai thiên này là trọng điểm, là trọng tâm.

Dùng phương pháp nhà Phật mà nói: Thiên thứ nhất là “tự phần”, là tự văn; Thiên thứ hai, thứ ba là “Chánh tông”, một thiên sau cùng gọi là phần “Lưu thông”.

Chúng ta dùng ba phần để xem bốn thiên văn chương này, chỉ thú của văn chương trên đại thể đã rõ ràng.

CHƯƠNG II

PHƯƠNG PHÁP SỬA LỖI

■ Muốn chuyển mệnh phải từ sửa sai mà hạ thủ công phu

“Học lập mệnh” đã hiểu được rồi, minh bạch rồi, phải từ nơi đâu hạ thủ? Nhất định là từ sửa sai mà hạ thủ.

■ Sai sót nhỏ cũng phải sửa

Người không phải sinh ra đã là thánh nhân, làm sao không có lỗi lầm? Khổng tử nói “*Quá tắc vật đản cải*” (Phạm sai lầm đừng ngại hối cải). Ý nghĩa của câu này muốn nói, nếu có lỗi thì không sợ sửa lỗi, phải có dũng khí sửa lỗi, phải có quyết tâm, phải có nghị lực để sửa. Cho nên, ông đem đạo lí, phương pháp sửa lỗi giáo huấn con trai ông, sai sót nhỏ cũng phải sửa.

■ Không làm chiếu lệ là bỏ qua lỗi lầm nhỏ

Thông thường chúng ta, ở trước nói về “*Nhân tuần đắc quá*” (“Làm theo nếp cũ, làm cho có lệ”), nghĩa là bỏ qua lỗi lầm nhỏ, không xem trong những ác niệm nhỏ. Do đó lỗi nhỏ nuôi dưỡng thành lỗi lớn, ác niệm nhỏ dần dần dưỡng thành ác niệm lớn, hậu quả không tưởng tượng được.

Bây giờ chúng ta xem chính văn.

Đoạn thứ nhất là nói “*Cải quá chi nhân*” (Người nhân sửa lỗi).

Mục A: CÁI NHÂN CỦA VIỆC SỬA LỖI

Tránh họa cầu phước là thường tình của con người, nhưng [phải biết] cát hung họa phước quyết định là có điềm trước, đây là điều chúng ta không thể không biết.

Ở đầu đoạn văn, Liễu Phàm dẫn ra lời dạy của cổ nhân:

CHÁNH VĂN 77

“Cải quá chi nhân: Xuân thu chư đại phu, kiến nhân ngôn động, ức nhi đàm kỳ họa phước. Mĩ bất nghiệm giả, Tả Quốc chư kí khả quán dã”.

(Cái nhân của việc sửa lỗi: Các quan đại phu thời Xuân Thu hề thấy hành động, ngôn ngữ của một người nào đó liền có thể biết [người này] họ sẽ gặp họa hay phúc. Lời suy đoán của người xưa không phải là không ứng nghiệm. Những việc này đều có ghi rõ trong Tả truyện hay Quốc ngữ, chúng ta có thể xem thấy được)

GIẢNG GIẢI

Tiết 1: Cát hung, họa phước xảy ra đều có điềm báo trước

Thời Xuân Thu, Khổng tử là sinh vào thời này. Thời này vẫn là thời Chu. Nhà Chu lúc này đã đi vào giai đoạn cuối, vương thất suy vi, rất nhiều chư hầu đối với thiên tử nhà Chu đều là bề ngoài thần phục, nhưng bên trong lại âm thầm đối nghịch, mỗi chư hầu đều có tư tâm muốn phát triển thế lực của mình. Cho nên thời Xuân Thu là xã hội động loạn. Khổng tử sinh vào giai đoạn này cũng thật cảm khái vô cùng!

1. Có người chỉ cần nhìn người là có thể biết họa phước

Các đại phu thời đó (đại phu là chỉ quân sư một nước), là trợ thủ của các chư hầu, đại khái cũng giống như bộ trưởng, thủ tướng của các tổ chức chính trị hiện nay, đều thuộc giai tầng của đại phu, họ xem thấy người khác được rất nhiều, [cho nên] học thức, kinh nghiệm của họ rất phong phú, họ chỉ cần xem thấy cử chỉ của người, nghe thấy lời nói của người, thì: “*Liền có thể biết người đó sẽ gặp họa hay phúc*” (“Ức nhi đàm kỳ họa phước”): «Ức» là suy đoán, đoán được cát hung họa phước của người đó trong tương lai, họ đều có thể đoán được rất linh nghiệm.

Sự việc này trong Tả Truyện, trong Quốc Ngữ, cũng như “Công Dương truyện”, “Cốc Lương truyện”, “Chư ký”, trong truyện kí rất nhiều, chúng ta có thể xem thấy một cách cụ thể chính xác Tả Truyện và Quốc Ngữ đều là trước tác của Tả Khâu Minh. Đây là nói cát hung họa phước đều có điềm báo trước. Tiếp theo văn nói:

2. Biểu hiện điềm báo như thế nào?

CHÁNH VĂN 78

“Đại đô cát hung chi triệu, manh hồ tâm nhi động hồ từ thể; Kỳ quá ư hậu giả thường hoạch phúc, quá ư bạc giả thường cận họa; Tục nhãn đa ề, vị hữu vị định nhi bất khả trắc giả”

(“Nói chung, mọi dấu hiệu họa phước sắp xảy ra, đều xuất phát từ nội tâm rồi biểu hiện ra hành vi; Trong tâm khởi niệm tự nhiên liền biểu hiện ra bên ngoài:

- *Như người nhân hậu rộng lượng thường được phước.*
- *Người khắt khe hẹp hòi thường gặp họa.*

Mắt phàm tục không nhận rõ nên cho rằng họa phúc chưa hình thành thì không thể suy đoán trước được)

GIẢNG GIẢI

Thứ nhất: Nguyên tắc - Từ nội tâm rồi biểu hiện ra hành vi

❖ “Nói chung, mọi dấu hiệu họa phúc sắp xảy ra, đều xuất phát từ nội tâm rồi biểu hiện ra hành vi” (“Đại đồ cát hung chi triệu, manh hồ tâm nhi động hồ từ thể”):

Thiện niệm, ác niệm tồn tại trong tâm con người, thiện hạnh ác hạnh do bạn tạo ra đều không thể giấu người khác. Bạn có thể che giấu được kẻ ngốc nhưng bạn không thể giấu được người có học vấn, có đạo đức; đối với những người này bạn không thể qua mặt được, họ chân thật là vừa nhìn đã xuyên thấu cả phủ tạng của bạn.

Hiện tại thế gian vẫn còn người như vậy. Trong đời này của tôi đã gặp qua vài người tài giỏi như vậy. Ba vị thầy của tôi đều rất khó có được, tiên sinh Phương Đông Mỹ, Chương Gia đại sư, lão cư sĩ Lý Bình Nam. Họ đều có cái năng lực này. Tiếp xúc với đại chúng, có lúc họ ngẫu nhiên nói ra: “Người nào đó mệnh rất bạc, không có phước báu, không có thọ mạng”; “Người nào đó tâm địa thuần phác, có tích công lũy đức, tương lai tất có phước báu”. Họ có thể xem thấy được rất rõ ràng, rất minh bạch, đối với những ai phước mỏng đều sinh lòng thương xót, dạy họ cách sửa lỗi tu thiện, cách chuyển đổi vận mệnh.

Tôi lúc còn trẻ, thuộc về loại người không có phước báu, đoản mệnh. Tôi chịu học, chịu nghe lời dạy của thầy, cho nên thầy đặc biệt thương xót tôi, dạy tôi

cách cải đổi vận mệnh, “tự cầu đa phước” (“*Tự cầu được nhiều phước*”). Cho nên những dự triệu đều vô cùng rõ ràng.

❖ “*Trong tâm khởi niệm tự nhiên liền biểu hiện ra bên ngoài*” (“*Manh hồ tâm nhi động hồ tứ thể*”) chính là ngôn ngữ động tác.

Ở đây có nêu ra một nguyên tắc xem họa phước:

❖ “*Như người nhân hậu rộng lượng thường được phước; Người khắt khe hẹp hòi thường gặp họa*” (Kỳ quá ư hậu giả thường hoạch phúc, quá ư bạc giả thường cận họa).

Đây là hai nguyên tắc để quán sát người:

Thứ hai: Người thiện, luôn nghĩ cho người ắt có phước

Bạn xem thấy người này tâm địa thiện lương, tử tế, đãi người trọng hậu, nơi nào cũng chỉ nghĩ cho người khác, người này tương lai nhất định được phước.

Thứ ba: Người tổn người lợi mình tương lai gặp họa

Nếu như anh ta là người tương phản, bụng dạ hẹp hòi, khởi tâm động niệm đều vì lợi ích bản thân, làm việc đều là tổn người lợi mình, đối với bản thân không có lợi thì anh ta quyết không làm, đối xử với người khác thì rất khắc bạc, những người này không có phước báu. Mặc dù trước mắt anh ta có phước báu, phước báu đó chính là phước trong mạng anh ta sẵn có, phước trong mạng thì rất nhỏ; bởi vì anh ta có tâm bất thiện, hành vi bất thiện, phước của anh ta đã bị chiết giảm, nhưng vẫn còn dư phước.

Do đây có thể biết, anh ta phải giữ tâm tốt, hành việc tốt, phước báu của anh ta mới một đời hưởng không hết, phước dư của anh ta nhất định để lại cho con cháu hưởng. Đây là chân tướng sự thật.

❖ *“Mắt phàm tục không nhận rõ nên cho rằng họa phúc chưa hình thành thì không thể suy đoán trước được” (“Tục nhãn đa ề, vị hữu vị định nhi bất khả trắc giả”):*

Người thế tục không có học vấn, không có kiến thức thường thức này, nhãn quang của họ bị che phủ, người hiện tại chúng ta thường nói là bệnh “bạch chướng nội”, mắt bị bệnh màng trắng gây chướng ngại, bạn làm cách nào cũng không nhìn thấy được. Ý nói họa phúc không là nhất định, hơn nữa con người không thể dự biết trước được, đây chỉ là cách nhìn của người phàm phu mà thôi.

Người chân chánh có học vấn, có đức hạnh không có cái nhìn như vậy, họ nhìn được rất rõ ràng, minh minh bạch bạch. Tiếp theo nói:

CHÁNH VĂN 79

“Chí thành hợp thiên, phúc chi tương chí, quán kỳ thiện nhi tất tri chi hĩ, họa chi tương chí, quán kỳ bất thiện nhi tất tri chi hĩ”

(Theo nguyên tắc, lòng chân thành là lòng hợp với trời. Muốn đoán phước sắp đến hay không chỉ cần biết người ấy có lòng thiện hay không; Muốn đoán họa sắp đến hay không chỉ cần biết người ấy có lòng ác hay không)

GIẢNG GIẢI

3. Làm sao để có năng lực quán sát này? Chí thành

Đây là nói họa phước có thể thấy trước được, có thể dự đoán được tương đối chuẩn xác. Chúng ta có cái năng lực này hay không? Đáp án là khẳng định có. Trong câu nói đầu tiên ở đoạn này, ông đã nói

❖ “*Một người có lòng chí thành sẽ hợp với ý trời*” (“Chí thành hợp thiên”):

Chúng ta nếu muốn có năng lực này, chỉ cần đem bốn chữ “Chí thành hợp thiên” trên làm cho được: “thiên” là chỉ phép tắc tự nhiên, không tăng thêm vào một tơ hào ý nghĩ nào của mình trong đó. Tơ hào ý nghĩ này chính là vọng tưởng, phân biệt mà chúng ta thường nói, tuyệt đối không được có thêm một tơ hào vọng tưởng phân biệt, thì chúng ta cũng sẽ có được năng lực này. Tâm địa chân thành, thanh tịnh, bình đẳng thì năng lực này sẽ hiện tiền.

Tiết 2. Cách quán sát phước họa

1. Đối với cá nhân – Xem tâm họ thiện hay ác

❖ “*Muốn đoán phước sắp đến hay không chỉ cần biết người ấy có lòng thiện hay không*” (“Phúc chi tương chí, quán kỳ thiện nhi tất tiên tri chi hĩ”):

Phước báu của một người muốn nhanh chóng hiện tiền, bạn chỉ cần xem anh ta “*có lòng thiện hay không*” (“quán kỳ thiện nhi tất tri chi”), thì bạn có thể thấy được.

Nếu tâm của anh ta thiện, lời nói thiện, hành vi thiện, anh ta đối xử với người rất tử tế, chúng ta có thể

đoán được là phước báu của anh ta sẽ đến được rất nhanh.

Nếu như tư tưởng ngôn hành của anh ta là bất thiện, chúng ta liền biết được tai nạn của anh ta ngày càng kề cận rồi. Đây là phạm vi nhỏ.

2. Đối với xã hội

Còn ở phạm vi lớn là quán sát xã hội này, quán sát một gia đình, quán sát một đoàn thể, cho đến quán sát quốc gia, thế giới, không thể không chuẩn xác. Ở đây là có đạo lý, có học vấn, quyết không phải là vọng ngôn.

3. Đối với bản thân

Bản thân chúng ta cần phải hiểu được cuộc đời của chính bản thân mình, đặc biệt là cát hung họa phước xảy đến trong tương lai, nên cần phải từ chỗ này mà phản tỉnh, phải từ khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của chúng ta mà phản tỉnh.

Nếu như thuần thiện, bản thân có thể khẳng định là tiêu tai phước đến.

Nếu như tâm tánh của mình bất thiện, ngôn ngữ bất thiện; ngôn là hoa ngôn xảo ngữ khi dối chúng sanh; hành vi bất thiện thì bản thân phải cảnh giác, vì họa hoạn tai nạn nhất định là đang đến gần.

Từ cá nhân cho đến gia đình, đến xã hội, đến quốc gia, đến thế giới, không cái gì không như vậy cả.

Phía sau là nói “Cải quá chi cơ sở” (Nền tảng của việc sửa sai).

MỤC B: NỀN TẢNG CỦA VIỆC SỬA LỖI

Tiết 1: Muốn tránh họa trước phải sửa lỗi

CHÁNH VĂN 80

“Cải quá chi cơ sở: Kim dục hoạch phúc nhi viễn họa, vị luận hành thiện, tiên tu cải quá.

(Nền tảng của việc sửa lỗi: Ngày nay, muốn được phúc mà tránh xa các tai họa; Nói đến hành thiện, trước tiên phải sửa đổi lỗi lầm)

GIẢNG GIẢI

Đây là gần điều may mắn, tránh điều hung hiểm; Nói đến hành thiện, trước tiên phải sửa đổi lỗi lầm

Hai câu nói này rất quan trọng! Cho nên hai chương “Phương pháp sửa lỗi” và “Phương pháp tích thiện”, thứ tự sắp xếp là từ đây mà ra.

Chúng ta không nói đến hành thiện tích đức trước, mà trước tiên là nói sửa sai. Tại sao? Lỗi nếu như không sửa, sửa không triệt để, sửa không đến rốt ráo, thì tuy là tu thiện, trong thiện lại xen tạp việc ác, làm thiện không tinh thuần, thì công đức của điều thiện đó cũng không đủ để hiển lộ ra. Do vậy, sửa sai là điều kiện tiên quyết của việc tích thiện.

Hôm nay chỉ giảng đến đây thôi. A DI ĐÀ PHẬT.

(VCD 07)

Chư vị đồng tu, xin chào mọi người!

Mời xem “Liễu Phàm tứ huấn” thiên thứ hai: “Phương pháp sửa lỗi”, chúng ta từ đoạn thứ hai xem:

Tiết 2: Nền tảng sửa lỗi phải phát ba loại tâm

CHÁNH VĂN 81

“Đệ nhất: Yếu phát si tâm

Đản cải quá giả, đệ nhất, yếu phát si tâm, tư cổ chi thánh hiền, dữ ngã đồng vi trượng phu, bỉ hà dĩ bách thể khả sự, ngã hà dĩ nhất thân ngỗ liệt, đam nhiễm trần tình, tư hành bất nghĩa, vị nhân bất tri, ngạo nhiên vô quý, tương nhật luân ư cầm thú nhi bất tự tri hĩ, thể chi khả tu khả si giả, mạc đại hồ thử.

Mạnh tử viết, si chi ư nhân đại hĩ, dĩ kì nhi đắc thánh hiền, thất chi tắc cầm thú nhĩ, thử cải quá chi yếu ki dã”

(Người muốn sửa lỗi, đầu tiên là phải biết xấu hổ. Nghĩ đến các bậc thánh hiền ngày xưa, cũng là con người như chúng ta, tại sao họ có thể nêu gương ngàn đời mà chúng ta lại thân bại danh liệt. Vì ta đắm mê trần tình, lén làm những việc bất nghĩa, tưởng không ai biết nên ưỡn ngực không biết xấu hổ, có ngày sống như cầm thú mà không hay. Ở đời chẳng có điều gì lớn hơn là biết tự si, biết tự hổ thẹn.

Mạnh tử nói: Biết xấu hổ đối với con người rất quan trọng. Người biết xấu hổ ắt sẽ thành thánh hiền, còn không biết xấu hổ ắt thành cầm thú. Đó là chỗ then chốt của việc sửa lỗi)

GIẢNG GIẢI

Nói về sửa lỗi, Liễu Phàm tiên sinh đưa ra ba điểm:

Cái gọi là “*Tri sĩ cận hồ dững*” (Biết sĩ nhục là gần với dững vậy): “Dững” là dững mãnh ở việc sửa sai tự làm mới. Cho nên ở đây câu thứ nhất ông nói:

❖ “*Người muốn sửa lỗi, đầu tiên là phải biết xấu hổ*” (“Đàn cải quá giả, đệ nhất yếu phát sĩ tâm”): Đầu tiên cần phải có tâm biết hổ thẹn.

1. Phải phát tâm hổ thẹn

Thứ nhất: Người biết hổ thẹn quyết không khởi ác niệm

Thường nghĩ đại thánh, hiền xưa

Người biết hổ thẹn (tri sĩ), anh ta quyết định không khởi vọng tưởng, không động niệm ác. Chúng ta phải

❖ “*Thường nghĩ đến Đại Thánh Đại Hiền thời xưa*” (“tư cổ chi thánh hiền”);

❖ “*Họ cũng là người như chúng ta*” (“Dữ ngã đồng vi trượng phu”):

Phật tại trong kinh điển thường nói: Chúng ta cùng với chư Phật Như Lai nguyên lai vốn dĩ là người phạm phu. Tại sao họ có thể trở thành Phật, thành Bồ Tát, thành thánh, thành hiền; Còn ta tại sao lại không thể? Lấy tiêu chuẩn này mà quan sát, chúng ta mới có thể khởi phát tâm hổ thẹn.

❖ “*Họ đích thực là thầy của trăm đời*” (“Bỉ hà dĩ bách thế khả sư”):

Khổng lão phu tử truyền đến hiện tại đã hơn 2500 năm, Thích Ca Mâu Ni Phật truyền đến ngày nay gần

3000 năm, tại sao họ có thể ở tại thế gian này, không phân quốc gia, không phân chủng tộc, thậm chí là không phân biệt tôn giáo, mà lưu truyền đến ngày nay.

Thế gian vẫn còn rất nhiều người tôn kính họ, tiếp nhận sự giáo huấn của họ, hướng đến họ học tập? Đây gọi là đại trượng phu. Họ có thể làm được, tại sao ta lại làm không được? Người người thường có cái tâm niệm này, nhất định có thể phát “*tự mình nỗ lực cố gắng*” (“phấn tự cường”). Tiếp theo là nói đến bệnh căn của chúng ta:

Thứ hai: Vì sao ta không thể thành thánh, thành hiền?

❖ “*Sao chúng ta lại thân bại danh liệt*” (“Ngã hà dĩ nhất thân ngôa liệt”):

“*Ngõa liệt*” hình dung giống như một món đồ gốm bị phá nát, không còn giá trị!

Một là: Say đắm trần tình

❖ “*Vì ta đắm mê trần tình*” (“đam nhiễm trần tình”):

Bệnh của chúng ta là đắm say trần tình, đam là vui sướng thái quá, “nhiễm” là ô nhiễm; người thế gian đắm chìm trong “thất tình”⁵² “ngũ dục”⁵³, mà không biết thất tình, ngũ dục đó đều không thật, trong đó có khoái lạc.

⁵² 7 trạng thái tình cảm: Hỷ, Nộ, Ái, Ố, Ai, Lạc, Cự (hoặc là Dục) – Mừng, Giận, Yêu, Ghét, Khổ, Vui, Sợ (hoặc là Muốn)

⁵³ 5 thứ ham muốn: Tài, sắc, danh, thực, thù

Cũng không sai, Thánh nhân cũng không phản đối, nhưng cái giá mà bạn phải trả lại quá lớn; Câu này có nghĩa là “lợi bất cập hại”. Cái giá quá lớn này, nếu như không phải Phật đã tỉ mỉ nói rõ ra trong kinh thì chúng ta làm sao có thể tưởng tượng đến được. Cái giá mà chúng ta phải trả này chính là “lục đạo”⁵⁴ sanh tử luân hồi. Nếu như chân chánh hiểu rõ, minh bạch thì chúng ta mới biết sợ. Thế-xuất thế gian không có cái gì đáng sợ hơn việc này.

Do đây có thể biết, Thánh hiền ở tại thế gian cũng không thể li khai khỏi “thất tình”, “ngũ dục”, tuy nhiên họ đối với chúng rất đậm bạc, hơn nữa hành vi của họ rất hợp lẽ, hợp pháp.

■ Nhất định phải có “lễ tiết”

“Lễ” - nhất định phải có “tiết độ”. Câu này ý nói không thể thái quá, cũng không thể bất cập: “bất cập” là không hợp lẽ, “thái quá” cũng là không hợp lẽ. Cho nên khi nói đến “lễ” luôn kèm theo “tiết”, tiết là tiết độ.

- Vợ chồng phải có tiết độ

Trong việc giáo dục của Cô Thánh Tiên Hiền, gia đình kết hôn sinh con, vợ chồng “*tương kính như tân*” (kính trọng nhau như khách), họ đều có tiết độ. Tuyệt đối không phải là “*tùng tình đam nhiễm*” (thuận theo trần nhiễm thế gian), quyết không phải như vậy. Điều này cùng với xã hội hiện tại không giống nhau! Cho nên gia đình của họ hòa hài, gia đình có trật tự.

⁵⁴ Người, Trời, A Tu la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh

Câu này đặt ở phía trước, dụng ý vô cùng sâu sắc, là đem bệnh căn của chúng ta thấy đều nói hết ra. Phàm phu sở dĩ không thể thành Thánh, bệnh căn là tại chỗ này!

Bây giờ chúng ta nói đến chỗ thô thiển nhất của nó. Con người tuy rất thích hưởng thụ thất tình ngũ dục, nhưng con người càng yêu quý sinh mạng của mình hơn. Đến lúc phải xả bỏ, đại khái họ có thể xả bỏ thất tình ngũ dục, nhưng không muốn từ bỏ thân mạng của mình, hơn họ luôn hi vọng bản thân được trường thọ, đây là suy nghĩ thường tình của con người.

- Tiết độ ăn uống, và cẩn trọng lời nói

[Cho nên] nếu bạn muốn sống lâu, trên các phương diện của cuộc sống, bạn phải biết tiết chế. Lời người xưa nói không sai “*bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất*” (Bệnh vào từ miệng, họa cũng từ miệng mà ra).

Bạn muốn tránh tai họa thì không thể không cẩn trọng lời nói, không thể không cẩn trọng thái độ của mình.

Nếu muốn thân thể khỏe mạnh, việc ăn uống của bạn không thể không cẩn thận. Ngày nay rất nhiều người mong cầu khỏe mạnh trường thọ, nhưng họ không hiểu được đạo lý này, cho nên từ độ tuổi trung niên trở lên, thân thể liền suy nhược. Là do không hiểu được đạo dưỡng sinh vậy!

Tôi tiếp xúc với Phật pháp, lúc đó tôi 26 tuổi. Tiếp xúc được nửa năm, tôi hiểu rõ lợi ích của việc ăn chay,

đối với sức khỏe thân thể có lợi ích, nên tôi liền quyết tâm ăn chay. Tôi học Phật nửa năm thì ăn trường chay, từ năm 26 tuổi cho đến bây giờ, ăn chay đã tròn 50 năm. Lúc đó, một số cấp trên, đồng học và bạn bè đều nói tôi bị mê hoặc, khuyên tôi không nên làm như vậy, họ nói rằng:

- Tuổi còn nhỏ, học Phật thì còn được, chứ trong nhà Phật có rất nhiều việc không nên làm.

Tôi đáp lại rằng:

- Tôi biết Phật pháp quá trễ rồi. Thời xưa có rất nhiều người chỉ mới mười mấy tuổi đã học Phật, đã tiếp xúc với Phật pháp, tôi đến 26 tuổi mới biết đến Phật pháp, đã là quá trễ rồi!

Thế nhưng đến sau này, lúc tôi năm, sáu mươi tuổi, bạn bè trước đây nhìn thấy tôi, thái độ lúc trước đã hoàn toàn thay đổi, khi thấy tôi họ đều nói:

- Con đường của ông đi rất đúng!

Hiện tại lại trải qua hai mươi mấy năm nữa, khi họ nhìn thấy tôi, ai ai cũng đều ngưỡng mộ! Họ là ngưỡng mộ cái gì? Ngưỡng mộ tướng mạo tôi đã thay đổi, thể chất cũng thay đổi. Tôi năm nay đã 75 tuổi, không sinh bệnh, thân thể rất khỏe mạnh. Năm ngoái, Chính phủ Úc mời tôi ở lại vĩnh viễn, chiếu theo quy định tôi phải đi khám sức khỏe.

Sau khi khám xong, bác sĩ nói với tôi:

- Thừa pháp sư, Ngài đến kiểm tra là việc dư thừa rồi.

Tôi nói:

- Cho dù là việc dư thừa thì cũng phải làm.

Đây là ý gì? Đây là lợi ích thứ nhất trong việc tu học Phật pháp, mọi người đều có thể nhìn thấy được. Thể lực của tôi ngày nay, đại khái có thể bì kịp với người ba, bốn mươi tuổi. Vị bác sĩ đó hỏi tôi:

- Ngài rốt cuộc là ăn thức ăn gì, dùng thực phẩm dinh dưỡng nào?

Tôi nói:

- Tất cả thực phẩm dinh dưỡng, tôi một chút cũng không dùng đến. Tại sao? Những thực phẩm đó đều có tác dụng phụ. Cuộc sống càng đơn giản càng tốt, chỉ cần rau xanh, đậu phụ là được rồi. Tôi đối với việc uống nước, những thức uống tôi không dùng, vì bên trong những thức uống đó, thực tại mà nói, hiện nay người ta nói đến vệ sinh, những thức uống đó hoàn toàn không vệ sinh, trong đó có rất nhiều chất hóa học. Ngay đến cả trà, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt, mọi người mời tôi uống trà, vì tôn kính người mời nên tôi mới uống. Bản thân tôi không uống trà, tôi chỉ uống nước. Ăn cũng rất ít, quyết không ăn những thức ăn nhẹ - tức những thức ăn sẵn.

Mỗi ngày, thời gian đọc sách của tôi rất nhiều, buổi tối đại khái là tôi đọc đến 12 giờ mới đi ngủ, ngày hôm

sau, xấp xỉ hơn 6 giờ sáng thì thức dậy. Nếu không có việc gì thì sau khi ăn cơm trưa xong nghỉ ngơi một chút, nếu có việc thì có thể không cần phải ngủ, tinh thần vẫn rất sung mãn, công việc bình thường, bạn có thể nói là ăn chay không có dinh dưỡng sao? Bản thân tôi có thể làm một chứng minh cho bạn. Hơn nữa rất nhiều người xuất gia thân thể rất tốt, thân thể mập mạp, họ không ăn thịt!

■ Muốn khỏe mạnh phải làm gì?

- Thanh tịnh tâm và chế độ ăn uống đúng pháp

Nhân tố chính yếu của sức khỏe là tâm thanh tịnh, không có vọng tưởng, không có tạp niệm. Thứ đến là chế độ ăn uống hằng ngày phải đúng như pháp.

- Có quy củ, có tiết chế, quyết định là không nhiễm ngũ dục lục trần, tâm bạn mới có thể thanh tịnh, nhất định phải buông xuống danh văn lợi dưỡng, buông xả tham sân si mạn. Tâm địa thanh tịnh, đây là nhân tố chính yếu của sức khỏe;

- Nhất định phải tùy duyên mà không phan duyên, đây là ngoại duyên của sức khỏe.

Có nhân tố chính, có ngoại duyên, quả báo của sức khỏe tự nhiên sẽ hiện tiền. “*Đắm mê trần tình*” (Đam nhiễm trần tình): “*trần*” là chỉ cho “Ngũ dục” “Lục trần”: “Ngũ dục” là tài sắc danh thực thụ, “Lục trần” là sắc thanh hương vị xúc pháp, những thứ này cần phải có tiết chế. Nếu như không có tiết chế, tùy theo tình mà phóng dật, hậu quả thật không thể lường được, như vậy chính là bạn đã phá hoại thân thể của mình rồi.

Hai là: Làm việc bất nghĩa

❖ *“Lén làm những việc bất nghĩa”* (Tur hành bất nghĩa): Bất nghĩa là chỉ những việc không nên làm.

- Vô luận là đối người, đối sự hay đối vật, nhất định phải nghĩ đến: Chúng ta có nên làm như vậy hay không?

- Đối với ngôn ngữ thì cần phải nghĩ đến: lời nói này mình có nên nói ra hay không?

Người chân thật có tu dưỡng, anh ta hiểu được bản thân phải rất cẩn trọng. Tur hành bất nghĩa - lén làm điều bất nghĩa,

■ Tường không ai biết

❖ *“Tường không ai biết”* (“Vị nhân bất tri”): Cho rằng người khác không biết, đây là sai rồi. Cổ nhân nói: *“Nếu muốn người không biết, trừ phi mình đừng làm”* (Nhược dục nhân bất tri, trừ phi kỉ mạc vi). Bí mật giấu giếm đến cuối cùng cũng có một ngày sẽ bại lộ, nào có việc gì mà người không biết chứ?

■ Không biết xấu hổ

❖ *“Nên uốn ngực không biết xấu hổ”* (Ngạo nhiên vô quý): “Ngạo” là chỉ ngạo mạn; “Vô quý” là không có tâm “tàm quý”; “tàm” chính là lương tâm cắn rứt, “quý” là chế tài của dư luận. Người ngoài đến phê bình bạn, bạn không quan tâm, “vô quý” là không quan tâm. Ngày nay chúng ta thường nói là “da mặt dày”. Hành vi như vậy

■ **Đọa lạc tam đồ**

❖ “*Có ngày sống như cầm thú mà không hay*” (“*Tương nhật luân ư cầm thú nhi bất tự tri*”): Ngày càng đọa lạc vào đường cầm thú mà không tự biết. Câu nói này chúng ta phải tỉ mỉ mà thể hội. “Cầm thú” là ba đường ác, ý nghĩa của nó là: bạn nhất định sẽ đọa vào ba đường ác, mà bạn vẫn không tự mình nhận biết.

Thứ ba: Điều kiện để có thân người

Phật tại trong kinh thường nói: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*” (Nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn), chúng ta một khi mất đi thân người, đời sau có thể có lại thân người chỉ là một con số rất ít, đại bộ phận là đời sau không thể có được thân người.

Một là: Thực hành Ngũ giới, Thập thiện

Điều kiện để có được thân người là gì? Không chỉ trong Phật pháp, mà Cổ Thánh Tiên Hiền Trung Quốc đều đã nói với chúng ta cũng giống như “Ngũ giới, thập thiện” trong nhà Phật.

Hai là: Thực hành Ngũ luân, Thập nghĩa

Còn trong nhà Nho là “Luân, Thường, Đạo lí”, “Ngũ luân” “Thập nghĩa”⁵⁵, bạn đều có thể làm được

⁵⁵ Khổng giáo còn chia xã hội thành năm nhóm có bốn phận đối đãi với nhau cho hẳn hoi, gọi là Ngũ Luân 五倫.

Ngũ Luân là:

- 1- Phụ tử có tình thân (Phụ tử hữu thân);
- 2- Quân thần có nghĩa (Quân thần hữu nghĩa);

không có khiếm khuyết, thì đời sau bạn nhất định được thân người.

Chúng ta đời nay có thể được thân người, cho thấy ngũ giới thập thiện tu được trong đời quá khứ chúng ta tu được là không tệ, đời này mới có được quả báo như vậy. Nhưng trong đời này, chúng ta có thể làm được như vậy hay không? Điều này thì phải hỏi bản thân ta.

Thứ tư: Muốn sửa lỗi quan trọng nhất là phải biết xấu hổ

❖ “Ở đời chẳng có điều gì lớn hơn là biết tự sỉ, biết tự hổ thẹn” (Thế chi khả tu khả sỉ giả, mạc đại hồ thử):

Ở đời chẳng có điều gì lớn hơn là biết tự sỉ, biết tự hổ thẹn. Ý nghĩa câu này là nói Thánh Hiền vốn dĩ cũng giống như chúng ta. Ngày nay, họ làm Thánh, làm Hiền, làm Bồ Tát, làm Phật, hay đã sinh Thiên rồi; Còn chúng ta ngày nay tư tưởng, kiến giải, ngôn hành đều bất thiện, tiền đồ của ta trong tương lai là ngạ quỷ, địa ngục, súc

3- Vợ chồng có phân biệt (Phu phụ hữu biệt)

4- Lớn nhỏ có trật tự (Trưởng ấu hữu tự);

5- Bằng hữu có tín thành (Bằng hữu hữu tín)

Thập nghĩa 十義: Năm nhóm nhưng chính là mười thành phần, trong đó ai này đều có bốn phận thích ứng với địa vị mình.

1- Quân nhân, thần trung (vua nhân từ, tôi trung),

2- Phụ từ, tử hiếu (cha hiền, con hiếu thảo),

3- Phu nghĩa, phụ thính (chồng có nghĩa, vợ vâng lời chồng),

4- Huynh lương, đệ lễ (anh hiền lương, em thương kính anh),

5- Trưởng huệ, ấu thuận (kẻ lớn rộng ban ân huệ, kẻ nhỏ vâng thuận theo).

sanh, quả báo thật sai biệt thật quá lớn! Chúng ta xem thấy họ cảm thấy thật đáng hổ thẹn!

Một là: Tại sao học Phật?

Có người hỏi tôi rằng:

- Thưa Pháp sư, tại sao ngài học Phật?

■ Hy sinh phụng hiến vì chúng sanh

Đáp án của tôi rất đơn giản:

- Học Phật chính là học cái thân này hiện tại vẫn còn, vẫn chưa li khai nó, chúng ta cần phải dùng cái thân thể này làm công cụ để thay cho xã hội, cho chúng sanh làm nhiều việc tốt.

Hiện tại mọi người thường nói là “Vì nhân dân phục vụ, vì quốc gia phục vụ, vì chúng sanh phục vụ”, cái thân thể này là một công cụ”.

■ Học làm người minh bạch – Để nâng cao cảnh giới

Thánh Nhân “*Học làm một người minh bạch*”: Duy chỉ có minh bạch, mới có thể đem cảnh giới của bản thân đề thăng lên. Hiện tiền sống trong cảnh giới của Phật, Bồ Tát thì tương lai nhập vào cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta học Phật, mục tiêu chân chánh là ở tại chỗ này.

■ Dùng thân thể vì đại chúng làm mô phạm

Trong “Liễu Phàm Tứ Huấn” nói đến chính là “Cải ác, tu thiện, tích công lũy đức; Vì đại chúng làm một mô

phạm”. Làm mô phạm không thể không có công cụ, thân thể chính là một công cụ tốt, cùng với chúng ta một tờ hào cũng không quan hệ, chúng ta cần phải hiểu rõ cái đạo lý này.

Hai là: Xấu hổ là bí quyết để sửa lỗi

■ Con người chỉ khác con vật ở lòng xấu hổ

❖ “Mạnh tử nói: Biết xấu hổ đối với con người rất quan trọng. Người biết xấu hổ ắt sẽ thành thánh hiền, còn không biết xấu hổ ắt thành cầm thú. Đó là chỗ then chốt của việc sửa lỗi” (“Mạnh tử viết, sĩ tri ư nhân đại hĩ, dĩ kì nhi đắc thánh hiền, thất chi tắc cầm thú nhĩ, thử cái quá chi yếu ki dã”):

Nho gia thường nói “Tri sĩ cận hồ dũng” (biết xấu hổ gần với dũng vậy), bạn cần phải làm được như vậy, bạn mới có thể thành thánh thành hiền; Nếu như bạn thất trách, không biết tri sĩ, bạn liền đoạ lạc vào đường cầm thú, ngạ quỷ và địa ngục. “Tri sĩ” là bí quyết quan trọng để cải lỗi, chúng ta không thể không chú ý.

■ Xã hội cần đề xướng tri sĩ sẽ không có xấu ác

Có một năm tôi ở tại Houston-Mỹ quốc giảng kinh, gặp được một vị đồng tu, ông làm giáo thọ trong một trường học bên cạnh. Khi chúng tôi ăn cơm, ông đã hỏi tôi một vấn đề rằng:

- Xã hội ngày nay động loạn không an, phải từ nơi đâu để cứu giúp xã hội?

Điều mà ông nghĩ đến chính là đề cập đến hai chữ “tri sĩ” này.

Ông nói:

- Người hiện tại sở dĩ dám tạo tác ác nghiệp, mang đến những bất an động loạn cho xã hội, truy cứu nhân tố căn bản của nó thì chính là không biết tri sĩ. Cho nên ngày nay nhất định phải đề xướng tri sĩ.

Sau khi tôi nghe xong, tôi đồng ý với cách nói của ông. Ông lúc đó liền nghĩ ra, ông nói:

- Chúng ta thành lập một học xã biết tri sĩ.

Tôi nói:

- Rất tốt, ngài hãy lên chương trình, tôi sẽ hưởng ứng.

Sau đó, tôi rời khỏi nước Mỹ, cái sự việc này đại khái cũng không quan tâm nữa.

Cho nên, một việc tốt như vậy, nhất định phải có người nhiệt tâm thúc đẩy. Trong xã hội có thể tìm kiếm những người vẫn quan tâm đến truyền thống đạo đức luân lý, những người khi nghe nói đến điều này vẫn còn sanh tâm hoan hỷ, tập hợp họ trở lại, thành lập một xã đoàn, bản thân chúng ta nhận chân nỗ lực mà học tập, ra sức thúc đẩy, hoằng dương, đây là một việc làm rất tốt. Cư sĩ này họ Thái, là cư sĩ Thái.

Chúng ta xem tiếp điều thứ hai:

2. Phải phát tâm kính, sợ (úy kính tâm)

CHÁNH VĂN 82

“Đệ nhị: Yếu phát úy tâm

Thiên địa tại thượng, quỷ thần nan khi, ngô tuy quá tại ần vi, nhi thiên địa quỷ thần, thật giám lâm chi, trọng tắc hàng chi bách ương, khinh tắc tổn kì hiện phúc, ngô hà khả dĩ bất cù).

(Thứ hai: Là cần phải phát lòng úy kính, e dè sợ sệt

Trời đất ở trên, quỷ thần khó xem thường, lỗi của chúng ta tuy đem giấu kín, người đời có lẽ không biết nhưng thiên địa quỷ thần đều thấu rõ, tội nặng ắt sẽ giáng trăm điều tai ương, lỗi nhẹ ắt sẽ giảm phúc hiện tiền. Chúng ta há chẳng đáng nên sợ hay sao?)

GIẢNG GIẢI

“Tri úy” là biết lo sợ, biết lo sợ mới đủ để phát khởi tâm thành kính.

“Úy” là sợ, là e ngại, ở đây còn hàm ý nghĩa cung kính, “úy” thường đi kèm với “kính”, gọi là “kính úy” (kính sợ).

Thứ nhất: Với cha mẹ, thầy cô, trưởng bối phải kính sợ

Trong quá khứ, con em đối với cha mẹ, tôn trưởng; học trò đối với thầy cô, đều có tâm vừa kính yêu vừa sợ sệt (“úy kính”). Nếu như không có tâm e sợ, không biết xấu hổ (“tri sỉ”), chư vị thử nghĩ xem, chúng có thể làm ra cái sự việc tệ hại đến mức nào?

Một là: Ngày nay người biết xấu hổ, biết kính sợ rất ít

Cái xã hội ngày nay, người biết “tri sỉ” (xấu hổ) ít rồi, người có tâm “úy kính” (kính sợ) cũng ít rồi. Nguyên nhân là tại chỗ nào? Nguyên nhân là do không có sự dạy

dỗ tốt. Con người không phải là Thánh Hiền, không phải là Phật Bồ Tát tái lai thì việc giáo dục là quan trọng hơn tất cả. Hiểu được đạo lý này, hiểu được phương pháp này, xác thực có Cỗ Thánh Tiên Hiền Trung Quốc.

Hai là: Phải giáo dục dân chúng

■ Giáo dục quan trọng hàng đầu

Trong “Lễ kí - Học kí”, chúng ta đọc đến đoạn: “*Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên*” (xây dựng đất nước, lãnh đạo nhân dân, phải lấy giáo dục là hàng đầu).

■ Giáo hóa dân bằng “Lễ, Nhạc”

Lại xem xem lịch sử Trung Quốc, từ xưa đến nay, kiến lập một chính quyền, hình thành một triều đại, không quá 5 năm, quốc gia đó nhất định soạn ra “Lễ nhạc”⁵⁶ để giáo hóa nhân dân, cái công tác này phải hoàn thành. Cho nên vào thời chiến tranh loạn lạc, các triều đại thay thế nhau rất nhanh đã có thể khôi phục được trật tự xã hội.

⁵⁶ “Lễ Nhạc”: Cách cư xử cao đẹp và âm thanh êm ái, là hai thứ giúp vào việc giáo hoá con người.

Khổng Tử dạy rằng: “Thánh nhân chi trị thiên hạ dã, ngại chư dĩ lễ nhạc”. Nghĩa là: Bậc thánh nhân cai trị thiên hạ, kiềm chế họ bằng lễ nhạc. Lễ là cái quân vương có thể dùng để trị quốc, lúc ấy chẳng cần pháp luật hà khắc thiên hạ cũng tự nhiên thái bình; trong khi đó nhạc là cái củng cố giúp lễ trở nên trọn vẹn đầy đủ.

“Lễ nhạc” là một khái niệm xuất hiện rất nhiều trong các kinh thư của Khổng Tử, nó phản ánh vai trò của cả “lễ” và “nhạc” trong nền văn hóa hài hòa mang giá trị tinh thần sâu sắc. “***Di phong dịch tục, mạc thiện ư nhạc***”: Chuyển dịch phong khí xã hội - thay đổi tập tục dân văn, không gì tốt hơn âm nhạc

Chỉ có triều đại mà chúng ta, con người của thời đại này, rất đáng thương, rất khổ cực! Sau khi triều Mãn Thanh diệt vong cho đến ngày nay, “Lễ Nhạc” đều không được chế tác, “Lễ Nhạc” không được ban bố. Cái thời đại này, tương lai lịch sử sẽ gọi là “thời loạn”, trong lịch sử Trung Quốc, đây là thời kỳ động loạn kéo dài nhất. Đời sống nhân dân, quan hệ giữa người và người, không biết phải làm như thế nào.

Lúc trước, tôi ở Đài Loan, thông thường tại Đài Loan, cha mẹ qua đời, y phục mà con cái họ mặc, có người mặc đồ tang làm bằng gai, có người đồ trung sơn màu đen. Đồng tu xem thấy như vậy liền hỏi tôi, anh ta nói:

- Thừa pháp sư, mặc như vậy có hợp lễ hay không?

Tôi trả lời:

- Từ khi Trung Hoa Dân Quốc kiến lập đến ngày nay, không có ban bố Lễ Nhạc. Người mặc đồ tang bằng gai là dùng lễ đời nhà Thanh, còn người mặc đồ đen là dùng lễ của người ngoại quốc.

Tôi gật gật đầu nói tiếp:

- Cho nên đều có thể được, bởi vì đất nước không chế tác Lễ, nên nhân dân làm thế nào cũng đều có thể được.

Không có Lễ, cùng với quá khứ không giống nhau. Quá khứ thời đại đế vương, Lễ Nhạc được coi trọng vô cùng. Mặc y phục không thể tùy tiện mà mặc, thân phận

của bạn như thế nào thì mặc trang phục như thế ấy. Sĩ, nông, công, thương đều có sự phân biệt, mọi người một khi nhìn thấy liền biết bạn làm cái hành nghiệp gì, trong xã hội địa vị như thế nào; người có địa vị thấp hơn bạn, nhất định đối với bạn tôn trọng, phải hành lễ. Hiện tại không còn nữa.

Hiện tại bạn xem thấy tại Đài Loan, tổng thống cùng với người dân thường đều mặc đồ trung sơn, họ đứng cùng nhau thì không thể nào phân biệt được, không có lễ thì thiên hạ đại loạn, trật tự xã hội cũng không còn, điều này trước đây tuyệt đối không được.

Chúng ta sinh ra trong thời đại này, chúng ta hướng về xã hội xưa nhưng cũng không thể tách khỏi xã hội hiện đại, tuy người khác không nói đến nhưng trong lòng chúng ta thì đều minh bạch.

Thứ hai: Đối với quỷ thần phải kính sợ

❖ *“Trời đất ở trên, quỷ thần khó xem thường”* (Thiên địa tại thượng, quỷ thần nan khi)

Một là: Thiên địa quỷ thần chắc chắn có

Thiên địa quỷ thần có hay không? Khẳng định là có. Có, vậy họ ở chỗ nào? Tuy mắt chúng ta không nhìn thấy, tai không nghe thấy, thân thể không tiếp xúc được; nhưng không thể nói thân thể chúng ta không tiếp xúc được thì cho rằng họ không tồn tại. Huống gì trong lịch sử Trung Quốc, cảm ứng của quỷ thần được ghi chép lại rất nhiều, hiện tại, chúng ta thường xem thấy trên tin tức, tạp chí, báo chương đều có một số báo cáo. Những báo cáo đó đương nhiên là có thật, nhưng có rất nhiều người

không tin. Điều này cũng khó trách, nếu như không phải là tận mắt chứng kiến, mà nghe người khác nói thì đều không đáng tin.

Lúc mới học Phật, khi đó tôi hai mươi mấy tuổi. Lão cư sĩ Chu Kính Trụ, đây là một vị trưởng bối vô cùng yêu thương bảo hộ tôi, chuyện kể của ông rất nhiều, đều là việc mà ông đích thân trải qua, thường hay kể cho tôi nghe. Chúng tôi cũng rất hoan hỷ nghe ông kể chuyện, bởi vì những chuyện này đều do đích thân ông trải nghiệm, nên là thật chứ không phải giả. Ông cũng không bịa ra chuyện để lừa chúng tôi.

Chúng tôi hỏi nguyên nhân lão nhân gia học Phật. Bởi vì ông học tài chính, trong thời kì kháng chiến, ông là Trưởng Cục Thuế vụ ở Tứ Xuyên, là người quản lí về thuế. Sau khi kháng chiến thắng lợi, ông ở Chiết Giang, ông làm thủ quỹ tài chính Chiết Giang. Trước kháng chiến, ông từng làm Tổng Tài của một ngân hàng ở Tô Châu.

Tôi hướng đến ông thỉnh giáo nguyên nhân ông học Phật, ông nói với tôi, ông nói nhân duyên học Phật là vào thời gian kháng chiến. Ông ở tại Trùng Khánh, buổi tối một ngày nọ, ông cùng với vài người bạn đánh mạt chược, đây là việc thường tình, thường thường là hơn 2 giờ khuya mới giải tán. Giải tán thì ai về nhà nấy, thời đó tuy rằng địa vị của ông cao như vậy, nhưng vẫn không có phương tiện giao thông, trở về vẫn là đi bộ. Không như bây giờ, đều có xe rồi, lúc đó vẫn là đi bộ. Hơn nữa, đèn đường rất tối, người hiện tại rất khó thể hội được, nếu như là người trong độ tuổi của tôi, thì bạn có thể biết. Đèn đường, rất xa mới có một cái cột đèn, hơn nữa đèn

đường loại bóng của nó đại khái là loại 40, được treo với cự li rất cao, rất xa, chân thật là nhìn như có như không. Sau khi trời tối đen ông mới ra về, khi quay về thì ông phải đi rất xa, đại khái là phải đi hết bốn, năm mươi phút mới về được đến nhà. Trên đường đi, phía trước ông có một người, cũng đi cùng đường với ông vào thời điểm đó, đi ngay phía trước ông, ban đầu ông cũng không để ý đến. Đi được gần nửa giờ đồng hồ, ông đột nhiên nghĩ đến, xem thấy phía trước là một người con gái, ông nghĩ: một cô gái đơn độc, làm sao lại ra ngoài vào lúc nửa đêm như vậy? Ông nghĩ như vậy. Tôi nghe ông kể mà dựng cả tóc gáy. Ông quan sát kỹ người phía trước thì thấy cô ta có thân trên mà không có thân dưới, ông chết điếng cả người, nhìn lại người phía trước không còn nữa, không có nữa. Ông cùng với người này đi chung, đi hết nửa giờ đồng hồ, tuyệt đối không phải là hoa mắt. Ông thật sự là đã nhìn thấy ma rồi. Ông nói từ cái ngày ấy, ông mới chân thật tin Phật.

Sau khi học Phật, ông đối với con ma ấy vô cùng cảm kích. Nếu như không phải đích thân ông nhìn thấy, ông nói cả đời ông vĩnh viễn cũng không thể tin.

Nhạc phụ của ông là Chương Thái Viêm, rất có địa vị trong giới học thuật Trung Quốc. Nhạc phụ của ông là một tín đồ Phật giáo kiên thành, chuyện kể cũng rất nhiều, thường thường kể cho ông nghe, ông nghe xong nửa tin nửa ngờ, mãi cho đến khi bản thân ông gặp phải sự việc như thế ông mới tin. Cái việc này là có thật, chuyện của ông rất nhiều. Nếu như tôi nói phải mất hết vài giờ đồng hồ, vô cùng thú vị, quyết định không phải là hư vọng.

Bản thân tôi tuy cả đời chưa từng gặp qua ma quỷ, nhưng tôi thực sự đã từng gặp hồ li tinh được nói đến trong tiểu thuyết “Liêu trai chí dị”. Đại khái là khi tôi năm, sáu mươi tuổi, tôi xác thực là đã gặp phải hồ li tinh, cho nên tôi tin điều đó là thật chứ không phải giả.

Con hồ li tinh đó mà tôi gặp cũng biến thành hình người, nhưng là nam chứ không phải nữ, rất nhiều người đã nhìn thấy qua, ở tại khe núi Hồ Nam. Sau khi kháng chiến thắng lợi, tôi về lại quê hương, một người bà con ở quê tôi gặp phải một sự việc rất kì lạ. Gạo của quê tôi làm ra, đều thu lại vận chuyển đến Vu Hồ, Nam Kinh để bán. Người bà con của tôi, ông ấy có một thuyền gạo, ông dùng bao bố đóng gạo lại thành bao rồi mang lên thuyền. Trong khi đóng hàng, xem thấy có một con chồn vàng từ ngoài nhảy vào trong thuyền. Công nhân trên thuyền liền đi tìm, tìm rất lâu mà không thấy. Tìm không thấy nên mọi người cho rằng mình bị hoa mắt, nên cũng coi như không có gì. Thuyền gạo này được vận chuyển đến Nam Kinh, sau khi đến Nam Kinh, lúc đưa hàng hóa xuống, bỗng nhiên thấy trong túi gạo, một hạt gạo cũng không có, cả thuyền gạo đều không thấy. Mọi người hiết được, đây là do con chồn vàng tác quái. Nhìn thấy mọi thứ là thật chứ không phải giả, cả thuyền gạo đều không thấy. Cho nên chỉ lưu lại Nam Kinh vài ngày, rồi quay về. Sau khi về nhà, gạo của ông đều ở trong kho. Không biết làm cách nào để trừng phạt con chồn vàng đó, nó đã trêu đùa ông. Tuy không có tổn thất nhưng một thuyền gạo đều mang cả về nhà, đây là việc có thật.

Cho nên, thế gian rộng lớn không điều kì quái gì không có, không thể nói bản thân tôi không thấy thì

không tin, sự việc mà đích thân chúng tôi nhìn thấy thì quá ít. Những sự việc này ở Hương Cảng cũng rất nhiều, ở Trung Quốc đại lục thì càng nhiều, ở ngoại quốc cũng rất nhiều.

Người tôi gặp được rất nhiều, bởi vì thính chúng nghe tôi giảng kinh rất đông, họ thường đem những sự việc mà họ đích thân gặp phải kể cho tôi nghe. Cho nên, thiên địa quỷ thần không thể xem thường, chúng ta lừa dối người thì dễ, nhưng lừa dối thiên địa quỷ thần thì rất khó rất khó.

Hai là: **Lỗi không ai biết, nhưng thiên địa quỷ thần biết**

❖ “*Lỗi làm của chúng ta vô cùng bí mật, vô cùng vi tế, người đời có lẽ không biết*” (“Ngô tuy quá tại ẩn vi”)

❖ “*Nhưng thiên địa quỷ thần đều thấu rõ*” (“Nhi thiên địa quỷ thần, thật giám lâm chi”): “Giám” là tấm gương, chính là tấm gương chiếu rõ ràng, chiếu được hết

❖ “*Tội nặng ắt sẽ giáng trăm điều tai ương*” (“trọng tắc hàng chi bách ương”): Nếu như bạn tạo ác nghiệp nặng, bạn nhất định gặp phải những tai nạn không như ý

❖ “*Lỗi nhẹ ắt sẽ giảm phúc hiện tiền*” (“Khinh tắc tôn kì hiện phúc”): Tội nhẹ thì phước báu hiện tại của bạn bị tổn giảm.

❖ “*Chúng ta há chẳng đáng nên sợ hay sao*” (“Ngô hà khả dĩ bất cù”): Bạn phải hiểu được đạo lý này, bạn phải lý giải được chân tướng sự thật này, làm sao có thể không lo sợ chứ? Xin xem tiếp kinh văn phía sau:

Ba là: Khởi tâm động niệm một mình, quỷ thần đều biết

CHÁNH VĂN 83

“Bất duy thị dã! Nhàn cư chi địa, chỉ thị chiêu nhiên, ngô tuy yêm chi thậm mật, văn chi thậm xảo, nhi phế can tảo lộ, chung nan tự khi, bị nhân thứ phá, bất trị nhất văn hĩ, ô đắc bất lẫm lẫm?”

(Không những chỉ như vậy! Những nơi vắng vẻ chỉ riêng mình ta cũng có quỷ thần giám sát, dù ta che đậy khéo léo, thần minh cũng đã sớm thấu rõ đến tận gan phổi của ta, vậy nên khó có thể tự lừa dối mình mãi được; một khi bị người phát hiện thì chẳng còn giá trị gì nữa. Vậy há không nên e dè, sợ sệt hay sao?)

GIẢNG GIẢI

❖ *“Không những chỉ như vậy, những nơi vắng vẻ chỉ riêng mình ta cũng có quỷ thần giám sát”* (“Bất duy thị dã! Nhàn cư chi địa, chỉ thị chiêu nhiên”):

Phía trước đã nói thiên địa quỷ thần xem thấy chúng ta rất rõ ràng, đoạn này là nói hoàn cảnh hiện tại cư trú của chúng ta, cái gọi là “mười mắt nhìn thấy, mười bàn tay chỉ”. Đặc biệt là xã hội đô thị hiện nay, nhân khẩu đông đúc, nhất cử nhất động của chúng ta đều có rất nhiều người nhìn thấy.

❖ *Chúng ta giấu giếm bí mật* (“Ngô tuy yêm chi thậm mật”)

❖ *“Dù ta che đậy khéo léo”* (“Văn chi thậm xảo”): Văn là nguy trang, bạn nguy trang được rất khéo,

❖ *“Thần minh cũng đã sớm thấu rõ đến tận gan phổi của ta”* (“Phế can tảo lộ”)

❖ “Vậy nên khó có thể tự lừa dối mình mãi được” (“Chung nan tự khi”): Nhưng trong tâm bạn sớm đã không thể tự lừa dối mình.

❖ “Một khi bị người phát hiện thì chẳng còn giá trị gì nữa. Vậy há không nên e dè, sợ sệt hay sao?” (“Bị nhân thứ phá, bất trị nhất văn hĩ, ô đắc bất lẫm lẫm”):

Phía trước đã nói qua với chư vị, người có học vấn, có đạo đức vừa nhìn là đã rõ ràng. Khi bạn bị người nhìn thấu thì bạn chẳng còn giá trị gì nữa. Nghĩ đến chỗ này, sao có thể không lo sợ chứ? “*Lẫm lẫm*” là là đáng vẻ lo lắng, sợ sệt. Đây chính là nói người khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, cần phải có lương tâm, có thiên lương, cần phải biết sợ chế tài của dư luận.

Thứ ba: Thái độ trước các việc thiện ác

Một là: Ta làm thiện

- Nên dấu để tích âm đức

Chúng ta làm thiện không nên để người khác biết;

- Người khen ta đúng thì càng phải khiêm tốn

Nếu người khác tán thán, cung kính chúng ta, chúng ta phải tĩnh tâm mà suy xét: “Họ tán thán ta, cung kính ta, ta có cái đức hạnh đó hay không? Ta có thật sự làm được điều tốt đó hay không?” Nếu như chân thật là có thì chúng ta phải khiêm tốn, càng phải nỗ lực hơn.

- Người khen ta quá mức thì sao?

- Sám hối với họ ta không được vậy

Nếu như họ tán thán vượt quá sự thật, chúng ta phải sinh tâm hổ thẹn, nhất định phải hướng đến họ sám hối rằng: “Tôi nào có làm được việc tốt như thế, bạn nói quá lời rồi.”

- nỗ lực làm để không phụ lòng tán thán của họ

Bản thân ta phải nỗ lực cố gắng mà làm, hi vọng không phụ lòng tán thán của họ. Bản thân tu dưỡng như vậy, thì đức hạnh mới có thể thành tựu. Trên quả báo, hung tai mới có thể miễn trừ, phước thiện mới đến, đây là đạo lý nhất định. Chúng ta cần phải hiểu rõ, cần phải nhận chân nỗ lực tu học, phải có tâm hổ thẹn, phải nỗ lực nhận rõ vấn đề.

Hai là: Ta làm ác, cần hy vọng người biết

- Người tri chích ta là tiêu nghiệp cho ta

Nhưng điều ác mà chúng ta làm, cần phải hi vọng người khác biết; khi bị người khác chỉ trích thì điều ác của chúng ta cũng đã trả được rồi, đây là một việc tốt. Anh ta chỉ trích ta, ta chân thật có sai, ta phải tiếp nhận, ta phải hối cải; anh ta chỉ ra rồi thì ta không còn lỗi sai đó nữa, ta cũng rất hoan hỷ. Nếu như ta bị oan uổng, bị oan là cách tốt nhất để tiêu tai, tiêu nghiệp chướng.

- Có thì sửa, không có thì tránh để thành tựu đức hạnh bản thân

Cho nên bất luận người khác chỉ trích là đúng hay sai, chúng ta đều phải có tâm cảm ơn. Cổ nhân thường nói: “*Có thì sửa đổi, không có thì tránh*” (“Hữu tắc cải, vô gia cảnh”).

Phê bình của người khác đối với ta, đặc biệt là những phê bình ác ý, nếu ta có thì phải khẩn thiết sửa sai tự làm mới, nếu ta không có thì phải gia tăng cảnh giác, quyết định không phạm phải sai lầm như vậy, thành tựu đức hạnh cho bản thân.

Cho nên, một người chân thật có tu dưỡng, chân chánh hiểu được đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức, cùng với người bình thường quyết định là không giống nhau.

Ba là: Người làm ác, ta quyết không để trong tâm?

Hơn nữa trong mỗi niệm đều là nghĩ đến điểm tốt của người khác, tuyệt đối không đem điều không tốt của người khác để trong tâm, đó là việc làm không đáng nhất. Tại sao? Tâm của chúng ta thuần thiện, đem điều bất thiện của người khác để trong tâm, cái tâm thuần thiện của mình phá hoại, bạn nói oan uổng biết bao? Chúng ta xem thấy trong xã hội, người ngu si như thế không phải là con số ít.

Hôm nay chúng ta chỉ giảng đến đây thôi. A DI ĐÀ PHẬT

(VCD 08)

Chư vị đồng tu, xin chào mọi người!

Phía trước đã giảng đến “Cơ sở của việc sửa lỗi”, nói đến [lỗi] chúng ta phải biết hổ thẹn; kể đến phải phát tâm úy kính, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, không phải chỉ sợ thiên địa quỷ thần thấy biết mà còn phải sợ sự chỉ trích của dư luận xã hội.

Hôm nay chúng ta xem tiếp văn bản phía sau:

CHÁNH VĂN 84

“Bất duy thị dã, nhất tức thượng tồn, di thiên chi ác, do khả hồi cải. Cổ nhân hữu nhất sanh tác ác, lâm tử hồi ngộ, phát nhất thiện tâm, toại đắc thiện chung giả. Vị nhất niệm mãnh lệ; Túc dĩ địch bách niên chi ác dã; Thí như thiên niên u cốc. Nhất đẳng tài chiếu, tắc thiên niên chi ám câu trừ; Cổ quá bất luận cửu cận, duy dĩ cải vi quý”

(Tuy vậy, chỉ cần còn một hơi thở, các tội ác đều có thể hồi sửa. Người xưa có người cả đời làm ác, nhưng trước khi chết ăn năn lỗi lầm, phát một niệm thiện, liền an ổn qua đời. Cho nên người ta nói một niệm dũng mãnh, cũng đủ để gột sạch tội ác trăm năm. Thí như một hang tối ngàn năm, vừa thắp lên ngọn đuốc thì ngàn năm tối tăm liền biến mất. Cho nên không cần biết là tội lỗi nhiều ít, hay lâu mau, điều quan trọng là phải biết hồi cải)

GIẢNG GIẢI

Bốn là: Phải sám hối những việc ác mình đã làm

■ **Còn một hơi thở còn có thể sám hối**

❖ *“Tuy vậy, chỉ cần còn một hơi thở, các tội ác đều có thể hối sửa”* (“Bất duy thị dã, nhất tức thượng tồn, di thiên chi ác, do khả hối cải”):

Đây là y cứ lí luận của việc sửa đổi làm mới. Con người chỉ cần là vẫn còn một hơi thở thì tội nghiệp cực đại trong một đời đều có thể hối cải.

❖ *“Người xưa có người cả đời làm ác, nhưng trước khi chết ăn năn lỗi lầm, phát một niệm thiện, liền an ổn qua đời”* (“Cổ nhân hữu nhất sanh tác ác, lâm tử hối ngộ, phát nhất thiện tâm, toại đắc thiện chung giả”):

Đây là đưa ra chứng cứ để thuyết minh cho chúng ta. Ví dụ như thế, từ xưa đến nay, trong và ngoài nước đều có rất nhiều, chỉ cần tỉ mỉ mà quan sát, bạn liền có thể thấy được.

Tại sao một đời tạo tác tội nghiệp cực trọng, chỉ cần chân thành sám hối thì những tội chương đó liền có thể tiêu trừ, đạo lí là ở chỗ nào? Thực tại mà nói thì đạo lí này quá sâu quá sâu, không phải phàm phu có thể lí giải được.

Phật tại trong kinh có nói: Không chỉ phàm phu không thể lí giải, mà ngay cả Thánh giả Nhị thừa (A la hán, Bích Chi Phật), Quyền giáo Bồ tát đều không có cách nào lí giải được. Tại sao?

Điều này có liên quan đến nguồn gốc của hư không pháp giới vũ trụ, khởi nguyên của sinh mệnh, khởi nguồn của chúng sanh, liên quan đến đại đạo lý này.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật giảng được rất thấu triệt, rất rõ ràng, cho nên, người xưa Trung Quốc tán thán kinh Lăng Nghiêm rằng “*Khai trí huệ là Lăng Nghiêm, thành Phật là Pháp Hoa*”. Tôi tin tưởng hai câu nói này rất nhiều đồng tu đều đã nghe nói qua. Trong kinh Lăng Nghiêm nói được rất minh bạch, Phật nói với chúng ta “*Hư không pháp giới, quốc độ chúng sanh bốn lai là một thể*”⁵⁷. Do vậy, tội ác cực đại, chỉ cần hồi đầu, cái gọi là “*hồi đầu thị ngạn*” (quay đầu là bờ). Đây là đạo lý. Phía sau nói đến:

❖ “*Cho nên người ta nói một niệm dũng mãnh*” (“Vị nhất niệm mãnh lệ”): “*Mãnh lệ*”, hai từ này vô cùng quan trọng.

❖ “*Cũng đủ để gột sạch tội ác trăm năm*” (“Túc dĩ địch bách niên chi ác dã”): Phía sau cử ra một ví dụ nói với chúng ta:

❖ “*Thí như một hang tối ngàn năm*” (“Thí như thiên niên u cốc”): Chúng ta ngày nay trong lúc đi du ngoạn gặp được rất nhiều nham động, thạch nhũ động, đó đều là “*thiên niên u cốc*”.

❖ “*Vừa thấp lên ngọn đuốc thì ngàn năm tối tăm liền biến mất*” (“Nhất đăng tài chiếu, tắc thiên niên chi ám câu

⁵⁷ Hư không pháp giới, tất cả chúng sanh là một thể cùng chung mạng sống, đây là nói đến một nấc sâu hơn, đều là nói chân tướng sự thật.

trừ”): Chúng ta vừa thắp lên một ngọn đèn thì ngàn năm tối tăm liền bị phá trừ.

❖ “Cho nên không cần biết là tội lỗi nhiều ít hay lâu mau, điều quan trọng là phải biết hối cải” (“Cố quá bất luận cửu cận, duy dĩ cải vi quý”):

■ Chỉ cần 1 niệm giác, 1 niệm chân trí tuệ có thể sám hối

Lỗi lầm cũng như bóng tối, chỉ cần một ngọn đèn liền có thể phá tan bóng tối. Ngọn đèn này được tỉ dụ với trí huệ, với giác ngộ, chân chánh giác ngộ, quá khứ tạo tác lỗi lầm, chỉ cần một niệm giác, một niệm chân trí huệ hiện tiền, lỗi lầm liền tiêu trừ.

- Vì sao không thể giác? Vì mê muội quá lâu

Tuy nhiên, cái niệm giác, cái niệm trí huệ này vô cùng khó có được, vô cùng đáng quý. Vì sao? Bởi vì chúng ta mê đắm trong dục vọng tình chấp đã quá lâu rồi, từ vô lượng kiếp đã mê muội trong dục vọng tình chấp.

Sinh mệnh là vĩnh hằng, sinh mệnh không phải là ngắn tạm mà là vĩnh hằng. Thân mạng chúng ra rất ngắn ngủi, nhưng tinh thần thì trường cửu. Trong nhà Phật nói, chúng ta có Pháp thân huệ mạng, đó là vĩnh hằng. Cho nên, vô lượng kiếp sinh tử luân hồi, mê mất đi bản tánh, mù quáng vô tri nên cho rằng thân thể này là ta, vì vậy mà tham đồ hưởng thụ ngũ dục lục trần, tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp, điều này tạo thành những sự việc không như ý trong hiện đời.

Chúng ta nếu muốn gặp lành tránh dữ, trước tiên phải biết sửa sai.

Sửa sai, Liễu Phàm tiên sinh đã đem những kinh nghiệm của bản thân ông, tại đây tỉ mỉ nói ra cho chúng ta, đặc biệt đề tỉnh chúng ta, chỉ cần còn một hơi thở, chỉ cần chịu sửa đổi, tội lỗi dù lớn hơn nữa cũng có thể tiêu trừ. Tiếp theo ông nói:

- Khi hơi thở dứt thì không thể sám hối

CHÁNH VĂN 85

“Đàn trần thế vô thường, nhục thân dịch vãn, nhất tức bất chúc, dục cải vô do hĩ”

(Nhưng thế gian vô thường, thân thể dễ hoại. Một khi hơi thở không còn nữa, muốn hối cải cũng đã muộn).

GIẢNG GIẢI

“*Trần thế*” là chỉ thế gian này. Không chỉ thân này của chúng ta vô thường, quốc độ cũng là vô thường⁵⁸. Phật trong kinh “Bát đại nhân giác”, ở đoạn đầu đã nói

⁵⁸ Đệ nhất giác ngộ: Thế gian vô thường, quốc độ nguy thuy, tứ đại khổ không, ngũ ấm vô ngã, sinh diệt biến dị, hư nguy vô chủ, tâm thị ác nguyên, hình vi tội tầu; như thị quán sát, tiệm ly sinh tử. (Trích Kinh Đại bát nhân giác)

Dịch Nghĩa:

Điều giác ngộ thứ nhất: Thế gian vốn vô thường, cõi nước rất mong manh, bốn đại lại khổ không, năm ấm là vô ngã, luôn sinh diệt biến đổi, giả dối không có chủ, tâm là nguồn việc ác, thân là rừng nghiệp tội; nếu quán sát như thế, lần lần là sinh tử.

với chúng ta: “*Thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy*”. Hai câu này là lời cảnh báo chân thật, thế gian là vô thường, biến đổi trong mỗi sát na, thân thể này của chúng ta rất dễ dàng mất đi. Thân người khó được mà dễ mất, một hơi không thở ra thì thân mạng đời này đã kết thúc rồi. Đến lúc này, bạn có muốn cải đổi cũng không có biện pháp nữa, chính là “*Dục cải vô do hĩ*” (muốn hồi cải cũng đã muộn) vậy.

- *Về dương thế: tiếng xấu đã mang không thể sửa*

CHÁNH VĂN 86

“Minh tắc thiên bách niên đām phụ ác danh, tuy hiếu tử từ tôn, bất năng tẩy dịch”.

(Trên dương thế mang tiếng xấu trăm ngàn năm, dù có con hiếu, cháu thảo vẫn không cách nào rửa sạch được)

GIẢNG GIẢI

Đây là luận theo thế tục, bạn tạo tác ác nghiệp quá nặng, tiếng ác của bạn truyền đến đời sau, người hậu thế nghe đến tên của bạn thì liền sanh lòng chán ghét.

Giống như trong lịch sử Trung Quốc, thông thường từ trên những bài nghiên cứu nhỏ, chúng ta xem thấy Tần Cối đời Tống: Đây là một người cả đời tạo tác ác nghiệp nặng nề, để lại tiếng xấu trăm ngàn năm, con cháu ông ta dù có hiếu đến đâu cũng không cách gì giúp ông ta rửa sạch tiếng xấu, đây là một ví dụ.

- *Dưới cõi âm: trăm ngàn kiếp đọa lạc, không thể cứu*

CHÁNH VĂN 87

“U tắc thiên bách kiếp trầm luân ngục báo, tuy thánh hiền Phật Bồ tát, bất năng viên dẫn, ô đặc bất úy”.

(Dưới cõi âm, trăm ngàn kiếp bị đọa vào địa ngục, dù chư thánh hiền, chư Phật, bồ tát có lòng thương xót cũng chẳng thể cứu được. Vậy không lo sợ sao được?)

GIẢNG GIẢI

Như vậy làm sao không sợ!

Thế gian lưu tiếng xấu, là một việc rất không vinh hạnh gì. Người hiền tại thường nói “vinh dự là sinh mạng thứ hai của con người”, con người xem trọng vinh dự như thế, kỳ thật đây chỉ là yếu tố thứ yếu.

Nghiêm trọng nhất là quả báo đời sau. Ác nghiệp tạo tác quá nhiều, tội thập ác ngũ nghịch, Phật tại trên kinh thời thời khắc khắc đều đề tỉnh chúng ta, đây là tội nghiệp đọa địa ngục A Tỳ.

- Địa ngục là vô cùng đáng sợ

Nói đến địa ngục, đó là nơi vô cùng đáng sợ. Phật tại trong “Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh” nói được rất rõ ràng, tạo tác tội nghiệp cực trọng, sẽ cảm lấy quả báo nơi địa ngục. Địa ngục từ đâu mà có?

Năm xưa lúc tôi mới học Phật, lão cư sĩ Chu Kính Trụ đã kể cho tôi một câu chuyện, đây là sự việc có thật. Nhạc phụ của ông là tiên sinh Chương Thái Viêm, lúc đó ở tại Bắc Kinh, ông ấy có một đoạn thời gian được Đông Nhạc Đại Đế mời làm phán quan.

Đây là nói đến có quỷ thần, chân thật là có! Đông Nhạc Đại Đế ở Thái Sơn tỉnh Sơn Đông của Trung Quốc, địa ngục trong sự quản hạt của ông có năm, sáu tỉnh, phạm vi quản hạt rất lớn. Cát hung họa phúc, sự sống chết của con người trong địa ngục này đều do ông chủ trì. Địa vị của Phán quan rất cao, tương đương với bí thư trưởng.

Đông Nhạc Đại Đế mời Chương Thái Viêm đến đảm nhiệm công việc này. Tiên sinh Chương Thái Viêm nói, buổi tối quỷ tốt mang kiệu đến, lúc đó không có xe, mang kiệu đến mời ông ngồi lên kiệu, ông liền đi làm việc. Ngày hôm sau, lúc tờ mờ sáng, ông mới xong việc, liền mang ông quay trở về. Ông ngày đêm đều không nghỉ ngơi, ban ngày ông tại nhân gian chúng ta làm việc, tối đến ông lại đến quỷ đạo làm việc.

Ông cũng thường thường đem những điều ông thấy được nghe được trong quỷ đạo kể lại cho một số bạn bè. Vua Diêm La so với Đông Nhạc Đại Đế vẫn còn cao hơn một bậc, có một lần, ông kể đến việc ông hỏi Đông Nhạc Đại Đế về hình phạt trong địa ngục, có một loại gọi là Pháo lạc, pháo lạc là đốt cột đồng cháy đỏ, rồi bắt tội nhân ôm lấy. Chương Thái Viêm nói:

- Hình phạt “Pháo lạc” đó quá tàn nhẫn, hi vọng Đông Nhạc Đại Đế hãy phát lòng từ bi, đem hình phạt này bỏ đi.

Đông Nhạc Đại Đế nghe xong câu nói này, gật gật đầu không nói gì. Rồi ông bảo:

- Ngài hãy đi quan sát đã, hãy đến hình trường xem xét trước đi.

Thế là Đông Nhạc Đại Đế liền phái hai tiểu quỷ đưa Chương Thái Viêm đến hình trường xem xét, ông liền đi xem. Sau khi đến nơi đó, tiểu quỷ liền nói với ông, chúng nói:

- Đây là hình trường, mời ngài xem.

Ông nhìn không thấy gì cả, thế là hốt nhiên đại ngộ, nguyên lai hình phạt trong địa ngục không phải là do Diêm La vương thiết lập, không phải do ông ta đặt ra, nên cũng không có cách gì bỏ đi. Vậy hình phạt này từ đâu mà có? Chính là do tội nghiệp của bạn chiêu cảm mà biến hiện ra. Cũng giống như người gặp phải ác mộng, tự làm tự chịu, hoàn toàn không phải là do người khác tạo ra bắt bạn phải chịu. Ông hoát nhiên đại ngộ, về sau ông không đề xuất vấn đề này nữa. Ông mới hiểu được đạo lý chân thật Phật nói trong kinh:

Tất cả mọi cảnh giới: cho dù là cảnh giới hoan hỷ, hay cảnh giới thống khổ, không một cảnh nào không phải là do tự tâm biến hiện ra, đây chính là Phật tại trên kinh Hoa Nghiêm nói: “Nhất thiết pháp, do tâm tướng sanh”, bao gồm thiên thượng, địa ngục, đều là “Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. “Tâm” chính là chân tâm của bạn, “thức” là vọng tâm, y theo vọng tâm mà tạo tác thiện nghiệp ác nghiệp. Tâm của bạn thiện lành; bạn làm việc thiện thì tự nhiên cảnh giới xuất hiện ra là chí thiện mỹ mãn. Tâm ác, niệm ác, hành vi ác thì cảnh giới hiện ra tự nhiên là tai nạn. Cho nên, thiên thượng là do tự tâm bạn biến hiện ra, địa ngục cũng là tự tâm chúng ta biến

hiện ra, hoàn cảnh sống hiện tại của chúng ta cũng vẫn là do tự tâm biến hiện ra.

Thế là có người liền hỏi:

- Tâm của tôi làm sao có thể biến hiện ra được cảnh giới như vậy?

Đây đích thực là một vấn đề then chốt.

Đây là vấn đề lớn trong nhà Phật. Nếu như có thể đem vấn đề này giải quyết, câu này có nghĩa là vấn đề gì bạn cũng đều có thể giải quyết được, đây gọi là từ căn bản mà giải quyết.

Vấn đề này được nói đến trong kinh Lăng Nghiêm, sở dĩ vậy nên nói: Khai trí huệ là Lăng Nghiêm, không sai! Ở đoạn đầu của kinh Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật cùng tôn giả A Nan thảo luận về “chân tâm”, “vọng tâm”, tâm ở tại chỗ nào, tâm có hình dạng ra sao, tâm có tác dụng gì? Kinh văn quá dài, bao gồm 10 quyển, thảo luận về vấn đề này. Cho nên thiền tông nói rằng: *“Nhược nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ”* (nếu ai biết được cái tâm, thì đại địa không còn tác đất)⁵⁹. Ý nghĩa của câu nói này là: Một người chân chánh có thể nhận thức “tâm” được rõ ràng minh bạch, thì thế - xuất

⁵⁹ “Nếu ai biết cái tâm, đại địa không tác đất”. Đây là nói về nhận biết cái tâm, vì sao một người nhận biết cái tâm thì đại địa không còn tác đất? Câu này có nghĩa là gì? Tâm là Chân Như bản tánh, đất là Tướng. Tâm ví như vàng, đất ví như đồ vật. Nếu quý vị nhận biết vàng, món đồ nào cũng đều là vàng, toàn thể là vàng, trong tâm mục của quý vị sẽ không còn có đồ vật nữa, ý nghĩa là ở chỗ này. (A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa - Phần 16 – tập 31)

thể gian tất cả mọi pháp bạn đều thông đạt không nghi ngại. Đây là sự thật.

Cho nên, nhất thiết pháp duy tâm tạo, nhất thiết pháp duy thức sở biến. Vì vậy, chúng ta không thể không lo sợ. Cảnh địa ngục hiện tiền, chư Phật Bồ Tát tuy rằng đại từ đại bi, liệu có thể cứu độ bạn được hay không? Nếu như bạn chấp mê bất ngộ, Địa Tạng Vương Bồ tát dù có từ bi hơn nữa cũng không cứu nổi bạn.

- Chúng sanh dù ở địa ngục Phật Bồ tát vẫn hết lòng cứu

Phật Bồ Tát đích thực là thường ở tại địa ngục để cứu giúp cho những khổ nạn chúng sanh, đau hòng nhọc lòng mà giáo hóa chúng. Người tiếp nhận nhất định phải giác ngộ, nhất định phải tin tưởng, có thể giải, có thể hành, như vậy anh ta mới có có hội thoát li khỏi khổ báo của địa ngục, sau đó mỗi tầng mỗi tầng không ngừng đề thăng lên.

Cho nên ân đức của Phật là lớn nhất, còn siêu vượt hơn cả cha mẹ. Cha mẹ đối với ta là ân đức trong một đời này, còn ân đức của chư Phật Bồ tát đối với chúng ta là đời đời kiếp kiếp, vĩnh viễn không thể xả ly. Chúng ta tạo tác tội ác có nghiêm trọng hơn, các ngài cũng không bỏ rơi chúng ta. Điểm này thực tại mà nói thật quá vĩ đại, là điều chúng ta nên hướng đến các ngài học tập. Lại xem kinh văn phía sau:

CHÁNH VĂN 88

“Đệ tam, tu phát dũng tâm”

(Thứ ba là phát tâm dũng mãnh).

GIẢNG GIẢI

3. Phải phát tâm dũng tâm

Dũng mãnh tinh tiến, sửa sai làm mới. Nói đến sửa sai, Liễu Phàm tiên sinh đề xuất ra ba tâm, ba tâm này chúng ta nhất định phải ghi nhớ.

Điều thứ nhất là «tâm tri sỉ» biết hổ thẹn, làm người không thể không biết hổ thẹn; Thứ hai là tâm kính úy; Thứ ba là tâm dũng mãnh.

Bạn nếu có thể có đủ ba tâm này thì việc sửa sai không khó nữa. Ông nói:

Thứ nhất: Đa số thoái chuyển vì qua loa, đại khái, không sửa

CHÁNH VĂN 89

“Nhân bất cải quá, đa thị nhân tuần thoái súc”

(Nhiều người không chịu sửa lỗi, đa số là vì qua loa biết lỗi mà không sửa nên bị thoái chuyển)

GIẢNG GIẢI

❖ “*Nhân tuần*” là qua loa đại khái. Bất luận làm việc gì cũng không nỗ lực, cho nên lỗi lầm của bạn khó sửa được.

❖ “*Thoái súc*” chính là thoái chuyển.

Đây chính là lí do tại sao con người không thể sửa sai, bao nhiêu người muốn sửa lỗi mà sửa không được, chính bởi 4 chữ “*Nhân tuần thoái súc*” (Qua loa đại khái nên bị thoái chuyển) làm chướng ngại.

CHÁNH VĂN 90

“Ngô tu phần nhiên chán tác, bất dụng trì nghi, bất phiền đẳng đãi”.

(Chúng ta cần phải phần chán dụng công, không chờ đợi, không trừ trừ, hoài nghi nữa).

GIẢNG GIẢI

Đây chính là dáng vẻ của tâm dừng mãi.

Thứ hai: Cái gì gọi là “dừng mãi”?

□ Không hề nghi sửa ngay

Cần phải phần chán lên, tuyệt đối không hề nghi, phải lập tức sửa sai.

Không nên nói rằng: “Lỗi lầm này đợi đến ngày mai, đợi đến năm sau hãy sửa”. Vậy thì bạn không cách gì sửa sai được. Phải lập tức sửa ngay, không được chần chừ.

CHÁNH VĂN 91

“Tiểu giả như mang thứ tại nhục, tốc dữ quyết dịch, đại giả như độc xà giao chỉ, tốc dữ trảm trừ, vô ti hào ngưng trệ, thử Phong Lô chi sở dĩ vi ích dã”.

(Phạm lỗi lầm nhỏ như bị gai đâm, phải nhể gai ngay tại chỗ; Phạm lỗi lầm lớn như bị rắn độc cắn ngón tay, phải chặt liền tức khắc, phải dứt khoát không chút chần chừ do dự. Làm được như vậy mới có ích lợi như quả Phong Lô vậy).

GIẢNG GIẢI

- **Dứt khoát làm ngay tức khắc, không chần chừ do dự**

Lỗi nhỏ cũng giống như gai đâm vào thịt, chúng ta phải nhanh chóng nhổ gai ra. Đây là chúng ta có kinh nghiệm.

Lỗi lớn ví như bị rắn độc cắn vào ngón tay, ngay lập tức phải đem ngón tay đó chặt đứt. Nếu như không chặt, nọc độc của nó chạy vào tim, sẽ khiến người mất mạng. Vào lúc đó, quyết không được do dự, phải làm ngay tức khắc, không tơ hào nghi ngại.

❖ *“Đây chính là lợi ích của hiện tượng Phong Lôì”*
(“Phong Lôì chỉ sở dĩ vi ích dã”):

“Phong Lôì” là một quẻ trong Kinh Dịch, đây là lấy hiện tượng trong đó, hiện tượng của mùa xuân gió thổi sầm rền, vạn vật sinh sôi, cho nên điều này có ích lợi, đó là “Phong Lôì ích” (*“Lợi ích của hiện tượng Phong Lôì”*).

Tại đây có thể hình dung được tướng trạng của việc dừng mảnh sửa sai, lập tức đoạn dứt.

CHÁNH VĂN 92

“Cụ thị tam tâm, tắc hữu quá tư cải, như xuân băng ngộ nhật, hà hoạn bất tiêu hồ”.

(Có đầy đủ ba tâm ấy, ắt lỗi lầm đều cải sửa được ngay, cũng như băng tuyết mùa xuân gặp mặt trời, há tội lỗi chẳng tiêu tan ư!).

GIẢNG GIẢI

Sửa lỗi cần phải có đủ ba cái tâm trên, sau đó bạn mới có thể sửa. Hai câu sau là tỉ dụ, thí như băng mùa

xuân, băng ngày xuân gặp phải ánh nắng mặt trời, mặt trời xuất hiện thì băng liền tan chảy. Đem băng tỉ dụ cho tội ác, lấy Thái dương chỉ cho tâm dừng mãi; dừng mãi sửa sai, thì lỗi lầm này của bạn liền tiêu trừ.

Mục C: PHƯƠNG PHÁP SỬA LỖI

CHÁNH VĂN 93

“Nhiên nhân chi quá, hữu tùng sự thượng cải giả, hữu tùng lý thượng cải giả, hữu tùng tâm thượng cải giả. Công phu bất đồng, hiệu nghiệm diệc dị”

(Tuy nhiên, tội lỗi có thể theo sự tướng, theo lý, hoặc theo tâm mà cải sửa. Dụng công không giống nhau thì hiệu quả cũng không tương đồng).

GIẢNG GIẢI

Đây là nói ba hiệu quả không tương đồng [do dụng công khác nhau như] có người từ trên SỰ mà sửa, có người từ trên LÝ mà sửa, có người từ trên TÂM mà sửa.

Tuy nhiên, chư vị cần phải biết, [dù là dùng phương pháp nào] cũng cần phải có đủ ba tâm [là si tâm, úy kính tâm và dừng mãi tâm] như phía trước đã nói. Nếu như không có ba tâm đó, bất luận là bạn từ trên phương diện nào cũng không có cách gì mà hạ thủ, đều là không đạt được hiệu quả.

Tiết 1: Phương pháp từ trên «sự» mà sửa

CHÁNH VĂN 94

“Như tiền nhật sát sanh, kim giới bất sát; tiền nhật nộ li, kim giới bất nộ; thử tụ kỳ sự nhi cải chi giả dã. Cường

chế ư ngoại, kì nan bách bội, thả bệnh căn chung tại, đồng diệt tây sanh, phi cứu cánh khuyếch nhiên chi đạo dã.”

- *Như ngày trước phạm lỗi sát sinh, ngày nay giữ giới không sát sinh nữa;*
- *Như ngày trước nóng giận mắng chửi, ngày nay giữ giới không nóng giận nữa.*

Như thế gọi là theo sự mà cải sửa vậy, chỉ miễn cưỡng kiềm chế từ bên ngoài, thực là khó trăm phần, vì bệnh căn vẫn còn, bởi nay ở bên đông hết tội, mai tội lại nảy sinh ra ở bên tây, cứu cánh không phải là đường lối hợp đạo lý, không trừ sạch được hết tội lỗi)

GIẢNG GIẢI

Đây là trước tiên nói về từ trên “sự” mà sửa. Từ trên sự mà sửa thì khó thành tựu, [vì] đây là một loại hành vi ép chế, chỉ tạm ngừng phạm lỗi mà thôi. [Cho nên] cách này đích thực là có giới hạn, có điểm bão hòa, sửa đổi không triệt để.

1. Dùng giới để ngăn ngừa “sự”

Cử ra một thí dụ, thí như trước đây bạn hay sát sanh, hiện tại đã phát tâm trì giới, bạn đi thọ giới, thọ ngũ giới: «Không sát sanh, Không trộm cướp, Không tà dâm, Không vọng ngữ, Không uống rượu». Bạn phát tâm trì giới, năm giới này giúp chúng ta đoạn trừ năm loại tập khí nghiêm trọng; vì tập khí quá nghiêm trọng nên đoạn trừ vô cùng khó khăn.

☐ Bạn hiện tại không sát sanh, bạn sẽ giữ giới không sát sanh này bao lâu?

☐ Lúc trước bạn thường hay nổi nóng, thích mắng người, hiện tại nhờ trì giới nên bạn không nóng giận nữa.

2. Dùng «SỰ» chỉ kiềm chế được bên ngoài vì gốc vẫn còn

❖ “Chỉ miễn cưỡng kiềm chế từ bên ngoài, thực là khó trăm phần” (“Cường chế ư ngoại, kì nan bách bội”):

Cử ra ví dụ này cho thấy đây là từ trên sự mà sửa, là một loại hành vi ép chế, rất khó khăn.

❖ “Vi bệnh căn vẫn còn” (“Bệnh căn chung tại”):

Gốc của bệnh căn vẫn còn. Tại sao?

Tại sao? Tham sân si mạn là gốc bệnh, đây là thứ [nếu dùng phương pháp từ sự] không thể đoạn trừ, cho nên một khi cảnh giới hiện tiền, tham sân si mạn sẽ lại khởi hiện hành.

[Tuy nhiên], có một số người thiện căn sâu dày, có thể đề phục xuống được.

[Còn] nếu người không đủ thiện căn, ngày ngày thường gặp phải nghịch cảnh quá lớn, thì không cách nào chế phục được.

[Cho nên] nếu chương duyên ít thì họ mới có thể làm được, có thể không chế được, nhưng nếu chương ngại lớn thì không có khả năng.

Phía sau nói:

3. Diệt được bên đông, lại mọc bên tây nên thường hay phạm giới

❖ “Lỗi này vừa trừ, lỗi kia lại sanh, đây không phải là phương pháp cứu cánh” (“đông diệt tây sanh, phi cứu cánh khuyếch nhiên chi đạo dã”).

Đây là từ trên sự mà sửa. Cho nên chúng ta cần phải liễu giải, người học Phật rất nhiều, đều có thiện tâm, đều muốn sửa sai, mọi người phát tâm đi thọ giới, sau khi thọ giới lại làm không được. Tôi gặp được không ít người, họ hỏi tôi:

- Thừa pháp sư, con đã thọ giới rồi, lại không làm được, lại phạm giới, phá giới, vậy phải làm sao?

Việc này thì khó.

Kế đến, Liễu Phàm dạy cho chúng ta từ trên lý mà sửa, lý luận - công phu này so với phía trước cao hơn một tầng.

Tiết 2: Phương pháp từ trên “lý” mà sửa

CHÁNH VĂN 95

“Thiện cái quá giả, vị cấm kỳ sự, tiên minh kỳ lý: Như quá tại sát sanh, tư tức viết: Thượng đế hiếu sinh, vật giai luyến mệnh, sát bĩ dưỡng kỳ, há năng tự an?”

(Người có thể sửa lỗi, khi còn chưa phạm cấm giới, trước hết phải biết rõ đạo lý. Ví như tội lỗi ở chỗ sát sinh thì nên tự nghĩ rằng “Thượng đế hiếu sinh, mọi vật đều yêu sinh mạng của mình, giết chúng để nuôi dưỡng thân mình, há có thể an lòng sao?”)

GIẢNG GIẢI

1. Trước phải hiểu rõ đạo lý

❖ “Người biết sửa lỗi, khi còn chưa phạm cấm giới, trước hết phải biết rõ đạo lý” (“Thiện cải quá giả, vị cấm kỳ sự, tiên minh kỳ lý”):

“Thiện” là biết; “Thiện cải quá giả” chính là người biết sửa lỗi.

Thứ nhất: Ví dụ về giới sát sinh

Nếu như chúng ta muốn nghĩ đến không sát sanh, trên mặt “sự” hoàn toàn chưa đoạn, ý nói hiện tại ta vẫn chưa bỏ được việc sát sanh. Trước tiên phải hiểu rõ vì sao không sát sanh, phải đem cái đạo lý này hiểu cho minh bạch.

❖ “Nhu tội lỗi ở chỗ sát sinh” (“Nhu quá tại sát sanh”): Chúng ta có cái lỗi sát sanh này.

❖ “Thì nên tự nghĩ rằng” (“Tur tức viết”): “Tur” là phải thường thường nghĩ:

Một là: Động vật giống ta đều yêu tiếc thân mạng

❖ “Thượng đế hiếu sinh, mọi vật đều yêu sinh mạng của mình, giết chúng để nuôi dưỡng thân mình, há có thể an lòng sao?” (“Thượng đế hiếu sinh, vật giai luyện mệnh, sát bỉ dưỡng kỉ, há năng tự an?”):

Trước đây, vì không ai dạy nên chúng ta hồ đồ, sau này không dám nghĩ đến việc này nữa.

Sau khi tiếp nhận sự giáo huấn của thánh hiền, chúng ta nghe được những lời giáo huấn này, thường thường ghi nhớ trong lòng.

Đích thực là trời có đức hiếu sinh, tất cả động vật, nào có đạo lý không yêu tiếc thân mạng của mình? Ngay cả đến muỗi kiến cũng đều tham sống sợ chết, chúng ta sao có thể nghĩ rằng giết chúng để nuôi dưỡng thân mình chứ, tâm chúng ta liệu có an ổn không?

Nếu như ngược lại, mọi người giết chúng ta để nuôi dưỡng họ, chúng ta có cam tâm tình nguyện hay sao? Phải thường thường phải nghĩ đến đạo lý này.

CHÁNH VĂN 96

“Thả bì chi sát dã; Ký thọ đồ cát, phục nhập đình hoạch, chủng chủng thống khổ, triệt nhập cốt tủy. Kỳ chi dưỡng dã, trân cao la liệt, thực quá tức không”

(Vả lại khi giết chúng, phải chặt, cắt, mổ xẻ cho vào nồi nấu nướng, chúng phải chịu bao nhiêu nỗi thống khổ đau đớn thấu nhập cốt tủy. Chúng ta sát hại chúng để nuôi dưỡng mình, để có la liệt những thứ cao lương mỹ vị miếng ngon vật quý, nhưng khi nuốt trôi khỏi cổ rồi thì giống như không)

GIẢNG GIẢI

Hai là: Đặt mình vào tình trạng con vật thống khổ khi bị giết

Bạn phải thường nghĩ đến trạng huống của động vật khi bị giết:

❖ *“Phải đã chịu chặt, cắt, mổ xẻ cho vào nồi nấu nướng”* (“Ký thọ đồ cát, phục nhập đình hoạch”): “Đình nhập” là bị nấu nướng trong nồi;

❖ “Chúng phải chịu bao nhiêu nỗi thống khổ đau đớn thấu nhập cốt tủy” (Chứng chùng thống khổ, triệt nhập cốt tủy): Chúng ta thử đặt mình vào vị trí của nó mà suy nghĩ, nếu như động vật đó là ta, ta bị người khác giết hại, sau đó bị họ nấu nướng, bị ăn thịt.

❖ “Chúng ta sát hại chúng để nuôi dưỡng mình, để có la liệt những thứ cao lương mỹ vị miếng ngon vật quý, nhưng khi nuốt trôi khỏi cổ rồi thì giống như không” (“Kỷ chi dưỡng dã, trăn cao la liệt, thực quá tức không”): Chúng ta phải thường thường nghĩ đến điều này.

■ Ví dụ của gia đình Hòa Thượng về việc sát sinh

Tôi là năm hai mươi sáu tuổi gặp được quyển sách này, sau khi đọc xong, tôi vô cùng cảm động. Cho nên sau khi tiếp xúc, đại khái là sau sáu tháng, tôi liền ăn chay trường. Tôi thường thường nghĩ đến “không nhẫn tâm ăn thịt chúng sanh”, luôn nghĩ đến những trạng huống này, thật đáng sợ! Lại nghĩ đến quả báo, mà thấy lạnh người.

Lúc trước, cha tôi còn sống, ông là quân nhân. Thời gian kháng chiến, trong nhà tôi súng ống rất nhiều. Lúc đó, tôi vẫn còn nhớ rất rõ, súng ngắn, súng dài, trong nhà tôi đại khái là có tám cái. Cha tôi rất thích săn bắn, khi còn nhỏ chúng tôi thường theo cha đi săn bắn, ngày ngày có đồ tươi để ăn. Nhưng sau khi kháng chiến thắng lợi, cái trạng huống mà cha tôi chết, cùng với trên kinh Địa Tạng nói hoàn toàn tương đồng. Ông ấy phát bệnh cuồng, nhìn thấy núi, ông liền chạy lên núi rất giống dã

thú, dáng vẻ của ông hoàn toàn giống với thú; thấy nước, ông liền chạy xuống khoan.

Phật tại trên kinh nói về quả báo của sát sanh, tôi đã đích thân nhìn thấy. Nghĩ tới tình cảnh của cha tôi từ lúc phát bệnh cho đến lúc tử vong, tôi vô cùng kinh sợ!

Bản thân tôi cũng săn thú ba năm, cũng giết không ít chúng sanh, cho nên nghĩ đến tình cảnh đó, lại đọc quyển sách này, tôi không dám nữa. Tôi bắt đầu từ năm 26 tuổi ăn trường chay, phóng sanh để chuộc lỗi, tội sát sanh trong quá khứ quá nặng.

Cho nên sau khi tôi học Phật, tôi chỉ làm ba việc:

- In kinh, là học Ấn Quang Đại sư;
- Phóng sanh để tiêu trừ tội nghiệp sát sanh;
- Bỏ thí thuốc men, xem thấy có rất nhiều người bị bệnh rất khổ, người nghèo không có khả năng mua thuốc, tôi mỗi tháng quyên một ít tiền để bỏ thí thuốc men. Tôi làm ba sự việc này, rất đơn giản, rất đơn thuần.

Ở đoạn này, văn tự nói rất hay:

Ba là: Thịt sau khi nuốt trôi xuống cổ cũng bằng không

❖ “*Kĩ chi dưỡng dã*” (Chúng ta sát hại chúng để nuôi dưỡng mình): Đây là nói tập quán sinh hoạt thường ngày của con người chúng ta.

❖ “*Trân cao la liệt*” (để có la liệt những thứ cao lương mỹ vị miếng ngon vật quý): Đây là nói món ăn của chúng ta

phong phú; bạn có nghĩ đến “*Thực quá tức không*” (sau khi nuốt trôi khỏi cổ cũng bằng không) hay không?

Chúng ta tham đồ mỹ vị, vì ai mà tham đồ? Chúng ta sát sanh ăn thịt, cũng là vì ai? Đầu lưỡi phân biệt được mùi vị, chẳng qua chỉ là ba tác lưỡi mà thôi, lại tạo tác vô lượng vô biện tội nghiệp, thật không đáng!

Đây là đạo lí, đây là sự thật, chúng ta đã chân thật nghĩ qua hay chưa?

Bốn là: Tiết chế ăn uống khỏe mạnh, trường thọ

▪ Ăn chay

Nếu như nói ăn chay không có dinh dưỡng, thức ăn chay có cản trở cho sức khỏe, tôi có thể làm chứng minh cho quý vị, tôi ăn chay đến nay đã tròn 50 năm, tôi một đời không có sinh bệnh, xác thực là khỏe mạnh trường thọ. Thể lực của tôi không suy, tình trạng sức khỏe cũng có thể duy trì được lâu dài, nguyên nhân tại vì sao? Vì ăn chay. Thực tại mà nói, tôi đối với cái sự việc dưỡng sinh vô cùng hàm hồ, không có tìm cầu, chân thật là không có hiểu biết. Duy chỉ có một điều đáng tiếc trên thân thể là răng của tôi không tốt. Răng của tôi không rụng, đều là răng tốt, chỉ là răng không đủ tiêu chuẩn. Nguyên nhân gì? Không biết cách bảo vệ răng. Đến năm ngoái, có một đồng tu đưa tôi đi khám răng, tẩy răng cho tôi. Bác sĩ tẩy răng nói với tôi rằng:

- Thừa pháp sư, răng của ngài rất tốt, bảo vệ được rất tốt. Đây là chỗ đặc lực của việc ngài ăn chay. Hơn bảy mươi tuổi, răng của người khác đều không bằng Ngài.

Ông ấy dạy cho tôi cách bảo vệ răng:

- Sau mỗi lần ăn, nhất định phải đánh răng, súc miệng, nhưng không dùng kem đánh răng. Kem đánh răng chỉ dùng vào hai lần sáng, tối. Bình thường súc miệng nhiều, đánh răng nhiều.

Cái này tôi không hiểu. Trước đây tôi chỉ là sáng sớm đánh răng một lần, buổi tối không đánh răng, cho nên đối với răng không có chiếu cố tốt. Nếu như tôi sớm gặp được vị bác sĩ đó, lúc trẻ biết cách bảo vệ răng, thì hiện tại răng của tôi cùng với người hai, ba mươi tuổi như nhau. Cho nên vị bác sĩ đó bảo tôi phải biết bảo vệ răng cho tốt. Tôi đã từng cho là rất tốt rồi, nhưng vẫn là chưa đủ tốt. Hiện tại tôi đã hiểu được, sau khi ăn cái gì, tôi liền đánh răng súc miệng. Trong kẽ răng nhất định không để tồn tại bất cứ thứ gì, điều đó rất dễ mang theo vi khuẩn. Răng tốt, hệ thống tiêu hóa của chúng ta mới tốt được, người mới có thể không sinh bệnh.

Ăn chay đối với sức khỏe có lợi ích rất lớn, đặc biệt là độ tuổi trung niên trở lên. Sau độ tuổi trung niên không biết chế độ trị liệu trên ẩm thực, đối với sức khỏe thân thể có ảnh hưởng rất lớn. Đây là từ chế độ ăn uống hàng ngày.

Chúng ta thường nói đến “Vệ sinh”: Người thế gian hiểu biết cần phải có vệ sinh, thế nhưng vẫn còn một điều quan trọng mà mọi người sơ suất, đó là cái gì? Vệ sinh

- Thế nào là “Vệ sinh”? Là bảo vệ tính tình tốt

“Sinh” là tính tình tốt, nó có ảnh hưởng đến tâm lí. Cho nên Islam giáo (Hồi giáo), ăn uống của họ rất có quy củ, có rất nhiều thứ họ không thể ăn. Tôi đã từng nghiên cứu giáo nghĩa của họ, tại sao lại không ăn? Nguyên nhân vì những động vật đó tính tình không tốt. Phàm là động vật, thực vật tính tình không tốt, họ đều không ăn. Tại sao? Sợ ảnh hưởng đến tính tình của mình. Họ biết giữ vệ sinh, bảo vệ tâm trạng tốt [“vệ” là “bảo vệ”], chúng ta ngày nay nói đến tâm trạng, đây là so với người thường cao minh hơn.

Về sau, tôi đọc kinh Phật, Phật nói được càng cao minh hơn, Phật nói ba điều, ngoại trừ nói cần có “vệ sinh”, còn có “vệ tánh”, “vệ tâm”;

- Thế nào là “Vệ tánh”, “Vệ tâm”? Là bảo vệ tâm từ bi, thiện lương

Là nhằm để bảo hộ tâm từ bi của chúng ta, bảo hộ tâm thiện lương của chúng ta. Cho nên, không ăn thịt của tất cả chúng sanh, điều này có đạo lí.

Nhà Phật xác thực là thông tình đạt lí, người thông thường chúng ta nói là, giáo học này hợp tình, hợp lí, hợp pháp, nhưng đây không phải là bất biến, nó rất sống động, chúng ta phải hiểu được đạo lí này.

■ **Về giới năm loại rau không ăn**

Trong các loại rau, nhà Phật có 5 loại không thể ăn, năm loại này gọi là “*Ngũ huân thái*”. Chư vị hãy thử

ngũ mà xem, chữ “*huân*” là bộ thảo (cỏ), “*huân*” không phải là thịt.

Thịt gọi là “*tinh*”, thịt sống nhà Phật gọi là “*huân tinh*”, điều này thì ngăn cấm (thịt là thuộc về “*tinh*”);

Còn “*huân*” là chỉ cho năm loại, năm loại rau, nhưng tổng thể đều là một loại: hành, tỏi, hẹ, nén, kiệu; năm loại này thì không được ăn. Tại sao không được ăn? Năm loại này ăn vào sẽ kích thích sinh lí, dễ phát tâm sân hận, bởi vì nguyên nhân là để ngăn ngừa nóng giận, cho nên phải ngăn trừ. Nấu thức ăn, mấy thứ này có thể sản sinh ra hooc-môn, dễ dẫn khởi tính dục, chính là nguyên nhân này, không phải là gì khác.

Nhưng nếu như chỉ dùng nó làm hương liệu, phối với rau thì có thể được. Tại sao? Nó không thể khởi dụng. Cho nên, nhất định phải hiểu được những cấm kị của nhà Phật dụng ý là ở tại chỗ này.

■ Về giới cấm uống rượu

Giới cấm uống rượu trong nhà Phật, ngũ giới là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Phật nói bản thân rượu không có tội, nhưng khi uống rượu say sưa bạn gây ra sát, đạo, dâm, vọng. Cho nên giới cấm rượu là phòng ngừa, bản thân nó không có tội, điều này chúng ta phải hiểu.

Tuy nhiên, khi nấu ăn nếu dùng hương rượu thì không sao cả. Hương rượu này, bạn phải biết rằng nó không thể làm say. Nhà Phật chế định những giới này đều thông tình đạt lí, đặc biệt giới rượu có khai duyên rất

nhiều, “khai duyên” tức là khai giới mà không phạm giới, trong một thời kỳ nhất định có thể uống rượu.

Trong giới kinh có nói, bảy mươi tuổi trở lên, tình trạng sức khỏe kém, máu huyết lưu thông chậm, mỗi bữa ăn đều có thể uống một li rượu. Tại sao? giúp cho máu huyết tuần hoàn, đây là dùng làm thuốc. Trong trung dược, có rất nhiều lúc dùng rượu làm dẫn dược, đều có thể dùng. Cho nên không phải nói cái gì cũng không được dùng.

Hiện tại có rất nhiều người trì giới, đối với những giới nhỏ nhất này trì giữ rất nghiêm, còn giới trọng thì khinh suất, điều này thì sai rồi, hoàn toàn làm sai rồi! Cho nên, cái sự việc này không thể không tỉ mỉ phân biệt, đừng nên chết cứng trên giới điều, nếu như vậy thì cái gì cũng hành không thông.

■ Giới luật là sống động, không khô cứng

Có người nói “giới điều giết người”, đây là do họ hiểu sai ý nghĩa của nó, xác xác thực thực là cách nghĩ cách nói của người thông thường. Họ không biết giới luật nhà Phật rất sống động, giới luật có “*Khai, Giá, Trì, Phạm*”⁶⁰. Bạn nhất định phải hiểu được tinh thần của nó,

⁶⁰ “Khai, Giá, Trì, Phạm”:

- 1) “Khai” là mở, cho làm.
- 2) “Giá” là cấm, không cho làm.
- 3) “Trì” là giữ gìn; như khi đã thọ giới rồi mà giữ gìn cho được thanh tịnh thì gọi là “Trì”.
- 4) “Phạm” là vi phạm; như đã thọ giới rồi mà không giữ gìn giới thì gọi là “Phạm”.

phải hiểu được Phật vì sao lại chế ra giới điều này. Giới này phải vận dụng như thế nào trong đời sống sinh hoạt hằng ngày, vận dụng ra sao dưới tình huống gì; nó sống động, linh hoạt. Bạn mới hiểu được, giới luật là đại tự do, giới luật là đại tự tại, là đoạn ác hành thiện. Minh bạch đạo lý này, chúng ta tự nhiên có thể chọn lựa ăn chay, hoan hỷ ăn chay.

Năm là: Dưỡng tâm, dưỡng tánh, dưỡng sinh

Dưỡng tâm là dưỡng tâm thanh tịnh, cần phải nuôi dưỡng tâm chân thành, tâm bình đẳng, tâm từ bi. Bạn phải biết dưỡng tâm, dưỡng tánh; lại hiểu được dưỡng sanh, giữ vệ sinh, thân thể bạn tự nhiên khỏe mạnh, bạn làm sao có thể sanh bệnh?

Tân Gia Ba có cư sĩ Hứa Triết, bà năm nay đã 102 tuổi, bà thường nói: “Chúng ta muốn trường thọ, chúng ta không muốn già, chúng ta không muốn bệnh”.

102 tuổi, mỗi ngày vẫn chiếu cố cho nhiều bệnh nhân nghèo khổ, mỗi ngày đều rất bận rộn.

Tóm lại, trong khi tu hành giữ giới luật, hành giả luôn luôn quan sát mỗi hành vi hàng ngày của mình xét xem một cách sáng suốt, thế nào là "Trì", thế nào là "Phạm"; trong trường hợp nào, và giới nào được "Khai"; Trong trường hợp nào, và giới nào không được "Khai"...

Nói một cách tổng quát khi đã thọ giới rồi thì phải "Trì". Nếu không "Trì" mà "Phạm". Tuy thế nếu vì lòng từ bi, vì lợi ích chung, hay vì trí huệ thúc đẩy, thì có thể "Khai" mà không phạm tội. Nhưng nếu vì tâm nhiễm ô, vì phiền não thúc đẩy mà "Khai" là "Phạm".

102 tuổi, ngoại trừ đầu tóc bạc phơ, răng chỉ rụng có một cái, tôi nhìn không ra bà có bệnh. Khỏe mạnh, hoạt bát, giống như người trẻ tuổi.

Cho nên tại Tân Gia Ba, mọi người đều biết “người thanh niên 102 tuổi”, đây là tấm gương đáng cho chúng ta học tập, noi theo.

Sáu là: Ăn rau, dưa cũng no

CHÁNH VĂN 97

**“Sơ thực thái canh, tấn khả sung phúc, hà tất tường
bĩ chi sanh, tổn kỉ chi phúc tai”**

*(Canh dưa cũng đủ no bụng, hà tất phải sát hại mạng
chúng sanh, làm tổn phúc báu của chính mình)*

GIẢNG GIẢI

Hà tất phải giết động vật khác để làm tổn hại phúc báu của mình ư? Đây quyết định là hành vi, suy nghĩ sai lầm. Hôm nay chỉ giảng đến đây thôi. A DI ĐÀ PHẬT

(VCD 09)

Chư vị đồng học, xin chào mọi người! Mời xem tiếp đoạn văn bên dưới:

Bảy là: Động vật đều có “linh tri”, đều cùng thể với ta

CHÁNH VĂN 98

**“Hựu tư huyết khí chi thuộc, giai hàm linh tri, ký hữu
linh tri, giai ngã nhất thể. Túng bất năng cùng tu chí đức, sử**

chi tôn ngã thân ngã, khởi khả nhật tường vật mạng, sử chi cừu ngã hám ngã, ư vô cùng dã. Nhất tự cập thử, tương hữu đối thực thương tâm, bất năng hạ yên giả hĩ”.

“Hơn nữa, những vật thuộc loại có huyết khí đều có linh tính, tri giác, mà đã có linh tính tri giác thì chúng cũng đồng một thể cũng giống y như chúng ta; dẫu chúng ta chưa tự tu được đến mức độ đạo đức thực cao làm cho chúng thân cận ta, tôn trọng ta, có sao hàng ngày sát hại sinh mạng chúng vật để chúng mãi mãi thù oán, cừu hận chúng ta. Nghĩ như vậy thì đối với miếng ăn thực cũng đau lòng mà khó nuốt trôi”

GIẢNG GIẢI

Đoạn này nói rất hay! Chúng ta phải thường nghĩ đến, những động vật này có máu, có hơi thở.

❖ *“Hơn nữa loài có khí huyết”* (Huyết khí chi thuộc) đều là nói về động vật, động vật đều có linh tri, đều có tri giác.

❖ *“Thì đều có linh tính và tri giác, đã có linh tính và tri giác thì đều cùng một thể với ta”* (“Ký hữu linh tri, giai ngã nhất thể”): Chúng ta biết vật chất là có giới hạn, “*Linh tri*” (“Linh tính và tri giác”) không có giới hạn, không có giới hạn mới biết là nhất thể.

■ Hư không pháp giới là chính mình

Đức Phật dạy, hư không pháp giới là hiện tượng của tâm chúng ta, là nhất thể với tâm chúng ta. Cũng chính là tâm hiển hiện ra như vậy, là hư không pháp giới. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta biến hiện ra chính là cõi nước và chúng sanh, bao gồm hiện nay gọi là hiện tượng tự nhiên.

Phàm phu tâm ý thô thiển, rất khó cảm nhận được hư không pháp giới với mình là nhất thể. Vì nó vốn là nhất thể, cho nên tất cả chúng sanh giữa người này với người kia đều có cảm ứng. Mức độ linh mẫn của cảm ứng, với tâm thanh tịnh, tâm ô nhiễm của chúng sanh, có thể nói là một tỷ lệ thuận. Tâm càng thanh tịnh, mức độ lân mẫn của cảm ứng càng mạnh.

Cho nên trong cảnh giới của Chư Phật Bồ Tát, tất cả chúng sanh trong hư không pháp giới đều khởi tác dụng cảm ứng đạo giao với họ. Có thể nói máy thu sóng của họ rất linh mẫn, dao động cực kỳ vi tế họ đều có thể nhận được.

Còn năng lực thu sóng của hàng phàm phu chúng ta rất kém. Năng lực tiếp thu của chúng ta vốn là tương đồng, bây giờ tại sao lại thua kém nhiều đến thế? Máy thu sóng của họ được bảo trì rất hoàn chỉnh, giống như mới vậy. Máy thu sóng của chúng ta, không biết bảo quản, rất nhiều trần cấu bám vào, dơ bẩn vô cùng, cho nên năng lực tiếp thu kém. Chỉ có dao động mạnh chúng ta mới cảm nhận được, dao động vi tế hoàn toàn không nhận được.

Tương tự giống như ví dụ này, nếu chúng ta thật sự có công phu tu dưỡng. Công phu tu dưỡng nghĩa là rửa sạch cấu uế trong tâm, khôi phục đến bản năng của mình, như vậy năng lực tiếp thu của chúng ta không có gì khác với Chư Phật Như Lai. Hư không pháp giới, quá khứ, vị lai, tất cả mọi hiện tượng cực kỳ vi tế, chúng ta đều rõ ràng minh bạch. Công cụ tiếp thu này không cần máy móc, không cần nhục thể. Chư vị phải biết rằng, năng lực tiếp thu không phải nhục thể, mà là “linh tri”.

■ “Linh tri” có tướng chăng?

Thông thường chúng ta nói linh tri không có tướng, trong kinh Đức Phật cũng nói như thế. Cách nói này là nói với phàm phu, phàm phu có thể lý giải. Tức là tùy theo trình độ của họ, thường thức của họ mà nói, không phải Chư Phật Bồ Tát tự nói.

Chư Phật Bồ Tát ở cùng nhau nói, “linh tri” có tướng. Sắc này chính là sắc tướng, sắc tướng này gọi là “Vô biểu sắc”⁶¹. Hay nói cách khác, “nhãn”, “nhĩ”, “tỷ”, “thiệt” của chúng ta, cho đến “ý” đều không thể cảm nhận được, nên đây gọi là “vô sắc”. Thật ra “vô sắc” vẫn là có sắc, chẳng qua là chúng ta không nhìn thấy sắc này, Phật Bồ Tát thấy được. Lời này rất khó hiểu, chúng ta dùng một ví dụ để nói.

Ví dụ con người đều nằm mộng, tôi hỏi quý vị trong mộng có sắc tướng chăng? Chúng ta thử nghĩ tường tận xem, không thể nói không có sắc tướng. Vì sao vậy? Vì sau khi tỉnh mộng, hồi ức về cảnh giới trong mộng này rất rõ ràng. Tôi mộng thấy những người nào, họ làm những gì, mộng thấy tình hình sinh hoạt trong cuộc sống, giống như thật vậy, sao không có sắc tướng được? Đã có sắc tướng. Khi quý vị nằm mộng, người bên cạnh vì sao không nhìn thấy? Do đó chúng ta có thể lãnh

⁶¹ Một loại sắc pháp, cấu tạo rất nhỏ, mắt thường không thể thấy được, vì không lộ liễu ra ngoài. Vd, Tịnh sắc căn thuộc loại vô biểu sắc (X. tịnh sắc căn).

Hình dáng bề ngoài của con mắt thì ai cũng có thể thấy được, như con người, lông trắng, tinh cầu mắt... nhưng dây thần kinh mắt, thật sự có năng lực thị giác (thấy), thì mắt không thấy được, vì được cấu tạo bằng loại vật chất thanh tịnh.

hội được Đức Phật nói về “vô sắc giới”, “vô sắc giới” giống như cảnh giới trong mộng, cảnh giới trong định. Bản thân rất rõ ràng minh bạch, nhưng người ngoài không cảm nhận được. Người khác ở cùng với ta, bất luận họ tỉnh hay là cùng ngủ như mình, họ không thể nào đi vào trong mộng của ta, họ không thấy được cảnh giới trong mộng của ta, đạo lý chính là như vậy. Nhưng nếu là người có công phu, nghĩa là nói người tâm địa thanh tịnh, thanh tịnh đến trình độ nhất định, quý vị nằm mộng, họ ở bên cạnh có thể nhìn thấy.

Trong truyện ký hay tiểu thuyết chúng ta thấy, những lời này là thật không phải giả. Mọi người đọc sách có thể đều đã đọc tiểu thuyết truyền kỳ Hoàng Lương Mộng. Lão đạo này là một người tu hành, có định công, lúc ông nhắm mắt ngồi thiền, bên cạnh có vị tú tài đang ngủ say nằm mộng. Sau khi tỉnh mộng, đạo sĩ này nói với anh ta, trong mộng anh ta đã làm gì, làm gì. Ông ta biết hết, làm sao biết? Ông ta nhìn thấy. Cảnh giới trong mộng là tâm biến hiện ra, ông nhìn thấy.

Từ những điều này chúng ta có thể lãnh hội được, sắc có sắc thô, có sắc hiển, rất rõ ràng, có sắc cực kỳ vi tế. Phàm phu chúng ta không thể thấy được, không thể lãnh hội được. Như vậy chúng ta mới có thể tin thiên định thậm thâm của Phật Bồ Tát. Tâm thanh tịnh của họ, mức độ thanh tịnh đó chúng ta không thể tưởng tượng được. Trong cảnh giới đó của họ, ý niệm cực kỳ vi tế của tất cả chúng sanh, hiện tượng cực kỳ vi tế, họ đều thấu triệt thông đạt. Cho nên biết “linh tri” và “ta” là nhất thể, linh tri đã là nhất thể, sắc tướng cũng là nhất thể.

■ Động vật nhỏ bé cũng có cảm ứng

❖ “*Dẫu chúng ta chưa tự tu được đến mức độ đạo đức thực cao*” (“Túng bất năng cùng tu chí đức”): Bản thân chúng ta không thể đưa tiêu chuẩn đạo đức của mình, tu đến cứu cánh viên mãn, vì sao vậy? Vì khi đạo đức đạt đến trình độ này, những động vật nhỏ này đều tôn trọng quý vị, đều yêu thương quý vị.

❖ “*Làm cho chúng thân cận ta, tôn trọng ta*” (Sử chi tôn ngã thân ngã): “Thân ngã” chính là yêu thương, [cho nên chúng] tuyệt đối không đến quấy nhiễu ta, chúng ta phải có đức hạnh để cảm hóa họ.

Sau khi đại sư Ấn Quang 70 tuổi, những loài động vật nhỏ trong phòng đều không còn, trùng, kiến, gián, bọ chết không tìm thấy con nào. 70 tuổi đạo đức tu dưỡng đạt đến tiêu chuẩn này, những loài động vật này đều rất kính ngưỡng đại sư. Đều đến bảo hộ ngài, sao có thể quấy nhiễu được?

Chúng ta từng thấy cũng từng nghe, bản thân cũng phải nỗ lực tu tập. Hiện nay chúng ta tu vẫn chưa đủ, vì sao biết? Vì trong môi trường sống của chúng ta vẫn còn các động vật nhỏ này. Chính mình cũng có thể nghiệm, có thể chứng minh những gì cổ nhân nói là sự thật. Vì chính mình đoạn ác tu thiện, tâm địa ngày càng lương thiện hơn, ngày càng thành khẩn hơn, ngày càng thanh tịnh hơn, ngày càng từ bi hơn. Chúng ta làm một cách rất siêng năng, rất nỗ lực.

- Làm thế nào để biết mình tu đã đủ đức hạnh hay chưa?

Nhìn từ đâu? Nhìn từ các loại động vật nhỏ nơi môi trường sống, chúng ít đến làm phiền chúng ta, số lượng ít, số lần ít. Đây là niềm an ủi lớn đối với chúng ta, thiện đức của mình đang tăng trưởng. Nhưng vẫn chưa đủ, vì sao biết? Vì chưa hết hẳn. Nhưng mình có niềm tin, hai ba năm sau môi trường sống của chúng ta hết hẳn các loại động vật nhỏ này.

Chúng ta tuyệt đối không được khởi ý niệm đuổi chúng đi, đương nhiên càng không có ý giết hại chúng, chúng ta yêu thương động vật. Mỗi ngày ta tụng kinh niệm Phật, tu tập tích lũy công đức cũng đều hồi hướng cho chúng, xem chúng giống như anh chị em của mình. Chúng ta quan tâm chúng, chúng cũng sẽ quan tâm chúng ta, đều có cảm ứng rất rõ ràng. Chúng ta tôn trọng chúng, chúng cũng tôn trọng chúng ta. Chúng ta kính yêu chúng, chúng cũng kính yêu chúng ta.

■ Thực vật cỏ cây hoa lá đều có cảm ứng

Không chỉ là động vật, đến thực vật như cây cỏ hoa lá đều có cảm ứng.

Chúng ta yêu thương chăm sóc chúng, chúng sinh trưởng thật tươi tốt, hoa nở rất đẹp rất thơm, nó dùng cách hồi báo này để cúng dường chúng ta. Rau và hoa quả chúng ta trồng, khi cần chúng ta có thể hái dùng, như vậy là sao? Đó là chúng cam tâm tình nguyện đến cúng dường. Chúng ta phải có tâm thương yêu đối với chúng.

Bây giờ chúng ta phát hiện, người phương tây thường nói, thực vật thích âm nhạc, đúng là như vậy.

Cho nên trong vườn rau chúng tôi mở âm nhạc, âm nhạc là để cúng dường cho những thực vật này. Bây giờ chúng tôi đổi từ mở nhạc sang mở niệm Phật, mở băng giảng kinh, chúng cũng biết nghe.

Trên núi Toowoomba⁶², chúng tôi tự trồng có mướp, đại khái cũng không ít chủng loại, pháp sư Ngô Khiêm chuyên môn chăm sóc chúng. Có một tối mướp thác mộng cho sư nói “Mướp rất lớn, rất già sao thầy còn chưa đến hái?”. Đến ngày thứ hai, thầy Ngô Khiêm đến tìm quả nhiên tìm thấy một trái mướp rất lớn, thật sự nó đã già. Sau khi hái xuống, chỉ còn cách là để làm giống. Mướp cũng có thể thác mộng, kêu Ngô Khiêm đi hái bởi nó đã già. Thực vật đều có linh tánh, hướng gì động vật?

Cho nên chúng ta nhất định phải hiểu, nhất định phải sống trong thế giới yêu thương, phải sống trong thế giới biết ơn, phải sống trong thế giới hợp tác lẫn nhau, cuộc sống này tốt đẹp biết bao! “Chân thiện mỹ tuệ” không phải là khẩu hiệu, chúng ta có thể thực hiện nó, chúng ta có thể khế nhập vào cảnh giới này, còn niềm vui nào bằng mà không làm?

⁶² **Toowoomba** (biệt danh là "Thành phố Vườn) là một thành phố ở miền Nam Queensland, Australia. Nó có cự ly 127 km (79 dặm) phía tây của thủ phủ bang Queensland [Brisbane](#). Với một dân số khu vực ước tính 128.600 người, Toowoomba là nội địa lớn thứ hai của Úc và là thành phố nội địa không phải là thủ phủ lớn nhất. Dân số [vùng Toowoomba](#) năm 2009 là 159.000 người.

Là một thành phố đại học và nhà thờ, thành phố Toowoomba tổ chức Carnival Australia Hoa, và lễ phục sinh được tổ chức hàng năm vào cuối tuần lễ Phục sinh. Có hơn 150 công viên công cộng và các khu vườn ở Toowoomba¹. Nó đã phát triển thành một trung tâm khu vực cho các dịch vụ kinh doanh và chính phủ.

Tám là: Vì sao lại sát hại sinh mạng, ăn thịt chúng?

❖ “Cớ sao hàng ngày sát hại sinh mạng chúng vật để chúng mãi mãi thù oán, cừu hận chúng ta. Nghĩ như vậy thì đối với miếng ăn thực cũng đau lòng mà khó nuốt trôi” (“Khởi khả nhật tương vật mạng, sử chi cừu ngã hám ngã, ư vô cùng dã. Nhất tư cập thử, tương hữu đối thực thương tâm, bất năng hạ yên giả hĩ):

▪ **Sát sinh là kết oán thù với những động vật này**

Vì sao ngày ngày sát hại sinh mạng để nuôi sống chính mình? Những động vật này không phải chúng cam tâm tình nguyện để quý vị ăn. Quý vị sát hại chúng, chúng hận quý vị, vậy là đã kết oán thù với chúng, oán thù này đời đời kiếp kiếp không bao giờ dứt.

Trong kinh Đức Phật thường nhắc nhở chúng ta, ăn nó nửa cân đời sau trả tám lạng, người chết vì trâu, trâu chết vì người, đời đời kiếp kiếp trả nợ lẫn nhau, điều này đáng sợ biết bao! Đây là ngu si đến tận cùng.

▪ **Chướng ngại của hành giả đều từ sát sinh mà kết oán**

Cho nên một người tu hành, trên đường đạo bồ đề có rất nhiều chướng ngại. Chướng ngại từ đâu mà có? Đều là từ vô lượng kiếp đến nay, cho đến trong đời này kết rất nhiều oan cừu oán hận với loài hữu tình và vô tình, tạo thành rất nhiều chướng ngại.

Ngay nay chúng ta may mắn, được đọc sách thánh hiền, được nghe giáo huấn của thánh hiền. May còn có một chút thiện căn phước đức, nghe xong, đọc xong, thâm tín không nghi, y giáo phụng hành, chân thành tinh

tân nỗ lực thực hành, mới chứng minh giáo huấn của cô nhân chân thật bất hư.

Đức Phật dạy chúng ta Tín, Giải, Hành, Chứng, sau cùng nhất định phải chứng thật, do đó chân tướng sự thật được rõ ràng. Chúng ta thường nghĩ đến điều này, đặc biệt là lúc ăn uống, quý vị nghĩ đến sẽ không nhân tâm ăn thịt chúng sanh, đây là đạo lý nhất định.

Liễu Phàm tiên sinh lại nói tiếp:

Thứ hai: Ví dụ về nổi tâm sân hận

CHÁNH VĂN 99

“Như tiền nhật háo nộ, tất tư viết: Nhân hữu bất cập, tình sở nghi căng, bội lý tương can, ư ngã hà dữ, bản vô khả nộ giả”.

(Nếu ngày trước thường hay nổi giận, thì phải suy ngẫm: Nếu người còn điều chưa phải, về tình phải nên thương cảm; Hoặc họ làm điều trái với luân lý đều có nguyên nhân, duyên cớ không phải từ ta, đâu có điều đáng nổi giận đây?).

GIẢNG GIẢI

Điều này phải nhìn thật仔細:

Một là: Vì sao ta nổi giận? Vì người đắc tội với ta

Vì sao ta hay nổi giận? Đương nhiên là thấy người khác làm việc sai, đắc tội với mình mình mới nổi giận.

Hai là: Vì sao người đắc tội với ta?

Vì sao họ làm việc sai? Phải suy nghĩ tường tận, người này hủy báng tôi, sỉ nhục tôi, tổn thương tôi, ta nên suy nghĩ xem vì sao họ có những hành vi này?

- Vì họ không hiểu nên mới hiểu lầm ta:

Giữa chúng ta không có sự câu thông tốt đẹp, mới sinh ra hiện tượng như thế. Điều này không thể trách họ.

- Vì chính ta cũng có điều không phải

Hoặc cho dù mình đúng hoàn toàn, lỗi đều do họ, thì liên quan gì đến ta, hà tất phải nổi sân? Đặc biệt là trong xã hội hiện tại của chúng ta, thấy rất nhiều người làm việc sai quấy, khiến bản thân chúng ta đôi khi cảm thấy không chịu đựng được.

- Vì họ không có người dạy – Không nên trách cứ họ

Trong Kinh Vô Lượng Thọ Đức Phật nói rất hay, Đức Phật dạy chúng ta, vì sao những người này có hành vi như thế? “*tiên nhân bất thiện, bất thất đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã*” (nghĩa là: Người đời trước chẳng lành, chẳng biết đạo đức; [cha ông] không bàn đến [thì con cháu chẳng biết gì] thật chẳng có gì là lạ!”). Đức Phật nói lời này ôn hòa biết bao! Những người này là cha mẹ họ, trưởng bối họ không hiểu nhân nghĩa đạo đức, không dạy dỗ họ thật tốt. Bởi vậy họ mới phạm lỗi lầm, mới làm những việc trái với pháp luật kỷ cương.

Chúng ta nhìn thấy, nghe thấy cần phải tha thứ cho họ, đừng trách cứ họ. Tâm như thế hòa bình biết bao, tâm

lượng này vĩ đại biết bao! Chúng ta cần phải học tập, không được trách cứ họ.

▪ **Hoặc có được dạy nhưng dạy chưa thật tốt**

Cho dù đã dạy nhưng họ vẫn phạm lỗi, chúng ta cũng phải tự kiểm điểm lại. Ta dạy chưa tận tâm, ta dạy chưa đủ viên mãn, ta dạy họ vì sao họ không thực hành?

Đừng đem hết lỗi lầm đẩy cho người khác, cần phải suy nghĩ kiểm điểm lại chính mình.

Như hiện nay có rất nhiều bậc làm cha mẹ gặp tôi đều nói:

- Thầy ơi bây giờ con cái không biết nghe lời.

Rất nhiều thầy cô giáo đến nói với tôi:

- Thầy ơi học sinh bây giờ không chịu nghe lời.

Tôi trả lời rằng, tôi nói:

- Con cái và học trò của quý vị không có lỗi, do quý vị chưa dạy thật tốt, sao có thể trách chúng được?

▪ **Vì hoàn cảnh bên ngoài quá nhiễu ô**

Không sai, hoàn cảnh xã hội hiện nay vô cùng ác liệt, tà tri tà kiến dẫn đến tà hạnh nhan nhản khắp thế gian, làm gì có chuyện lớp trẻ không bị huân tập sự ô nhiễm? Đây là nhân tố ngoại lai khiến hiện nay lớp trẻ rất khó dạy.

Nhưng nhân tố ngoại lai này chúng ta làm sao dùng nội tại chân thành để khắc phục nó.

Ba là: Làm thế nào để thay đổi họ?

■ Dùng tâm chân thành để cảm động họ

Cổ nhân nói không sai: “*Dùng ý chí chân thành để làm, vàng đá nào mà không tan*” (“Tinh thành sở chí, kim thạch vi khai”). Chúng ta lại suy nghĩ xem, đến những động vật nhỏ như kiến và gián đều có thể cảm động, cây cỏ hoa lá cũng có thể cảm động, con người há không thể cảm động ư?

Không thể cảm động là chân thành của chúng ta chưa đạt. Nếu chúng ta có thể tự kiểm điểm như vậy thì quá tốt, nhất định sẽ nâng cao đức hạnh của mình. Duy chỉ có nâng cao đạo đức của mình, mới có thể cảm hóa lớp thanh niên thời hiện đại này. Chúng ta không có đạo đức thanh cao, một mực trách cứ lớp trẻ, trừng phạt lớp trẻ, đây không phải cách. Phương pháp giáo dục này, trừng phạt không phải là phương pháp tốt nhất. Cách tốt nhất là cảm hóa. Là chính mình phải dùng lòng yêu thương chân thành, lòng yêu thương thanh tịnh bình đẳng để cảm hóa tất cả chúng sanh.

■ Muốn hóa độ người trước hết phải tự độ được mình

Phật Bồ Tát đối với súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục đều có thể cảm hóa họ, đều có thể dẫn dắt họ biết quay đầu hướng thiện, hướng gì chúng sanh hữu tình của thế gian? Chúng ta phải nghĩ rằng, chỉ trách công phu đức hạnh của mình chưa đủ, tuyệt đối không được trách

người khác không tiếp nhận cảm hóa. Như vậy mới có thể thành tựu chính mình, thành tựu người khác.

Trong kinh Đức Phật dạy: *“Chưa tự độ được mà đi độ người, không có chuyện này”* (“Vị năng tự độ, nhi năng độ người, vô hữu thị xứ”). Câu này nói rất hay. Muốn hóa độ người khác, cần phải thành tựu đức năng của mình. Duy chỉ có đức năng mới có thể cảm hóa người khác, mới có thể hóa độ chúng sanh. Trong kinh điển Đức Phật nói viên mãn như thế, rõ ràng như thế, người đọc tụng kinh điển như chúng ta không được lơ là.

Chúng ta không thể thành tựu, đúng như những gì ở đây Liễu Phàm tiên sinh nói, là *“Qua loa đại khái”* (“Nhân tuân”), *“Tâm ý thô thiển”* (“Thiển lậu tướng”). Tiến thêm bước nữa ông dạy chúng ta:

CHÁNH VĂN 100

“Hựu tự thiên hạ, vô tự thị chi hào kiệt; diệc vô vu nhân chi học vấn, hành hữu bất đắc, giai kỳ chi đức vị tu, cảm vị chí dã”.

(Lại nghĩ rằng thiên hạ đâu có hào kiệt nào mà tự cho mình hơn người, chẳng có chỗ sai trái; cũng không có học vấn dạy ta gây điều oán hận cho người; Mình làm chưa đến nơi đến chốn, việc chưa thành tựu, đều do ta tu đức chưa đủ, mà cảm ứng chưa đến mà thôi)

GIẢNG GIẢI

Bốn là: Hào kiệt không có ai tự cho mình không có lỗi

Đây đều là những gì tôi vừa mới nói.

❖ *“Lại nghĩ rằng thiên hạ đâu có hào kiệt nào mà tự cho mình hơn người, mà chẳng có chỗ sai trái”* (“thiên hạ, vô tự thị chi hào kiệt”): Phàm những ai tự cho mình hơn người, ngoan cố, người này tuyệt đối không phải anh hùng hào kiệt. Khen họ là anh hùng hào kiệt, đó chỉ là khen ngợi mà thôi, hữu danh vô thực. Anh hùng hào kiệt thật sự, tuyệt đối không tự cho mình hơn người.

Chúng ta xưng Phật là “đại anh hùng”, trong chùa nơi đại điện thờ Phật gọi là Đại Hùng Bảo Điện, chúng ta xưng ngài là đại anh hùng. Phật có tự cho mình hơn người chẳng? Không có! Ngài giảng kinh thuyết pháp cho chúng sanh, nhưng ngài nói bản thân mình không có nói một lời nào. Không nói một lời nào mà nói suốt 49 năm, đây là nguyên nhân gì? Những gì ngài nói đều không phải của ngài, là của ai? Của cổ Phật nói.

Không phụ tử dạy học một đời, cũng nói những gì ông dạy không phải ý của mình. Suốt đời ông chỉ là *“thuật nhi bất tác”* (“Chỉ thuật lại mà không sáng tác”), những gì ông nói đều là giáo huấn của cổ thánh tiên hiền.

Quý vị xem, họ đều khiêm tốn như thế! Tuyệt đối không tự cho mình hơn người, tuyệt đối không thêm ý mình vào trong đó, đây mới thật sự là anh hùng hào kiệt.

Năm là: Cũng không có học vấn nào dạy thù oán người

❖ *“Cũng không có học vấn nào dạy ta gây điều oán hận cho người”* (“Diệc vô vu nhân chi học vấn”):

“Vu” nghĩa là oán hận. Học vấn của thánh hiền nhân tuyệt đối không làm sanh khởi tự tư tự lợi của người khác, tuyệt đối không làm người khác sanh khởi

tham sân si mạn, tuyệt đối không dạy quý vị hại người khác để lợi ích mình, học vấn của thánh hiền không có những điều này. Một cái nói từ “*nhân*”, một cái nói từ “*học*” nghĩa là “*học vấn*”.

Sáu là: Làm không được do ta tu đức chưa đến nơi chốn

❖ “*Mình làm chưa đến nơi đến chốn, việc chưa thành tựu, đều do tự mình chưa dày công tu phúc, tu đức*” (“Hành hữu bất đắc, giai kỷ chi đức vị tu”): Quay lại chúng ta kiểm điểm bản thân, chúng ta phải kiểm điểm lại mình, đích thực đạo đức của chúng ta không có tu, chúng ta không đủ chân thành, cho nên chúng ta không cảm hóa được người khác.

Chúng ta phải siêng năng kiểm điểm lại những điều này. Muốn giúp xã hội, giúp người khác, giúp xã hội an định hòa bình, giúp tất cả chúng sanh hạnh phúc mỹ mãn. Bắt đầu làm từ đâu? Bắt đầu từ tu đức của mình.

- Quý vị không có đức học thật sự, làm sao để cảm hóa chúng sanh!
- Bản thân còn có một chút tự tư tự lợi, chưa buông bỏ ý niệm về danh văn lợi dưỡng, làm sao để cảm động chúng sanh? Làm sao có thể hành Bồ Tát đạo?

Những lời này mỗi một câu đều là lời chân thật.

Bấy là: Dùng tu đức để giảm thiểu thiên tai họa hại

- Xã hội ngày nay đều dự đoán tai họa sẽ xảy ra

Bây giờ mọi người đều biết thế gian có không ít người đều tin vào những lời dự ngôn ngày xưa. Tôi nghe rất nhiều đồng tu từ Âu châu về nói, người Âu châu đều rất tôn kính, tin tưởng nhà dự ngôn nhà chiêm tinh Nostradamus⁶³ thế kỷ thứ 16, họ đều xem nhà dự ngôn này như thánh nhân. Dự ngôn của ông nói là nói thế kỷ này của chúng ta có đại thiên tai. Trong Thánh Kinh của Đạo Cơ Đốc gọi là “Tận thế”, trong Kinh Cô-ran của đạo Islam cũng nói đến “Ngày tận thế”, đại khái đều là ở trong giai đoạn này.

Chúng ta xem những cuốn sách này, nghe những lời này, cũng âu lo bất an!

Chúng ta làm sao có thể may mắn vượt qua thảm họa này; Làm sao giúp người thế gian vượt qua cửa ải khó khăn này; Chúng ta muốn giúp thế gian này giảm nhẹ hoạn nạn, có khả năng này chăng?

- Làm sao vượt qua thảm họa này? Tu dưỡng đạo đức

Hôm nay chúng ta đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, biết rằng đáp án là khẳng định, có thể. Với đạo đức tu dưỡng

⁶³Nostradamus (ngày 14 tháng 12 năm 1503 – ngày 2 tháng 7 năm 1566) là tên La-tinh hóa của Michel de Nostredame, bác sĩ và nhà tiên tri người Pháp.

Đồng thời ông cũng là tác giả cuốn sách "Những lời tiên tri" (Les Propheties), một bộ sưu tập những lời tiên đoán của ông được xuất bản năm 1555.

của mình, chính mình có thể vượt qua. Nhà Phật nói: *“trong cộng nghiệp có bất cộng nghiệp”*, bản thân chúng ta có thể vượt qua. Bản thân chúng ta có năng lực vượt qua. Vậy phải giúp rất nhiều chúng sanh khổ nạn.

Giúp họ như thế nào? Nhất định phải lấy đức hạnh, phải lấy học vấn để cảm hóa họ, khiến họ giác ngộ, khiến họ thấu triệt, khiến họ sám hối, cũng có thể đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, như vậy có thể hóa giải thiên tai này. Mặc dù không thể hóa giải hoàn toàn, cũng có thể giảm nhẹ mức độ thiên tai, rút ngắn thời gian thiên tai. Hiệu quả này chính là công đức rất lớn, chúng ta cần phải siêng năng nỗ lực thực hành.

Làm sao tu dưỡng đức hạnh của mình, trong sách này đưa ra rất nhiều ví dụ. Chúng ta lãnh hội tường tận, không ngừng cân nhắc. Ở dưới ông lại đưa ra một ví dụ:

Tám là: Trường hợp bị người phỉ báng thì sao?

CHÁNH VĂN 101

“Ngô tất dĩ tự phản, tắc báng hủy chi lai, giai ma luyện ngọc thành chi địa; ngã tương hoan nhiên thụ tứ, hà nộ chi hữu?”

“Ta phải tự kiểm điểm, dẫu có bị người phỉ báng, đó cũng là nơi ngọc được mài dũa mà thành; ta cứ vui vẻ mà đón nhận, có sao phải nổi giận làm chi?”

GIẢNG GIẢI

1- Là cơ hội để đá được mài dũa thành ngọc

Chúng ta nên tự phản tỉnh, tự xét lại mình, nếu có những điều phỉ báng, phê bình điều kia tiếng nọ thì nên coi đó là những lời chỉ dạy để mình rèn luyện mài dũa tâm trí, tu tập cho đạt được thành quả, nên hoan hỷ nhận, hà tất phải phát sân phát hận.

2- Quá trình “đá được mài dũa thành ngọc”

Bước 1: Không oán hận

Điều này mỗi người chúng ta từng giây từng phút đều gặp, chúng ta có thể làm được chăng? Người khác ác ý hủy báng mình, nghe xong ta có thể không hề sanh khởi tâm oán hận chăng? Đây là công phu.

Có người ra bên ngoài nói lời thị phi hủy báng tôi, có đồng tu đến nói với tôi;

- Người đó nói xấu thầy, hủy báng thầy.

Họ vừa mở lời, tôi liền không cho họ nói thêm nữa, họ cảm thấy vô cùng kinh ngạc! Họ hỏi:

- Vì sao vậy, thưa thầy?

Tôi nói với họ:

- Tôi hy vọng tâm mình giữ được ấn tượng tốt nhất đối với người đó. Tôi không hy vọng đem bất thiện và nhiều ngôn hạnh của họ để trong tâm mình, tôi không muốn, tôi vĩnh viễn nhớ ưu điểm của người khác, nhớ điều thiện của người khác. Mắt tôi nhìn thiên hạ đều là người thiện, đều là người tốt. Tuyệt đối không để bất

thiện của người khác vào tâm mình, biến tâm mình thành bất thiện, tổn thất này quá lớn.

Người nói xấu tôi, người phá hoại tôi, trước đây đối với tôi rất tốt, tôi mãi mãi cảm ân họ, mang đức họ. Về sau vô số đều bất thiện, đó là có nhân tố khác, trong nhân tố này đa phần là hiểu lầm.

Vì sao trước đây họ tốt với tôi, bây giờ lại không tốt với tôi? Vì trước đây tôi đối với họ có lợi ích, bây giờ hình như tôi đối với họ không có lợi ích gì. Từ phương diện lợi và hại, tâm lý, thái độ, ngôn hành đều thay đổi, sự thay đổi này tôi biết rõ.

Bước 2: Dùng tâm chân thành để cảm động họ

Trước đây tôi tốt với họ, bây giờ đối với họ càng tốt hơn, là do họ không hiểu. Vì sao vậy? Vì trong mắt họ chỉ có lợi và hại của danh văn lợi dưỡng.

Hôm nay tôi đã tiến thêm một bước, bây giờ tôi hoàn toàn là nói về đức hạnh.

○ Tha thứ

Trên mặt đạo đức được nâng cao, về danh lợi tôi buông bỏ. Tôi đối tốt với họ nhưng họ không hiểu, lại sinh ra hiểu lầm, tôi cần phải tha thứ cho họ.

○ Xem như việc này chưa từng xảy ra

Nói tha thứ cho họ, là tâm tôi đã rất nhỏ, đã là sai, hoàn toàn không có như thế. Điều này có thể phát sinh ở nơi khác, trong mắt tôi vĩnh viễn chưa từng phát sinh.

Chúng ta mới có thể trở về với tự nhiên, trở về với thiên tánh.

Vì sao cư sĩ Hứa Triết sống đến 102 tuổi mà mạnh khỏe như thế, mà còn trẻ như thế? Suốt đời không sanh bệnh, còn có thể phục vụ cho chúng sanh khổ nạn trong xã hội. Bà phục vụ cho những người già, thật ra những người già đó nhỏ hơn bà rất nhiều. Người già bảy tám mươi tuổi, còn bà hơn 100 tuổi lại còn phục vụ cho họ, nguyên nhân là gì? Vì trong tâm bà không xen vào chút ý niệm bất thiện nào.

Tuyệt đối không cho phép có chút bất thiện nào chạy vào tâm ta, ta cần phải phòng phạm. Trong tâm ta chỉ dung nạp tâm thiện, hành thiện, đức thiện của tất cả chúng sanh, đây mới là tu dưỡng đạo đức chính mình.

○ Duy trì lòng yêu thương, dù là người ác

Một người ở thế gian, hy vọng suốt đời mình đều có thể duy trì được tâm chân thành, đều có thể mãi mãi duy trì lòng yêu thương, yêu thương tất cả chúng sanh.

- Người yêu thương mình, mình yêu thương họ không khó;

- Người hận mình, mình yêu thương họ, đây mới gọi là công phu thật sự, đức hạnh thật sự, học vấn thật sự.

Chúng sanh tạo tội thập ác ngũ nghịch, ta vẫn chân thành bình đẳng yêu thương họ, vì ta biết họ có Phật tánh.

Câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh nói: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người lúc ban sơ bản tính vốn thiện). Ta biết tánh họ vốn thiện, chân tâm chân tánh của họ vốn thiện, ta tôn kính họ, yêu thương họ.

Họ nhiễm những tập khí bất thiện, đó không phải thật, điều này có thể sửa. Chỉ cần nhất niệm hồi đầu, họ chính là thiện nhân, khôi phục “bản lai” của họ. Những đạo lý và chân tướng sự thật này không thể không biết.

Bước 3: Trải nghiệm công phu mình đến đâu

Chúng ta gặp người hủy báng, sỉ nhục, hãm hại, ta phải cảm kích, vì sao vậy? Vì từ trong cảnh giới này, khảo nghiệm công phu mình rốt cuộc đạt đến trình độ nào.

Nếu như còn có một niệm tâm xấu ác, có một niệm không vui, bản thân lập tức phải quay đầu sám hối, mình chưa đủ đức hạnh, vì sao không chịu được thử thách.

○ Bị hủy báng vui vẻ đón nhận, nổi giận làm chi

Cho nên chắc chắn là “*Vui vẻ mà đón nhận, có sao phải nổi giận làm chi?*” (“Hoan hỷ thọ tứ, hà nộ chi hữu?”):

Người ta đối với tôi như thế, tôi dùng thái độ này đối với họ, dần dần truyền đến đối phương, đối phương sẽ cảm kích, sẽ quay đầu hướng thiện. Đây là ta cứu mình, cũng đã cứu người khác.

○ Có tâm báo thù là hại mình, hại người

Nếu ta vừa nghe người khác hủy báng liền nổi nóng, liền có tâm báo thù, oan oan tương báo biết bao giờ dứt. Đây là tự hại mình, hại người.

Đạo lý này không khó hiểu, lợi hại được mất của điều này cũng không khó hiểu lắm. Thử suy nghĩ tư duy nhiều một chút, chúng ta có thể tự cứu, cứu người, tự độ độ tha, như vậy còn có gì vui hơn mà không làm?

Liễu Phàm tiên sinh nói tiếp:

CHÁNH VĂN 102

“Hựu văn báng nhi bất nộ, tuy sàm diễm huân thiên, như cử hỏa phán không, chung tương tự tức”

(Nghe lời phỉ báng mà không nổi giận, lời gièm pha dẫu như lửa muốn hun đốt cả bầu trời, nhưng cũng chỉ là mồi lửa giữa không trung, rồi tự tắt mà thôi)

GIẢNG GIẢI

3- Không nổi giận thì sự phỉ báng cũng sẽ tự hết

❖ **“Nghe lời phỉ báng mà không nổi giận” (“Hựu văn báng nhi bất nộ”):**

Từ lúc tôi còn trẻ đã học được, tôi hiểu rõ ràng mình bạch. Hình như là năm ngoái, pháp sư Ngô Đạo fax cho tôi một số báo và tạp chí của Đài Loan, viết cho tôi một lá thư. Đây đều là những người xuất gia ở Đài Loan, chỉ thẳng vào tên tôi, hủy báng tôi, nhục mạ tôi. Nói tôi đề xướng bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ là tội rất lớn,

khiến rất nhiều người niệm Phật đi vào mê lầm, họ viết một bài văn rất dài. Pháp sư Ngô Đạo tìm một nhóm đồng học viết bài phản bác lại, tôi lập tức gọi điện nói với ông:

- Cứ mặc kệ họ, chúng ta đừng nói gì cả, vì sao vậy? Vì họ nói mệt rồi sẽ không nói nữa, không liên quan đến tôi! Họ viết báo cứ mặc cho họ viết, họ viết rồi cũng có lúc mệt, chúng tôi hoàn toàn không có chút phản ứng nào.

Thầy Ngô Đạo cũng nhẫn nhịn, tốt, nghe lời, chúng ta cứ mặc kệ họ, bây giờ không phải không có chuyện gì ư?

Về việc mắng người, nên biết rằng hai người càng mắng càng hăng, nếu một người mắng còn một người không nói gì. Đến sau cùng mắng mệt tự nhiên họ không mắng nữa;

Còn người kia ngồi đó rất thoải mái, ở đó làm gì? Ngồi nghe nhạc. Người nào cao, người nào thấp? Người bàng quan, người đó có tu dưỡng, còn người kia kém phong độ.

Người phê bình, chúng ta cần gì phải nói? Huống gì mắng người rất mệt, nổi giận tổn thương rất nghiêm trọng cho thân thể. Cư sĩ Hứa Triết nói “Một lần nổi giận, ba ngày chưa hồi phục được”, vậy tại sao phải nổi giận?

4 - Làm thế nào để không nổi giận? Xem như họ mắng người khác

Nghe họ mắng mình quý vị cảm thấy rất khó chịu, vậy họ mắng người khác tại sao quý vị không thấy khó chịu?

Họ mắng tôi Tịnh Không, Tịnh Không là giả danh, rất nhiều người đều có thể gọi Tịnh Không, tôi hà tất phải nhận? Người ta mắng, quý vị tiếp nhận, vậy là quý vị đại, ngu si! Nếu quý vị nghe xong, giống như họ mắng người khác vậy, không liên quan đến mình, tâm bình khí hòa. Nổi oan này liền được hóa giải, hiểu lầm đối với mình cũng được hóa giải, không cần để ý đến họ.

Chín là: Người đánh mình mình không đáp trả

Đánh nhau cũng như vậy, hai người càng đánh càng hăng. Nếu một người đánh còn người kia không đánh trả, người kia đánh mấy cái cảm thấy rất ngượng ngùng. Nếu đánh tiếp thì người ta không đánh trả, còn không đánh lại cảm thấy khó coi.

Phương pháp này rất có hiệu quả đối với người thích đánh nhau, tôi từng dùng: Lúc trẻ tôi gặp một vài người bạn hay nổi giận, họ đánh tôi tôi không đánh trả. Họ đẩy tôi ngã, tôi liền nằm xuống đất không đứng lên. Người xung quanh nhìn thấy, họ ở đó rất khó coi không biết phải làm gì, muốn đánh cũng không đánh được, không đánh hình như cũng không cách nào thu hồi. Chiêu này của tôi rất cao minh, không cần tranh với người khác, nhất định duy trì tốt tình hữu nghị. Hy vọng thời gian lỗi lầm, ngộ nhận này rút ngắn lại, còn tình hữu

ngộ được vĩnh viễn trường cửu. Đây là đạo lý làm người, giúp chính mình, thành tựu người khác.

Mười là: Nghe lời dèm pha cũng không biện minh

❖ “Lời gièm pha dẫu như lửa muốn hun đốt cả bầu trời, nhưng cũng chỉ là mối lửa giữa không trung, rồi tự tắt mà thôi” (“Tuy sàm diếm huân thiên, như củ hỏa phần không, chung tương tự tức”):

Cho nên tất cả những lời sàm bậy đều không còn, không cần chúng ta biện minh. Càng biện luận càng rắc rối, không được biện minh, tự nhiên sẽ hóa giải, cách này rất hay! Hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

(VCD 10)

Chư vị đồng tu, xin chào mọi người, mời xem tiếp văn tự phía sau:

■ Biện hộ là tự trói buộc mình

CHÁNH VĂN 103

“Văn báng nhi nộ, tuy xảo tâm lực biện, như xuân tà tác kiến, tự thủ triển mộ, nộ bất duy vô ích, thả hữu hại dã”

(Nếu nghe những lời phỉ báng mà nổi giận. Dù hết lời biện hộ, chẳng khác nào như con tắm nắng vào mùa xuân, tự trói buộc mình mà thôi. Vậy mới nói tức giận không chỉ là vô ích mà còn tự hại mình)

GIẢNG GIẢI

Sự việc này, chúng ta trong đời sống sinh hoạt thường ngày hay gặp phải, bản thân chúng ta phải đề cao cảnh giác, ngàn vạn lần không được để hoàn cảnh xoay chuyển, như vậy thì tổn thất của chúng ta quá lớn rồi.

■ Tức giận tổn hại sức khỏe

Một lần nổi sân hận, bất luận thời gian dài hay ngắn, tức là nói chỉ một giây đồng hồ giận ngủi như thế, đã làm tổn hại trên sinh lí, trên tâm lí của chúng ta, cần phải mất thời gian ba ngày mới có thể phục hồi lại tâm thanh tịnh. Chư vị nghĩ thử xem, nếu như mỗi ngày đều phát nộ khí, đối với sức khỏe của bạn có tổn hại quá lớn rồi, điều này thật không đáng chút nào.

■ Không thể vừa lòng tất cả mọi người

❖ “Nghe những lời phỉ báng” (“Văn báng”):

Người khác hủy báng chúng ta, đây là điều không thể tránh miễn được, chúng ta cùng mọi người qua lại với nhau, thực tại không cách gì khiến cho tất cả đại chúng đối với ngôn ngữ, hành vi của chúng ta cảm thấy mãn ý.

■ Phật còn bị người hủy báng huông hờ ta

Không chỉ có phàm phu chúng ta làm không được, mà ngay cả Thích Ca Mâu Ni Phật cũng làm không được. Phật lúc còn tại thế, thường hay có người tìm đến Ngài gây sự, hủy báng, vũ nhục, thậm chí là hãm hại Ngài; như có Đề Bà Đạt Đa, trong nội bộ tăng đoàn có 6 chúng tỳ kheo đến gây phiền nhiễu, bên ngoài có “Lục sư

ngoại đạo”⁶⁴ tất cả đều là Thế Tôn tại thế gian này làm một tấm gương tốt cho chúng ta.

Phật dùng tâm bất động, tâm chân thành, thanh tịnh, từ bi mà xử lý, đây là điều mà chúng ta phải học tập.

❖ “Dù hết lời biện hộ, chẳng khác nào như con tầm nhả tơ, tự trói buộc mình mà thôi” (“Tuy xảo tâm lực biện, như xuân tầm tác kiên, tự thủ triển mộ”):

Cho nên, nếu như chúng ta nghe thấy người khác hủy báng mình, mà vẫn nổi tâm sân hận, thậm chí là bản thân còn cực lực phản biện lại, đây là bạn tự tìm phiền não.

⁶⁴ Sáu vị luận sư lớn chủ trương lý thuyết trái với Phật pháp ở miền Trung Ấn vào thời Phật Thích-ca Mâu-ni:

1. San-xà-da Tì-la-chi-tử (zh. 珊闍耶毘羅胝子, pi. sañjaya-velaṭṭhiputta): chủ trương chủ nghĩa hoài nghi;
2. A-kì-đa Sí-xá-khâm-bà-la (zh. 阿耆多翅舍欽婆羅, pi. ajita-kesakambarin): chủ trương duy vật luận;
3. Mạt-già-lê Câu-xá-lê (zh. 末伽梨拘舍梨, pi. makkhali-gosāla): chủ trương thuyết định mệnh;
4. Phú-lan-na Ca-diếp (zh. 富蘭那迦葉, pi. purāṇa-kassapa): phủ nhận giá trị chân thật của thiện ác, do vậy không quý trọng đạo đức;
5. Ca-la-cưu-đà Ca-chiên-diên (zh. 迦羅鳩駄迦旃延, pi. pakudha-kaccāyana): giải thích sự hiện hữu của thế giới thông qua 7 yếu tố cơ bản;
6. Ni-kiền-đà Nhã-đề-tử (zh. 尼乾陀若提子, pi. nigaṇṭha-nātaputta): người sáng lập Kỳ-na giáo, theo chủ thuyết tương đối.

(theo kinh Tạp A-hàm quyển 43, kinh Tiễn mao thuộc Trung A-hàm quyển 57).

Cho nên, Liễu Phàm tiên sinh tại đây có cử ra một ví dụ “*Giống như con tằm về mùa xuân kéo kén tự ràng buộc mình*”, thực tại bất tất phải như thế.

❖ “*Vậy mới nói tức giận không chỉ là vô ích mà còn tự hại mình*” (“Nộ bất duy vô ích, thả hữu hại dã”):

Mười một là: Cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn là làm sao không nổi giận

Hai câu nói này là danh ngôn rất chí lý, chúng ta hi vọng bản thân trong một đời sống được hạnh phúc mỹ mãn, bạn phải ghi nhớ “*Làm sao để trong một đời luôn không nổi giận*”, đây là công phu tu dưỡng đã đạt đến cảnh giới.

Nổi giận, vừa mới nói là đối với thân tâm của chúng ta đều có tổn hại; cũng có hại cho đối phương, cả hai bên đều có hại, cả hai đều không có lợi ích gì cả.

■ Với mình - Nhẫn chịu định huệ tăng trưởng

Nếu như chúng ta có thể nhẫn chịu, có thể dùng tâm bất động mà xử sự, bản thân chúng ta có được lợi ích. Có được lợi ích gì? Định huệ tăng trưởng.

Phước đức của một người là do định huệ mà có, định huệ tăng trưởng thì phước đức tăng trưởng; định huệ là nhân, phước đức là quả.

■ Với người – nhẫn chịu sẽ không kết oán

Đối với đối phương cũng có lợi ích, chúng ta không có tâm oán hận, không có tâm báo thù, không cùng với anh ta kết oán cừu.

Cho nên tự, tha lưỡng lợi, đây là Bồ Tát đạo, là Bồ Tát học, chúng ta cần phải nỗ lực học tập.

■ Lúc ban đầu phải hết sức nhẫn, sau sẽ tự nhiên

Đương nhiên, lúc sơ học nhất định sẽ có khó khăn, nhưng bản thân chúng ta nhất định phải hiểu được đạo lý này, cần phải khắc phục những khó khăn của bản thân, dần dần có thể làm được một cách tự nhiên. Lúc ban đầu phải hết sức nhẫn nại, về sau làm được tự nhiên hơn.

Ở đây cử ra hai ví dụ để nói:

2. Gặp lỗi làm phải bình tĩnh sáng suốt để thấy lý của nó

CHÁNH VĂN 104

“Kỳ dư chủng chủng quá ác, giai đương cú lý tự chi; Thử lý ký minh, quá tương tự chi”

(Mỗi lần gặp lỗi làm ta đều phải bình tĩnh sáng suốt để thấy lý của nó, khi lý đã rõ thì việc làm lỗi tự động sẽ dứt).

GIẢNG GIẢI

❖ *“Mỗi lần gặp lỗi làm ta đều phải bình tĩnh sáng suốt để thấy lý của nó”* (“Kỳ dư chủng chủng quá ác, giai đương cú lý tự chi”).

Chúng ta trong đời sống hằng ngày đối người, đối sự, đối vật, sai lầm vô số, ác hạnh quá nhiều, đều phải thường nghĩ đến đạo lý này, phải thông tỏ nghĩa lý của nó.

3. Lý rõ thì việc làm lỗi tự hết

❖ *“Khi lý đã rõ thì việc làm lỗi tự động sẽ dứt”* (“Thử lý ký minh, quá tương tự chi”):

Bạn chỉ cần đem đạo lí này hiểu cho thông đạt, hiểu cho minh bạch, lỗi làm tự nhiên tiêu trừ. Đây là phương pháp thứ hai của sửa lỗi, phương pháp này so với phương pháp phía trước thù thắng hơn nhiều.

Lại xem Liễu Phàm tiên sinh nói đến phương pháp thứ ba:

Tiết 3: Phương pháp từ tâm mà sửa

CHÁNH VĂN 105

“Hà vị tùng tâm nhi cải? quá hữu thiên đoan, duy tâm sở tạo, ngộ tâm bất động, quá an tùng sanh?”

(Thế nào là sửa trong tâm? Lỗi làm thiên hình vạn trạng đều do tâm tạo. Nếu tâm ta không động thì thiện ác đâu mà sanh?)

GIẢNG GIẢI

Đây là đại đạo lí, đây là đạo lí cứu cánh.

1. Khởi tâm động niệm chính là lỗi làm

Lỗi làm của con người quá nhiều, nói không thể hết được! Lỗi làm bất tất nói là chính bạn tạo tác, chỉ cần khởi tâm động niệm sai trái thì liền hình thành tội nghiệp.

Thử hỏi bản thân: chúng ta mỗi ngày từ sáng đến tối chúng ta khởi lên bao nhiêu vọng niệm, bao nhiêu vọng niệm tự tư tự lợi, bao nhiêu vọng niệm tổn người lợi mình? Những lỗi làm họa hại này đều là “Duy tâm sở tạo”, trong tâm bạn khởi tâm động niệm.

Thứ nhất: Các pháp môn tu trong Phật pháp đều sao không khởi tâm động niệm

Chư vị ngàn vạn lần không nên hiểu sai ý này, nếu cho rằng tu thiền định trong nhà Phật chỉ có thiền tông, vậy thì bạn sai rồi. Chỉ cần là Phật pháp, bất luận là đại thừa hay tiểu thừa, hiển giáo hay mật giáo, tông môn giáo hạ, rất nhiều tông phái, vô lượng vô biên pháp môn, nhà Phật thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, tổng tất cả lại mà nói, đều là tu thiền định. Cho nên, thiền định là tu hành trong nhà Phật, không luận là pháp môn nào đều cùng chung một nguyên tắc, chỉ là phương pháp không giống nhau.

Thí như nói: Mật tông dùng phương pháp trì chú; Tịnh tông dùng phương pháp niệm A Di Đà Phật để tu thiền định: Là phương pháp trì danh, cũng dùng phương pháp quán tưởng, dùng phương pháp quán tượng; Trong Giáo hạ có phương pháp đọc tụng kinh điển, có phương pháp trì giới. Phương pháp rất nhiều, không một phương pháp nào không phải là tu thiền định, nếu như không phải tu thiền định thì đó không phải là Phật pháp. Đây là sự thật chúng ta phải hiểu cho rõ ràng minh bạch.

Thứ Hai: Cái gì gọi là “định”? Là tâm không động trước cảnh

Chính là nói, tâm trong tất cả cảnh giới: thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên (thiện duyên, ác duyên là danh từ trong nhà Phật - chính là nói hoàn cảnh đối người, đối sự). Thiện duyên chính là cùng với rất nhiều người thiện ở chung một chỗ; Ác duyên là cùng với rất nhiều người tạo ác ở chung một chỗ, gọi là hoàn cảnh nhân sự. Nếu như chân thật đắc định rồi, vô luận là

trong bất cứ hoàn cảnh nào, chỉ cần bản thân không động tâm, không động niệm, đó đều gọi là thiền định. Cho nên:

Thứ Ba: “Nếu tâm ta không động thì thiện ác đâu mà sanh” (“Ngô tâm bất động, quá an tùng sanh”):

Lỗi lầm từ chỗ nào mà đến? Khởi tâm động niệm chính là lỗi lầm, chỉ cần chúng ta trong tất cả các cảnh giới, đối người, đối sự, đối vật để luyện tâm, luyện tâm bất động, luyện được không khởi tâm động niệm.

2. Làm thế nào để tâm không động?

Thứ nhất: Về nguyên tắc dùng câu “A DI ĐÀ PHẬT” đề vọng niệm xuống

Trong tất cả mọi phương pháp, thực tại mà nói, phương pháp niệm Phật là cách tốt nhất, tiện lợi nhất, dễ dàng nhất.

Tại sao? Ý niệm vừa động, lập tức “A Di Đà Phật”, dùng câu Phật hiệu A Di Đà Phật để đem vọng niệm đề phục xuống, dụng ý của niệm Phật là ở tại chỗ này.

Nếu như một mặt niệm Phật, một mặt khởi vọng tưởng, vậy thì bạn hoàn toàn sai rồi.

Niệm Phật đúng cách là dùng câu Phật hiệu để chế phục vọng niệm. Cũng chính là nói, dùng một niệm này thay cho tất cả vọng niệm.

Ý niệm không thể không khởi, nếu như bạn không khởi vọng niệm, vậy thì bạn là Thánh nhân, bạn không

phải phạm nhân. Người phạm phu đối mặt với hoàn cảnh bên ngoài, nào có đạo lý không khởi vọng niệm chứ?

Cho nên cổ đại đức thường nói: “Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”. Bạn phải giác ngộ nhanh; giác ngộ nhanh chính là liền đem vọng niệm chặn đứng lại.

Phương pháp của Tịnh độ tông, chính là dùng một câu Phật hiệu để đem nó chuyển đổi lại, niệm vừa mới khởi lên, bất kể niệm đó là thiện hay ác, ngay lập tức giữ lấy câu Phật hiệu để thay thế chúng, để trong tâm chúng ta chỉ có một niệm, không cho niệm thứ hai khởi lên, đây gọi là niệm Phật, đây gọi là công phu. Làm được lâu dài như vậy, ý niệm tự nhiên không khởi lên nữa, công phu của bạn được đắc lực; nếu như vẫn cứ khởi niệm, công phu của bạn không đắc lực. Giống như ngày ngày đọc sách, rất dụng công đọc sách, nhưng đi thi đều không đậu, bạn không có được thành tích.

Cho nên người học Phật, người tu hành (tu hành chính là tu chỉnh lại những tư tưởng sai lầm của chúng ta; tu chỉnh lại những hành vi sai lầm của chúng ta). Chúng ta hôm nay có được phương pháp trì danh niệm Phật, dùng phương pháp này trong tất cả thời, tất cả xứ, bảo trì thanh tịnh tâm của chúng ta. Cho nên câu này ý nói, giữ cho chúng ta không tạo ác nghiệp.

Phía sau cử cho chúng ta ví dụ:

Thứ Hai: Cách đề vọng niệm như thế nào? Nhất tâm hướng thiện

CHÁNH VĂN 106

“Học giả vu hao sắc, hao danh, hao hóa, hao nộ, chủng chủng chư quá, bất tất trục loại tâm cầu, đản đương nhất tâm vi thiện, chính niệm hiện tiền, tà niệm tự nhiên ô nhiễm bất thượng, như thái dương đương không, vô lượng tiềm tiêu».

(Người học Phật, thường hay tham sắc, tham danh, tham hưởng thụ vật chất, lại thường nổi nóng. Mỗi mỗi việc sai, bất tất phải sửa từng điều một, chỉ cần một lòng hướng thiện, chánh niệm hiện tiền, thì tà niệm liền không thể khởi tác dụng được, như mặt trời mọc lên thì quỷ quái phải tìm đường lẩn trốn)

GIẢNG GIẢI

❖ “Người học Phật, Thường hay tham sắc, tham danh, tham hưởng thụ vật chất, lại thường hay nổi nóng” (“*Học giả, U hao sắc, hao danh, hao hóa, hao nộ*”):

“Học giả” là chỉ người học Phật, là học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật tuy rằng bây giờ không còn trụ thế nữa, nhưng kinh điển của Phật còn tại thế gian, chúng ta y cứ vào phương pháp, lý luận trên kinh điển mà tu học, đây đều là học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật.

Người học sửa lỗi lầm như tham danh, tham sắc, tham tài, tham lợi. “Hóa” chính là hưởng thụ vật chất;

Những sự việc này, phạm phu chúng ta khó mà cưỡng lại được. Trước những cảnh này, tâm tham của chúng ta khởi lên: tham sắc, tham danh, tham hưởng thụ;

tâm sân khuê của chúng ta phát ra nộ khí, tham sân si hiện tiền, đây chính là lỗi lầm, đây gọi là tạo nghiệp. Lúc này thì phải làm sao?

❖ “Mỗi mỗi việc sai này, không cần phải sửa từng điều một, chỉ cần một lòng hướng thiện, chánh niệm hiện tiền, thì tà niệm liền không thể khởi tác dụng được”

Một là: Ý niệm khởi lập tức chuyển thành A DI ĐÀ PHẬT

Chỉ cần có ý niệm này liền lập tức chuyển thành A Di Đà Phật

Đem ý niệm háo sắc diệt trừ;
Đem ý niệm ham danh buông bỏ,
Đem ý niệm tham đồ hưởng thụ đoạn sạch,
Đem ý niệm sân giận cũng dập tắt.

Công đức của niệm Phật là ở tại chỗ này.

Dùng phương pháp khác cũng có thể, nhưng phương pháp niệm Phật là tiện lợi nhất, đơn giản nhất, cũng có hiệu quả nhất.

Pháp môn tông phái trong nhà Phật có rất nhiều, tôi cũng đã từng chọn lựa qua, nhưng cuối cùng, tôi vẫn là chọn pháp môn này. Pháp môn này giản đơn dễ dàng, cũng vô cùng có hiệu quả - Chính là đem vọng tưởng, ý niệm thay thế bằng việc trì giữ một câu Phật hiệu, đem chúng chuyển đổi lại dần dần, vọng niệm cũng từ từ ít đi.

Khi những cảnh giới này hiện tiền, tâm ta đã đạt đến như như bất động. Không phải nói là mắt nhìn không

thấy, tai không nghe, không tiếp xúc, không phải như vậy. Mắt ta cũng vẫn nhìn thấy, tai cũng nghe thấy, tiếp xúc như vậy, nhưng tiếp xúc mà không động tâm. Tại thế gian, lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, cũng giống như xem điện ảnh, xem ti vi vậy. Cảnh giới này, Phật tại trên kinh Bát Nhã nói được rất hay: “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ung tác như thị quán” (nguyên văn: Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào bọt, như sương cũng như điện, phải quán sát như vậy).

Đây chính là:

- Phật từ trên lí mà nói cho chúng ta, từ trên lí mà quan sát;
- Từ trên tâm là sửa, vô cùng có hiệu quả.

“Mỗi mỗi việc sai”, bắt tất phải từng việc từng việc mà nghĩ, từng điều từng điều mà sửa, đây thì quá phiền phức, quá mất công rồi!

❖ “Chỉ cần một lòng hướng thiện, chánh niệm hiện tiền”
(*Đản đương nhất tâm vi thiện, chính niệm hiện tiền*)

Câu nói này nói được rất hay! Chỉ cần bản thân chúng ta trì giữ, chấp trì được “Một lòng làm thiện” (*Nhất tâm vi thiện*)

Hai là: Niệm niệm vì lợi ích chúng sanh

Cái gì gọi là “Vi thiện”? Niệm niệm đều vì lợi ích cho chúng sanh, lợi ích cho xã hội, lợi ích cho quốc gia, một lòng làm thiện. Tuyệt đối không nghĩ đến lợi ích của bản thân.

Chư vị phải nên biết, nếu như xen tạp một ý niệm lợi ích bản thân, thì việc thiện của bạn không thuần, trong thiện có xen tạp, xen tạp điều bất thiện, đạo lý này phải hiểu.

Tâm mình là thuần thiện, hành vi của bản thân cũng đương nhiên là thuần thiện, phải làm được đến thuần thiện, quyết định không có tư hào ý niệm tự tư tự lợi, chúng ta mới có khả năng thành tựu.

Ba là: Chánh niệm khởi thì tà niệm tự mất

“Chánh niệm hiện tiền, thì tà niệm liền không thể khởi tác dụng được”. “Chánh niệm” là đối với “Tà niệm” mà nói.

■ Tà niệm là gì?

“Tà niệm” là tư tưởng sai quấy, là kiến giải không đúng, là hành vi sai trái, lỗi lầm này đối với xã hội có tổn hại, đối với bản thân vô cùng bất lợi. Bạn làm hại xã hội, tổn hại người khác, tương lai bạn nhận lấy quả báo ở tam đồ. Trước mắt tuy là có được một vài lợi ích nhỏ, về sau phải thọ nhận quả báo. Nếu như làm một sự so sánh, bạn liền hiểu được: “được không bằng mất”! Cái bạn được quá ít ỏi, còn cái giá bạn phải trả quá lớn quá lớn, thật không đáng!

▪ Chánh niệm là gì?

Cho nên phải luôn luôn bảo trì chánh niệm, ý niệm “thuần chính”, “chính” là phía trước đã nói “tâm ta không động, cảnh giới bên ngoài “liễu liễu phân minh” (là rõ ràng tường tận). Đây chính là chánh niệm.

Bốn là: Làm sao để chánh niệm?

▪ Khi đối cảnh không để cảnh chuyển tâm

Tu chánh niệm, tôi cử ra một ví dụ để nói:

Hiện tại trong mỗi gia đình đều có ti vi, từ trẻ nhỏ đến người lớn, đại khái trong gia đình, thời gian xem ti vi là nhiều nhất. Xem ti vi có phải là tu hành hay không? Có thể.

Tôi trước đây đã dạy không ít người, đem bốn câu trên “Kinh Kim Cang” viết ra, dán ở bên cạnh màn hình ti vi, bốn câu đó là: “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ung tác như thị quán” (là “Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào bọt, như sương cũng như điện, phải quán sát như vậy).

Chúng ta hãy dùng bài thơ này để xem ti vi, thì đó là tu hành. Màn hình ti vi, bạn thấy rõ ràng; âm thanh của ti vi bạn cũng nghe được rất rõ ràng, bạn từ chỗ này học được cái gì? Học được như như bất động. Mà không phải bị chúng chuyển. [Còn như] màn ảnh ti vi diễn ra cảnh hoan hỷ, vui vẻ; nó cười, bạn liền cười theo nó; nó khóc thì bạn liền khóc theo nó, vậy thì bạn xong rồi. Bản thân bạn không định lại được, bạn bị chúng chuyển. Người tu

hành phải như thế nào? Ta không bị nó chuyển, mà ta chuyển nó, vậy thì bạn thành công rồi.

- Khi đối cảnh tâm chuyển được cảnh là thành Phật

Trên kinh Lăng Nghiêm có nói: “Nhược năng chuyển cảnh, tức đồng Như Lai” (là nếu có thể chuyển cảnh tức đồng với chư Phật vậy):

Cảnh giới hiện tiền, bạn không bị chúng chuyển, bạn lại có khả năng chuyển chúng. Chuyển được chúng, bạn liền có thể giáo đạo chúng, bạn liền có thể cải biến chúng, giúp chúng đổi tà thành chánh.

Nếu bản thân bạn không có năng lực này, không có định lực này, không có trí huệ này, bạn không thể giữ cho bản thân không động, bạn làm sao có thể chuyển người khác chứ?

Bạn hiểu được xem ti vi là tu hành, chính là tu “Giới - Định - Huệ”.

- Tất cả các pháp môn đều quy về một chỗ

Sau đó bạn mới hiểu được, chúng ta mỗi ngày từ trong mỗi việc nhỏ nhất nhất của đời sống, không một nơi nào không phải là nơi Bồ tát học tập, không một pháp nào không trở thành Vô thượng đạo; vấn đề là bạn có thể làm được hay không mà thôi.

Từ trong kí lục trước đây, chúng ta thường thường xem thấy Đại đức Thiên Tông, họ trắc nghiệm học trò, thường hay hỏi đệ tử rằng:

- Anh “có hiểu không!”

Ý nghĩa của hai từ này thâm rộng vô tận, nếu như bạn có thể chân thật thể hội được, thì mỗi một việc nhỏ nhặt đều là Phật pháp: “Đầu đầu thị đạo, tả hữu phùng nguyên” (nghĩa là: Đầu cũng là đạo, trái phải đều về nguồn), đây mới là chân chính thành tựu, đây cũng chính là trên kinh Hoa Nghiêm nói: “Lí sự vô ngại, sự sự vô ngại”.

Thuật ngữ trong tông môn và giáo hạ tuy không đồng nhau, nhưng ý nghĩa hoàn toàn giống nhau. Các bạn hãy suy nghĩ xem:

Tông môn nói: “Đầu đầu thị đạo, tả hữu phùng nguyên”, còn trong Giáo hạ nói: “Lí sự vô ngại, sự sự vô ngại”, không phải là cùng một ý nghĩa đó hay sao? Pháp môn tuy không đồng, phương pháp không giống nhau, nhưng đều quy về một chỗ.

Chỗ này chúng ta đã minh bạch rồi, thì chúng ta đối với tất cả các tông phái, tất cả pháp môn, đều dùng tâm cung kính mà đối đãi, không có cao thấp. Tuyệt đối không thể nói, pháp môn niệm Phật của tôi rất cao minh, phương pháp đó của anh không bằng tôi, đây là sai rồi! Tâm của bạn không thanh tịnh, tâm của bạn không bình đẳng, bạn đã mê mất rồi, bạn không giác ngộ. Người chân chính giác ngộ đó là người có tâm bình đẳng “Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”, đây là đúng rồi, đây quyết định là chính xác.

Cho nên “Một lòng hướng thiện, chánh niệm hiện tiền”, điều này quan trọng. Giả như, xã hội hiện tại của chúng ta, quốc gia ngày nay, mỗi một người đều có thể làm đến “Một lòng hướng thiện, chánh niệm hiện tiền”, thì trong xã hội này làm sao có thể có tà đạo chứ? Làm sao có thể có tà tri tà kiến? Tự nhiên chúng bị tiêu trừ không còn dấu vết.

Cổ đức thường nói: “Phá tà hiển chánh”, [nhưng] chúng ta ngày nay đem câu nói này phản tỉnh trở lại, “hiển chánh”, tà sẽ không thể tồn tại.

Năm là: Vì sao xã hội nhiều tà kiến?

- Vì không có giáo dục chánh kiến

Trong xã hội tại sao lại có nhiều tà tri tà kiến như vậy? Bởi vì không có sự giáo dục chánh tri chánh kiến, cho nên một khi tà tri tà kiến xuất hiện, mọi người hiếu kì, liền hướng đến chúng mà học tập, thật là mù quáng!

Ngạn ngữ có câu: “Không sợ không biết hàng, chỉ sợ hàng không tốt”. Nếu như chánh pháp có thể đề xướng, nhân dân có thể phân biệt, có thể so sánh được, đem cả hai bày ra trước mắt để so sánh, họ có thể nhận thức được, họ tự nhiên có thể biết cách chọn lựa.

- Vì sao không có giáo dục chánh kiến? Vì không có người đề xướng chánh pháp

Ngày nay, tà giáo có mặt trên toàn thế giới, lan tràn khắp xã hội. Nguyên nhân vì sao? Vì trong thời đại này không có người đề xướng chánh pháp.

Đối với Nho gia, thì họ nói “đả đảo Khổng gia điểm” (ý nói lật đổ học thuyết của Khổng tử). Nho gia là chánh pháp, là dạy người: “Hiếu, Đễ, Trung, Tín”; “Lễ, Nghĩa, Liêm, Si”, dạy người “Ngũ luân”⁶⁵, “Bát đức”⁶⁶

⁶⁵ Ngũ Luân : là vợ chồng phân biệt, cha con thân thiết, anh em có tôn ti, bạn bè có tín, vua tôi có nghĩa (nguyên văn: Phu phụ hữu biệt, phụ tử hữu thân, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín, quân thân hữu nghĩa)

⁶⁶ Bát đức là : Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Si

Ngũ luân, bát đức là quy luật của vũ trụ được phản ánh trong mối quan hệ xã hội, người nào đi ngược quy luật vũ trụ thì họa hại liền tới.

Ví dụ về ngũ luân: “Phụ tử bất thân” là Cha con không thân thiết thì “nghịch tử” liền sản sinh, gia đình tan nát; “Quân thần bất nghĩa” vua tôi không có nghĩa thì chỉ còn có lợi hại xã hội động loạn...

Về “Bát đức” là những điều được lưu lại của Khổng Tử về tiêu chuẩn làm người, đó là: Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Si.

Tám chữ này gọi là tám chữ đức, do vậy nói khuyết bát đức thì không phải người, quên bát đức cũng không phải người vì bạn quên tiêu chuẩn làm người rồi nên không còn là người nữa.

Đứng đầu bát đức là Hiếu, do vậy mới nói rằng, “Trăm điều thiện thì Hiếu đứng đầu, vạn điều ác thì dâm đứng đầu” (nguyên văn: "Bách thiện hiếu vi tiên, vạn ác dâm vi thủ")

Còn về thú vật thì:

□ “Ê cừ quy, nhũ quạ không rìa”, đây là “Hiếu”;

□ Gà trống mỗi ngày canh tư gáy, chim nhận mỗi năm mùa xuân bay về bắc, mùa thu bay về nam, đây là “Tín”;

Vậy mà chánh pháp đã không cần đến nữa.

[Còn về Phật pháp thì sao?] Phật pháp là chánh pháp, Phật pháp dạy người: “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”.

Hiện tại mọi người cho rằng Phật pháp là mê tín, “phá trừ mê tín, đả đảo mê tín”, từ đây sản sinh ra rất nhiều hiểu lầm. Phật không mê tín, khẩu hiệu trong nhà Phật là “Phá mê khai ngộ”, đem phá mê khai ngộ để triệt phá đi mê tín.

Vậy theo họ thì thế nào mới gọi là không mê tín? Đó nhất định là tà pháp thì không mê tín, tà giáo thì không mê tín. Đương nhiên trong xã hội sẽ kéo nhau đi học tà pháp.

Ở đây, chúng ta phải suy nghĩ kỹ càng.

Làm sao để có thể “hiển chánh phá tà”? Hiện nay trên toàn thế giới, rất nhiều quốc gia khu vực đều áp dụng được rất tốt.

☐ Chim nhạn và uyên ương dù con trống hay con mái đã chết một, sẽ sống độc thân đến chết mà không phối ngẫu với con khác, đây là “Lễ”;

☐ Hươu gặp bãi cỏ tốt liền kêu cả đàn đến, đây là “Nghĩa”

Đây là mới ghi xuống bốn chữ, cũng là nói thú vật có thể hành một trong bát đức, mà người không một đức nào thì còn không bằng con thú]

Lại xem phía sau, kinh văn phía sau từ trên tỉ dụ mà nói:

▪ **Giáo dục chánh kiến, tà kiến không còn**

❖ “Nhụ mặt trời mọc lên thì quĩ quái phải tìm đường lẫn trốn” (*“Nhụ thái dương đương không, vông lượng tiềm tiêu”*):

Hai câu này là tỉ dụ, đem ‘Thái dương’ (là mặt trời) để so sánh với chánh pháp; đem “Vông lượng” (là quĩ quái) để so với tà pháp, vông lượng là yêu quái. Dưới ánh nắng mặt trời chuyển hóa sang ban ngày, yêu quái không thể tồn tại được, đạo lí này cũng giống như vậy.

Phía sau Liễu Phàm tiên sinh đưa ra một kết luận:

CHÁNH VĂN 107

“Thự̉ tinh nhất chi chân truyền dã. Quá do tâm tạo, diệt do tâm cải. Nhụ trăm độc thụ, chân đoạn kỳ căn, hề tất chi chi nhi phạt, diệt diệt nhi trích tai?”

(Đây là chỗ chân truyền tinh vi vậy: Tội do tâm tạo thì phải từ trên tâm mà sửa. Nhụ muốn trừ một cây độc, chỉ cần đốn ngay gốc, đâu cần bẻ từng lá và chặt từng nhánh)

GIẢNG GIẢI

❖ “Đây là chỗ chân truyền tinh vi vậy” (*“Thự̉ tinh nhất chi chân truyền dã”*):

“Tinh” là tinh thuần; “Nhất” là duy nhất, độc nhất. Những điều mà thánh hiền truyền lại từ xưa đến nay, đây gọi là chân truyền.

3. Tội do tâm tạo thì từ tâm mà sửa

❖ “Tội do tâm tạo thì phải từ trên tâm mà sửa” (“Quá do tâm tạo, diệt do tâm cải”)⁶⁷:

Đây là từ trên căn bản mà sửa đổi, như vậy việc sửa đổi mới có thể đạt đến cứu cánh, mới có thể sửa đổi triệt để.

❖ “Nhu muốn trừ một cây độc, chỉ cần đốn ngay gốc, đâu cần bẻ từng lá và chặt từng nhánh?” (“Nhu trảm độc thụ, chân đoạn kỳ căn, hề tất chi chi nhi phạt, diệt diệt nhi trích tai?”):

Ở đây lại dùng một tỉ dụ để nói. Thí như chúng ta chặt cây, cây này có bệnh độc, không phải là cây tốt, chúng ta phải đem chúng đốn trừ tận gốc. Từ trên gốc rễ của nó mà đoạn trừ, không cần phải chặt cành nhánh, lá cây; chọn cành hái lá rất phiền phức! Chặt từ gốc rễ thì tốt rồi, cành là tự nhiên bị khô héo. Đây là nói sửa lỗi.

- Phía trước giảng từ trên lí mà sửa, cũng giống như chặt cây, phải từ thân cây mà hạ thủ.

⁶⁷ “Tội tùng tâm khởi tương tâm sám;
Tâm nhược diệt thời tội diệt vong;
Tội vong tâm diệt lưỡng câu không;
Thị tắc danh vi chân sám hối.”

Nghĩa là:

*Tội từ tâm khởi đem tâm sám;
Tâm đã tịnh rồi tội cũng tiêu;
Tội tiêu tâm tịnh cả hai không;
Đó chính thực là chân sám hối.*

- Từ trên sự mà sửa, cũng giống như từ trên lá cây mà hạ thủ, điều này thì rất phiền phức, rất không dễ dàng.
- Từ trên tâm mà sửa, cũng chính là từ trên gốc rễ mà hạ thủ, điều này dễ dàng và chân chánh làm được đến cứu cánh.

Lại xem tiếp đoạn văn tiếp theo, tổng kết:

Tiết 4: Tổng kết về việc sửa lỗi

CHÁNH VĂN 108

“Đại để tối thượng giả trị tâm, đương hạ thanh tịnh; tài động tức giác, giác chỉ tức vô.

Cầu vị năng nhiên, tu minh lí dĩ khiến chi; Hựu vị năng nhiên, tu tùy sự dĩ cấm chi; Dĩ thượng sự nhi kiêm hành hạ công, vị vi thất sách. Chấp hạ nhi muội thượng, tắc chuyết hỹ.”

(Nhìn chung, phương pháp tốt nhất vẫn phải sửa từ tâm, làm như vậy tâm sẽ thanh tịnh, tâm chỉ vừa khởi động niệm thì tự mình đã giác đã biết ngay, khi giác vọng niệm sẽ không còn.

Nếu không được như vậy, phải dùng lý trí sáng suốt để rời bỏ vọng niệm;

Nếu vẫn chưa làm được, phải tùy theo tội lỗi mà ngăn chặn.

Trên thì hiểu rõ duyên có, đồng thời bên dưới nỗ lực hành trì, cách này chưa hẳn đã là điều không tốt.

Còn chỉ chú trọng hành trì bên dưới mà xao nhãng việc thấu hiểu nguyên nhân, hóa lại thành ngốc nghếch rồi)

GIẢNG GIẢI

1. Thượng sách - Từ tâm mà sửa

Thứ nhất: Sửa từ tâm là cương lĩnh, là tu từ căn bản

❖ “Nhìn chung, phương pháp tốt nhất vẫn phải sửa từ tâm” (“Đại để tối thượng giả trị tâm”):

Nói chung thì có thể theo sự tướng, theo lý và theo tâm để tu sửa tội lỗi, nhưng phương pháp theo tâm là tốt hơn cả;

❖ “Làm như vậy tâm sẽ thanh tịnh; tâm chỉ vừa khởi động niệm thì tự mình đã giác đã biết ngay, khi giác vọng niệm sẽ không còn” (“Đương hạ thanh tịnh; tài động tức giác, giác chi tức vô”):

Tâm đã tu, đã được sửa trị thì sẽ trở thành thanh tịnh, nên mỗi khi một ý niệm ác dấy động ở nơi tâm thì tự mình liền thấy biết ngay, mà đã thấy biết tức đã tỉnh ngộ, không còn mê muội thì ác niệm tội lỗi sẽ tiêu tan thành không.

Chúng ta học Phật dụng công, cũng phải nắm được cương lĩnh này, nắm được cương lĩnh phải từ trên căn bản mà khởi tu thì không khó.

Một là: Không biết cương lĩnh tu sẽ khó

Chúng ta ngày nay nói đến Phật pháp, kinh điển nhà Phật nhiều như vậy, cổ nhân hình dung rằng “Hạo như yên hải” (“Nhiều như nước biển”).

Kinh sách được lưu truyền từ Ấn Độ đến Trung Quốc, sớm nhất trên lịch sử Trung Quốc có ghi chép lại,

vào thập niên Hán Minh Đế Vĩnh Bình, năm 67, đến ngày nay là năm 2001, đây là trên lịch sử có ghi chép lại. Nhưng trên thực tế, Phật pháp do tư nhân lưu truyền đến Trung Quốc, thời gian này vẫn còn rất sớm, có thể là sớm hơn đến hai, ba trăm năm. Còn chính thức do quốc gia phái sứ giả đi cầu thỉnh về, đi nghênh đón về chính là vào thập niên Hán Minh Đế Vĩnh Bình.

Như vậy tại Trung Quốc đã có trên hai ngàn năm lịch sử, kinh điển không ngừng lưu truyền đến Trung Quốc. Đại khái gần đây nhất là vào thời Nam Tống, Trung Quốc đã hoàn thành phiên dịch, in ấn “Đại Tạng Kinh”, tổng cộng có hơn bảy ngàn quyển, hiện tại còn thêm vào các trước tác của tổ sư đại đức Trung Quốc trước đây, đều được gom lại đưa vào trong một bộ từng thư này, hiện tại “Đại tạng kinh” tiếng Trung tổng cộng có đến trên ba vạn quyển.

Nếu như chúng ta muốn học Phật, điển tịch nhiều như vậy, đều muốn xem qua, đều muốn nghiên cứu, đều muốn học tập hết, đây chính là tìm cành ngắt lá vậy, phiền phức biết bao! Vậy phải đến năm nào, chúng ta mới có thể nhập môn? Cho nên, người biết học phải từ trên căn bản mà học, đây mới là điều quan trọng, mấu chốt.

Hai là: Phật dùng Đại Bồ Đề tâm để đối người, vật, việc?

Tôi học Phật 50 năm, tôi giảng kinh cũng được 42 năm rồi. Tôi tổng kết tinh túy của Phật pháp trong một đời qua 20 chữ, chúng tôi thường giữ tâm này, chính là nói ngay trong đời sống hằng ngày đối người, đối sự, đối vật, chúng tôi dùng cái tâm gì?

▪ Thế nào là tâm đại bồ đề?

Phật tại trên kinh thường dạy cho chúng ta:

- Dùng tâm chân thành, chân quyết định không có giả, thành thì không hư ngụy;
- Dùng thanh tịnh tâm, thanh tịnh quyết định không có ô nhiễm;
- Dùng bình đẳng tâm, bình đẳng thì không có cao thấp;
- Dùng tâm chánh giác, quyết định không có mê hoặc;
- Dùng từ bi tâm, ái hộ tất cả chúng sanh, trong từ bi tâm không có tự tư tự lợi.

Chúng ta phải dùng năm loại tâm này, năm thứ tâm này chính là trên đại thừa Phật pháp thường nói “*Đại bồ đề tâm*”. Nếu như dùng Đại bồ đề tâm mà nói, rất nhiều người không dễ hiểu, chiếu theo chú giải trong kinh điển mà nói cũng rất khó hiểu, cách nói của tôi như thế này, mọi người sẽ rất dễ lí giải: “*Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh giác, Từ bi*”. Phật tâm! Phật là dùng cái tâm này để đối người, đối sự, đối vật.

▪ Làm thế nào để có đại bồ đề tâm?

Hành vi, tôi dùng 10 chữ để nói: “*Nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật*”. Niệm Phật này, Phật có nghĩa là giác, chính là niệm niệm đều là giác mà không mê, niệm niệm chánh mà không tà, niệm niệm là tịnh mà không nhiễm, đó gọi là niệm Phật; niệm tự tánh Phật.

Nắm cái cương lĩnh này, tu hành liền dễ dàng. Quả nhiên có thể khế nhập được cảnh giới, thì tất cả kinh điển nhà Phật đều bày ra trước mắt bạn, bạn không còn cảm thấy khó khăn nữa, bạn đều có thể thông đạt, học tập. Cho nên, thế xuất thế gian pháp, đều phải biết căn bản, đều phải nắm được tinh yếu của nó, cương lĩnh của nó.

Thư hai: Trị tâm hiệu quả là được thanh tịnh

Như vậy chúng ta liền hiểu được, đại khái tóm lại quan trọng nhất là phải từ trên căn bản mà tu, “trị tâm”, hiệu quả là đạt được thanh tịnh. Nào có việc phiền phức nhiều như thế chứ?

❖ “Tâm chỉ vừa khởi động niệm thì tự mình đã giác đã biết ngay” (“Tài động tức giác, giác chi tức vô”):

Đây là nói tâm vừa mới động, lập tức liền quan sát đến được;

❖ “Khi giác vọng niệm sẽ không còn” (“Giác chi tức vô”):

Một khi giác rồi thì ý niệm này liền ngừng lại. Đây chính là chỗ cổ đại đức nói: “*Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Bạn phải giác ngộ cho thật nhanh, không để cho ác niệm tương tục; ác niệm vừa mới khởi lên, niệm thứ hai liền đề khởi lại chánh niệm, đây là phương pháp tốt nhất.

❖ “Nếu như bạn làm không được” (“Cầu vị năng nhiên”): Nếu điều tối thượng đó không làm đến được, vậy thì bắt đắc dĩ bạn phải dùng đến cách trung gian, bắt đắc dĩ phải nhờ đến điều thứ kế; điều thứ kế đó là gì? Minh lý.

2. Trung sách - Từ lý mà sửa

❖ “Phải dùng lý trí sáng suốt để rời bỏ vọng niệm” (“Tu minh lý dĩ khiển chi”): Đạo lý phải rõ ràng, đạo lý phải minh bạch, tự nhiên đem ác niệm, tà niệm li khai đi.

3. Hạ sách - Từ sự mà sửa

❖ “Nếu vẫn chưa làm được, phải tùy theo tội lỗi mà ngăn chặn” (“Hựu vị năng nhiên, tu tùy sự dĩ cấm chi”):

Điều này cũng làm không đến được, làm không được, vậy thì phải làm sao? Đây chính là chỉ có thể từ trên cành lá mà hạ thủ công phu. Đây là tầng thứ ba.

4. Tùy căn tánh mà áp dụng

Thực tại mà nói chính là ba bậc căn tánh không đồng trong nhà Phật thường nói.

- Người thượng căn, từ trên căn bản mà hạ thủ, “Sửa từ tâm” (“Trị tâm”) từ chỗ khởi tâm động niệm, đoạn tất cả ác;
- Người căn tánh bậc trung, dùng “Hiểu rõ lý để trừ vọng niệm” (“Minh lý dĩ khiển chi”);
- Người hạ căn chỉ có “Dùng sự để ngăn cản” (“Tùy sự dĩ cấm chi”)

Thứ nhất: Nói thêm về sửa từ sự là giới luật

Cho nên, Phật vì những người hạ căn này mà chế định ra rất nhiều giới điều.

Một là: Giới luật có thể điều chỉnh phù hợp cảnh hiện tại

Những giới điều này, chư vị đồng tu nhất định phải biết, là khi Phật Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, quy phạm của đời sống xã hội Ấn Độ ba ngàn năm trước.

- Trên mặt thời gian, đã cách chúng ta ba ngàn năm;
- Trên mặt hoàn cảnh địa lí, chúng ta bên này là Trung Quốc, bên kia là Ấn Độ;

Bạn cần phải minh bạch cái đạo lí này, sau đó bạn nghiên cứu giới luật mới chân chánh có được tâm đắc.

Có cần phải căn cứ vào từng điều từng điều để làm không? Không cần thiết. Tại sao? Bởi vì rất nhiều phương thức sinh hoạt cùng với hiện tại chúng ta hoàn toàn không giống nhau. Điều này phải biết, phải hiểu được tinh thần sở tại của giới luật, phải học tập tinh thần của nó, trên mặt sự tương phải dùng phương thức sinh hoạt hiện đại, không thể học phương thức sinh hoạt của cổ Ấn Độ ba ngàn năm trước, đó thì sai rồi! Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật xem thấy cũng phải cười trong ảo não, sao mà bạn có thể ngốc như thế chứ.

Hai là: Nhưng căn bản giới không được cải biến

Cho nên Phật pháp tức là giới điều, mỗi điều đều là linh hoạt sống động, chứ không phải chết cứng. Tuy nhiên các giới căn bản thì siêu vượt thời - không, siêu vượt thời gian, siêu vượt không gian, tất cả thời, tất cả xứ, đều là chuẩn tắc, cái này thì không thể cải biến.

■ Căn bản giới này là cái gì?

Chính là ngũ giới. Chỉ có 5 điều:

- a. Không sát sanh,
- b. Không trộm cắp,
- c. Không tà dâm,
- d. Không vọng ngữ,
- e. Không uống rượu.

5 điều này, xác thực là bất kể thời đại nào, bất kể là khu vực nào, đều hành được thông. Năm điều này siêu vượt thời không, nhất định phải tuân thủ nó.

Ba là: Hình thức có thể đổi, nguyên tắc không thể đổi

Giới điều của Phật có rất nhiều rất nhiều, nhất định phải xem xét nó có thích hợp với thời đại hiện tại của chúng ta hay không. Trong thời đại này của hiện tại chúng ta, phải nên tu sửa như thế nào; không đi ngược lại với tinh thần của chúng, nhưng trên sự tương nhất định phải tu chỉnh cho phù hợp.

(HẾT TẬP 1)

ⁱ Từ Công Quá Cách của Đạo giáo đến Vô Ngã Kiểm của Cao Đài giáo (Lê Anh Minh)

Trong ba đại thiện thư của Đạo giáo là Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Vãn, và Công Quá Cách thì Công Quá Cách có thể được xem là một bảng tự kiểm hàng ngày của người tu nhằm tu sửa bản thân, hành thiện, xa lánh điều ác.

Đạo Cao Đài cũng có cách ghi tương tự, gọi là Vô Ngã Kiểm tức là tự kiểm để tu dưỡng nhằm tiến tới cảnh giới thuần chân vô ngã. Bài viết này thử tìm hiểu sự tương đồng và dị biệt giữa Công Quá Cách của Đạo giáo và Vô Ngã Kiểm của Cao Đài giáo.

CÔNG QUÁ CÁCH

Công Quá Cách bắt nguồn từ đời Hán. Trong Thái Bình Kinh đời Đông Hán có thuật ngữ «Thiên khoán», coi như đồng nghĩa với «Thiên cách» tức là «Thiên chi cách pháp» Dịch học đời Hán có cách xem ngày tốt xấu theo bát quái do Mạnh Khang giảng, và thuật ngữ Thiên khoán chịu ảnh hưởng của cách xem ngày này nhưng các đạo sĩ đã cải biến ý nghĩa mà thành cách ghi công và tội mà mỗi cá nhân đã làm hàng ngày. Vậy Công Quá Cách là một dạng bảng tự kiểm hàng ngày. Thiện ngôn thiện hành (lời lành việc tốt) được xem là công và được ghi vào công cách; ác ngôn ác hành (lời ác việc ác) được xem là quá và được ghi vào quá cách (chữ quá 過 nghĩa là «sai lầm, tội lỗi»).

Lời tựa của Thái Vi Tiên Quân Công Quá Cách viết: «Tu Chân chi sĩ, minh thư nhật nguyệt, tự ký công quá, tự tri công quá đa quả (Người tu chân mỗi ngày mỗi tháng phải ghi rõ công và tội của mình để tự biết công và tội ấy nhiều hay ít). Cũng theo lời tựa này, đời Kim (1115-1234) năm Đại Định Tân Mão (117): (1) (triều vua Thế Tông), một đạo sĩ tên là Hựu Huyền Tử đã mộng du tử phủ [3], triều lễ Thái Vi Tiên Quân và nhận lĩnh yếu chỉ Công Quá Cách; khi tỉnh mộng, chấp bút viết thành sách này.

Chung Lữ Truyền Đạo Tập [4], chương 18 (Luận Chứng Nghiệm) viết: «U' tử phủ triều kiến Thái Vi Tiên Quân, khế khám hương nguyên danh tính, hiệu lượng công hành đẳng thù, nhi ư Tam Đảo an cư, nãi viết chân nhân tiên tử» (Nơi cung tiên triều kiến Thái Vi Tiên Quân để được khám xét tên và nguyên quán có phù hợp chẳng, rồi được xét công trạng đã làm vân vân, kể đến là an cư nơi ba đảo tiên, bấy giờ được gọi là thần tiên).

Các học giả Nhật Bản, như Tửu Tinh Trung Phu, Cát Cương Nghĩa Phong, Thu Nguyệt Quan Ánh, cho rằng Thái Vi Tiên Chân Công Quá Cách có liên quan với Tịnh Minh Đạo vì giáo phái này yêu cầu đệ tử phải có cuốn sổ nhỏ, ghi chép những việc tội phước mỗi ngày để phản tỉnh mà tu dưỡng. Kinh Thái Thượng Linh Bảo Tịnh Minh Phi Tiên Độ Nhân Kinh Pháp của Tịnh Minh Đạo đòi Nguyên dạy về Thập Giới thì giới thứ 3 yêu cầu mỗi người học đạo phải có một quyển nhật ký, gọi là nhật lục: «Nhật lục giả, sở dĩ tu kiểm thiện ác chi xứ» (Nhật lục là nơi tu dưỡng và kiểm điểm việc thiện ác của mình). Nó là «bất giáo chi sư dã, bất thuyết chi hữu dã, bất chiếu chi quân phụ, bất ước chi pháp độ» (Người thầy không dạy, là người bạn không nói, là vua và cha không ra lệnh, là pháp độ không ấn định).

Nhưng cách tự ghi công và tội mà mình đã làm hàng ngày cũng rất phổ thông, đâu phải chỉ Tịnh Minh Đạo mới có.

Cuối đời Đường đã có một bản Công Quá Cách khác gọi là Lữ Động Tân Thập Giới Công Quá Cách. Lại có quyển Cảnh Thế Công Quá Cách nữa. Như vậy Công Quá Cách có rất nhiều chủng loại. Phép tự kiểm bằng cách ghi ra sổ hoặc dùng hạt đậu (đậu vàng hoặc đỏ ghi việc thiện, đậu đen ghi việc ác) cũng là tập quán của Tống Nho.

Tương truyền Phạm Trọng Yêm (989-1052) và Tô Tuân (1009-1066) luôn có một cuốn Công Quá Cách theo bên mình.

Chủ đề chính của Công Quá Cách vẫn là thiện ác báo ứng, một quan niệm hình thành vào thời Tiên Tần. Dịch Kinh, Văn ngôn ở

quê Khôn, nói: «*Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương*» (Nhà nào tích thiện thì ắt có dư điều tốt lành; nhà nào tích ác thì ắt có dư tai ương).

Thái Bình Kinh, thiên Đại Công Ích Niên Thư Xuất Tuế Nguyệt Giới, nói: «*Quá vô đại tiểu, Thiên giai tri chi, bạ số thiện ác chi tịch, tuế nhật nguyệt câu hiệu, tiền hậu trừ toán giảm niên. Kỳ ác bất chỉ, tiện kiến quỷ môn*» (Tội lỗi chớ kể lớn nhỏ, Trời đều biết cả và ghi chép vào sổ thiện ác, vào ngày [cuối] tháng [8] mỗi năm đều có sửa đổi chỉnh lý, [xem] trước sau [để] trừ bớt tuổi thọ. Nếu không dừng tội ác, kẻ gây ác phải vào cửa quỷ).[6] Tuy nhiên trong các chủng loại Công Quá Cách, việc thiện được tính theo đơn vị là công (như cứu sống một người trọng bệnh thì tính là 10 công, chặn tế những kẻ quan quả cô độc [7] một trăm quan tiền thì tính là một công, v.v...), việc ác được tính theo đơn vị là quá (như hại tính mạng người khác thì tính là 100 quá, hại sinh mạng mỗi con chim muông cầm thú thì tính là 10 quá, v.v...). Công và quá còn nhân lên với số ngày và số đối tượng liên đới (người / vật) như tạo thuyền bè và bắc cầu giúp người qua sông miễn phí thì phí tổn cứ 100 quan tiền là một công và mỗi người lao động một ngày được 10 công.

THÁI VI TIÊN QUÂN CÔNG QUÁ CÁCH

Nội dung cơ bản của Thái Vi Tiên Quân Công Quá Cách gồm hai loại chính: Công Cách (ghi điều thiện) và Quá Luật (ghi điều ác).

Công cách có 36 điều, chia làm 4 loại:

(1) Cứu Tế (12 điều): nói về cứu bệnh nhân bằng y liệu châm cứu, giúp người khốn khó hoạn nạn bằng tài vật, tạo cầu sửa đường, chôn cất xác vô thừa nhận. Thí dụ, dùng thuốc và châm cứu trị người trọng bệnh (10 công); cứu người khỏi tội tử hình (100 công); chặn tế những người quan quả cô độc (1 công cho mỗi 100 quan tiền); giúp người đói khát một miếng ăn miếng uống (1 công); giúp người lỡ bước một chỗ ngủ ấm áp trong đêm giá rét (1 công); chôn cất xác vô thừa nhận (50 công), v.v...

(2) Giáo điển (7 điều): nói về truyền thụ kinh sách và pháp tu. Thí dụ, tự chú soạn kinh sách hay phép tắc cứu người là 30 công, v.v...

(3) Phần tu (việc hương khói và tu sửa nơi thờ phụng, 5 điều): nói về việc kiến tạo miếu mạo, tượng thờ, các vật cúng dường. Thí dụ, tu bổ tượng thờ, điện thờ, cúng dường đồ khí mãnh, rèm trướng, bàn ghế và những vật dụng khác (1 công cho mỗi phí tổn 100 quan tiền); sớm chiều thấp nhang cầu an cho đất nước và bá tánh (mỗi lần 2 công) và cầu an cho mình (mỗi lần 1 công); vì dân vì nước vì tổ tiên quá vắng vì cô hồn vô chủ mà tụng kinh (một biến kinh lớn là 6 công, một biến kinh nhỏ là ba công), v.v...

(4) Dụng sự (12 điều): nói về các loại việc thiện. Thí dụ, giảng dạy kinh sách khuyến thiện (cho mỗi 10 người thì được 1 công); lấy văn chương thi từ mà khuyến thiện (mỗi bài là 1 công); tiến cử người hiền tài đạo đức (tiến cử 1 người thì được 10 công); tán dương việc thiện của người (mỗi việc 1 công); ngăn chặn việc ác của người (mỗi việc 1 công); khuyên người chớ bắt liêm, bắt hiếu, bắt trinh, bắt lương, bắt nghĩa, bắt thiện, bắt từ, bắt nhân (mỗi người hồi tâm từng thiện thì ta được 1 công), v.v...

Quá luật có 39 điều, cũng chia làm 4 loại:

(1) Bất nhân (15 điều): Nói những việc bất nhân như dùng độc dược hại người (10 quá); hại mạng người (100 quá); hại mạng chúng sinh thú cầm (10 quá); học bùa chú để hại người (10 quá); mưu hại người bị tử hình (mưu thành bị 100 quá, mưu bại bị 10 quá); nầy sinh lòng tà dâm (1 quá); nói lời độc ác đối với sư trưởng (10 quá), với người thiện (8 quá), với người bình thường (4 quá), với trẻ em hoặc kẻ dưới (1 quá), v.v...

(2) Bất thiện (8 điều): Như bài xích hủy hoại tượng thờ chư thiên tôn (20 quá), chân nhân (15 quá), thần quân (10 quá); tụng niệm kinh sót một chữ (1 quá), sót một câu (5 quá), đọc sai âm một chữ (1 quá); đọc tụng thác loạn làm mất ý nghĩa một câu kinh (5 quá); đọc tụng mà không chuyên tâm lòng còn lo nghĩ việc khác (5

quá); đọc kinh không theo nghi thức (5 quá); đọc kinh mà phát sinh sân nộ (10 quá), v.v...

(3) Bất nghĩa (10 điều): như biết người hiền mà không tiến cử (1 quá), không bắt chước (1 quá); phản bội sư trưởng (50 quá); trộm cắp và dạy người trộm cắp (100 tiền ứng với 1 quá); mượn tiền không trả (100 tiền ứng với 1 quá); v.v...

(4) Bất quĩ (không noi theo phép tắc, 6 điều): như điều răn thực nhục (ăn thịt): cố ý sát sinh mà ăn (6 quá), mua thịt ăn (3 quá); ăn nhằm thức ăn có thịt (3 quá); ăn thịt vào ngày phải ăn chay (10 quá); ăn thịt xong vào chùa nói điều thiện (10 quá); và điều răn ẩm tửu (uống rượu): uống rượu cùng mưu việc ác (mỗi thăng rượu 6 quá); uống rượu với kẻ bất lương (mỗi thăng 2 quá); vô cớ uống rượu với thường nhân (mỗi thăng 1 quá); uống rượu trợ dâm (mỗi thăng 10 quá); uống rượu đến say vào ngày ăn chay hoặc uống xong vào chùa nói điều thiện (5 quá), v.v...

Trên đây là nội dung sơ lược của Thái Vi Tiên Quân Công Quả Cách. Qua đó ta có thể thấy những luật định bao quát 3 phương diện: tư tưởng (ý), lời nói (khẩu), và hành vi (thân). Trong lời tựa của Thái Vi Tiên Quân Công Quả Cách, Hựu Huyền Tử nói: «Minh thư nhật nguyệt, tự ký công quá, nhất nguyệt nhất tiểu tỉ, nhất niên nhất đại tỉ. Tự tri công quá đa quả, dữ thượng thiên chân tư khảo hạch chi số chiêu nhiên tương khế. Y thử hành trì, viễn ác thiên thiện, thành vi chân giới, khứ tiên bất viễn hỹ» (Viết rõ từng ngày từng tháng, tự ghi công và tội của mình, một tháng thì tỉ lệ nhỏ, một năm thì tỉ lệ lớn. Tự biết công và tội của mình nhiều hay ít, và số liệu ấy ăn khớp rõ ràng với số liệu mà vị thần trên trời tra xét. Cứ theo cách này mà hành trì, xa điều ác gần điều thiện, thành tâm làm theo những giới cấm chân chính này, thì thành tiên không xa vậy).

Nhưng Công Quả Cách có nhiều chủng loại. Ta có thể kể thêm Thập Giới Công Quả Cách, tương truyền là do Lữ Động Tân trứ tác.

THẬP GIỚI CÔNG QUÁ CÁCH

Léon Wieger [8] cho rằng Thập Giới Công Quá Cách xuất hiện cuối đời Đường, nhưng theo Khanh Hy Thái, Thập Giới Công Quá Cách hấp thu nội dung tu dưỡng của Lý học gia đời Tống và Minh, như vậy ắt xuất hiện rất trễ tuy nhiên chẳng rõ vào thời điểm nào.

Thiện thư này bảo: «Học Đạo nãi thân tâm tính mệnh chi sự. Dĩ thập giới định công quá (Học Đạo là chuyện [liên quan đến] thân tâm và tính mệnh. Nên lấy thập giới để định công và quá).

Thập giới là 10 giới cấm về sát (sát sinh, giết người và loài vật), đạo (trộm cắp), dâm (dâm dục), khẩu ác (lời nói ác độc), khẩu thiệt (cãi cọ), ý ngữ (lời nói hoa mỹ), [9] vọng ngữ (lời nói dối trá), tham (tham lam), sân (nóng giận), và si (ngu si). Bảy giới đầu ứng với 4 giới trong Ngũ Giới Cấm của Phật giáo (bất sát sinh, bất du đạo, bất vọng ngữ, bất tà dâm), còn 3 giới sau ngăn trừ tam độc (tham, sân, si).

Bản Thập Giới Công Quá Cách mà Léon Wieger dịch ra Pháp văn chia thành 17 chủ đề như: (1) Đối với cha mẹ, (2) Đối với huynh đệ, (3) Đối với thê thiếp, (4) Cha và chú bác đối với con cháu, (5) Môn đệ đối với thầy học và bằng hữu đối với nhau, (6) Đối với gia nhân, (7) Bác ái, từ thiện, (8) Thương yêu loài vật, (9) Tổng quát về thiện ác, (10) Tư tưởng, (11) Hành vi, (12) Ngôn ngữ, (13) Đối với thánh thần, (14) Dục vọng và tự chủ, (15) Y phục và ẩm thực, (16) Tài sản và thương nghiệp, và (17) Giới dâm.

Tóm lại, Công Quá Cách – cũng như Cấm Ứng Thiên và Âm Chất Văn – dung hợp luân lý tam giáo với lý luận về sinh mệnh của Đạo giáo (tu luyện thành tiên). Phương pháp tu dưỡng đạo đức này ngày nay cũng được thể hiện qua Vô Ngã Kiểm của Đạo Cao Đài. Nhưng giữa Công Quá Cách của Đạo giáo và Vô Ngã Kiểm của Đạo Cao Đài có những đặc điểm tương đồng và dị biệt ra sao?

Đức Quan Âm Bồ Tát giảng bút rằng:

«Chư hiền sĩ hiền muội đã theo dõi và hình dung một con người có hai trạng thái, từ trong nội tâm cũng như nơi ngoại thể hằng mâu thuẫn nhau. Vì vậy trong cửa tôn giáo, nói đúng hơn là phần Đạo học, thường dạy người tu thân học đạo nên thận trọng, kỹ lưỡng, theo dõi để phân tích và kiểm soát phần nội tâm mình, từ ý nghĩ, lời nói, đến việc làm, xem coi phần nào là thiên phú (thiên tánh chân ngã), và phần nào là của cái ta (giả ngã). Có như vậy mới phân tích nhận định được việc nào nên nghĩ, nên nói, nên làm, và việc nào không nên nghĩ, không nên nói, không nên làm. Trước nhất, bản thân mỗi người suốt một ngày làm việc mưu sinh, chung đụng với những phức tạp hỗn loạn ngoại cảnh, tâm trí con người bị xáo trộn. Sau một ngày ấy, cần để nhín chút thì giờ (nếu nhiều thì càng tốt) để kiểm điểm nội tâm. Khi lòng được an định rồi, sẽ kiểm điểm lại suốt ngày qua mình đã tiếp xúc với những ai, có những ý nghĩ gì, nói những ngôn ngữ nào, và có những hành động gì. Khi lòng trần lắng dịu, Phật tánh phát hiện lần lần, sẽ thấy nổi lên những nét thiện ác trong những hoạt động ngày qua.

«Nhớ rằng phải công bình mà phán xét, phải vô tư mà nhận định, đừng tự ái, ích kỷ, vì một mình trong phòng tối còn ai nhìn thấy hoặc hiểu biết những hoạt động không đẹp ấy đâu mà tự ái, phải hoan hỉ để phục thiện và hoan hỉ để tinh tiến.

«Trên hình thức cụ thể để theo dõi sự tu tiến của mình, Bàn Đạo chỉ cho hai phương pháp:

«Một là sắm một cuốn sổ tay nhỏ, hai cây bút có hai màu đen đỏ. Trên cuốn sổ đó hãy chia nhiều hàng theo chiều ngang, nhiều hàng theo chiều dọc. Khi vô tư tự kiểm, thấy rằng trong ngày nay có nhiều điểm thiện, từ tư tưởng, ngôn ngữ đến hành động, thì ghi bút màu đỏ bằng một chấm hoặc khoanh tròn nhỏ. Nếu có một điểm thiện trong tư tưởng, ghi ở cột tư tưởng một khoanh tròn đỏ, nếu được hai, ba, bốn, năm, v.v... ở phần tư tưởng thì cũng khoanh tròn hai, ba, bốn, năm khoanh.

«Ở cột ngôn ngữ cũng làm như vậy, hoặc ở cột hành động cũng làm như vậy. Ngày nay ghi ở mức độ đó, nếu ngày mai các phần thiện có tiến triển hơn thêm sẽ lập một bản đồ cho trang giấy kế bên về sự trôi hoặc tiến triển đó.

«Ngược lại, khi vô tư tự kiểm, nếu thấy mình có những tư tưởng, ngôn ngữ, hành động nào có vẻ bất thiện, thì ghi theo thứ tự mỗi cột bằng bút mực màu đen và đồng thời ghi sang bản đồ bên trang kế theo sự trôi sụt của nó. Đó là phương pháp thứ nhất dành cho người học đạo có trình độ văn hóa, kế toán, v.v... và siêng năng.

«Sau đây là phương pháp thứ hai để dành cho người tu học trình độ văn hóa hơi kém hoặc lười biếng. Sắm hai cái hộp có nắp, một hộp đựng đầy hạt đậu đỏ, một hộp khác đựng đầy hạt đậu đen, và sắm một hộp thứ ba để trống. Khi tham thiền tịnh định vô tư tự kiểm, nếu thấy trong ngày qua từ ý nghĩ, lời nói, việc làm không mấy tốt đẹp thì đếm đủ bấy nhiêu số hạt đậu đen bỏ vào hộp thứ ba. Trái lại, khi vô tư tự kiểm, thấy ngày qua có được những ý nghĩ (tư tưởng), ngôn ngữ, hành động được tốt đẹp, thì cũng đếm bấy nhiêu hạt đậu đỏ bỏ vào hộp thứ ba.

«Phương pháp thứ hai này tuy giản dị, dễ làm, nhưng không theo dõi được phần nào tiến hoặc thoái của tư tưởng, ngôn ngữ, hành động, chỉ biết chung là sự thiện ác nhiều ít sau khi tổng kết trong một tuần mà thôi.

«Có theo dõi như vậy mới biết bước đường tu học của mình tiến hay thoái. Nếu thấy thoái đừng buồn, đừng chán nản, cố gắng làm sao đẹp thêm hơn để số hạt đậu đen càng ngày càng ít. Nếu thấy được tiến thêm, đừng vội tự đắc, tự phụ, tự cao, rồi khoe khoang sẽ tồn đức. Hãy hoan hỉ mà tiến thêm cho đến khi nào số hạt đậu đỏ càng ngày càng tăng thêm nhiều hơn.

«Khi nào thấy ở hộp thứ ba, hạt đậu đỏ chiếm đại đa số, hãy hoan hỉ bước qua lãnh vực chờ đón tiếp nhận ân Thiên trong hệ thống giao cảm giữa mình và các bậc trồn lành»



Sự tiến bộ của phương pháp ghi Vô Ngã Kiểm so với Công Quá Cách như ta thấy: Công Quá Cách quá chú trọng vào sự tính toán chi li điểm số (công coi như điểm dương, quá coi như điểm âm), cuối cùng sự tổng kết điểm số sẽ đưa đến một phần thưởng hay hình phạt vô hình nào đó.

Người tuân thủ Công Quá Cách (kể cả Kinh Cảm Ứng) dễ có xu hướng làm điều thiện để hưởng phúc lộc, trông chờ «bách phúc biên trăm, thiên tường vân tập» (trăm phúc cùng đến, ngàn may mắn tụ về).

Trái lại, Vô Ngã Kiểm chú trọng đến sự triệt tiêu bản ngã đầy dục vọng thấp hèn nơi cá nhân nhằm tự nâng cao nhân cách và hoàn thiện lấy bản thân, hướng tới cảnh giới thuần chân vô ngã. Mà đó mới là cứu cánh đích thực của người tu tập.

Tuy nhiên đôi khi cái ranh giới thiện ác khó mà phân định rõ ràng. Một hành vi, một lời nói, hay một ý nghĩ không phải luôn được đánh giá (thiện/ác) giống nhau trong sự nhận thức của từng người. Ở khía cạnh này, Công Quá Cách đã giải quyết được bằng cách nêu ra từng trường hợp cụ thể (thế này là thiện, thế kia là ác, thậm chí được tính điểm là bao nhiêu nữa) nhưng những trường hợp ấy vẫn chưa được kể ra đầy đủ so với cuộc đời đa đoan phiền toái thiên hình vạn trạng.

Vô Ngã Kiểm chỉ thích hợp cho những ai đã biết rõ ranh giới thiện ác trên một hệ giá trị mà thế tục và tôn giáo cùng chấp nhận. Thí dụ, lời nói thô tục chắc chắn là sai quấy, là ác, trong quan điểm thế tục lẫn tôn giáo. Nhưng đôi khi vì không kiềm chế được, ta lại buông lời thô tục. Trong trường hợp này, ghi dấu vào cột ác khẩu trong vô ngã kiểm, thì chính xác rồi. Ở một trường hợp khác, ta thốt lời vô tình (thí dụ, nói: «Nếu gặp phải tình cảnh đó thì chết còn sướng hơn»), và nói xong thì quên đi, nhưng không ngờ gần đấy có người tình cờ nghe được. Giả sử người này vốn có

hiều mặc cảm tự ti và tinh thần đang suy sụp. Lời nói vô tình của ta tuy không nhắm vào người đó nhưng lại là giọt nước làm tràn ly sầu não của anh ta. Nếu nó không làm tâm hồn anh ta quặn quại đau đớn thì cũng dẫn đến một hành vi nông nổi rò dại nào đó của chính anh ta (thí dụ anh ta đi tự tử). Tuy vậy, lời nói ác (một cách gián tiếp) của ta đã không được ghi vào vô ngã kiểm.

So sánh Công Quá Cách của Đạo giáo và Vô Ngã Kiểm của Đạo Cao Đài chúng ta thấy rằng: ((1) Phương pháp tu dưỡng đạo đức từ xưa đến nay về cơ bản không khác nhau; (2) tinh thần chung của các phương pháp chính là sự tự kiểm điểm của từng cá nhân về ba phương diện thân, khẩu, ý; và (3) quả thực có sự tương quan về giáo lý giữa Đạo giáo Trung Quốc với Cao Đài giáo Việt Nam.

LÊ ANH MINH

CHÚ THÍCH

[1] Phần này chủ yếu dựa vào Khanh Hy Thái chủ biên, Trung Quốc Đạo Giáo, Thượng Hải, 1996, quyển 2, trang 356-358, và Lý Cương Đạo Giáo Sinh Mệnh Luân Lý, Tứ Xuyên Nhân Dân xxb, 1994, tr. 158-164.

[2] Thuộc Đạo Tạng, bộ Động Chân, loại Giới Luật.

[3] Tử phủ: cung trời (heaven), cung tiên (the palace of the genii). Xem: Mathews' Chinese-English Dictionary, Harvard University Press, 1971, mục từ 6954.

[4] Chung Lữ Truyền Đạo Tập do Lữ Động Tân ghi chép lời của Chung Ly Quyền truyền đạo cho mình dưới hình thức vấn đáp. Sách xuất hiện cuối đời Đường, gồm 18 luận đề, là một cổ thư về luyện đan hết sức quan trọng.

[5] Tam đảo (hoặc Tam Tiên Đảo hay Tam Hò) là ba đảo tiên ở Bột Hải (theo truyền thuyết), gồm Bồng Lai, Phương Trượng và

Dinh Châu. Xưa kia Tần Thủy Hoàng nghe lời mê hoặc của các phương sĩ như Tử Phất (hay Tử Phúc), Lô Sinh, Hàn Chung, và Hầu Công, v.v....., đã hoài công sai họ và biết bao đồng nam đồng nữ cùng hàng nghìn người trai giới đem lễ vật vượt trùng dương tìm Bồng Lai Phương Trượng mà xin thần tiên thuốc trường sinh bất tử.

[6] Ngô Phong chủ biên, Trung Hoa Đạo Học Thông Điển, Nam Hải Xuất Bản Công Ty, 1994, tr. 515 (Chú giải Thái Bình Kinh).

[7] Quan: kẻ góa vợ hoặc không vợ; quả: kẻ góa chồng; cô: trẻ mồ côi; độc: người không con.

[8] Léon Wieger S.J., Histoire des Croyances religieuses et des Opinions philosophiques en Chine, Hien-hien (Hiền Huyền), 1927, tr. 579 (L'index des mérites et des démérites).

[9] Lão Tử nói: «Tín ngôn bất mỹ, mỹ ngôn bất tín» (Lời đáng tin thì không hoa mỹ, lời hoa mỹ thì không đáng tin), Đạo Đức Kinh chương 81. Khổng Tử nói: «Xảo ngôn lệnh sắc tiền hỹ nhân» (Kẻ nào lời nói hoa mỹ và bề ngoài kiêu cách ắt kém lòng nhân), Luận Ngữ, Học Nhi

[10] Thánh giáo do Đức Quan Âm Bồ Tát giảng bút tại Minh Lý Thánh Hội, ngày 16/ 6 Canh Tuất (18/7/1970). Trích dẫn từ quyển Cẩm Nang Yếu Lý của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, xb 1974, lưu hành nội bộ, tr. 108-113.

HÒI HƯỚNG

Nguyện đem công đức này
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu khổ ba đường
Nếu có ai thấy nghe
Cùng phát tâm Bồ Đề
Hết một báo thân này
Đồng sanh về Cực Lạc quốc.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT!



(Tải file mềm tại www.nentangtuhanh.com)

ÁN TỔNG KINH ĐƯỢC MUỖI CÔNG ĐỨC

1. Đã lỡ phạm tội, nếu tội nhẹ thì liền được tiêu tan, nếu tội nặng thì được chuyển thành nhẹ.
2. Thường được thiện thần ủng hộ, tránh khỏi tất cả ôn dịch, đao binh, giặc cướp, tù tội, lửa cháy, nước trôi v.v...
3. Nhờ chánh pháp mà những kẻ oán thù với mình trong kiếp trước được giải thoát nên tránh được sự khổ sở về tội báo thù.
4. Ác Quỷ Dạ xoa không thể xâm phạm, cướp đoạt, răn độc không hại được.
5. Tâm được yên ổn, ngày không có sự nguy hiểm, đêm không có ác mộng, nhan sắc sáng sủa tươi tắn, khí lực dồi dào, việc làm tốt, lợi.
6. Hết lòng phụng sự chánh pháp, tuy không mong cầu nhưng cơm ăn áo mặc tự nhiên đầy đủ, gia đình hòa thuận phước thọ miên trường.
7. Lời nói và việc làm, trời, người đều hoan hỷ; đến nơi nào cũng được nhiều người kính mến.
8. Nếu ngu si thì chuyển thành trí huệ, bệnh tật chuyển thành lành mạnh, nguy hiểm chuyển thành yên ổn, nếu là đàn bà sau khi chết sẽ chuyển thành đàn ông.
9. Xa lìa các đường dữ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), được sanh vào các cõi thiện (người, trời) tướng mạo đoan chánh, thông minh, xuất chúng phước lộc hơn người.
10. Đủ năng lực để gây căn lành cho chúng sanh, lấy tâm chúng sanh làm ruộng phước và sẽ thu hoạch được nhiều quả tốt. Sanh vào chỗ nào cũng được thấy Phật, nghe pháp; ba thứ trí huệ (Văn, Tư, Tu) mở rộng, chúng được sáu thần thông (thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, thần túc và lậu tận thông).

Hòa Thượng Thích Trí Thủ